

TỦ SÁCH VĂN HỌC
★ TRUNG
★ QUỐC
★ ĐƯƠNG ĐẠI

LỤC TIỂU LINH ĐỒNG

六小龄童品西游

Lục Tiểu Linh Đồng bình TÂY DU

tập 1

CHIBOOKS



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Table of Contents

Lời nói đầu

Chương 1: THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT HẦU VƯƠNG – TÔN NGỘ
KHÔNG

Chương 2: THIÊN CUNG CHẤN ĐỘNG – ĐẠI THÁNH ĐẠI NÁO
THIÊN CUNG

Chương 3: HUYỀN TRANG TRONG LỊCH SỬ VÀ ĐƯỜNG TĂNG
TRONG TIỂU THUYẾT

Chương 4: LẬP ĐOÀN THỈNH KINH

Chương 5: GIA NHẬP PHẬT MÔN – TRƯ BÁT GIỚI

Chương 6: HÒA THƯỢNG SA TĂNG VÀ BẠCH LONG MÃ

Chương 7: BÀN VỀ TÁM MƯƠI MỐT NẠN TRÊN ĐƯỜNG
THỈNH KINH

Chương 8: NGẪM NGHĨ LẠI CON ĐƯỜNG THỈNH KINH

Phụ lục

Lời nói đầu

Một học giả phương Tây khi bình luận sự phát triển của văn học thế giới đã nói: Vào thế kỷ 16, ánh sáng trí tuệ của nhân loại cùng lúc chiếu rọi cả phương Đông lẫn phương Tây.

Ông chỉ ra rằng khi phương Tây xuất hiện nhà viết kịch vĩ đại W. William Shakespeare và nhà tiểu thuyết vĩ đại Premio Cervantes; thì phương Đông lúc đó cũng xuất hiện nhà viết kịch vĩ đại Thang Hiên Tổ và tiểu thuyết gia vĩ đại Ngô Thừa Ân.

Tác phẩm của Shakespeare và Cervantes đã sớm nổi danh thế giới, trở thành biểu tượng của văn học phương Tây. Đồng thời tác phẩm của Thang Hiên Tổ và Ngô Thừa Ân cũng nổi tiếng khắp phương Đông, trở thành niềm tự hào của văn học phương Đông.

Theo tiêu chuẩn bình luận của lý luận văn nghệ hiện đại, “Tây Du Ký” là kiệt tác của chủ nghĩa lãng mạn. Theo cách phân loại tiểu thuyết Trung Quốc, “Tây Du Ký” được liệt vào hàng đầu của thể loại “Tiểu thuyết thần thoại”. Ở trong nước, “Tây Du Ký” là một trong “Tứ đại kỳ thư” của thời nhà Minh. Ở nước ngoài, “Tây Du Ký” đã được dịch sang mười mấy thứ tiếng. Hiện nay, các ngôn ngữ chính trên thế giới và ngôn ngữ của các nước Đông Nam Á đều đã có bản dịch hoàn chỉnh. Theo thống kê, độc giả của “Tây Du Ký” đông nhất nhì thế giới. Phần lớn người Trung Quốc đều là độc giả trực tiếp hoặc gián tiếp của bộ kiệt tác này, hầu như không ai không biết đến Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới. Thành ngữ, tục ngữ có liên quan đến “Tây Du Ký” càng đếm không xuể.

Nếu đánh giá sự ảnh hưởng của tiểu thuyết cổ điển đối với người Trung Quốc, “Tây Du Ký” phải xếp bậc nhất. Tác phẩm cổ

diễn người Trung Quốc được biết đến sớm nhất chính là bộ kiệt tác này. “Tây Du Ký” cũng đứng đầu Trung Quốc về phạm vi và số lần được cải biên thành các loại hình nghệ thuật khác. Nó có mặt trong hầu hết các loại hình nghệ thuật như hí kịch (kịch kịch và kịch của các địa phương), ca khúc, điện ảnh (phim truyện, kịch nói, phim hoạt hình), phim truyền hình, truyện tranh, tranh vẽ v.v... Trong đó, loại hình nghệ thuật cải biên nhiều nhất là Kinh kịch. Hiện nay, danh mục các tiết mục trong Kinh kịch vẫn còn hơn mười loại, tương đương với số lượng tiết mục kịch về Tam Quốc, Bao Công.

Tác phẩm truyền đời tất nhiên có sức hấp dẫn vô cùng mạnh mẽ. Quyển tiểu thuyết một trăm hồi “Tây Du Ký” ra đời từ thời nhà Minh, được lưu truyền đến tận bây giờ đã hơn 400 năm, nhưng vẫn có một sức sống mãnh liệt và lan tỏa khắp thế giới. Một bộ tiểu thuyết thần thoại mang màu sắc diệu kỳ, miêu tả đệ tử nhà Phật không quản ngại đường xa xôi trở về, gian nan đi thỉnh kinh Phật. Chỉ một câu chuyện thôi nhưng sao lại có sức cuốn hút mạnh mẽ đến mức độc giả xem mãi không chán? Đó chính là, ngoài những tình tiết hấp dẫn của “Tây Du Ký”, còn chứa đựng rất nhiều triết lý cuộc sống và trí tuệ nhân sinh khiến cho người đọc phải nghiền ngẫm. Tôi tin rằng đó là một trong những nguyên nhân khiến cho các tầng lớp khác nhau trong xã hội đều yêu thích “Tây Du Ký”. Trẻ con mê các tình tiết ly kỳ hấp dẫn. Người lớn thì thích sự chính nghĩa, lương thiện, thành thật, lạc quan dũng cảm, tự tin và say mê. Ở một góc nhìn khác, nó mang đến lòng say mê nghệ thuật và niềm vui bất tận cho những người yêu nghệ thuật. Nó cũng thể hiện triết lý cuộc sống, trí tuệ nhân sinh, và một cách nhìn ở góc độ học thuật cho những học giả, những nhà nghiên cứu.

Tôi dành 17 năm cho vai diễn Tôn Ngộ Không trong bộ phim truyền hình “Tây Du Ký”. Tôi có tình cảm và sự cảm nhận sâu sắc

vai diễn này. Cuốn “Lục Tiểu Linh Động bình Tây Du” được thể hiện dựa vào nội dung và phong cách của lối tiểu thuyết chương hồi. Nó là một cái nhìn xuyên suốt, là sự kết hợp của tính biện hóa của Tôn Ngộ Không – tính động của Khi, tính thần kỳ của Thần, tính xã hội của Người, tính thần thánh của Phật. Ngoài việc bình phẩm nguyên tác và các nhân vật, tôi còn lồng vào đó những mẩu chuyện thực khi tôi đóng bộ phim truyền hình dài tập “Tây Du Ký” này. “Lục Tiểu Linh Động bình Tây Du” thông qua phân tích, mở rộng các tình tiết và hình tượng nghệ thuật được xây dựng trong “Tây Du Ký”, nêu bật lên triết lý sống, nhân sinh quan, trí tuệ ẩn chứa trong bộ trước tác này trước hiện thực cuộc sống của lớp người đương đại chúng ta.

Chân thành cảm ơn ông Quý Ngưỡng Lâm đã đặt tên cho tựa sách, cảm ơn các ông Phùng Kỳ Dung, Vương Thạch, Trịnh Ưông Hạo viết bài giới thiệu và lời tựa.

Tôi cũng gửi lời cảm ơn đến các ông Vương Khải Huy và Vương Thiệu Hâm, Vương Trạch Ninh, Trần Hy Hoa Bí thư diễn đàn Quốc Tế sinh viên Trung Quốc. Họ đã đóng góp rất nhiều ý kiến quý báu cho quyển sách này.

Một lần nữa cảm ơn sự giúp đỡ và khích lệ của tất cả bạn bè dành cho “Lục Tiểu Linh Động bình Tây Du”. Hy vọng quyển sách này cũng giống như hình tượng nghệ thuật của nhân vật Tôn Ngộ Không luôn mãi tồn tại trong ký ức các bạn.

Tác giả

Chương 1: THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT HẦU VƯƠNG – TÔN NGỘ KHÔNG

Tôn Ngộ Không, Tây Du Ký, Ngộ Thừa Ân là ba cái tên vô ấ n rấ t quen thuộc với mọi người, nhưng ai có thể nói rằ ng giữa ba thành tồ ấ này, thành tồ ấ nào giúp thành tồ ấ nào phát triển? Điề u này cũng giồ ấ ng như chúng ta đang tranh luận việc gà có trước hay trứng có trước vậy. Khó lòng nói cho rạch ròi. Nhưng hình tượng nhân vật thầ n thoại Tôn Ngộ Không là sự kế ấ t hợp giữa Khi, Người và Thầ n, đã để lại cho chúng ta ấ n tượng khó phai. Dối theo suồ ấ t cuộc đời của Tôn Ngộ Không, chúng ta có thể cảm nhận được tính động của Khi, tính thầ n bí của Thầ n, tính xã hội của Người và tính thầ n thánh của Phật. Chúng ta có thể chia nó làm bồ ấ n giai đoạn. Giai đoạn thứ nhấ t là giai đoạn động vật, tức là giai đoạn làm con Khi trước khi đi đại náo Thiên Cung. Trên con đường tâ m sư học đạo, Ngộ Không đã khoác lên mình chiế c áo của loài người, “Trong lô ấ ng chợ, học lễ nghĩa, học tiế ấ ng người”, đó là thời kỳ quá độ từ động vật trở thành người của Tôn Ngộ Không.

1. Tinh thầ n đá tích tụ trong sâu thẳ m văn hóa Trung Quố c

Trong hồ ấ i thứ nhấ t, chương một “Thạch Hầ u xuấ t thế ấ”, tác giả bày tỏ niề m sung sướng tồ t cùng với những cung bậc ngôn ngữ hân hoan, sôi nổi ngợi ca đón chào một sinh mạng mới ra đời. Trước tiên, ông miêu tả một cách tinh tế ấ không gian và thời gian Thạch Hầ u được sinh ra. Đó là ngọn núi danh tiế ấ ng ở Đông Thắ ấ ng Thầ n Châu Ngạo Lai Quố c vô ấ n được mệnh danh là “Huyế t mạch của muời châu, hợp long của tam đảo” – Hoa Quả Sơn. Tác giả cảm thán mà rằ ng “Thật là một ngọn núi tuyệt vời!” Đồ ấ ng thời còn đắ c ý ngâm nga, tâm hồ ấ n say sưa cao hứng miêu tả thêm: “Thề ấ núi trắ ấ n

hải dương đầy sóng, uy nghi đẹp yên cõi biển xa... Trên ngọn đàn nhai, hai con phượng hoàng cùng cất tiếng; trước Tiêu bích, Kỳ Lân độc ngoạn. Trên đỉnh núi nghe cầm kê gáy; trong động sâu rồng bay phượng múa; trong rừng có thỏ lộc tiên hô; trên cây có linh câ m huyệt n hạc, kỳ hoa dị thảo không bao giờ tàn, cây tùng cây bách mãi mãi xanh tươi.” Vậy tiên thạch có hình dáng như thế nào? Vị trí của tiên thạch ở ngay đỉnh, “cao ba trượng sáu thước năm thốn, chu vi hai trượng bốn thước”, “phía trên có chín huyết tám lỗ”, “xung quanh tuy không có cây cối chở che, nhưng hai bên được tô điểm thêm bởi cỏ lan chi”. Dưới ngòi bút sinh động của tác giả, sinh mệnh sắp ra đời ấy thật vĩ đại và thiêng liêng. Sự ra đời của nhân vật này không giống bất kỳ ai: Đó là “Tinh tú của trời đất”, “Tinh hoa của nhật nguyệt”, “tiên bào mang thai, một ngày nứt ra, sinh ra một hòn đá, gặp gió hóa thành một con Khi đá, có đầy đủ năm giác quan và tứ chi, vừa ra đời đã học bò học chạy, bái lạy bốn phương, mắt sáng lấp lánh tinh anh, quan sát mọi nơi”. Việc miêu tả sự ra đời của Tôn Ngộ Không, thể hiện tư tưởng triết học của người Trung Quốc cổ đại về nguồn gốc của sự sống và loài người. Hơn nữa, trong chuỗi tình tiết “Đại náo thiên cung” sau này, tác giả còn cho thấy trời đất ngoài việc sáng tạo vạn vật và nuôi dưỡng con người, còn ban cho con người bản tính yêu thích tự do.

Nhân vật chính của “Tây Du Ký” – Tôn Ngộ Không được sinh ra từ một tảng đá tiên trên Hoa Quả Sơn, độc nhất vô nhị. Còn nhân vật nam chính Giả Bảo Ngọc trong “Hồng Lâu Mộng” có tên là Thạch Đầu ký, cũng hóa thân từ đá. Từ thuở khai thiên lập địa, những câu chuyện thần thoại vào thời thượng cổ đã có các yếu tố văn hóa liên quan đến việc sùng bái linh thạch, chẳng hạn thời hồng hoang có Nữ Oa lấy đá vá trời. Đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hay chứa đựng một sự kiện giải độc đáu của dân tộc Trung Hoa về đá? Về chấ c chấ n, nặng nề của đá đã dần dần được nhân cách hóa, trở thành sức mạnh, trách nhiệm và là biểu tượng chứa đựng một nội

hàm văn hóa phong phú. Chúng ta có thể dùng hình tượng đá để làm biểu tượng tượng trưng cho phẩm chất bên trong của con người gọi là “Tinh thần đá”. Hình tượng Tôn Ngộ Không là bằng chứng sinh động nhất chứng minh cho tinh thần ấy, việc tự xưng “Tề Thiên Đại Thánh”, hết lòng bảo vệ “hầu tử hầu tôn”, đồng thời cũng bộc lộ ra khí phách anh hùng “đánh tan mọi sự bất công trong thiên hạ”. Khi Hoa Quả Sơn bị các thế lực cường đạo gây chiến, ngọn cờ “Tề Thiên Đại Thánh” được giương lên làm cờ hiệu cho Hoa Quả Sơn. Giữ gìn sự thiêng liêng vốn là một hành vi bản năng, cũng giống như chiếc lò xo khi đè nén thì sẽ bật lên vậy.

Mặt khác, sức mạnh và trách nhiệm của tinh thần đá còn thể hiện ở tính sáng tạo không gì sánh được. Giống như hình ảnh Nữ Oa thời khai thiên lập địa đội đá để vá trời, tạo ra không gian sinh tồn của con người, ngọn núi sừng sững, uy nghi từ xưa đã là nơi chõ che cho con người. Câu “Gần núi nhờ núi” chính là bằng chứng sinh động nhất. Trong tác phẩm “Tây Du Ký” động cơ Tôn Ngộ Không cải tạo thế giới vào thời kỳ ban sơ rất rõ ràng, thậm chí có tính phá hoại. Việc này bao hàm sự lật đổ và khiêu chiến của nhân vật này với xã hội lúc bấy giờ. Tạm thời tôi nói đến đây, thực ra động cơ mãnh liệt của Tôn Ngộ Không muốn cải tạo thế giới cũng là nét bút khởi đầu cho việc Ngộ Không không thể hòa mình vào thế giới sau này.

2. Không cam chịu làm con Khi bình thường, mới có được thành công vượt trội như vậy

Khi mới ra đời, Tôn Ngộ Không thực ra cũng chỉ là một con Khi con thích đùa giỡn với sông núi. Tôi còn nhớ rất rõ tập đó được quay trước con thác lớn ở thác Hoàng Quả Thụ tại Quý Châu. Vách núi dựng đứng, vách đá cheo leo treo lơ lửng giữa trời, khí thế hùng vĩ, hào hùng. Cảnh sắc vô cùng thanh tú, một cảnh giới thần tiên lý tưởng. Khi đó tôi mặc một bộ quần áo bằng lông ny lông do các nhà thiết kế thuộc công ty điện ảnh Bắc Kinh thiết kế đặc biệt riêng

cho tôi, đã `ng sau gắ `n một cái đuôi Khi, đó chính là bộ “áo Khi”. Để cái đuôi này trông tự nhiên hơn, nhà thiế `t kế ` đã tồ `n rấ `t nhiề `u công sức: ban đầ `u, đuôi được làm bằ `ng vải và giấ `y nhưng đuôi trông cứng và không tự nhiên. Sau này, họ lắ `y dây thép mỏng và keo cuộn một miế `ng bọt biển dài hơn một thước ta, rộng gầ `n ba tấ `c thành cái đuôi thô và dán cô ` định, bên ngoài phế `t lên một lớp thuố `c màu gầ `n giồ `ng như màu lông khi, rô `i may dính vào chiế `c quầ `n lông, the ` là có ngay một cái đuôi “thật”.

Không biế `t mọi người có phát hiện ra hay không, chiế `c “đuôi” này về ` sau biế `n mấ `t. Nó biế `n mấ `t lúc nào vậy? Khi Tôn Ngộ Không vừa sinh ra đời còn vẫ `n đuôi nhảy tới nhảy lui, sau này khi đại náo Thiên Cung, Ngộ Không đố `i đầ `u với Nhị Lang Thầ `n. Khi Ngộ Không biế `n thành ngôi miế `u nhỏ, không biế `t để cái đuôi vào đâu, không còn cách nào khác, đành biế `n cái đuôi thành cột cờ để thoát. Nào ngờ bị Nhị Lang Thầ `n phát hiện, lao tới, Ngộ Không đành cắ `p đuôi bỏ chạy. Đây là lầ `n xuấ `t hiện cuố `i cùng của chiế `c đuôi “tai họa” này, từ đó Tôn Ngộ Không đã “tiế `n hóa” rô `i.

Ngộ Không sau khi ra đời, vẫ `n đuôi tung tăng chạy nhảy khắ `p nơi. Lúc ấy, Ngộ Không còn mang bản tính của Khi, hoàn toàn hòa nhập với the ` giới tự nhiên. Theo cách viế `t của Ngộ Thừa Ân, Tôn Ngộ Không hái hoa trên núi, ăn quả rừ `ng; làm bạn với bầ `y sói, lập đàn với hồ báo, kế `t tình huynh đệ với Khi, thậm chí còn gồ `i đầ `u lên cộ `p để ngủ. Rấ `t tiế `c điề `u kiện quay phim lúc đó không cho phép, nế `u không chắ `c sẽ rấ `t hay. Một con Khi con bình thường không hơn không kém như the ` làm cách nào lại trở thành Mỹ Hầ `u Vương của Hoa Quả Sơn?

Lũ Khi nhìn thấ `y một con thác cuồ `n cuộn, như từ trên trời đổ xuố `ng thì hế `t sức kinh ngạc, bèn thương lượng rằ `ng: “Ai dám xông vào thác, tìm ra ngọn nguồ `n của con suồ `i, mà không bị thương, thì sẽ phong làm vương”. Thạch Hầ `u hú một tiế `ng nhảy căng lên, hỏ `n

hở bảo: “Đề ta! Đề ta!”, Thạch Hầ`u nhắ`m mắ`t nhún mình nhảy vào thác nước, cảm thấ`y hình như không phải đang ở trong nước, mở mắ`t ra nhìn quanh, thì thấ`y mình đang đứng trên một cây câ`u sắ`t, nước từ dưới câ`u bắ`n vào trong động đá, đổ ngược xuố`ng dưới, che mắ`t cây câ`u, khiế`n cho người bên ngoài không nhìn thấ`y bên trong. Thạch Hầ`u đi qua cây câ`u, phát hiện đây quả là một nơi tô`t. Ghề` đá, giường đá, chậu đá, chén đá, mọi thứ đề`u có. Nơi đây dường như trước đó đã có người ở, căn nhà của thiên nhiên, yên tĩnh gọn gàng, nô`i, chén, muôi, chậu, tá`t cả đề`u sắ`p xế`p gọn gàng trên bệ`p. Ngay chính giữa có một tá`m bia đá, phía trên có khắ`c: Hoa Quả Sơn phúc địa, Thủy Liên Động động thiên. Thạch Hầ`u vui không kể xiế`t, liề`n xoay người đi ra ngoài, vù một cái nhảy ra khỏi động. Lữ Khi nhìn thấ`y Thạch Hầ`u bước ra, trên người chẳng hê` có một vế`t xước nhỏ, vừa mừng vừa sợ, xúm lại hỏi tình hình trong suố`i. Thạch Hầ`u bứt tai, gãi gãi đầ`u, cười hì hì nói: “Bên trong không có nước, trú thân rấ`t tô`t, khi trời nổi gió to chúng ta có nơi trú ngụ, trời mưa chúng ta cũng không sợ ướt”. Lữ Khi vừa nghe xong con nào con nấ`y vui mừng nhảy cẫng lên. Lữ Khi theo chân Thạch Hầ`u nhảy qua màn thác, tiế`n vào Thủy Liên Động và thấ`y bao nhiêu vật dụng tô`t. Giữ đúng lời hứa, tôn Thạch Hầ`u làm vương, từ đây Thạch Hầ`u đăng ngôi vương, bỏ chữ Thạch đi, tự xưng là “Mỹ Hầ`u Vương”.

Vì Ngô Không không cam lòng làm một con Khi bình thường, nên mới có được thành công vượt trội như vậy. Bước nhảy này của Tôn Ngô Không xem ra bình thường đơn giản, nhưng câ`n có dũng khí. Nê`u không có dũng khí, cơ hội sẽ không thể đế`n với Tôn Ngô Không. Nê`u không có bước nhảy dũng cảm này, thì chỉ có thể cam tâm số`ng cuộc số`ng bình dị. Vào thời khắ`c nhảy qua Thủy Liên Động, Tôn Ngô Không đã hoàn toàn khác với những con Khi khác. Nó dũng cảm thử sức, vượt qua chính nó nên nó chính là con Khi xuấ`t sắ`c nhấ`t trong bầ`y.

Những người biê't nắ'm bắ't cơ hội mới là người dững cảm. Khi cơ hội đế'n gầ'n, bạn có dám thử thách để tiế'n đế'n thành công hay không?

3. Quan tâm tới cái mình muố'n hay quan tâm tới cái mình sợ?

Tôi nghĩ tôi và Tôn Ngộ Không thật sự có duyên. Bước nhảy của Ngộ Không tại Hoa Quả Sơn có thể nói là lần đầu tiên nó mạo hiểm tính mạng. Năm đó, khi quay cảnh này cũng là cảnh nguy hiểm đầu tiên của tôi trong quá trình đóng Tây Du Ký.

Trong lúc quay, đạo diễn Dương Khiế't đã chọn một con thác dữ làm bối cảnh. Khi quay, để cảnh quay đạt hiệu quả như thật, đạo diễn yêu cầu tôi vừa bò vừa chạy, lại còn vui vẻ tung tăng nhảy nhót liên tục trên vách núi và mỏm núi đá cheo leo phủ đầy rêu xanh. Lúc sắp bấm máy, nhân viên đoàn phim luôn nhắc nhở tôi phải cẩn thận, cố gắng đi sát mép trong của vách núi. Máy quay được đặt cạnh tôi, ống kính chĩa thẳng vào tôi, một “con Khi” vừa từ đá nứt chui ra. Đạo diễn vừa nhìn vào máy quay vừa liên tục chỉ đạo. Nói ra cũng thật trùng hợp, hôm đó tôi mang một đôi giày cao su bằ'ng lốp xe, đi lên những tảng đá trơn trượt, chân tôi liên tục trượt lên trượt xuống. Mới đầu, tôi còn có chút lo âu, cẩn thận bước từng bước một. Sau đó tôi vươn người, duỗi chân, vươn vai cho dẫn gân dẫn cốt, dần dần hưng phấn hẳn lên, và tôi cũng bạo dạn hơn. Nào ngờ sợ một cái, trượt chân mất thăng bằ'ng té xuống. May thay tôi còn khá lanh trí, tuy chân tay lúng túng, thân trí vẫn chưa đế'n mức hoảng loạn. Tôi chụp vội lấy một túm cỏ tranh, có một cành cây mây quắ'n lấy chân phải của tôi. Nhờ vậy tôi mới không bị té xuống vách núi. Lúc đó, đầu tôi dốc ngược, thân người treo lơ lửng giữa không trung, đong qua đưa lại. Tất cả xảy ra quá đột ngột, lúc đó đạo diễn bỗng thấy tôi biế'n mất khỏi màn hình giám sát, cuối ngườ'ng kêu to lên: “Khi, Khi đâu rồi? Ngộ Không đâu mất rồi?” thế là mọi người đổ xô nhau đi tìm. Tôi liền kêu to: “O, tôi ở đây

này!” Mọi người nghe tiếng kêu liền đổ đên bên vách núi, trông thấy tôi bị treo lơ lửng như vậy, ai nấy đều thót tim, nhao nhao cả lên: “Trời ơi! Nhanh lên, nhanh lên, mau cứu Khi con...” thế là mọi người mỗi người một tay kéo tôi lên. Đầu tôi chỉ còn cách mặt đất hơn nửa thước! Dưới đất toàn là đá cuội, xem chút nữa là tôi vỡ đầu, vỡ óc ra mất. Hai nhân viên trường quay đỡ tôi xuống khỏi cây mây, đầu gối bên trái và lưng tôi bị xước chảy cả máu. Mọi người để tôi nghỉ ngơi một chút, tôi ngồi yên, thở dốc. Một hồi sau, tôi nói với đạo diễn: “Anh cho quay lại lần nữa ngay đi!” Nhân viên hóa trang đưa cho tôi một chiếc gương, nói: “Mau đi trang điểm lại! Xem anh kia, con Khi Đá sắp biến thành con Khi Đất rồi!” Buổi tối hôm đó, mọi người cùng nhau ngồi xem cảnh quay, lúc đó mới thấy rõ lúc ban ngày tôi đã diễn một đoạn “Phim ngoài phim” nguy hiểm tới mức nào.

Trong suốt quá trình quay Tây Du Ký, tôi phải trải qua rất nhiều cảnh nguy hiểm, mấy lần suýt chút mất mạng, nhưng tôi không hề sợ. Tôi biết năm xưa Pháp sư Huyền Trang đi Tây Thiên thỉnh kinh gặp phải ngày càng nhiều nguy hiểm nhưng lòng tin của ông cũng theo đó mà tăng lên. Có một câu chuyện ngụ ngôn như thế này: Ngày xưa trên cùng một ngọn núi, có hai tảng đá giống hệt nhau, nhưng ba năm sau thì chúng khác hẳn nhau, một tảng được mọi người kính ngưỡng và quỳ bái, còn một tảng lại chẳng được ai chú ý đến. Tảng đá ấy bất bình nói: “Anh à, ba năm trước chúng ta đều là đá trên cùng một ngọn núi, bây giờ sao lại khác nhau một trời một vực thế này. Tôi buồn lắm.” Tảng đá còn lại trả lời: “Anh à, anh vẫn còn nhớ chứ? Ba năm trước có một nhà điêu khắc đến đây, ông ta muốn tìm một tảng đá để khắc tượng Phật. Anh sợ từng mũi dao khắc lên thân anh gây đau đớn, anh bảo ông ấy chỉ cần khắc cho anh vài nhát đơn sơ thôi. Còn tôi lúc ấy tưởng tượng đến hình dạng của mình bây giờ, không ngần ngại chịu đau đớn để dao khắc lên thân mình, cho nên mới có sự khác biệt của ngày hôm nay.”

Sự khác nhau của hai tảng đá, một tảng chú ý đến cái mình muốn, một tảng chỉ lo nghĩ mình sợ cái gì. Mấy năm trước, có những người là bạn thân từ nhỏ, cùng học chung một trường, làm việc trong cùng một đội, công tác trong cùng một đơn vị. Vài năm sau, thấy người bạn thân, bạn học, chiến hữu, đồng nghiệp thuở xưa đã thay đổi, có người trở thành tảng đá dưới hình dạng “Tượng Phật”, có người lại trở thành tảng đá còn lại. Bạn muốn mình sống trên đời này thế nào, sau này trở thành người ra sao, cái bạn muốn đạt được là gì? Giả sử có một chiếc xe đua không tay lái, dù động cơ của nó mạnh đến đâu đi nữa, cũng sẽ không biết nên đi về đâu. Bất kể điều mà bạn muốn đạt được là tiền tài, sự nghiệp, niềm vui hay điều gì khác, cũng cần xác định phương hướng của nó, tại sao mình lại muốn đạt được nó? Tôi phải suy nghĩ và hành động thế nào để đạt được nó. Giả sử hôm nay cho bạn một cơ hội, để bạn lựa chọn năm việc bạn muốn đạt được nhất, đồng thời biết ước mơ của bạn thành sự thật, điều đầu tiên bạn muốn làm là gì? Giả sử chỉ cho bạn chọn một, bạn sẽ chọn cái gì? Giả sử bạn chỉ còn sống một ngày nữa, điều bạn hối tiếc nhất là gì? Mong ước nào của bạn còn dang dở? Giả sử cho bạn cơ hội được sinh ra lần nữa, điều bạn muốn làm nhất là cái gì? Nếu như bạn thấy được điều bạn muốn làm nhất, thì hãy xác định nó ngay. Hoạch định được điều đó sẽ giúp bạn có thêm sức mạnh, nó sẽ ăn sâu vào ý thức, tư tưởng của bạn, in sâu trong trí óc bạn, để tiềm thức giúp bạn đạt được tất cả những gì bạn muốn.

4. Nếu bạn thật sự là con Thiên Lý Mã, không nên thụ động đứng chờ đợi Bá Lạc đến ngắm nghĩa thần phục

Việc Tôn Ngộ Không xung phong thử nhảy vào Thủy Liên Động, cũng rất đáng cho chúng ta suy nghĩ. Rượu thơm sợ gì ở hẻm sâu, vàng mười sợ gì bị che khuất. Lửa thử vàng, gian nan thử sức. Có thật như vậy không? Tất nhiên rồi, một câu “Tục ngữ” lưu truyền đời

sau, có tác dụng cảnh tỉnh, cảm hóa con người như vậy chắc chắn sẽ đúng, sẽ mang lại sự tốt lành. Điều đó không hề gượng ép, mà thuận theo lẽ tự nhiên. Trước những khát khao vô hạn về tương lai tươi đẹp phía trước, chúng ta bắt đầu dễ dàng thỏa hiệp, bắt đầu tự buông lỏng mình, tự cho rằng mình là nhà thông thái hiểu hết mọi kiến thức trên thế gian. Thực ra có lúc, bạn phải đấu tranh suy nghĩ xem mình mạnh hay yếu, có nhạy bén, kiên cường hay không.

Trong xã hội hiện nay, nhân lực không phải là quá khan hiếm. Một người muốn hơn người, muốn tạo nên sự nghiệp, thì anh ta chỉ có cách không ngừng “tiếp thị” mình, tìm ra một chỗ đứng riêng mới có thể tồn tại đa hóa cái gọi là lợi ích bản thân. Cho nên, nếu bạn có rượu ngon lâu năm nhưng lại mở quán tại hẻm sâu, bạn không cần ngại cứ lên tiếng chào mời khách hàng. Nếu bạn thật sự là một miếng vàng nhưng tạm thời bị vật gì đó che mất ánh sáng, bạn nhất định phải nghĩ cách để tỏa sáng. Nếu bạn thật sự là một con Thiên Lý Mã, thì không nên thụ động đứng đó chờ đợi Bá Lạc đến ngấm ngấm, trầm trồ ngợi khen. Hãy nhớ: “Không nên chần chừ, uổng phí tuổi xuân, sâu u thương vô ích!” Cuộc đời con người thật ngắn ngủi, chúng ta đừng nên thụ động ngồi đó đợi chờ!

5. Vượt muôn trùng sóng gió khổ công học phép thần thông

Tôn Ngộ Không bản lĩnh cao cường, đó là điều để lại cho chúng ta ấn tượng sâu sắc nhất. Bảy mươi hai phép biến hóa, thoát cái vượt trùng mây mười vạn tám ngàn dặm khiên người người thán phục. Khi ca ngợi bản lĩnh cao cường của Tôn Ngộ Không, bạn có bao giờ tự hỏi bản lĩnh của Ngộ Không phải chẳng tự nhiên mà có, hay do quá trình mạo hiểm cả tính mạng vượt qua biển cả học hỏi từng chút một mà có không? Tôi xem đoạn đối thoại đầu tiên của Tôn Ngộ Không và Bồ Đề Đại Tổ Sư:

Mỹ Hầ u Vương vừa trông thấ y Bô ðà Tổ Sư, quỳ xuố ng, liên tục rập ðầ u cúi lạy, miệng nói “Sư phụ, sư phụ! Ðệ tử hế t lòng hướng đạo, hế t lòng hướng đạo!” Bô ðà Tổ Sư nói: “Ngươi là người từ phương nào đế n? Xưng rõ quê hương danh tánh, rồ i hãy bái”. Hầ u Vương trả lời: “Ðệ tử là người của Hoa Quả Sơn Thủy Liên Động từ Ðông Thắ ng Thầ n Châu Ngao Lai Quố c”. Tổ Sư ra lệnh: “Mau ðuổi ra! Ngươi vô n là một kẻ làm xấ ng làm bậy, tu đạo gì chứ!” Hầ u Vương vẫn liên tục rập ðầ u cúi lạy mà rắ ng: “Ðệ tử nói thật, không nói dồ i nửa lời.” Bô ðà Tổ Sư bảo: “Ngươi nói ngươi nói thật, sao lại nói Ðông Thắ ng Thầ n Châu? Từ nơi đó đế n chỗ của ta cách hai biển lớn, một tòa Nam Thiện Bộ Châu, làm sao đế n được nơi này?” Hầ u Vương khầ u ðầ u thưa: “Ðệ tử kắ t bè vượt biển, trèo ðèo vượt núi vân du khắ p nơi, rong ruổi mười năm trời, vừa đặt chân đế n nơi này.” Bô ðà Tổ Sư nói: “Cho là ngươi vừa đế n đây cũng được. Ngươi họ gì?” Hầ u Vương lại thưa: “Con không có họ. Ngươi ðòi mắ ng con, con cũng không nổi giận, nế u đánh con, con cũng không giận dữ, chỉ là cúi chào rồ i thôi, suố t đời không có họ”. Bô ðà Tổ Sư bảo: “Cha mẹ ngươi vô n dĩ mang họ gì?” Hầ u Vương thưa: “Con cũng không có cha mẹ”. Bô ðà Tổ Sư bảo: “Ðã không có cha mẹ, chẳng lẽ ngươi do cây sinh ra?” Hầ u Vương thưa: “Con đây không phải do cây sinh ra mà do tảng ðá sinh ra. Con còn nhớ ở Hoa Quả Sơn có một tảng ðá tiên. Đế n khi tảng ðá nứt ra, con được sinh ra ðời.” Bô ðà Tổ Sư nghe nói mừng thầ m, bảo: “Nói vậy, ngươi là do trời ðắ t sinh ra, ngươi ðứng lên ði qua ði lại cho ta xem nào.” Hầ u Vương nhún người ðứng dậy, tập tễnh ði tới ði lui hai vòng.

Trong quá trình Ngộ Không học phép thầ n thông, có rấ t nhiề u ðồ ng môn sư huynh ðệ. Thực ra Bô ðà Tổ Sư cũng có chút thiên vị cậu ðệ tử thông minh lanh lợi như Tôn Ngộ Không. Một hôm sau khi Ngộ Không học được bảy năm, Bô ðà Tổ Sư giảng đạo xong, hỏi Ngộ Không muố n học bản lãnh gì. Ngộ Không không ðể ý đế n Bô ðà Tổ Sư nói nào là câ u Thầ n bái Phật, ngồ i thiề n, cứ hể nghe thấ y

không thể trường sinh bất lão, là không chịu học, Bô Đà Tổ Sư rất tức giận. Ngài từ trên bực cao bước xuống, tay cầm phất trần chỉ vào Ngộ Không bảo: “Con Khi này, cái này không chịu học, cái kia cũng không chịu học, vậy ngươi muốn học cái gì?” Nói xong Ngài bước đến chỗ Ngộ Không quỳ, gõ vào đầu nó ba cái, vòng tay ra sau đi thẳng vào trong, đóng cửa lại. Các sư huynh thấy sư phụ tức giận bèn thay nhau trách cứ Ngộ Không. Ngộ Không không những không sợ, cũng không tức giận, ngược lại trong lòng còn hết sức vui mừng. Đêm hôm đó, Ngộ Không giả vờ ngủ say, nhưng đến nửa đêm âm thầm thức giấc, đi ra cửa trước, đợi đến canh ba thì vòng ra cửa sau, nhìn thấy cửa khép hờ, Ngộ Không hết sức vui mừng, thầm mừng mình đã không đoán sai ý sư phụ. Ngộ Không đi vào trong, nhìn thấy sư phụ đang xoay mặt vào trong ngủ, bèn quỳ xuống cạnh giường thưa: “Sư phụ, con quỳ ở đây chờ Người!” Tổ Sư nghe tiếng liền thức dậy, sau khi khoan chân gối ngay ngắn, nghiêm khắc hỏi Ngộ không đến làm gì. Ngộ Không đáp: “Ban ngày trước mặt mọi người sư phụ chẳng phải đã đồng ý với con, bảo con đêm nay canh ba vào từ cửa sau, dạy con phép thuật trường sinh bất lão hay sao?”

Bô Đà Tổ Sư nghe xong, trong lòng hết sức vui mừng, nghĩ thầm: “Con Khi này quả do trời đất sinh ra, bằng không làm sao đoán được ẩn ý của ta”. Thế là, cho Ngộ Không quỳ trước giường, dạy nó thuật trường sinh bất tử. Tôn Ngộ Không chăm chú lắng nghe như nuốt lấy lời Tổ Sư, hết lòng ghi nhớ khẩu quyết, đồng thời khâm u đầu lạy tạ ân tình của Bô Đà Tổ Sư. Chớp mắt ba năm đã trôi qua, Sư Tổ lại dạy Tôn Ngộ Không bảy mươi hai phép biến hóa và tài lướt mây. Học được bản lĩnh này, chỉ cần lộn mình một vòng có thể đi được mười vạn tám ngàn dặm. Tôn Ngộ Không là một con Khi, vốn hiếu động, tràn đầy sức sống, học phép lướt mây rất nhanh.

6. “Nhà tiên tri” khoa học văn minh hiện đại của nhân loại

Con người có thể giang cánh bay giữa không trung như chim Đại bàng. Đây là khát vọng từ ngàn đời của dân tộc chúng ta. Điều an ủi là: lúc 9 giờ ngày 15 tháng 10 năm 2003, theo chân phi hành gia 38 tuổi Dương Lợi Vỹ đáp tàu vũ trụ do Trung Quốc tự chế tạo bay vào không trung, mơ ước bay lên trời của dân tộc Trung Hoa từ mấy ngàn năm nay đã thành hiện thực, Trung Quốc trở thành nước thứ ba sau Nga và Mỹ đưa được phi hành gia lên vũ trụ. Tôi nghĩ, Tề Thiên Đại Thánh trong “Tây Du Ký” có sở trường “Lướt mây” nếu như còn sống chắc cũng sẽ cảm thấy mình không theo kịp thời đại, tự ngã mũ chào thua!

“Tây Du Ký” của Ngô Thừa Ân là tiểu thuyết kỳ lạ nhất, độc đáo nhất trong “Tứ đại kỳ thư” thời Minh Thanh, Trung Quốc. Đó là một bộ tiểu thuyết khoa học viễn tưởng tràn đầy sắc thái tưởng tượng lạ thường, văn chương bay bổng mà lại triết lý sâu xa, tràn đầy “kỳ ảo, thú vị, ma quái, huyền bí”. Nó không chỉ là báu vật trong lịch sử văn học Trung Quốc, mà còn của toàn thế giới. Nếu chúng ta phân tích những thành quả lớn nhất của khoa học văn minh hiện đại trong 400 năm gần đây, luôn thấy “vết tích” sâu đậm của nước Trung Hoa trong lịch sử nghiên cứu khoa học, có thể nhìn thấy “hình chiếu” to lớn của khoa học viễn tưởng trong bộ tiểu thuyết kỳ bí “Tây Du Ký”, ví dụ như: “Hô phong hoá vũ, đánh sấm gọi mây, đằng vân cười gió” tương ứng với vệ tinh khí tượng, vệ tinh thăm dò, cải tạo khí tượng nhân tạo; “Phép đằng vân” lộn một cái đi được mười vạn tám ngàn dặm cùng với máy bay tàng hình, tên lửa, phi thuyền; “Thiên lý nhãn”, “thuận phong nhĩ” cùng vệ tinh, ra-đa, máy dự báo, điện thoại; “Phép phân thân” biến hóa từ lông Khỉ cùng công trình ADN sinh vật, sinh sản vô tính; Thuật luyện đan cùng y học hiện đại; “Kim tinh hỏa nhãn” cùng ống nhòm phát sáng ban đêm, quang học viễn vọng và kỹ thuật hiển vi; “Phép ngăn nước” cùng áo chống nước, thuyền chống thấm nước; Mỹ Hào Vương “chặt không đứt, đốt không cháy” cùng người máy hiện đại; “Thiết Bàng

Như Ý” cùng với thiế t bị sát thương tâm xa hiện đại; “72 phép biế n hóa” vạn biế n cũng không rời gô c cùng với định luật vật chấ t không đổi của vật lý học thời cận đại v.v... không thể kể hế t được. Về tổng thể mà nói, so sánh tương quan, đương nhiên hình hài chẳng cái nào giồ ng cái nào. Nhưng nế u phân tích, liên hệ từ bên trong những cái giồ ng nhau của chúng, nế u đi sâu vào tìm hiểu nguyên lý, hoặc công dụng, hoặc kỹ thuật, hoặc quy luật, nghiên cứu ngọn nguồ n, luôn kiểm chứng được rằ ng những thành quả khoa học viễn tưởng trong bộ truyện “Tây Du Ký” và khoa học văn minh ngày nay có mạch phát triển tương đồ ng. Mộ i liên hệ bên trong của hai điề u này được nhà khoa học nổi tiế ng nước Mỹ George nhắ c đế n vào năm 1930 trong một lâ n ông diễn thuyế t tại một trường Đại học về đề tài “Lịch sử khoa học của Phương Đông và Phương Tây” và nhắ n mạnh rằ ng: “trên thực tể tấ t cả các hạt giồ ng khoa học đề u đế n từ Phương Đông... Đừng quên rằ ng linh cảm của nhà khoa học chúng ta đề u đế n từ Phương Đông”. Tôi nghĩ, cái gọi là “hạt giồ ng” và “linh cảm” được người Mỹ nhắ c đế n phải chẳng được khơi gợi từ hình tượng “con Khi” trong bộ truyện khoa học viễn tưởng phương Đông “Tây Du Ký”? Bộ tiểu thuyế t kỳ bí “Tây Du Ký” là một bộ tiểu thuyế t khoa học viễn tưởng rấ t thành công; “Văn hóa khoa học viễn tưởng Tây Du Ký” dẫn dắ t và đại diện cho hướng phát triển của văn hóa khoa học tiên tiế n của dân tộc Trung Hoa và một phầ n thế giới. Đây là sự thực đã được lịch sử phát triển khoa học chứng minh. Ban đầ u, khi triế t học thời nhà Minh thịnh hành, thời đại khoa học kỹ thuật vẫn chưa phát triển, Ngô Thừa Ân có thể sáng tác nên một truyện phá bỏ hế t những trói buộc của triế t học đương thời, dùng ngòi bút thầ n thoại khoa học viễn tưởng phản ánh yêu câ u phát triển khoa học kỹ thuật của thời đại, trình bày khái niệm tư tưởng “con người sẽ chiế n thắ ng được trời đấ t”, dù khó thực hiện nhưng cũng là điề u đáng quý. Ngô Thừa Ân là nhà Thầ n thoại và học giả tương lai kiệt xuấ t của thế kỷ 16, là nhà “tiên tri” cho nề n khoa học

văn minh hiện đại của nhân loại được gọi mở từ nên văn minh dân tộc Trung Hoa cổ đại.

7. Từ biệt ân sư đại náo trà n gian

Không ai hoàn hảo, ba người đồng hành tất có người có thể làm thầy mình. Mỗi người chúng ta đều có sở trường và ưu điểm, đồng thời cũng có khuyết điểm và điểm mình chưa biết. Điểm đặc biệt của bản thân đáng để cho người khác học hỏi và lấy làm gương, chính là vốn để chúng ta dựa vào đó mà đứng vững trong xã hội. Nhưng tuyệt đối không được khoe khoang trước mặt người khác, vì trên đời còn lòng tham và sự đố kỵ, cho nên quá phô trương bản thân sẽ rước họa vào thân. Việc Bồ Đề Tổ Sư đuổi Tôn Ngộ Không ra khỏi sư môn đã dạy cho chúng ta biết đạo lý này.

Một ngày nọ, đúng ngày hạ chí, mọi người cùng ngộ i trò chuyện dưới gốc cây tùng. Mọi người nói: “Ngộ Không, ngươi tu luyện từ kiếp nào? Hôm trước sư phụ kê tai nói nhỏ, truyền dạy cho ngươi phép biến hóa tránh được tai họa, ngươi đã học được chưa?” Ngộ Không cười bảo: “Không giấu các sư huynh, nhờ sư phụ truyền dạy, với lại nhờ đệ ngày đêm luyện tập, nên mấy cái phép đó đệ làm dễ ợt.” Mọi người nói: “Vậy bữa nay có dịp, ngươi biểu diễn xem, bọn ta chờ xem đây.” Ngộ Không nghe nói thế, tinh thần phấn chấn hẳn lên, khoe khoang tài nghệ nói: “Mời các vị sư huynh ra đề, muốn đệ biến thành cái gì?” Mọi người bảo: “Biến thành cây tùng xem nào”. Ngộ Không khoe tài, niệm thần chú, lặc người một cái biến thành cây tùng.

Mọi người nhìn thấy, vỗ tay cười tán thưởng: “Giỏi lắm, giỏi lắm!” Không ngờ, tiếng cười nói ồn ào kinh động đến Tổ Sư. Sư Tổ cầm phất trần bước ra hỏi: “Kẻ nào huyền náo ở đây?” Mọi người nghe tiếng liền vội vàng chỉnh sửa tư thế, chỉnh trang y phục, bước lên phía trước. Ngộ Không cũng hóa phép trở lại như cũ.

Tổ Sư nổi giận răn: “Các người kẻ một câu hai câu, ồn ào như thế, sao đáng làm một người tu hành. Người tu hành mở miệng thân khi toát ra, mở miệng không lời thừa, tại sao lại cười đùa nơi đây?” Mọi người đáp: “Không dám giả vờ sư phụ, ban này Tôn Ngô Không biểu diễn phép biến hóa. Bảo Ngô Không biến thành cây tùng, đệ ấy biến được ngay. Chúng đệ tử reo hò khen hay, quá phấn khích làm kinh động sư phụ, mong sư phụ thứ tội.” Tổ Sư bảo: “Các con đi ra đi.” Người gọi: “Ngô Không đến đây! Ta hỏi người đang làm trò gì thế, biến thành cây tùng gì chứ? Mới học được chút ít tài nghệ mà dám khoe khoang trước mặt người khác hay sao? Giả sử người thấy người khác có, không cần xin họ sao? Người khác thấy người có, tất nhiên cũng xin người. Người nếu sợ tai họa phiền phức thì tất phải truyền cho hăc. Mà nếu không truyền cho hăc, thì coi như người lại rước thêm họa vào thân.” Ngô Không khắu đầu thưa: “Chỉ mong sư phụ tha tội!” Tổ Sư nói: “Ta không trách người, nhưng người đi đi.” Từ đó, Ngô Không bị đuổi ra khỏi sư môn, về sau không được xưng thầy trò.

Những lời nói này tuy không mang sắc thái thân tiên, cũng không hẳn sắc thái nhà Phật. Nói thẳng ra, nó cho thấy quan hệ con người phức tạp trên đời và cách phòng thân. Nơi Ngô Không tu hành học đạo, trên thực tế là nơi lớp học trước khi xông pha giang hồ. Trước khi Tôn Ngô Không bước chân vào giang hồ, tại một nơi thế tục như vậy, học được những kinh nghiệm ban sơ của cuộc sống, học được thân thông xuất thân nhập hóa từ vị sư phụ không tiên không phật, đây là khởi điểm trong tính cách của Ngô Không, đồng thời cũng là cơ sở kinh nghiệm sống của Ngô Không sau này. Có thể nói, tác giả đã gửi gắm nội hàm văn hóa phong phú qua nhân vật Bồ Đề Tổ Sư.

Sau đó, Ngô Không lưu luyến chia tay sư phụ. Ngô Không có tất cả hai vị sư phụ: một là Đường Tăng – người sau này Ngô Không

nhieu năm theo hâu. Còn người thầy đầu tiên chính là Bồ Đề Tổ Sư. Bồ Đề Tổ Sư không những đặt tên cho Ngô Không, truyền dạy bản lĩnh mà còn dạy đạo lý cho Ngô Không.

Tôn Ngô Không cười mây đạp gió, bay lộn trên mây vài cái đã về đến Hoa Quả Sơn. Sau khi dẹp yên Hồn Thê Ma Vương, chăm lo đầu đó cho Hâu tử, Hâu tôn xong thì bắt đầu “đại náo Long cung”, “đại náo Địa phủ.” Đắc tội với Long Vương và Diêm Vương. Nhưng Ngô Không thu được rất nhiều, không chỉ có được binh khí vừa ý, còn gặt được tên mình trong “Sổ sinh tử”. Vật dụng có tính tượng trưng nhất trên người Tôn Ngô Không chính là cây gậy Như Ý.

Cây gậy Như Ý là một cây thiết trụ, to hơn cái đầu, dài hơn hai trượng. Ngô Không dùng hai tay hết sức nhỏ nó lên và bảo: “Hơi thô, hơi nặng, nếu ngắn và nhỏ lại sẽ tiện dùng hơn.” Nói xong, cây gậy Như Ý ngắn lại vài tấc, nhỏ lại một nắm. Ngô Không lại hớn hờ nói: “Nhỏ hơn nữa càng tốt.” Gậy lại nhỏ đi vài phân. Ngô Không mừng lắm, cầm lên ngắm nghía thì thấy hai đầu được bọc vàng, chính giữa là một thanh thép đen, trên có nạm một dòng chữ: “Thiết bảng Như Ý nặng một vạn ba ngàn năm trăm cân”. Thăm nghĩ: “Cây bảo bối này đúng như ý ta!” Vừa đi, Ngô Không vừa lầm bầm niệm chú, vừa miết miết cây thiết bảng: “Người ngắn hơn chút nữa, nhỏ hơn nữa càng tuyệt!” Cây gậy Như Ý chỉ còn nhỏ gọn như cây tăm.

“Muốn làm một việc cho tốt thì trước hết phải có vũ khí tốt”. Anh hùng thường luôn có binh khí ưng ý của mình. Binh khí được dùng cũng nổi tiếng theo chủ của nó, trở thành “biểu tượng” riêng của người anh hùng. Ví dụ: nhắc đến cây rìu, mọi người nghĩ ngay đến Lý Khuê; nhắc đến Thanh long minh nguyệt đao, mọi người liền nghĩ đến Quan Công. Còn có tên người và binh khí gọi chung một lượt “Tiểu Lý phi đao”. Anh hùng không thể không có binh khí. Anh hùng yêu binh khí như yêu chính bản thân mình. Hiểu được điều đó, chúng ta sẽ hiểu Ngô Không sau khi học xong phép biến

hóa trở về` buô`n bã như thế` nào khi không có binh khí ưng ý. Chúng ta cũng có thể hiểu được nỗi hờn hờ vui mừng của Ngô Không khi nhìn thấy cây gậy Như Ý. Điều thú vị là cây gậy nặng hơn một vạn ba ngàn năm trăm cân lại răm rắp tuân lệnh Ngô Không, có thể dài ngắn vô hạn. Khi “xung trận” rất hợp ý Ngô Không. Khi “xong trận” lại biến thành cây kim đặt sau tai Ngô Không, mà chẳng hề vướng víu, phiền toái. Sự biến hóa của gậy Như Ý hết sức phù hợp với đặc trưng biến hóa không ngừng của Ngô Không. Ngô Không thường xuyên biến thành con ruồi nhỏ bay đi dò thám tình hình kẻ địch, binh khí quá lớn sẽ phiền phức đủ đường. Ngựa hay phải có yên tốt, cây gậy Như Ý có thể biến to thu nhỏ rất hợp với cá tính và tay chân nhanh nhẹn của Ngô Không. Còn cây đinh ba của Trư Bát Giới vừa nhìn đã biết giành cho người cục mịch, nặng nề thô kệch.

Cây gậy Như Ý vốn là của Nguyên Thủy Thiên Tôn dùng để đo biển và trời, bị Tôn Ngô Không “cướp” được từ chỗ Đông Hải Long Vương. Ngô Không đại náo được Thiên Cung khiến cho trời long đất lở là nhờ có cây Thiệt Bàng, sau này hộ tống Đường Tăng đi thỉnh kinh cũng thế. Có thể nói, Tôn Ngô Không nhờ cây gậy Như Ý này mà tung hoành ngang dọc khắp mọi nơi.

Bạn thử hỏi chúng ta sống nhờ đâu? Mỗi người chúng ta ai cũng có “Vũ khí bí mật” để phát huy sở trường của mình. Vậy thực chất vũ khí của bạn là gì?

Vũ khí tốt nhất để bạn có thể tồn tại được trên đời này chính là sở trường của bạn. Những người thành đạt phải có tài cán hay sở trường gì thì mới nổi trội hơn người khác chứ? Khi bạn phân tích kỹ những “đặc tính” của họ, bạn sẽ phát hiện ra rằng, thì ra bản thân bạn cũng có rất nhiều tố chất của một người thành công. Chỉ có điều chúng còn tiềm ẩn, chưa được khai phá mà thôi. Những tinh hoa trong con người bạn giống như ngọc vùi trong đá vậy. Vậy hãy thử tìm xem sở trường của mình là gì? Phát hiện được sở trường của

mình rồi thì bạn phải phát huy nó để những tinh hoa của bạn có thể tỏa sáng, tạo dựng một mảnh trời riêng!

Chương 2: THIÊN CUNG CHẤN ĐỘNG – ĐẠI THÁNH ĐẠI NÁO THIÊN CUNG

Giai đoạn thứ hai trong cuộc đời Tôn Ngộ Không có thể tính từ khi Ngộ Không học đạo trở về Hoa Quả Sơn đến khi bị đày xuống Ngũ Hành Sơn. Lúc này, Ngộ Không chỉ có sức mạnh phi thường của loài người, nhưng vẫn còn giữ bản tính của loài Khi, chưa hẳn là người. Đại náo Long Cung và Đại náo Địa Phủ, là bước khởi đầu để hòa nhập vào thế giới loài người. Cho nên, tuy đã có mối liên hệ nhất định với xã hội loài người và mong muốn được xã hội thừa nhận, nhưng Ngộ Không lại không biết hành xử như thế nào cho phải phép. Tính tự do của Ngộ Không ắt sẽ mâu thuẫn với trật tự quy củ của xã hội loài người. Mâu thuẫn giữa Thần Phật và Tôn Ngộ Không, trên thực tế chính là mâu thuẫn giữa tự do và trật tự xã hội. Thời kỳ quá độ từ lúc Tôn Ngộ Không đại náo Thiên Cung đến khi lên đường sang Tây Thiên thỉnh kinh chính là quá trình chuyển biến từ tự do đến tuân thủ trật tự xã hội, đồng thời cũng là sự lột xác để hòa nhập vào xã hội loài người.

1. Tạc nên truyền kỳ anh hùng Tôn Ngộ Không

Trong bốn tác phẩm lớn của văn học Trung Quốc, hình tượng nhân vật trong “Tây Du Ký” hoàn toàn khác với hình tượng nhân vật trong “Tam Quốc diễn nghĩa” và “Thủy Hử”. “Tam Quốc diễn nghĩa” và “Thủy Hử” tập trung miêu tả tập thể anh hùng, còn “Tây Du Ký” tập trung miêu tả bốn thầy trò đi Tây Thiên thỉnh kinh. Mặc dù truyện có đề cập đến các nhân vật như Thần tiên, Đạo sĩ, Phật v.v... trên đường thỉnh kinh còn có rất nhiều yêu ma quỷ quái,

nhưng những nhân vật này chỉ làm nên cho bốn thầy trò, không đi sâu đặc tả. Bốn người trong đoàn thỉnh kinh, ai có việc nấy, vai trò và bốn phận khác nhau. Đường Tăng là lãnh tụ tinh thần, nhưng trên thực tế nhân vật chính lại là Tôn Ngộ Không. Trong bốn người chỉ có Tôn Ngộ Không là hình tượng anh hùng chân chính. Ba người còn lại cũng có điểm đáng ca ngợi, nhưng đều tồn tại không ít khuyết điểm, không thể xem họ là anh hùng. Sa Tăng lặng lẽ ít nói, hình tượng mờ nhạt, không có tính cách nổi trội. Đường Tăng được khắc họa rõ nét hơn với những đặc trưng rất riêng. Để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho độc giả chính là Tôn Ngộ Không và Trư Bát Giới, nhưng chỉ có Tôn Ngộ Không đáng mặt anh hùng. Cho nên, từ góc độ hay ý nghĩa nào đó có thể nói “Tây Du Ký” là một bộ truyện kỳ anh hùng miêu tả Tôn Ngộ Không.

Vì sao Tôn Ngộ Không trở thành nhân vật chính của câu chuyện thỉnh kinh? Chúng ta đều biết câu chuyện thỉnh kinh trong “Tây Du Ký” lấy chất liệu từ câu chuyện có thật của Pháp sư Huyền Trang trong lịch sử. Vào triều đại Đường Thái Tông, hòa thượng Huyền Trang đã trải qua 17 năm gian khổ để thỉnh kinh. Sau khi về nước, đích thân ông trông coi việc dịch kinh Phật, đồng thời kể lại những câu chuyện kỳ lạ trong quá trình thỉnh kinh. Đề từ của ông căn cứ vào những câu chuyện đó viết quyển “Đại Đường Tây vực ký”. Cứ như vậy câu chuyện của Huyền Trang nhanh chóng lưu truyền trong dân gian. Rất nhiều vở kịch dàn dựng lại những đoạn tình túy này. Câu chuyện càng lưu truyền càng được thêm dệt thêm những tình tiết phong phú ly kỳ, và mang sắc thái thần thoại. “Tây Du Ký” ra đời chịu sự ảnh hưởng của nhiều câu chuyện dân gian. Chuyện đi thỉnh kinh trong “Tây Du Ký” có hai diễn biến hết sức quan trọng: Một là làm nhẹ bớt sắc thái tôn giáo, gần gũi với phong tục tập quán của người dân, chủ đề truyện chuyển từ tôn giáo sang xã hội. Hai là vai chính của câu chuyện từ Đường Tăng chuyển thành Tôn Ngộ Không. Rất nhiều phẩm chất cao quý của nhân vật lịch sử

Đại sư Huyền Trang như ý chí ngoan cường, lạc quan dũng cảm đều được chuyển sang Tôn Ngộ Không. Đây chính là lý do tại sao tôi thường nói rằng Tôn Ngộ Không cộng Đường Tăng bằng với Huyền Trang.

Cho đến khi Ngô Thừa Ân viết “Tây Du Ký”, ông phong cho tôn Ngộ Không làm Tề Thiên Đại Thánh, đồng thời xây dựng một hình tượng anh hùng thần thông quảng đại, kiên trì dũng cảm, có lòng chính nghĩa. Tuy đây chỉ là Thần thoại, nhưng do “Tây Du Ký” có tầm ảnh hưởng sâu sắc, nên dưới ngòi bút sáng tạo tuyệt vời của nhà văn, Tề Thiên Đại Thánh dần dần chuyển từ “yêu” biến thành “thần”, từ “thú” trở thành “người”, trở thành thần tượng cho người đời sau cung phụng cúng bái. Một số nơi thậm chí còn lập cả Miếu Tề Thiên Đại Thánh. Lịch sử đã ghi lại, có nhiều nơi như Phúc Kiến, Hà Nam, Sơn Đông v.v... trong nhà người dân thường thờ cúng tế lễ Tôn Hành Giả. Các quốc gia như Singapore, Malaysia, Việt Nam, Thái Lan v.v... đều có lập Miếu Tề Thiên Đại Thánh. Nhiều nơi ở Trung Quốc, lập nhiều miếu thờ Đại Thánh, nhà nhà lập bài vị “Tề Thiên Đại Thánh giáng ma trừ yêu”, sự sùng bái Tề Thiên Đại Thánh rất phổ biến. Việc này không thể không kể đến công lao của Ngô Thừa Ân. Đồng thời cũng cho chúng ta thấy nhân vật thần thoại Tôn Ngộ Không có tầm ảnh hưởng rộng rãi trong dân gian.

Trọn bộ “Tây Du Ký” có thể chia làm ba phần: Phần một từ hồi 1 đến hồi 7, viết về Tôn Ngộ Không sinh ra đời và đại náo Tam Giới. Phần hai từ hồi 8 đến hồi 12, kể nguyên nhân Đường Tăng lên đường đi thỉnh kinh. Phần ba từ hồi 13 đến hồi thứ 100, miêu tả bốn thầy trò trên đường thỉnh kinh gặp phải chín chín tám mốt tai nạn. Câu chuyện thỉnh kinh của phần ba là phần chính của bộ truyện, được viết khá dài. Nhưng phần một chính là phần lời cuốn nhặt, viết xuất sắc nhặt.

2. Nhà Ngoại Giao của Thiên Đình – Thái Bạch Kim Tinh

Trong lịch sử, khi nhà thống trị đối mặt với địch ngoại xâm, luôn có hai phe chủ chiến và chủ hòa. Do rất nhiều nguyên nhân, mọi người thường hiểu phe chủ hòa là phe đầu hàng. Phe chủ hòa đa số là nhân vật phản diện, dân gian thường liên hệ họ với bộ mặt đáng ghét của Tần Cô Í, còn phe chủ chiến thường được hiểu là anh hùng. Nhưng nhân vật chủ hòa Thái Bạch Kim Tinh trong bộ “Tây Du Ký” có chút ngoại lệ, hoàn toàn trái ngược với bộ mặt xấu xa của phe chủ hòa. Ông là người mặt mũi đôn hậu, tính tình hiền lành.

Trong “Tây Du Ký”, người được Tôn Ngộ Không tâm phục khẩu phục rất ít. Ngọc Đế – người nắm đại quyền trong tay, Ngộ Không gọi thẳng là Lão Ngọc Đế; còn Thái Thượng Lão Quân thường xuyên bị Ngộ Không đùa cợt; Phật Tổ Như Lai, Ngộ Không chỉ sợ mà không kính, cười cợt Như Lai là “Cháu của yêu quái”; Thần tiên trên Thiên Cung càng bị Ngộ Không coi chẳng ra gì. Chỉ có Quan Âm Bồ Tát và Thái Bạch Kim Tinh được Ngộ Không kính trọng. Ngộ Không kính trọng Quan Âm Bồ Tát vì Bà luôn giúp đỡ và chỉ bảo. Còn với Thái Bạch Kim Tinh, sự kính trọng của Ngộ Không chủ yếu là vì cảm phục tài giao tế cao siêu và sức lôi cuốn từ nhân cách thật thà chất phác của ông. Thái Bạch Kim Tinh không chỉ khiến Ngộ Không kính trọng, mà còn được độc giả yêu thích. Tác giả Ngộ Thừa Ân khắc họa nhân vật Thái Bạch Kim Tinh rất đáng cho chúng ta lưu ý. Chúng ta biết trong chín chín tám mươi mốt nạn gặp phải trong quá trình thỉnh kinh, bị rất nhiều yêu quái vốn là con cháu, thú cưng của các vị tiên cản trở. Còn Thái Bạch Kim Tinh tuyệt đối không có “vết nhơ”.

Khả năng giao thiệp của Thái Bạch Kim Tinh quả thực xuất chúng, vì vậy ông có thể thuyết phục được “Khâm sai đại thần”. Ngộ Không “cướp đoạt” Long Vương, ức hiếp Diêm Vương, kinh động

Thiên Đình, Ngọc Đế hạ lệnh bao vây Hoa Quả Sơn, Thái Bạch Kim Tinh lập tức tâu trình, đề nghị thuyết phục Tôn Ngộ Không.

Ngọc Đế cho truyền tất cả văn võ chư tiên khanh hỏi rằng: “Con yêu hầu này được sinh ra năm nào, xuất thân từ đâu, mà lại có tài phép như vậy?” Ngọc Đế vừa dứt lời, Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhĩ tâu: “Con Khi này là con khi đã được trời sinh ra 300 năm trước. Lúc đó nó không hỗn hào như bây giờ, không biết mấy năm nay nó tu luyện thành tiên ở đâu, dám to gan giáng long phục hổ, hủy tên trong sổ sinh tử.” Ngọc Đế nói: “Thần tiên nào có thể hạ giới thu phục Yêu Hầu?” Lời vừa dứt, một tinh quân râu tóc bạc phơ phủ phục khời bảm: “Trong tam giới, phàm người tu hành chín kiếp mới có thể thành tiên. Huống chi con yêu hầu này do trời đất tạo ra, nhật nguyệt nuôi nấng mà thành. Nó cũng đỉnh thiên lập địa, ăn gió nuốt sương, đến nay đã tu thành tiên đạo, có tài hàng long phục hổ, khác biệt hơn người. Thần khời bảm điện hạ, thường nói trời xanh nhân từ, hạ thánh chỉ, truyền nó lên thượng giới, ban cho một chức quan nhỏ, ghi danh tể nó vào tiên ban, kết thúc mọi việc. Nếu tuân mệnh trời, sau này hãy thăng chức ban thưởng. Nếu phạm mệnh trời, theo lệ mà trừng phạt. Thứ nhất không động binh đao, thứ hai thụ hưởng ân đức tiên gia.” Ngọc Đế nghe tâu vui mừng, truyền: “Y theo lời khanh thi hành.” Lập tức Văn Khúc Tinh Quân lập chiếu, Thái Bạch Kim Tinh truyền lệnh.

Lời tâu của Thái Bạch Kim Tinh lúc đó rất hợp ý Ngọc Đế: Một mặt Ngọc Đế không muốn xuất binh động binh đao; mặt khác cũng có ý giải quyết cáo trạng của Long Vương và Diêm Vương. Sách lược chiêu an của Thái Bạch Kim Tinh vừa hay vừa hóa giải sự băn khoăn của Ngọc Đế. Thái Bạch Kim Tinh thừa nhận Ngộ Không do trời đất sinh ra, đã do trời sinh nên chiêu nạp lên Thiên Đình, điều này khiến việc mời Ngộ Không lên thiên đình là hợp lý. Cho nên Ngọc Đế vui mừng, lập tức phê chuẩn. Nói đúng hơn, thì đó là do

Thái Bạch Kim Tinh đoán bắ t đúng tâm lý của Ngọc Đế , kế ́ chiêu an thu phục Ngô Không mới được thông qua. Mặt khác, để cho Ngọc Đế ́ cảm thấ y với cương vị của mình, chiêu an thu phục kẻ nghịch tử phải phát huy được thầ n uy của Thiên Đình và khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt vời của Ngọc Đế ́ .

Thái Bạch Kim Tinh vừa đế n Hoa Quả Sơn là thể hiện ngay vai trò của người điề u đình, bỏ đi cái mác “Khâm sai đại thầ n”, nắ m bắ t được tâm lý thích được tung hô xưng oai của Ngô Không. Thái Bạch Kim Tinh mở miệng ra là xưng Ngô Không là đại vương, khiế n Ngô Không hế t sức vui mừng mở tiệc khoản đãi, đồ ng thời bắ ng lòng theo Thái Bạch Kim Tinh lên Thiên Đình làm quan ngay. Việc thuyế t phục Ngô Không là việc xem ra rấ t đổi bình thường, trên thực tế ́ là việc hế t sức khó khăn. Chủ yế u là do Ngô Không sinh ra đã không có khái niệm giai câ p, thiế u nhận thức đố i với quyề n lực của xã hội. Bạn thử nghĩ đế n cả “Bộ trưởng bộ Thủy lợi” – Long Vương, Ngô Không chẳng thêm nể mặt, dám đế n “cướp bóc”, huớ ng hô “Khâm sai đại thầ n”. Nế u như Thái Bạch Kim Tinh cứng nhắ c làm theo quy định, mời Ngô Không như thể ban ơn, chắ c chắ n sẽ không thành công. Tấ t nhiên phải bình đẳng và khiêm tồ n “thỉnh câ u” Ngô Không lên Thiên Đình làm quan, Ngô Không mới chấ p nhận. Nế u không thấ t bại ngay, có khi lại bị Tôn Ngô Không cho nế m mùi gậy “Như Ý”! Nhưng Thái Bạch Kim nắ m được thóp của Ngô Không vô n có bản tính háo thắ ng, thích được người xưng tụng, nhờ vậy mọi việc mới thành công. Thái Bạch Kim Tinh nắ m bắ t đúng tâm lý của Ngô Không, bắ ng tài ngoại giao xuấ t sắ c hóa giải một trận binh đao. Lầ n mời thứ hai cũng nhờ vậy thành công.

Thái Bạch Kim Tinh thuyế t phục thành công Ngô Không chính là ở việc ông xuấ t sắ c đảm nhận vai trò của người hòa giải, không phải một Khâm sai đại thầ n điều võ dương oai. Trước mặt Ngọc Đế ́ ông ra sức ca tụng tán dương Ngọc Đế ́ , trước mặt Ngô Không lại hế t lời

ca ngợi Ngô Không. Bên ngoài thây có vẻ “đôi trá”, nhưng thực tế là thủ đoạn cần thiết trong việc ngoại giao. Ông hòa giải thành công, Ngọc Đế và Tôn Không hóa can qua thành ngọc bạch, làm như vậy có lợi cho cả hai bên.

Trên đường thỉnh kinh, Đường Tăng bị bắt đến Hạm Không Sơn động vô đáy, con yêu nữ đó vốn là con gái nuôi của Thác tháp Thiên vương Lý Tĩnh. Sau khi Ngô Không biết được chân tướng sự việc liền lên Thiên Đình cáo trạng Thác tháp Thiên Vương dạy con không nghiêm. Ngọc Đế lại sai Thái Bạch Kim Tinh theo Ngô Không đi tìm Thác Tháp Thiên Vương đòi cha. Nào ngờ Thác Tháp Thiên Vương đã quên sạch sành sanh chuyện mấy trăm năm trước mình có thu nhận một đứa con gái nuôi, cho rằng Ngô Không muôn vu cáo, sai người vây bắt Ngô Không, đến khi Na Tra nhắc nhở mới nhớ ra. Lần này đến phiên Ngô Không ra oai, số ng chét không chịu bỏ qua cho ông, đòi đến trước mặt Ngọc Đế nói lẽ công bằng. Thác Tháp Thiên Vương đành nhờ Thái Bạch Kim Tinh nói giúp. Thái Bạch Kim Tinh biết Ngô Không yêu quý sư phụ, tri ân cầu báo, bảo Ngô Không nể mặt mình. Quả nhiên Ngô Không đồng ý, không tranh chấp với Thác Tháp Thiên Vương. Thái Bạch Kim Tinh làm cách nào để khiến Ngô Không “rút lại lời buộc tội” nơi Ngọc Đế? Chúng ta xem qua lời khuyên của Thái Bạch Kim Tinh:

Kim Tinh nói: “Một ngày kiện cáo phải xử 10 ngày. Ngài cáo ngự trạng, nói yêu tinh là con gái Thiên Vương. Thiên Vương chớ không nhận. Hai ngài chỉ lo tranh biện trước bề trên, tranh cãi không thôi. Ta nói một ngày trên trời bằng một năm dưới trần. Trong một năm này, con yêu tinh đó nhờ sự phụ của người dưới động, lỡ mà nó ép phải lấy nó, sinh ra một tiểu hòa thượng nữa, chẳng phải sẽ hỏng việc lớn hay sao? Hành Giả cúi đầu suy nghĩ: “Đúng vậy, khi ta đi có nói với Bát Giới và Sa Tăng lâu thì bữa cơm, mau thì tuấn trà sẽ về đến. Giờ lại dây dưa đến giờ này, chẳng phải trễ mất hay sao? Lão

Tĩnh quân, theo như ông nói, chỉ ý này làm sao bàn giao?” Kim Tĩnh nói: “Giao cho Lý Thiên Vương điều binh, theo người xuống dưới trừ yêu, ta quay về phục chỉ.” Hành Giả nói: “Lão nói như thế nào?” Kim Tĩnh bảo: “Ta chỉ nói nguyên cáo chạy trốn, bị cáo miễn hình phạt.” Hành Giả cười nói: “Hay thật đấy! Ta nể mặt lão, lão lại bảo ta bỏ trốn! Bảo hã’n điều binh ra trước cổng Nam Thiên Môn chờ ta, ta cùng lão về phục chỉ dâng cáo trạng.” Thiên Vương sợ hãi nói: “Lần này hã’n đi, nếu nói gì sơ sót, là thần mắc tội.” Hành Giả bảo: “Người xem Lão Tôn là người như thế nào? Ta cũng là một đại trượng phu! Nhặt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy, sao lại buông lời hại người?” Thiên Vương lập tức cảm ơn Hành Giả, Hành Giả cùng Kim Tĩnh về phục chỉ.

Ngộ Không vốn đã thông minh lanh lợi, Thái Bạch Kim Tĩnh lại có thể dẫn dụ Ngộ Không “bãi nại”, khiến Ngộ Không mắc bẫy, khiến ai nấy đều khâm phục tài cán của viên quan ngoại giao này.

3. Anh hùng nhỏ tuổi đáng yêu – Na Tra

Thái Bạch Kim Tĩnh khuyên Tôn Ngộ Không nên đến Thiên Cung, và được Ngọc Đế phong làm “Bật Mã Ôn”. Sau này khi Ngộ Không hiểu ra rằng “Bật Mã Ôn” chẳng qua chỉ là “anh chăn ngựa” thì nổi giận đùng đùng bỏ Thiên Đình, quay về Hoa Quả Sơn, dựng cờ hiệu “Tề Thiên Đại Thánh”, ngang nhiên khiêu chiến với Thiên Đình. Ngọc Đế phái cha con Thác Thập Thiên Vương thống lĩnh binh mã bao vây Hoa Quả Sơn.

Kể đầu tiên xung trận là Cự Linh Thần bị Ngộ Không đánh toi bời, Na Tra đích thân nghênh chiến cùng Tôn Ngộ Không. Na Tra – cái tên này chắc không xa lạ với chúng ta, trẻ con ai cũng thích nhân vật này. Chuyện về Na Tra được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Đó là do “Tây Du Ký” và “Phong thần diễn nghĩa” đã khắc họa và làm nổi bật lên hình tượng của nhân vật này.

Nhân vật chính trong “Tây Du Ký” là Tôn Ngộ Không, Na Tra chỉ là nhân vật phụ. Cho nên so với “Phong thần diễn nghĩa”, hình tượng Na Tra được khắc họa ít hơn. Trong “Tây Du Ký”, Na Tra chỉ xuất hiện trong đoạn Thái Bạch Kim Tinh xin Ngộ Không bỏ qua chuyện Thác Thập Thiên Vương quản con không nghiêm mà chúng ta vừa nhắc đến. Thác Thập Thiên Vương cho rằng Ngộ Không vu cáo, định dùng đao giết chết Ngộ Không. Na Tra sợ ngộ sát Ngộ Không, liền giúp Ngộ Không gạt đao ra. Thác Thập Thiên Vương lấy làm kinh ngạc, tưởng Na Tra định thừa cơ trả mối thù “bóc thịt trả mẹ, lóc xương trả cha” năm xưa, bèn vội vàng thu thập về. Chúng ta xem đoạn miêu tả Na Tra trong “Phong thần diễn nghĩa”: Phu nhân Lý Tịnh là Ân Thị mang thai ba năm mà chưa mãn nguyệt khai hoa. Ngay từ khi Na Tra còn nằm trong bụng mẹ, Lý Tịnh tưởng đứa con trong bụng vợ mình là “quái thai”, nên đã có lòng căm ghét. Đến ngày Âu Thị trở dạ, sinh ra một bọc thịt. Lý Tịnh vừa kinh sợ vừa tức giận, lấy kiếm chém đứt đôi bọc thịt. Ai ngờ, từ trong bọc, một cậu bé khôi ngô tuấn tú, hơn hớ nhảy ra, hết mực đáng yêu, tay cầm Càn Khôn Quyển, lưng quấn dải lụa Hồn Thiên Lăng. Hình ảnh cậu bé vui vẻ đáng yêu này khắc sâu vào lòng bao thế hệ độc giả. Đến nay chúng ta vẫn thường thấy hình ảnh cậu bé Na Tra trên hình tranh tết dán trong nhà mỗi độ xuân đến.

Nhắc đến Na Tra, dân gian thường hình tượng đến cậu bé tay phải cầm Trường Thương Hỏa Tiễn Thần Phong, tay trái cầm Càn Khôn Quyển, vai đeo dải lụa Hồn Thiên Lăng, lưng giắt Cửu Long Thần Chạo và Cục Kim Chuyên, chân đi bánh xe Phong Hỏa. Na Tra là hiện thân của bậc thần tiên phóng khoáng, tính cách hiếu động và nghịch ngợm, và còn mang tính trẻ con. Chẳng thế mà Tôn Ngộ Không vừa nhìn thấy Na Tra đã trêu: “Tiểu Thái Tử, răng sữa của ngươi còn chưa rụng, tóc mới sinh còn chưa khô, sao lại dám lớn tiếng như thế? Ta tha mạng sống cho ngươi, không thêm đánh ngươi.” Cho nên, trong các hội sau, khi Thanh Ngưu quải dùng vòng

kim cương thu mất binh khí và bảo vật của Na Tra, Ngô Không ngồì một bên cười trêu. Na Tra tức giận, vùng vắ`ng nói: “Đại Thánh xem có được không! Ta đã bại trận, lại mất hết bảo bối, buồn bực thế này, mà cũng vì Đại Thánh cả đấy, thế mà Đại Thánh còn ngồì đó cười nữa à?” Đoạn văn này miêu tả sinh động tính khí trẻ con của Na Tra – nghịch ngợm, đánh thua là hờn dỗi, bực bội.

Na Tra tuy là một đứa trẻ, nhưng khi đánh nhau lại đủ phép thần thông. Na Tra không những có nhiều bảo bối, biết cách tạo hình, thường hóa thân thành ba đầu sáu tay, mỗi cánh tay cầm một loại binh khí đánh nhau với kẻ địch. Trận chiến tại Hoa Quả Sơn, Ngô Không cũng hóa thân ba đầu sáu tay đánh nhau với Na Tra. Hình tượng “ba đầu sáu tay” còn thể hiện kinh nghiệm chiến đấu thực tế của người dân Trung Quốc thời cổ đại, ba đầu tựa vào nhau, chia không gian xung quanh làm ba, mỗi mặt trận giữ 120 độ độc lập tác chiến, binh khí không hề vướng đụng vào nhau, đồng thời, tạo thành một vòng tròn khép kín, không một kẽ hở. Có thể thấy, ba đầu sáu tay là trận hình đánh địch toàn diện lý tưởng nhất trong binh pháp cổ đại của Trung Quốc, trong đó chứa đựng sự tinh hoa của võ thuật Trung Hoa.

4. Thác Thập Thiên Vương khó tính – Lý Tịnh

Sau khi Bắc Kinh đăng cai thành công Olympic 2008, mọi người bắt đầu chọn con vật may mắn biểu trưng Olympic 2008. Mỹ Hầ`u Vương Tôn Ngô Không nhận được rất nhiều phiếu bầu và đề cử. Na Tra cũng vậy. Xem ra hai nhân vật trong “Tây Du Ký” rất được yêu thích và in đậm trong lòng người. Thập Thác Thiên Vương Lý Tịnh không mấy được lòng dân gian. Tôi cho đó là do Lý Tịnh từng đốì đầu với hai vị anh hùng trong lòng người dân: một là con trai ruột của mình – Na Tra, hai là Tôn Ngô Không. Tuy sau này Lý Tịnh và Na Tra nốì lại tình cha con, làm bạn với Ngô Không, hết lòng giúp Ngô Không diệt trừ yêu ma, nhưng người dân vẫn không

mấy có thiện cảm với Lý Tịnh. Có thể nói Lý Tịnh là nhân vật có công nhưng không được ưu ái.

Hình tượng Thác Thập Thiên Vương Lý Tịnh hình thành qua một loạt các diễn biến. Trong lịch sử có nhân vật Lý Tịnh thật. Ông là một đại tướng dưới trướng Đường Thái Tông Lý Thế Dân, dũng cảm, mưu trí, lập chiến công hiển hách trong việc tạo dựng và thống nhất giang sơn Đại Đường. Thác Thập Thiên Vương là vị Thiên Vương nổi tiếng ở vùng phương Bắc – là một trong Tứ Đại Thiên Vương của Phật giáo Ấn Độ. Sau khi Phật giáo được truyền vào Trung Quốc, chịu ảnh hưởng của văn hóa và ý thức thẩm mỹ của Trung Quốc mà nhân vật này mang đậm nét văn hóa Trung Quốc: mình mặc áo giáp, đầu đội Kim Ô Bảo Quán, tay trái giữ tháp, tay phải cầm cái đinh ba. Tháp là tượng trưng cho Phật Giáo, chùa chiền thông thường đều có tháp, là nơi cất giữ kinh văn nhà Phật, báu vật của Phật và Xá Lợi Tử (di vật sau khi cao tăng đắc đạo viên tịch hỏa thiêu). Đường Tăng thường xuyên răn dạy Ngộ Không “Cứu một mạng người còn hơn xây bảy tháp phù đồ”. Từ “phù đồ” là chỉ ngọn tháp. Tại sao trên tay Lý Tịnh luôn cầm một ngọn tháp? “Tây Du Ký” giải thích ngọn tháp này do Như Lai tặng cho Lý Thiên Vương để hóa giải ân oán giữa Lý Tịnh và Na Tra, cho nên gọi ông là Thác Thập Lý Thiên Vương. “Phong thần diễn nghĩa” lại lý giải cái tháp này như sau: Na Tra để trả mối thù hận ăn sâu trong lòng, đuổi Lý Tịnh đến không còn nơi trốn chạy. Đúng lúc ấy may gặp được Nhiên Đăng Đại sư. Nhiên Đăng Đại Sư lấy bảo tháp thu Na Tra vào trong, rồi nổi lửa to. Nóng quá, Na Tra đành phải đầu hàng. Để đề phòng Na Tra tìm Lý Tịnh báo thù, Nhiên Đăng Đại Sư tặng bảo tháp cho Lý Thiên Vương. Bất kể nói thế nào, ngọn bảo tháp trong tay Lý Thiên Vương ban đầu là dùng để đối phó với Na Tra. Có điều trong “Tây Du Ký”, nó được nói đến một cách ý nhị hơn, còn ở “Phong thần diễn nghĩa” thì nói thẳng hơn mà thôi.

Thác Thập Lý Thiên Vương trong “Tây Du Ký” – vị tướng nắ m trong tay hơn mười vạn thiên binh thiên tướng cũng có điểm giồ ng với Đại tướng quân Lý Tịnh đời nhà Đường trong lịch sử. Nhưng nét khí khái anh hùng bách chiế n bách thắ ng của Lý Tịnh trong lịch sử không hê` tồ n tại trong hình tượng Thác Thập Thiên Vương. Trận chiế n đầ u tiên tại Hoa Quả Sơn, Thác Thập Thiên Vương bị Tôn Ngộ Không đánh cho tơi bời hoa lá. Lầ n thứ hai xuấ t trận, nhờ có Nhị Lang Thầ n ra tay giúp sức mới may mắ n khỏi bị bại trận. Trong các trận chiế n khác, Thác Thập Thiên Vương cũng không mắ y xuấ t sắ c. Trận chiế n với Thanh Ngưu quái, Thác Thập Thiên vương phụng ý chỉ Ngọc Đê` thu phục Thanh Ngưu quái. Kê t quả không thắ ng nổi yêu quái, phải nhờ đê`n Thái Thượng Lão Quân. Lý Thiên Vương chỉ biê t nguyên tắ c: “vô quýt dày có móng tay nhọn”. Thanh Ngưu quái đê`n cả Như Lai cũng hê t cách thì tắ t nhiên chỉ còn cách thỉnh Thái Thượng Lão Quân thu phục. Nhưng với tư cách là thồ ng soái của thiên binh thiên tướng, Thác Thập Thiên Vương biê t rõ vũ khí lợi hại riêng của từng người, bửu bồ i của các vị thầ n tiên trên Thiên Đình, ông hiểu rõ như lòng bàn tay, thắ y vòng kim cang biê t ngay là bảo vật của Thái Thượng Lão Quân. Nê u không có tài như vậy sao làm được nguyên soái của Thiên Đình? Bảo bồ i độc môn Kính Chiế u Yêu của Lý Thiên Vương cũng có ích trong việc này. Khi Thác Thập Thiên Vương giúp Tôn Ngộ Không thu phục Ngưu Ma Vương, nhờ ông dùng Kính Chiế u Yêu chiế u vào Ngưu Ma Vương, khiế n Ngưu Ma Vương không động đậy được, bó tay chịu trói. Lầ n này xem như lắ y lại chút thể diện cho Thiên Đình.

Thác Thập Thiên Vương có ba người con trai: Kim Tra, học nghệ tại Cửu Long Sơn, là hộ pháp của Như Lai. Mộc Tra học nghệ tại Cửu Cung Sơn, là đệ tử của Quan Âm Bồ` Tát; Na Tra là đệ tử môn hạ của Thái Ấ t Chân Nhân. Do còn nặng nợ trầ n gian và sớ kiế p gian truân, Na Tra đã tự mình gây ra họa lớn: Đánh chề t con trai Ngao Bính của Đông Hải Long Vương. Gia đình Lý Tịnh bị Tứ Hải Long

Vương bắt, gây sức ép buộc Na Tra phải dâng mạng. Để giữ trọn đạo hiếu và không làm liên lụy tới gia đình, Na Tra đã bóc thịt trả mẹ, lóc xương trả cha. Sau khi chết, hồn Na Tra bay về với Thái Ất Chân Nhân. Thái Ất bày cho Na Tra báo mộng cho Ân Thị lập miếu thờ để giữ cho hồn không bị tan biến. Song cũng vì Lý Tịnh quá cố chấp với những việc Na Tra đã gây ra nên đã đập tan miếu thờ. Chính vì lý do đó sau khi được sự phụ Thái Ất hoá thân tráo cổ t vào cây sen, Na Tra đã tìm tới cha mình để trả thù... Nhờ Nhiên Đăng Đại Sư hòa giải, cha con Lý Tịnh mới cởi bỏ hiềm khích.

5. Đại Thánh kết bạn khắp nơi

Sau lần tức giận bỏ Thiên Đình về Hoa Quả Sơn, nhờ Thái Bạch Kim Tinh hòa giải, Tôn Ngộ Không một lần nữa được mời lên Thiên Đình, nhậm chức quan mình ưng ý – Tề Thiên Đại Thánh. Chúng ta xem xem Tề Thiên Đại Thánh “bạn” những việc gì trên Thiên Cung:

Tề Thiên Đại Thánh nói cho cùng vẫn là con yêu hầu. Nó chẳng màng chức quan cao hay thấp, bổng lộc nhiều hay ít, chỉ chú ý đến danh xưng mà thôi. Hai vị tiên sứ ở phủ Tề Thiên, ngày đêm hầu hạ, Tề Thiên Đại Thánh chỉ biết ngày ăn ba bữa, đêm ngủ no say, không gì lo lắng, tự do tự tại. Khi nhàn rỗi tụ tập bạn bè, ngao du Thiên Cung, kết nghĩa bạn bè. Gặp Tam Thanh gọi một tiếng “Lão”, thầy Tứ Đế gọi tiếng “Điện Hạ”. Đại Thánh và Cửu Diệu Tinh, Ngũ Phương Tướng, Nhị Thập Bát Tú, Tứ Đại Thiên Vương, Thập Nhị Nguyên Thần, Ngũ Phương Ngũ Lão, Phò Thiên Tinh Tướng, Hà Hán Quân Thần coi nhau như huynh đệ. Hôm nay đông du, ngày mai tây ngao, rày đây mai đó, hành tung khó mà đoán định được.

Đại Thánh sinh ra vốn không có quan niệm giai cấp, thầy Ngọc Đế cũng không quỳ lạy. Cấp bậc của Tinh tướng quân thần trên Thiên Cung rất nghiêm ngặt, Đại Thánh đều không thừa nhận, cũng không phân kẻ cao người thấp, mà đều gọi là huynh đệ, xưng

hồ bạn bè. Thân tiên trên Thiên Đình đều rất thích Tôn Ngộ Không. Sau này trên đường đi thỉnh kinh, những người bạn cũ của Ngộ Không cũng nhiều lần ra tay giúp đỡ hàng phục yêu ma, khi đến còn gọi “Đại Thánh, Đại Thánh”. Đó chính là nhờ Ngộ Không thích kết bạn, lại quảng giao. Kinh đô Hollywood Mỹ rất thịnh hành câu nói: “Thành công không phải ở chỗ bạn biết cái gì, làm cái gì, mà ở chỗ bạn quen biết ai.” Chính xác. Việc tạo dựng được mối quan hệ hết sức quan trọng đối với sự thành bại trong sự nghiệp của một con người. “Nhiều bạn, nhiều cơ hội hơn”. “Bất kể bạn làm trong ngành nào, phải kết bạn đã rồi mới tính đến chuyện làm ăn. Được lòng người trước, rồi mới tạo dựng uy tín”. Đây là kinh nghiệm xương máu và điều tâm đắc nhất của những người thành công. Một người giỏi kết giao bạn bè, không chỉ luôn luôn được đón nhận, mà khi gặp khó khăn còn có người giúp đỡ, có nhiều cơ hội thành công hơn những người bình thường khác. Bạn nên nhớ rằng, bạn bè thân thiết trên thực tế cũng là một phần tài nguyên của bạn. Chỉ cần học cách sử dụng tốt nguồn tài nguyên của mình, bạn mới có thể mạnh hơn, thành công hơn người khác.

Một người dù có là thiên tài cũng không thể tinh thông mọi thứ. Cho nên, muốn hoàn thành sự nghiệp, cần biết cách sử dụng trí tuệ, năng lực và tài cán của người khác. Bạn nên học nghệ thuật giao tế. Khi bắt đầu sự nghiệp của mình, ai cũng gặp phải những khó khăn khó tự mình giải quyết được. Lúc đó, quan hệ giao tế tốt sẽ giúp bạn một tay, giải quyết mọi chướng ngại.

6. Nguyên nhân Đại náo Thiên Cung

“Vì sao con thích Tôn Ngộ Không?”, khi chúng tôi hỏi, trẻ con thường nói do Tôn Ngộ Không bản lĩnh cao cường, có thể đại náo Thiên Cung, diệt trừ yêu quái. Trẻ con rất hồn nhiên, ngây thơ. Trẻ hay nghĩ rằng người lớn hay ngăn cấm chúng làm việc này việc nọ. Trẻ nghĩ, nếu mình có bản lĩnh như Tôn Ngộ Không, thì thật thoải

mái, không sợ bị người khác kiểm soát. Có lẽ chúng ta không nên tước mất sự ngây thơ và mơ ước của trẻ con, không nên nói cho trẻ biết rằng để được như vậy, Tôn Ngộ Không đã phải chịu giam cầm 500 năm dưới núi Ngũ Hành. Điều này trẻ sẽ nhận thức được khi ngày một lớn khôn.

Tư tưởng của Tôn Ngộ Không đã phản ánh tư tưởng của Ngô Thừa Ân – “cường giả vi tôn – mạnh làm vua” và “hiền giả vi tôn – kẻ hiền được trọng”. Tư tưởng “mạnh làm vua” đối lập với quan niệm giai cấp trong xã hội phong kiến, chế độ phong kiến tuyên truyền thuyết thiên mệnh luận và huyết thống luận, nhấn mạnh uy quyền của vua chúa. Vào thời đại Ngô Thừa Ân sinh sống, con người bắt đầu có sự giác ngộ, để thoát khỏi sự trói buộc của chế độ phong kiến, cần dựa vào năng lực của mình để phát triển, thậm chí đập tan cả chế độ giai cấp vốn có. Tư tưởng Tôn Ngộ Không cũng phản ánh yêu cầu này của thời đại, nhờ bản lĩnh của chính mình, coi mình là kẻ mạnh, dám to gan nói với Ngọc Đế, “Ngai Ngọc Đế luân phiên nhau ngò i, năm sau đến phiên ta”. Kỳ thực khi Lữ Khi tại Hoa Quả Sơn bầu chọn Hắc Hổ Vương thì đã phảng phất tư tưởng “mạnh làm vua”. Lữ Khi giao ước: “Ai có bản lĩnh, đi vào tìm ra nguồn nước mà không bị thương sẽ được phong vương.” Tôn Ngộ Không xung phong đi đầu, xong việc, được tôn làm Mỹ Hắc Hổ Vương. Chuyện này có phần giống với câu “cạnh tranh thắng quan tiên chức” mà ngày nay chúng ta hay nói đến.

Tiếp theo xin nói về tư tưởng “kẻ hiền được trọng”. Tôn Ngộ Không không thể chịu nổi người khác bất kính và không thừa nhận tài năng của mình. Ngộ Không tự cho mình bản lĩnh cao cường, đòi Ngọc Đế giao cho mình chức danh tương xứng. Ngộ Không hai lần tạo phản, lần thứ nhất do Ngọc Đế phong Ngộ Không làm “Bát Mã Ô”, sau khi biết đó chẳng qua là chức giữ ngựa thiên đình thì bất mãn lắm, cho rằng Ngọc Đế hồ đồ “không biết trọng hiền

tài”. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua cuộc nói chuyện giữa Ngô Không và Cự Linh Thân có thể thấy rõ.

Cự Linh Thân cao giọng, nghiêm khắc nói: “Con yêu hâu! Người nhận ra ta không?” Đại Thánh nghe tiếng, liền trả lời: “Người là thân thánh phương nào? Lão Tôn không quen người, mau báo danh tánh đi.” Cự Linh Thân đáp: “Con Khi lông lá tự cao kia! Người không nhận ra ta! Ta là thân tiên vút trên cao, là tiên phong bộ hạ của Thác Tháp Lý Thiên Vương, Cự Linh Thân Tướng! Nay phụng chỉ Ngọc Đế, đến đây thu tóm nhà người. Người mau hạ vũ khí xuống, phụng theo mệnh trời, tránh cảnh chết chóc của muôn thú. Nếu người bất tuân nửa lời, người tức khắc tan thành mây khói!” Hâu Vương nghe nói, trong lòng tức giận: “Tên thân tướng kia, đừng ở đó mà khoe khoang cao giọng! Chỉ một gậy của ta đánh người chết tươi, sợ không có người về báo tin, ta chừa lại tính mạng cho người, mau trở về trời, nói với Ngọc Đế: Lão ta không biết dùng hiền tài! Lão Tôn ta bản lĩnh đầy mình, sao lại bảo ta chặn ngựa thay lão? Người xem dòng chữ trên cờ hiệu của ta, nếu theo chúc vạ trên cờ hiệu thăng quan cho ta, ta sẽ không động binh đao, trời đất yên bình. Nếu không tuân theo, ta sẽ đánh vào tận Linh Tiêu Bảo Điện, khiến lão không giữ nổi ngai vàng!”

Sau khi Ngọc Đế phong Ngô Không làm “Tề Thiên Đại Thánh”, Ngô Không hài lòng chấp nhận. Nhưng khi Vương Mẫu Nương Nương mở tiệc bàn đào mà không mời, Ngô Không lại thấy bị mất mặt, lại tạo phản lần nữa. Tư tưởng yêu cầu “trọng hiền tài” có mối liên hệ với tư tưởng của phần tử trí thức thời phong kiến Trung Quốc, cũng liên quan đến ý thức khẳng định giá trị bản thân xuất hiện vào thời đó. Dù đến được Linh Sơn, thỉnh được chân kinh, Phật Tổ phong Ngô Không thành “Đầu Chiếu Thán Phật”, Ngô Không cũng chỉ nói một câu đơn giản “Cảm ơn”, căn bản không coi trọng nó, không giống với Đường Tăng khi được thụ phong quỳ

hành đại lễ, cảm kích vô cùng. Cái Ngô Không quan tâm không phải Đấ u Chiế n Thấ ng Phậ t mà là Tôn Ngô Không ta đã hoàn thành nhiệm vụ thỉnh kinh. Người công nhận thành tích của ta là được rồi.

Cũng có người, khi trò chuyện với tôi nói Tôn Ngô Không và Tô ng Giang trong “Thủy Hử truyện” rấ t giồ ng nhau, đề u vô n là anh hùng, sau này phải cúi đầ u trước giai câ p thố ng trị. Lại nói Hấ c Hùng tinh là đại biểu cho tầ ng lớp khởi nghĩa nông dân, Tôn Ngô Không đại diện cho giai câ p thố ng trị đi trá n áp người nông dân khởi nghĩa như mình. Tôi cho rằ ng cách nói này không phù hợp với tư tưởng của Ngô Thừa Ân. Khởi nghĩa nông dân bùng nổ là do không chịu nổi áp bức bóc lột. Còn Tôn Ngô Không tại Hoa Quả Sơn số ng cuộc số ng tự do tự tại, không hề có áp bức bóc lột. Cái mà Ngô Không muố n có chính là tự do. Năng lực của Tôn Ngô Không được mọi người công nhận. Vậy tại sao truyề n thuyế t về Tôn Ngô Không lưu truyề n bao đời nay, người ta không dứt khoát khẳng định Ngô Không là kẻ chiế n thấ ng trong lâ n Đại Náo Thiên Cung, mà bao giờ cũng giữ nguyên chi tiế t Tôn Ngô Không bị phạt đê dưới núi Ngũ Hành 500 năm? Tấ t cả truyề n thuyế t đề u xuấ t phát từ cuộc số ng của con người. Nế u như Tôn Ngô Không chiế n thấ ng Thiên Đì nh, Ngô Không không thể trở thành người thố ng trị duy trì trật tự Thiên Đì nh. Bởi lúc đó Ngô Không vẫn mang tính sinh vật của Khi, không có tính thầ n thánh của Phậ t. Muố n hình tượng nhân vật vĩ đại này lưu truyề n về sau, Ngô Không câ n làm được những việc chân chính, chứ không phải là một trận càn quấ y trên Thiên Đì nh.

7. Người quyề n quý nhấ t trong mắ t Ngô Không – Ngọc Đê

Nói về mặt pháp lực, Ngọc Đê không bằ ng Phậ t Tổ Như Lai, về Pháp bảo cũng không sánh được Thái Thượng Lão Quân. Không thấ y Ngọc Đê diệt trừ yêu quái, cũng không thấ y Ngọc Đê chiêu hiề n đấ i sĩ. Vậy tại sao các vị thầ n tiên trên Thiên Đì nh đề u tuân

lệnh răm rắp, tôn ông là Ngọc Hoàng Đại Đế chí cao vô thượng?
Chúng ta hãy nghe Như Lai nói với Ngộ Không:

Phật Tổ nghe nói, cất tiếng cười nhạt: “Con Khỉ tu thành tinh như ngươi, dám tự cao tự đại, muốn chiếm đoạt ngôi vị Ngọc Đế? Ngài tu hành từ nhỏ, khổ luyện trải qua 1.750 kiếp nạn. Mỗi kiếp nạn mất 129.600 năm. Ngươi tính xem, Ngài đã bao nhiêu tuổi, mới có được căn đạo vô biên như ngày nay? Vậy kẻ thú tập tễnh làm người như ngươi, sao có thể cao giọng ăn nói xằng bậy như vậy! Ngươi không xứng đáng, không xứng đáng! Ngươi giữ lấy miệng kéo thiệt thân! Ngươi mau đi đi, đừng ở đây nói càn! Chỉ e gặp phải độc thủ, mất cả tính mạng, tiếc cho diện mạo vốn có của ngươi!”

Cái mà Ngộ Không không sánh được bằng Ngọc Đế chính là tư cách và lai lịch. Lai lịch “tu hành từ nhỏ” của Ngọc Đế, chính là “tài sản cố định” của Ngài. Quan điểm này xem ra hoang đường, nhưng là sự thật. Nên quân chủ Trung Quốc cổ đại do cha truyền con nối, sau khi hoàng đế khai quốc trị vì giang sơn, con cháu sau này bất kể có tài cán hay không, chỉ cần mang danh Thái Tử, sẽ có ngày lên ngôi hoàng đế. Nói Ngọc Hoàng Đại Đế trong “Tây Du Ký” là người đúng hơn là thần. Một phần là vì Ngọc Đế không có pháp lực và phép thuật của thần tiên. Mặt khác, ông thể hiện “khí chất phạm phu tục tử” của người thường. Trừ việc ông trường sinh bất tử và sống cùng chư tiên ra, không thấy Ngọc Đế có bản lĩnh gì. Tha được thì tha, trời yên biển lặng là ổn, đây là một đặc điểm của Ngọc Đế. Long Vương và Diêm Vương tìm ông cáo trạng, Ngọc Đế buộc phải hạ lệnh truy bắt Ngộ Không để giữ thể diện. Nhưng đây không phải mong muốn thực sự của Ngài. Thái Bạch Kim Tinh kiến nghị thuyết phục họ Ngộ, Ngọc Đế bèn ban ngay cho Ngộ Không chức quan chặn ngựa. Lần tạo phản thứ hai của Ngộ Không, kẻ sách thuyết phục không còn phù hợp, Ngọc Đế bắt buộc phải xuất quân. Ai ngờ Tôn Ngộ Không bản lĩnh cao cường, một mình đánh bại

thiên binh thiên tướng. Ngọc Đế đành phải lặn nãi cho người đi thuyết khách, tạm thời giữ được bình yên. Nhưng chẳng bao lâu, Ngộ Không đại náo hội bàn đào, muỗn đoạt vị, Ngọc Đế mới nhận thức được vấ n đề rấ t nghiêm trọng, bèn mời Như Lai Phật Tổ đế n giúp đỡ.

Theo lẽ thông thường thầ n tiên đề u là cao nhân đấ c đạo nên có một trái tim bao dung, không nên ích kỷ, nhỏ nhen, có thù phải báo. Nhưng Ngọc Đế chí cao vô thượng lại là người lòng dạ hẹp hòi, nhỏ nhen. Vào ngày Ngọc Đế tuầ n hành tam giới, Quận hầ u của Quận Phượng Tiên do cãi nhau với vợ nhấ t thời nổi giận lật đồ bàn cúng xuố ng đấ t, quăng hế t cô ng vật, cho chó ăn. Ngọc Đế giận tím mặt, ba năm không ban mưa cho Quận Phượng Tiên, khiế n dân chúng điêu linh. Quận Phượng Tiên bày bàn tế lễ nói rõ họ vớ n tôn trọng thầ n tiên, do bấ t cẩn lật ngã bàn cô ng vật, khiế n chó ăn cô ng phẩm, hoàn toàn chỉ là do vô ý, cứ cho là Quận hầ u phạm tội, thì “tội ai nấ y chịu”, không nên trừng phạt hế t dân chúng trong thành. Ngọc Đế không phân trấ ng đen rõ ràng như thế, quả là tàn bạo. Còn cả vụ án oan sai của Sa Tăng. Sa Tăng vớ n là Quyền Liên Đại Tướng trên Thiên Đình, hế t mức trung thành. Có điề u trong hội bàn đào của Vương Mẫu Nương Nương, Sa Tăng lỡ tay đánh vỡ một ngọn đèn lưu ly, bị Ngọc Đế phạt đánh 800 trượng, đầy đế n Lưu Sa Hà chịu đói chịu rét, cứ mười ngày lại bị trăm mũi tên xuyên ngực, đau đốn muỗn phầ n. Lỡ tay đánh vỡ ngọn đèn lưu ly, phải chịu trừng phạt tàn nhẫn như vậy, quả thực quá nặng tay.

Về mặt thanh tâm tiế t dục, Ngọc Đế cũng khó trở thành tá m gương cho thuộc hạ. Cung điện của Ngài nguy nga lộng lẫy, cao lương mỹ vị, món ngon vật lạ khỏi phải nói, ngày đêm hầ u hạ Ngài còn có Vương Mẫu Nương Nương đẹp rực rỡ như hoa. Đời số ng tình cảm cũng “phong phú lãng mạn”, mỗi năm vào ngày sinh nhật của Vương Mẫu Nương Nương, cũng tổ chức tiệc bàn đào chúc mừng. Ngọc Đế

biết rõ tầm quan trọng của tình yêu trong cuộc sống, mà còn ngăn cản hôn nhân của người khác (đương nhiên không tính việc Trư Bát Giới trêu ghẹo Hằng Nga, hành động vi phạm kỷ cương này không thuộc phạm trù tình yêu). Em gái Ngọc Đế và Dương Quân thật lòng thương yêu nhau, nên duyên chồng vợ dưới trần gian, sinh hạ được một cậu con trai tên là Dương Nhị Lang (Nhị Lang Thân). Họ đã là thật lòng yêu nhau. Lẽ ra Ngọc Đế nên vui mừng mới đúng. Nhưng Ngài không những không tán thành, còn bắt em gái trở về Thiên Đình, giam cầm tại Hoa Sơn. May nhờ Nhị Lang Thân sau khi trưởng thành pháp lực thân thông, phá núi cứu mẹ, nếu không khó thoát tai ương. Nếu tháo bỏ vầng ánh sáng của thân, Ngọc Đế thật đúng là một nhà độc tài chuyên chế.

Chúng ta lại xem hội bàn đào của Ngọc Đế. Trong lòng dân chúng, vị thần có địa vị cao nhất là Ngọc Hoàng Đại Đế, còn vị nữ thần có vị trí cao nhất thuộc phụ nhân của ông – Vương Mẫu Nương Nương. Nhắc đến Vương Mẫu Nương Nương, điều mà mọi người biết đến nhiều nhất có lẽ là yến tiệc sinh nhật của bà – Hội bàn đào. Trong truyền thuyết, ngày ba tháng Ba âm lịch là sinh nhật Vương Mẫu Nương Nương. Vào ngày này, Vương Mẫu Nương Nương sẽ mở đại tiệc, mời chư tiên đến cùng dự tiệc. Yến tiệc có đủ món ngon vật lạ, rượu ngon, còn có cả đào do chính Vương Mẫu Nương Nương trồng. Chư tiên ăn đào, chúc thọ. “Tây Du Ký” giới thiệu cho chúng ta điều kỳ diệu của bàn đào:

Đại Thánh chơi đùa chán chê, gọi Thổ Địa lên hỏi: “Cây này có bao nhiêu quả?” Thổ Địa thưa: “Có 3.600 quả, cây trước đó có 1.200 quả, hoa ít quả nhỏ, 3.000 năm chín một lần, người ăn vào có thể thành tiên đắc đạo, sức khỏe dồi dào. Cây chính giữa 1.200 quả, hoa nhiều, quả ngọt, 6.000 năm chín một lần, người ăn vào có thể bay lên mây, trường sinh bất lão. Cây phía sau 1.200 quả, vân tím hạt vàng, 9.000 năm chín một lần, người ăn vào thọ ngàn trời đất,

sánh cùng nhật nguyệt.” Đại Thánh nghe nói, vui mừng khôn xiết, hôm đó xem xét rõ cây trong vườn, rồi quay trở về phủ.

Quả đào tiên có lẽ là thần kỳ như vậy cho nên mới có truyền thuyết Hội bàn đào. Đó là bữa tiệc sinh nhật, đáng lẽ nên để lại cho mọi người ấn tượng tốt mới đúng. Nhưng trong ký ức của chúng ta, Hội bàn đào dường như trở thành nơi nảy sinh tai họa, rất nhiều mầm mống tai họa bắt đầu từ đây. Ba đồ đệ của Đường Tăng: Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Tăng hòa thượng đều gây họa sát thân ở Hội bàn đào. Tôn Ngộ Không vốn trông coi vườn đào, gấn bó hòa đồng với chư tiên trên Cung Đình. Chính vì Vương Mẫu Nương Nương không mời Ngộ Không đến dự Hội bàn đào, nên Ngộ Không đại náo Thiên Cung, khiến cho Thiên Cung được phen thất điên bát đảo, cuối cùng bị Phật Tổ Như Lai đè dưới núi Ngũ Hành, chịu sự giam cầm khổ sở suốt 500 năm. Trư Bát Giới vốn là Thiên Bồng Nguyên Soái, do uống rượu say tại Hội bàn đào, chân nam đá chân chiêu, đụng phải Hắc Ngà trên Quảng Hàn Cung, mang tiếng bốn cột tiên nữ, nhờ Thái Bạch Kim Tinh thỉnh cầu mới miễn được tội chết, nhưng bị phạt nặng đánh 2.000 roi, đuổi khỏi Thiên Cung, giáng xuống trần gian, còn đầu thai nhâm kiếp heo. Vài ly rượu tại Hội bàn đào đã khiến Thiên Bồng Nguyên Soái oai phong lẫm liệt trở thành chư tinh. Sa hòa thượng vốn là Quyền Liên Đại Tướng Quân, tại Hội bàn đào lỡ tay làm vỡ ngọn đèn lưu ly, bị bãi quan chức, xử cho tội chết, may nhờ Xích Cước Đại Tiên thỉnh cầu nên được giảm nhẹ tội. Tất cả mọi tai họa đều do Hội bàn đào gây ra.

8. Cao thủ trên Thiên Cung – Nhị Lang Thần

Truyền thuyết dân gian liên quan đến Nhị Lang Thần phong phú và đa dạng, nhưng không giống nhau hoàn toàn. Tên gọi Nhị Lang Thần Dương Tiễn tương đối được mọi người thừa nhận. Hình tượng Nhị Lang Thần được khắc họa tương đối nhất quán: tay

cầm thanh Tam Tiêm Nhị Nhân Đao, tinh thông Thập nhị huyền công (bảy mươi hai phép biến hóa), giữa trán có con mắt thứ ba có thể nhìn thấu căn tu của người khác, có thể phân biệt yêu ma quỷ quái, lưng đeo dây cung và mũi tên vàng, luôn có con Hổ ng Thiên Khuyển theo hộ vệ. Ở phần trên, khi nói về Ngọc Đế đã có nhắc đến thân thế của Nhị Lang Thân. Lớn lên Nhị Lang Thân học được pháp lực, phá núi cứu mẹ, nhưng do hiềm khích trước đây với Ngọc Đế, không muốn nhậm chức, mà còn không tuân theo chỉ ý của Ngọc Đế. Tam Tiêm Nhị Nhân Đao là vũ khí biểu tượng của Nhị Lang Thân. Chúng tôi thấy, trong các tiểu thuyết, Nhị Lang Thân đều mang tính “thanh cao”, “khí ngạo” và thân thông quảng đại. Như lời Quan Âm nói: “Nghe điều động không nghe sai bảo”, nhiều thiên binh thiên tướng không đương đầu nổi với Tôn Ngộ Không, nhưng Nhị Lang Thân thì bắt được ngay Tôn Ngộ Không. Ngộ Không ít nề phục ai, nhưng với Nhị Lang Thân thì khác. Tôn Ngộ Không từng nói: “Tiểu thánh Nhị Lang đáng làm đũa chũa của ta”.

Ai cũng biết Tôn Ngộ Không tinh thông bảy mươi hai phép biến hóa, nhưng chúng không chỉ là độc quyền của Tôn Ngộ Không. Nhị Lang Thân cũng tinh thông phép này. Chúng ta cùng xem đoạn văn tuyệt vời miêu tả Tôn Ngộ Không và Nhị Lang Thân đấu phép với nhau:

Đại Thánh chân tay rỗi bời, liền thu nhỏ gậy Như Ý thành cây kim, nhét vào lỗ tai, lặc thân biến hình thành một con chim sẻ, bay đậu trên đầu ngọn cây. Sáu vị thân kia nháo nhào tìm kiếm xung quanh không thấy, cùng thốt lên: “Hầu Tinh chạy mất rồi! Hầu Tinh chạy mất rồi!”. Đang lúc hoảng tìm kiếm thì Chân Quân đến, hỏi: “Các vị huynh đệ, đuổi đến đâu thì không thấy?” Các vị tiên đáp: “Vừa bao vây tới đây thì không thấy nữa.” Nhị Lang Thân đổi mắt thân nhìn quanh, thấy Đại Thánh biến thành chim sẻ, đậu trên cây, liền thu phép lại, cất Thân Phong đi, lách

cây cung xuống, lắ c người một cái, biế n thành con chim ưng hung ác, giang cánh lao tới. Đại Thánh thấ y thấ , đập cánh bay lên, biế n thành con chim cuố c, lao vút lên trời. Nhị Lang nhìn thấ y, thu ngay cánh, lắ c mình biế n thành con hạc biển to, bay lên trời cao đuối bắ t. Đại Thánh chao mình lại lao thẳng xuống khe suồ i, biế n thành con cá, bơi lội dưới nước. Nhị Lang đuối đế n khe suồ i, không thấ y tung tích Ngộ Không đâu, lòng thầ m nghĩ: “Con Khi này chắ c đã troứ n xuống nước, biế n thành tôm cá gì đó. Để ta lại biế n hình lầ n nữa bắ t nó.” Thấ là Nhị Lang biế n thành con ưng biển, bay lượn trên sóng nước. Đợi một hồ i, Đại Thánh đang là cá bơi dưới nước, đột nhiên thấ y một con chim, giồ ng diề u hâu, lông lại không có màu xanh, giồ ng cò trắ ng, trên đầ u lại không có mào, chân lại không có màu đỏ, liề n nghĩ: “Chắ c do Nhị Lang hóa thành để bắ t ta đây!” liề n quay đầ u bỏ chạy. Nhị Lang nhìn thấ y bảo: “Con cá đang bơi kia, trông giồ ng cá chép, đuối lại không có màu đỏ, giồ ng cá mè lại không có vảy, giồ ng cá lóc trên đầ u lại không có sao, giồ ng cá phòng trên mang lại không có xương. Vừa trông thấ y ta thì quay đầ u chạy, chắ c là con Khi đó biế n thành” bèn đuối theo, mỗ nó một nhắ t. Đại Thánh liề n nhảy khỏi mặt nước, biế n hình thành con rắ n nước, bơi vào bờ, lẩn vào trong cỏ. Nhị Lang không bắ t được, lại thấ y trong nước có một con rắ n bơi ra, nhận ra là Đại Thánh, liề n xoay mình, biế n thành con hạc đen đầ u đỏ, giương cái mỏ dài, giồ ng như một cái kềm sắ c bén, lao đế n muố n bỏ vào đầ u con rắ n nước.

Có người trêu chọc bảo Nhị Lang Thầ n giồ ng như đi săn, giữa lưng đeo cung và mũi tên vàng, còn dắ t theo một con Hồ ng Thiên Khuyển, những công cụ đi săn này trở thành “ám khí” độc môn khi chiế n đầ u. Trên Thiên Đình ngoài Nhị Lang Thầ n ra, ai mà câ m cung, dắ t chó xung trận giế t địch chứ? Có thể nói đây là đặc điể m của Nhị Lang Thầ n. Cung là công cụ bắ n chim, trong “Kim Quang tự quét tháp tìm Phật Bảo”, Nhị Lang Thầ n dùng cung tên chiế n

đầu quyết liệt với Rắn Chín Đầu. Còn Hồng Thiên Khuyển vừa nghe tên đã thấy rõ uy lực: Khi Ngô Không và Nhị Lang Thân đầu với nhau, Ngô Không bị Thái Thượng Lão Quân dùng vòng Kim Cang lén trói, ngã lộn nhào ra sau, vừa định bật dậy, thì bị Hồng Thiên Khuyển cắn một cái vào đùi, không gượng dậy được nên mới bị bắt giữ. Con Thân Khuyển này cũng rất xuất sắc trong cuộc chiến với Rắn Chín Đầu. Khi Ngô Không cùng Nhị Lang Thân hợp tác đánh Rắn Chín Đầu, không ngờ Rắn Chín Đầu biến ra nhiều đầu, định cắn Nhị Lang Thân, bỗng Hồng Thiên Khuyển từ đâu nhảy xổ ra, tát một cái ngay đầu của Rắn Chín Đầu. Rắn Chín Đầu không còn tâm trí đâu mà chiến đấu, tìm đường thoát thân. Hồng Thiên Khuyển của Nhị Lang Thân trong nguyên tác “Tây Du Ký” bị gọi là “Tê Khuyển”, hình dáng nhỏ nhắn, kẻ địch thường không chú ý đến, nên thuận lợi được việc. Ngoài ra bên cạnh Nhị Lang Thân còn có sáu huynh đệ gấn bó keo sơn. Họ là cánh tay đắc lực của Nhị Lang Thân. Năm đó khi Ngô Không bị Hồng Thiên Khuyển cắn té ngã, đã bị sáu huynh đệ này trói lại. Sáu huynh đệ này thêm Nhị Lang Thân là bảy người, trong bộ tiểu thuyết “Tây Du Ký” họ được xưng là “Thất Quái”.

Thiên binh thiên tướng trên Thiên Đình tuy nhiều, phải trên vạn, nhưng đối thủ thật sự của Tôn Ngô Không chỉ có Nhị Lang Thân. Cho nên Nhị Lang Thân không đến, thiên binh thiên tướng không cách nào đối phó với Tôn Ngô Không. Lần thứ hai Tôn Ngô Không náo loạn Thiên Cung, Ngọc Đế phái người điêu Nhị Lang Thân đến. Nhị Lang Thân cùng Tôn Ngô Không đánh đến trời long đất lở. Tuy Thái Thượng Lão Quân lén trói Tôn Ngô Không lại, nhưng công lao vẫn thuộc về Nhị Lang Thân. Hơn nữa, khi Tôn Ngô Không lật đổ Lò Luyện Đan, đại náo Thiên Cung lần nữa, Ngọc Đế không kêu Nhị Lang Thân lần nữa mà cho người đến mãi Tây Phương cầu cứu Như Lai Phật Tổ, nguyên do là gì?

Là Ngọc Hoàng Thượng Đế mà phải đi cầu cứu Như Lai Phật Tổ, dù sao đi nữa cũng là một việc mất mặt. Nhưng nếu ngầm nghĩ một chút về những nhân tố của nền chính trị Trung Quốc, Ngọc Hoàng Đại Đế làm như vậy e rằng thỏa đáng hơn.

Mỗi vương triều Trung Quốc, khi nội bộ có xáo xáo thì nguyên nhân nổi loạn không ngoài tranh giành quyền lợi, địa vị, hoặc tranh giành ảnh hưởng với nhà vua. Mà trong đám kẻ nổi loạn bao giờ cũng có Hoàng thân quốc thích. Cho nên Đế Vương luôn đề phòng nghiêm ngặt thân thích hoàng tộc, có lúc cho đảm nhận trọng trách nhưng vẫn luôn đề phòng mọi chuyện.

Chúng tôi lấy thời đại nhà Minh của Ngô Thừa Ân sinh sống làm ví dụ. Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương sau khi giành được giang sơn, từng do dự rất lâu khi lập Thái Tử. Ông muốn đưa người con thứ tư là Chu Đệ làm Thái Tử. Chu Đệ là người có cung cách, năng lực làm việc giống ông nhất. Nhưng theo kiến nghị của đại thần, để giữ gìn trật tự trong cung, nên lập con trưởng làm Thái Tử. Chu Nguyên Chương suy nghĩ hồi lâu, tiếp nhận ý kiến quần thần. Để con cái không đố kỵ, ghen ghét lẫn nhau, ông đành hy sinh đứa con ông thương yêu nhất. Song chính sự do dự này của ông đã gieo rắc mầm mống tai họa. Sau khi Chu Nguyên Chương qua đời, do con trưởng mất sớm, theo luật lệ phong kiến, cháu đích tôn Chu Doãn Văn kế vị, đổi hiệu thành Nguyên Kiến Văn. Nhưng Chu Đệ không coi đứa cháu này ra gì, tìm có khởi binh đoạt ngôi hoàng đế từ tay cháu mình, tự xưng là Hoàng Đế Vĩnh Lạc.

Chính vì bản thân dùng thủ đoạn phi pháp đoạt được ngôi vua nên Chu Đệ rất ý thức được tính quan trọng việc phòng trừ các thủ đoạn phi pháp. Sau khi ông lên ngôi, không chỉ quy định Thái Tử phải là con trưởng, mà còn quy định các Hoàng Tử, Phò Mã không có quyền trị dân trị nước, đến độ tuổi nhất định phải rời kinh thành đến vùng đất được phong, ở đó có thể tận hưởng lạc thú, nhưng không

được can thiệp vào chính vụ của địa phương, không có chiế u truyề n gọi, không được vào kinh. Do đó cả triề u đại Nhà Minh từ sau thời Chu Đệ, những long tử, long tôn không được làm Hoàng Đệ , chỉ còn cách rời bỏ kinh thành, ra đi mãi mãi.

Hiểu được điề u này sẽ lý giải được tại sao Nhị Lang Thầ n lại không được điề u đi lâ n nữa. Thịnh Tây Thiên Phật Tổ giúp đỡ, cùng lấ m sắ m hậu lễ tạ ơn. Nế u để Nhị Lang Thầ n ỷ công lao lớn đâm ra tự cao, ở lý trên Thiên Đình không chịu đi, thì phiề n phức to.

Nhớ đế n lúc quay đế n cảnh tôi và con Hô ́ng Thiên Khuyển của Nhị Lang Thầ n đuổi đánh nhau, đúng thật là thoát hiểm từ miệng “Khuyển”.

“Diễn viên” đóng vai Hô ́ng Thiên Khuyển trong phim “Tây Du Ký” là con chó cảnh sát về hưu do một công nhân tại Cửu Giang, Giang Tây nuôi dưỡng. Nó cao lớn uy mãnh, đặc biệt rấ t hung tợn. Trừ chủ nhân ra, đố i với ai, nó cũng nhìn chắ m chắ m như hổ đói. Đoàn làm phim chúng tôi ai cũng cẩn thận tránh xa nó, không dám vượt qua “Lôi Trì” nửa bước.

Hôm đó, nhân viên đoàn làm phim hóa trang cho tôi xong, mặc áo giáp của Mỹ Hầ u Vương chinh tề , đội mào làm bằ ng lông chim trĩ. Mọi thứ chuẩn bị đã xong, nhân viên đoàn làm phim mới dắ t con “Hô ́ng Thiên Khuyển” ra. Nó đứng cách tôi một khoảng không xa, đội đạo diễn lên tiế ng bắ m máy. Có thể do hai cái lông chim trĩ trên đầ u tôi, gió thổi bay qua bay lại khiế n con chó chú ý. Tôi thấ y hai con mắ t đen láy của nó nhìn tôi đăm đăm. Nói thật, lúc đó tôi cũng có phầ n hờ i hộp lo sợ.

Đúng lúc đó, đạo diễn hô diễn, bắ t đầ u quay. Chủ nhân con cảnh khuyển vừa ra lệnh “cắ n” chỉ thấ y ánh mắ t con Hô ́ng Thiên Khuyển sắ c lạnh, thề lưỡi ra, điên cuồ ng chạy về phía tôi. Nhân

viên đoàn phim đang nấp phía sau vách núi thấy vậy bèn kéo dây, “Tôn Đại Thánh” tôi đây liền bay lên, mới thoát khỏi nguy hiểm. Khi dây kéo tôi lên một khoảng cách mặt đất khá cao, tôi bắt đầu trượt xuống theo sợi dây thép, con cảnh khuyên nhìn tôi trùng trùng nhưng không cản được, sửa lòng lên như sấm. Tôi chưa kịp thở, ai ngờ lại xảy ra một tình huống trớ trêu. Dây thừng đã kéo được một nửa, “Tôn Ngộ Không” đã trượt đến chính giữa dây, do dây thép chùng xuống, “Ngộ Không” còn cách mặt đất khoảng chưa đầy hai mét. Con “Hồng Thiên Khuyển” bèn nấp ngay lấy cơ hội, nhảy lên, xông thẳng về phía tôi, ngoạm lấy chân tôi. Lúc ấy, tim tôi như sắp nhảy ra khỏi lồng ngực. Có lẽ do bản năng, tôi lấy hết sức bình sinh giật phắt cái chân lên, thoát khỏi “miệng chó”, nhưng cái giáp trụ đang mặc bị cản mất một mảnh lớn. Sau đó, nghe anh chị em trong đoàn nói, trước khi cho con “Hồng Thiên Khuyển” diễn, đã bỏ đói nó hai ngày để lúc quay đạt đến hiệu quả mong muốn. Thảo nào nó dữ tợn với tôi như thế.

Cảnh quay này rất hay, đạo diễn Dương Khiết rất hài lòng nên không phải quay lại. Cảnh cái áo giáp trụ của Tôn Ngộ Không trong “Tây Du Ký” bị con Hồng Thiên Khuyển cản mất một miếng lớn chính là cảnh quay lần “thoát hiểm khỏi miệng chó” của tôi.

9. Kim tinh hỏa nhãn của Tôn Ngộ Không và cặp mắt cận thị của tôi

Tôn Ngộ Không không chỉ một lần tự chứng tỏ mình có cơ thể đã luyện thành kim cang bất hoại. Sự thật đúng như vậy. Sau khi Ngộ Không đại náo Thiên Cung bị bắt nhốt, thiên binh thiên tướng lấy dao chém, búa chặt nhưng chẳng thể làm trầy xước một cọng lông khi nào. Cuối cùng Thái Thượng Lão Quân giam Ngộ Không vào Lò Bát Quái chuyên dùng để luyện đan, dùng lửa luyện trong bảy bảy bốn mươi chín ngày, Ngộ Không cũng chẳng mảy may thương tích.

Ngược lại luyện cho Ngô Không một đôi Kim Tinh Hỏa Nhãn – mắt lửa ngời vàng..

Đôi Kim Tinh Hỏa Nhãn của Tôn Ngô Không được luyện thành trong Lò Luyện Đan của Thái Thượng Lão Quân. Cặp mắt này vô cùng thần kỳ, bất kể yêu ma quỷ quái biến hóa thế nào đi nữa, Ngô Không cũng nhìn thấu được. Sau khi bộ phim truyền hình nhiều tập “Tây Du Ký” được phát sóng, rất nhiều bạn bè hào hứng nói đến đôi mắt “Kim Tinh Hỏa Nhãn” của tôi. Nhiều bạn còn hiểu kỳ hơn, liên tục gửi thư đến hỏi tôi bí quyết.

Thực ra đôi mắt tôi không gần bất cứ thứ gì như thủy tinh, điện quang, cũng không có gì đặc biệt. Nói đến bí mật trong đó, không gì ngoài hai chữ – khổ luyện. Trên sân khấu kịch, diễn viên và công chúng có sự giao lưu ánh mắt, nhưng thường từ góc xa, không có cảnh gần, cũng chẳng có máy quay chĩa vào. Do đó, đôi mắt cận thị của tôi còn dễ dàng che giấu. Nhưng lên ti vi thì không được. Công chúng gần như ngay sát mặt bạn, ánh mắt tập trung hay lơ đãng, vận dụng cái thần của mắt như thế nào, không thể che giấu được ai. Huống hồ, mặt tôi có lớp mặt nạ che khuất, chỉ lộ đôi Kim Tinh Hỏa Nhãn. Mọi người ai cũng nói đôi mắt là cửa sổ tâm hồn. Đôi lúc cửa sổ tâm hồn không chỉ có đôi mắt, cử động của mỗi một bộ phận trên mặt chúng ta đều để lộ hoạt động nội tâm của chúng ta. Nhưng hiện giờ, tôi chỉ còn sót lại duy nhất một cửa sổ tâm hồn, phải lột tả được nội tâm của nhân vật qua cánh cửa tâm hồn này, thể hiện nét tinh anh, nghịch ngợm...qua Kim Tinh Hỏa Nhãn của Tôn Ngô Không, khó biết chừng nào!

“Khi con, ánh mắt của anh không đúng rồi! Diễn lại lần nữa!” Đạo diễn thường xuyên ngò i trước ống kính nhắc nhở tôi như thế.

Bản thân tôi cũng biết ánh mắt mình có vấn đề nên sốt ruột hơn ai hết! Nhưng sốt ruột thì có ích gì? Không cần đạo diễn

nhỏ, tôi cũng tự nhủ: mắt có vấn đề, không thể diễn tốt được. Một đạo diễn nổi tiếng đã từng nói: “Diễn hay hay không là ở nét mặt. Nét mặt truyền cảm hay không là ở đôi mắt!” Đôi mắt vô hồn, bộ phim sẽ hỏng hết. Khi cha tôi diễn bộ phim truyện “Ba lần đánh Bạch Cô t Tinh”, ông nhận được nhiều lời khen. Đôi mắt quá sức của ông có tác dụng rất quan trọng. Bây giờ, tôi phải thể hiện đôi mắt ấy. Phải tính sao đây? Chỉ còn một con đường: khổ luyện!

Sáng sớm thức giấc, tôi dậy thật sớm, đứng trên sườn đồi hoặc mái nhà ngắm mặt trời lên. Người khác nhìn một hồ i phải chuyển động ánh mắt, vì ánh mặt trời quá mạnh làm chói mắt. Nhưng tôi không quan tâm đến, đứng đó nhìn đắm đắm không chớp mắt. Nắng chói chang, hai mắt cay sè, chảy cả nước mắt, nhưng tôi quyết không từ bỏ. Ban ngày, tôi đi xem người khác đánh bóng bàn, đôi mắt chuyển động theo chuyển động bay qua bay lại của trái bóng trắng. Có lúc, tôi cũng dõi theo chim bay trên trời, ngắm chúng bay lững lờ trên trời, nhìn mãi cho đến khi chúng chỉ còn lại một chấm nhỏ mới thôi. Đêm xuống, tôi nhóm một ngọn đèn, cho ánh mắt chuyển động theo ánh lửa chập chờn lên xuống.

Mỗi khi đoàn làm phim bắt đầu bấm máy, ai nấy đều tránh ánh đèn chiếu vì sợ chói mắt. Còn tôi không những không tránh, mà còn dõi mắt theo ánh đèn. Tôi nhìn đắm đắm, không hề chớp mắt, cho đến khi hai mắt cay xè, nước mắt chảy ra mới thôi. Tôi nắm được điều mà chú quan trọng nhất: mắt ướt, thì ánh mắt sẽ linh hoạt, có thần. Ngoài ra, tôi còn nhờ nhân viên hóa trang dùng giấy kim tuyến vàng dán một đường viền vàng quanh mắt tôi. Nhờ vậy toát nên thần sắc của Kim Tinh Hỏa Nhãn.

Dần dần, ánh mắt tôi ngày càng có thần hơn. Ánh mắt tôi có thể biến đổi theo cảnh quay, có lúc âm u uất hận, rồi thoáng nét vui sướng, lúc lại chứa chan tình cảm, thoắt cái lại tóe lửa nổi giận lôi

đình. Khi Tôn Ngộ Không đương đầu với yêu quái, ánh mắt giận dữ của Tôn Ngộ Không nhìn xoáy thẳng vào mắt yêu quái. Lúc ấy, Kim Tinh Hỏa Nhân đủ khiên người ta rợn tóc gáy!

Tôn Ngộ Không thật không hổ danh là Tôn Ngộ Không! Trong lò luyện đan của Thái Thượng Lão Quân, Ngộ Không không những không bị mất đi một cọng tóc nào mà còn luyện được đôi Kim Tinh Hỏa Nhân. Đơn giản thế thôi nhưng khi quay cảnh này thì khổ sở vô cùng. Lò luyện đan do các bậc thầy kỹ xảo dàn dựng. Đó là một khối hình cầu đường kính hơn một mét, bên ngoài nẹp sắt bao quanh, và được quét một lớp xăng đông đặc. Tôi mặc một chiếc áo a-mi-ăng chống cháy bó sát, chui vào trong lò. Nhân viên trường quay liền châm lửa vào lớp xăng được quét sẵn trên thành lò. Ngọn lửa “phục” một cái rô-i phụt cao cả thước, bốn bề cháy phừng phực. Lúc này tôi đang ở trong lò, nóng khủng khiếp. Lúc ấy tôi mới thật sự biết thế nào là bị nướng trong lửa. Tôi vừa bị “tra tấn” trong ngọn lửa nóng như thiêu như đốt, lại vừa phải diễn sao cho thật tự nhiên thoải mái. Bây giờ nghĩ lại cảnh ấy, tôi vẫn thấy ớn. Nhưng để không ảnh hưởng đến tiến độ quay, tôi cắn răng chịu đựng. Đến khi hết chịu nổi nữa, tôi nhảy ra khỏi “Lò Luyện Đan” uống nước hạ nhiệt, rô-i lại chui vào quay tiếp. Đến khi đạo diễn bảo được, không cần quay nữa, tôi như kẻ chết đuối vớ được cọc, vội vàng ba chân bốn cẳng “chạy khỏi” lò Luyện Đan. Khi đó, tự nhiên ai cũng nhìn tôi mà cười. Tôi đang bối rối chẳng hiểu tại sao, thì nhân viên hóa trang đưa cho tôi chiếc gương, nói: “Khỉ con, anh soi thử xem!” Tôi đón lấy chiếc gương soi vào, cũng bật cười. “Lông khỉ” bên ngoài bị cháy cả, lông mày cũng không còn, lớp da mỏng dán trên mặt có chỗ bị lửa liếm biến dạng luôn, chẳng còn thấy bóng dáng của “Mỹ Hầ-u Vương” đâu nữa!

Mỹ Hầ-u Vương tôi đây còn gặp phải nhiều cảnh thâm hơn! Khi diễn đến cảnh tôi nhảy ra khỏi Lò Luyện Đan, tôi phải đạp chân

lên miệng lò để nhảy ra, ai ngờ vòng sắt trên lò bị lửa đốt đỏ rực. Chân tôi vừa đạp lên bị bỏng hai vết đỏ quạch, đau thấu tim gan.

Trong quá trình quay bộ phim truyền hình nhiều tập “Tây Du Ký”, những cảnh “rèn luyện trong lửa” như vậy, tôi trải qua không chỉ một lần. Khi quay đến tập 14 “Đại chiến Hồng Hải Nhi”, tôi lại bị Hồng Hải Nhi dùng lửa thiêu trong Hỏa Vân Động lần nữa. Trước khi quay, tôi mặc một chiếc áo a-mi-ăng chống cháy bó sát, bên ngoài áo khi và quần khi được thấm nước ướt, sau đó mới trét lên một lớp xăng khô đặc. Nhân viên trường quay còn dùng xăng khô trét lên phía trước và sau lưng tôi tạo thành hai bức tường lửa. Khi quay lần thứ nhất, do xăng khô trét quá ít, lửa không đạt hiệu quả như mong đợi, cảnh quay không đủ ấn tượng. Đạo diễn quyết định quay lại lần nữa, cho nên nhân viên trường quay thêm hiệu ứng lửa. Bắt đầu quay lần thứ hai, trường quay lửa cháy bùng bùng, “Tôn Đại Thánh” dấn thân trong biển lửa, căm rắp kiên trì diễn những động tác đạo diễn quy định. Do lần này xăng khô được trét lên người tôi quá nhiều, thân tôi vừa nặng vừa dày, khi diễn các động tác rất bất tiện, hơn nữa bị lửa phủ kín xung quanh, cảm thấy rất khó chịu. Tôi thật sự trở thành “Ngọn đuốc người”, bị đốt đến nổi đầu óc quay cuồng, thở không ra hơi. Sau đó, lửa thiêu đốt đến nỗi tôi chịu không nổi, mà vẫn chưa nghe đạo diễn hô cắt, tôi đành liều mạng lăn lộn dưới đất.

Ban đầu, nhân viên trường quay chưa phát hiện tình trạng nguy hiểm của tôi, còn cho rằng đó là cảnh diễn tùy hứng của “Tôn Ngộ Không”. Sau đó phát hiện động tác của tôi có phần gượng gạo, mọi người mới nhận ra tình hình không ổn, lập tức kéo tôi ra khỏi đám lửa, vừa tưới nước vừa xúc cát lên người tôi. Lửa tắt, mọi người thấy “mặt” của “Đại Thánh” bị cháy đến biến dạng, lông mi cũng bị cháy mất. Một diễn viên trên trường quay cứ khen tôi: “Anh tài thật đấy, lửa to như thế vẫn kiên trì quay.” Tôi nghe xong, không biết nên

khóc hay cười, trong lòng nghĩ: Tôi bị lửa đốt đến mê muội mất rồi, muốn nhảy ra khỏi lửa cũng khó, trừ phi tôi thật sự là Tôn Đại Thánh.

10. Gian khổ dưới núi Ngũ Hành

Tôn Ngộ Không đại náo Thiên Cung, sau khi bị Nhị Lang Thần và Quan Âm bắt giữ, thiên binh thiên tướng dùng hết cách này cách cũng không làm sao trị được Ngộ Không, không còn cách nào khác đành phải nhờ đến Phật Tổ Như Lai. Phật Tổ Như Lai trấn áp Ngộ Không dưới Ngũ Hành Sơn, còn dùng một tấm bùa cấm có viết sáu chữ vàng “Om, Ma, Ni, Ba, Mi, Hô” giao cho đệ tử A Nan, bảo A Nan đem lá bùa dán trên đỉnh núi. Như vậy, Tề Thiên Đại Thánh hô phong hoán vũ bị đè dưới núi cô đơn khổ cực suốt 500 năm.

Ngũ Hành Sơn vốn là vật được biến ra từ năm ngón tay của Như Lai. Chữ vàng của Như Lai dán lên núi, giúp cho Ngũ Hành thêm phần vững chắc, đè chặt Tôn Ngộ Không, khiến Tôn Đại Thánh không còn động đậy gì được.

Việc Tôn Ngộ Không bị đè dưới núi Ngũ Hành, dầm mưa dãi nắng, chịu lạnh chịu đói suốt 500 năm, cũng mang một ngụ ý, giống như Mạnh Tử từng nói: “Trời sẽ giao trọng trách cho ai, ắt trước tiên sẽ khiến người đó tâm trí mỏi mệt, gân cốt rã rời, khổ sở đói khát, cho đến khi thân thể gầy còm, nếm mùi nghèo khó, khiến việc anh ta làm lung tung, lầm lỡ, luôn không như ý, thông qua những điều đó giúp anh ta nội tâm thận trọng, tính cách kiên định, bổ sung những tài cán còn thiếu sót.”

Tôn Ngộ Không chịu sự giam cầm khổ sở, nếm đủ mùi đau khổ suốt 500 năm cuộc sống “không phải Khi”. So với Ngộ Không phải chịu 500 năm gió dập mưa vùi, thì tôi còn may mắn hơn nhiều.

Những năm tháng trong suốt 500 năm đó, tôi chỉ mất có một ngày để quay. Đoạn phim này được quay ở Thạch Lâm tại Vân Nam.

Nhân viên thiết kế mỹ thuật nhanh chóng tìm được một hang động đá vôi nhỏ cho “con Khi gặp nạn” như tôi dung thân. Tôn Ngộ Không bị đày dưới núi Ngũ Hành 500 năm, trải qua vô số giá lạnh, khô hạn. Trong hang đá vôi này, tôi cũng phải biểu hiện ra những đau đớn, khổ sở của Tôn Ngộ Không trước sự khắc nghiệt của thiên nhiên.

Tuy không thể sánh với những khó khăn Tôn Đại Thánh chịu đựng trong 500 năm, cảnh quay này cũng chỉ gói gọn trong một ngày, nhưng cũng chẳng phải thoải mái gì. Ban đầu thiết kế của đoàn phim là cho đầu và hai tay của tôi để thò ra ngoài, tôi cảm thấy như vậy vẫn quá tự do, không biểu hiện ra hết những gian khổ Tôn Ngộ Không phải chịu đựng, cho nên xin chỉ để lộ đầu và một tay ra ngoài, tay chỉ thò ra đủ để nhét tuyết ăn. Tôi ở trong cái động đá nhỏ đó quay cảnh bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Mùa hè, mưa trút xối xả lên cái đầu thò ra ngoài hang của tôi. Mùa thu, để thể hiện “thử thách” của thiên nhiên với Ngộ Không trong suốt mấy trăm năm, đạo diễn muốn trên đầu Ngộ Không phủ lớp rêu xanh, nhưng lúc bấy giờ điều kiện quay phim thô sơ, người ta bèn dùng đất dưới thân ngựa trét dính lên đầu tôi, thật ra đó là nước đá ngựa và đất quện vào nhau, sau đó lấy cành cây khô treo trên đầu tôi. Mùa đông, gió bắc lạnh căm, cuốn bay từng lớp tuyết, gió mạnh đến nỗi tôi không mở được mắt, Tôn Ngộ Không còn phải ăn “hoa tuyết”. Lúc đó, do điều kiện hạn chế, chỉ có thể dùng phân bón hóa học và bột trộn thành “hoa tuyết”. Để diễn như thật, tôi cũng bóc “hoa tuyết” bỏ vào miệng ăn ngon lành. Quay xong cảnh này, tôi biến thành con “Ngọc Hô u” lóng lánh như tuyết. Trong suốt ngày quay hôm đó, tôi còn phải mặc bộ áo Khi. Bộ áo Khi này làm bằng chất liệu lông nhân tạo giống với loại váy liên quần giới nữ

thường mặc. Mặc vào rất bó, lại nóng, mồ hôi nhễ nhại thật khó chịu. Còn nhớ lúc đó một khán giả tại trường quay cười nói với tôi: “Nhìn anh quay gian lao khổ cực như vậy, có thể hình dung ra được Ngô Không khổ sở đến mức nào lúc ấy.”

Cho đến bây giờ, tôi còn nhớ rõ cảnh tượng quay đoạn “sư phụ, đệ tử gặp nhau”. Trải qua 500 năm gian khổ, đầu tôi mọc đầy râu xanh, mặt tôi cũng thế, quần áo rách rưới, lam lũ. Khi diễn đến cảnh Đường Tăng không ngại thế núi hiểm trở, lom khom leo từng bước một lên đỉnh núi, Ngô Không cảm động rơi nước mắt. Đường Tăng leo lên đến đỉnh núi, tháo bỏ lá bùa, cứu Ngô Không ra. Đạo diễn Dương sắp xếp cảnh này như sau, tôi vừa chạy, vừa kêu to “sư phụ”, cho đến khi chạy tới quỳ xuống dưới chân sư phụ. Đá vụn ở Thạch Lâm sắc nhọn, lúc đó tôi chỉ nghĩ diễn sao cho thật, những việc khác không cần nghĩ nhiều. Nghe đạo diễn hô “diễn”, tôi lập tức điểu chỉnh tâm lý, nhập vai, với cảm xúc vui mừng sau khi thoát khỏi đại nạn cùng sự cảm kích vô bờ ơn tái sinh của sư phụ, vội vàng chạy đến, hai mắt mở to nhìn sư phụ một hồi lâu, đột nhiên quỳ xuống. Chính giây phút đó, một cơn đau thâu tim gan ở đầu gối nhói lên khiến tôi đau đến suýt kêu thành tiếng... May quá, cảnh quay đến đây là xong, nhưng tôi không đứng lên nổi nữa. Tôi từ từ nhấc gối trái lên, chiếc quần Khi làm bằng nilông bị mòn vẹt, lung lổ, máu chảy liên tục.

Chuyện Tôn Ngô Không bị đè dưới Ngũ Hành Sơn, giúp chúng ta cảm nhận sâu sắc sức sống kiên cường của hình tượng nghệ thuật Tôn Ngô Không, cũng khiến chúng tôi cảm nhận được sự yếu ớt của sinh mạng. Tôn Ngô Không đem đến cho chúng ta một lung linh huyền ảo, cũng có thể đây là nguyên nhân thật sự khiến hình tượng Tôn Ngô Không không hề phai nhạt.

11. Tình ngộ sau 500 năm

Chúng ta thường nói cái đáng sợ không phải mình phạm sai lầm. Cái đáng sợ là sau khi phạm sai lầm không biết tỉnh ngộ, mà vẫn khẳng khái cho rằng mình đúng, như vậy là hết thuốc cứu chữa. Ngộ Không trong 500 năm “bị giam có thời hạn” đã bắt đầu tỉnh ngộ. Tôi nghĩ Tôn Ngộ Không trong một trăm năm đầu tiên chưa tâm phục khẩu phục, thường hét lên: “Nhu Lai, Lão Tôn ta bị người gạt rồi”. Một trăm năm tiếp, Ngộ Không luôn tự hỏi mình, tại sao mình lại ở đây. Một trăm năm thứ ba có lẽ Ngộ Không sẽ suy nghĩ tại sao mình thất bại. Một trăm năm năm thứ tư cuối cùng, anh đã hiểu “vỏ quýt dày có móng tay nhọn”. Một trăm năm thứ năm, Ngộ Không bắt đầu tỉnh ngộ ra. Một trăm năm thứ sáu, Ngộ Không dần dần trưởng thành, vui vẻ tiếp nhận ý kiến Quan Thế Âm Bồ Tát – đi theo hộ tống Đường Tăng đi Tây Thiên thỉnh kinh, lấy công chuộc tội.

Tôn Ngộ Không bị giam cầm trong suốt 500 năm, nhưng không hề uổng công, Ngộ Không đã bắt đầu tỉnh ngộ.

Khi tôi có buổi báo cáo với các bạn sinh viên đại học, tôi thường nói tới 12 chữ mà tôi thích nhất: tổng kết quá khứ, phân tích hiện tại, hoạch định tương lai. Rất nhiều người nói câu “hoạch định tương lai” thành “hướng đến tương lai”. Tôi cho rằng chỉ có hướng đến tương lai vẫn không đủ, chúng ta thật sự nên bình tĩnh suy nghĩ mục tiêu cuộc sống của chúng ta là gì, suốt đời muốn theo đuổi cái gì, đồng thời phải kiên trì theo đuổi mục tiêu của mình, tiến lên phía trước. Tôi từng đọc bài viết sau cho con gái tôi, thấy rất có ích, mọi người có thể tham khảo. Bài viết này viết về việc khảo sát liên quan đến mục tiêu cuộc sống con người của trường Đại học Harvard. Điều kiện trường đại học Harvard lúc đầu còn rất thiếu thốn, khi sinh viên đến lớp phải đi qua một cánh đồng ngô. Có người ghi chép lại lý do tại sao họ lại cực nhọc như vậy để vượt qua cánh đồng ngô. 25 năm sau công bố kết quả điều tra như sau:

3% trong số đó, 25 năm qua nỗ lực không biết mệt mỏi để theo đuổi theo con đường mình đã chọn, trở thành người thành công trong các giới. Trong đó có không ít các nhà lãnh đạo tiên phong đầu ngành, tinh hoa của xã hội.

10% trong số đó ngừng thực hiện các mục tiêu ngắn hạn của mình, cuối cùng trở thành chuyên gia trong các lĩnh vực, đa số thuộc tầng lớp trung lưu của xã hội.

60% trong số những người kể trên, có cuộc sống và công việc ổn định, nhưng không có thành tích gì đặc biệt, hầu như sống trong tầng lớp trung bình của xã hội.

27% số người còn lại, họ sống không mục tiêu, sống cuộc sống không như ý. Họ thường hay than thân trách phận, oán trách xã hội, trách cuộc đời “không chịu cho họ cơ hội”.

Cuối cùng, qua cuộc điều tra cho thấy, sự khác biệt trong cuộc đời và cuộc sống hiện nay của những người được khảo sát có liên quan chặt chẽ với quan niệm của họ đối với việc tại sao phải vượt qua cách sống ngô đó.

Chí hướng cao xa, có hoài bão lớn, là sự khác biệt lớn nhất giữa Tôn Ngộ Không và Ngưu Ma Vương – anh em kết nghĩa với Ngộ Không. Kỳ thực, nói về mặt pháp lực và võ công, Ngưu Ma Vương đâu phải là xoàng. Khi giao đấu, Ngộ Không cũng phải rất chật vật mới thắng được Ngưu Ma Vương. Ngưu Ma Vương tuy võ công cao cường, nhưng lại không có chí hướng cao xa, suốt ngày đắm chìm trong tử sắc, bị nhấn chìm trong dục vọng, không tự gượng lên được. Ngưu Ma Vương đã cưới một tuyệt sắc giai nhân là Thiệt Phiến công chúa làm vợ, nhưng vẫn “đèo bòng” bên ngoài, suốt ngày cặp kè Ngọc Diện Hồ Ly, còn thường xuyên tụ tập bạn bè chè

chén đến say bí tỉ. Kể chuyện như thế nào? Chơi bời trác táng, vợ con ly tán, còn bị đánh trở lại nguyên hình.

Lòng ôm chí lớn, mục tiêu rõ ràng, đó là phẩm chất quý giá của Tôn Ngộ Không. Sau 500 năm bị giam cầm, Ngộ Không đã tỉnh ngộ: phải làm nên sự nghiệp lớn. Hộ tôn Đường Tăng đi Tây Thiên thỉnh kinh, thực ra không bằng bất kỳ chức quan nào trên Thiên Đình. Nhưng Ngộ Không rất yêu thích công việc này, dốc hết tâm sức vì việc lớn. Mười bốn năm ấy, Ngộ Không và Đường Tăng cùng đón mặt trời lên, cùng tiễn mặt trăng lặn, diệt trừ yêu ma trên đường, giúp đỡ người nghèo khổ, cuối cùng hộ tôn được Đường Tăng đến được Linh Sơn, lập được chiến công hiển hách, tạo dựng sự nghiệp huy hoàng. Ngộ Không được phong làm Đẩu Chiến Thắng Phật là lẽ đương nhiên.

Chương 3: HUYỀN TRANG TRONG LỊCH SỬ VÀ ĐƯỜNG TĂNG TRONG TIỂU THUYẾT

Mọi người đều biết, Đường Tăng trong “Tây Du Ký” được khắc họa từ nguyên mẫu Pháp Sư Huyền Trang thời nhà Đường đi Tây Thiên thỉnh kinh. Con đường thỉnh kinh gian nan vất vả là nguồn đề tài và không gian tưởng tượng phong phú cho chín chín tám mươi mốt nạn trong tiểu thuyết. Trong “Tây Du Ký”, Đường Tăng là một nhân vật yếu đuối hoàn toàn trái ngược với hình ảnh dũng mãnh, quả cảm của Tôn Ngộ Không. Song Huyền Trang trong lịch sử “trải qua nhiều hiểm nguy, ý chí càng khẳng khái, gặp cướp dữ, thân khí càng thêm dũng cảm”, là hình tượng nhân vật mà Lỗ Tấn ca ngợi là mẫu người “rường cột của Trung Quốc”. “Tây Du Ký” được viết thành sách, chuyển tải hình ảnh chân thật của một nhân vật lịch sử được lưu truyền trong dân gian, đồng thời nhân vật lịch sử này khiến người đời không khỏi hiếu kỳ. Bây giờ, chúng ta cùng khám phá những điều kỳ diệu của văn hóa.

1. Huyền Trang trong lịch sử

Pháp Sư Huyền Trang trong lịch sử Trung Quốc là một cao tăng đúng nghĩa. Cuộc đời ông có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là: từ khi sinh ra đời, xuất gia, thọ giới, chu du bốn phương học đạo. Bước chân ông đã qua quê nhà Câu Thi ở Hà Nam (nay là huyện Yên Sư), Lạc Dương, Trường An, Thành Đô, Kinh Châu, Dương Châu, Ngô Hội, Triệu Châu, Tương Châu v.v... Giai đoạn thứ hai là mạo hiểm đi Tây Thiên thỉnh kinh, trải qua 17 năm (năm ông bắt đầu lên đường chưa được xác định), đi về năm vạn dặm, qua hơn

110 quốc gia, gian lao chông chênh, nhiều phen thập tử nhất sinh nhưng không làm ông chùn bước. Giai đoạn thứ ba là: từ sau khi về nước (tức năm Trinh Quan thứ 19 đời Đường Thái Tông, công nguyên năm 645) đến khi ngài viên tịch (Cao Tông Lân Đức nguyên niên, công nguyên Công nguyên năm 664). Giai đoạn này, ngoài những lần cùng Thái Tông vi hành và một lần về quê thăm nhà năm Cao Tông ra, phần lớn thời gian, Huyền Trang tập trung vào việc dịch kinh Phật. Trong 19 năm cuối đời, Pháp sư Huyền Trang đã dịch tổng cộng 75 bộ, 1335 quyển kinh. Nói về chất lượng và số lượng bản dịch, tính đến nay vẫn chưa có ai sánh bằng.

Pháp sư Huyền Trang, họ Trần, tên Huy, sinh đời nhà Tùy (công nguyên năm 602-664, có bản viết năm 600-664). Là người thôn Trần Hà, côc Phượng Hoàng, làng Du Tiên, huyện Câu Thi, Lạc Dương (nay là huyện Yển Sư Hà Nam). Ông nội và cha đều là người có học, học rộng tài cao. Khi Huyền Trang ra đời, mẹ ông mơ thấy một pháp sư áo trắng từ biệt bà mà đi. Bà nói rằng: “Con là con của ta, con còn muốn đi đâu chứ?” Pháp sư nói: “Con phải đi về phía Tây để cầu đạo.” Khi Huyền Trang 8 tuổi, thông minh hơn người, người thầy đầu tiên chính là cha ông. Cha ông đích thân truyền dạy “Hiếu kinh”, giảng đến “Tăng Tử tị tịch”, Huyền Trang đột nhiên chỉnh trang y phục ngay ngắn, đứng sang một bên. Cha hỏi có việc gì, Huyền Trang nói: “Tăng Tử kính yêu thầy của mình như vậy, con cũng cần học theo ông!” Rất tiếc vào năm Huyền Trang 10 tuổi, cha ông qua đời. Khi đó, người anh thứ hai của ông đã xuất gia từ lâu, pháp danh Trường Tiệp. Huyền Trang bèn theo chân pháp sư Trường Tiệp vào chùa sống, trở thành chú tiểu. Đến năm 13 tuổi, Tùy Dạng Đế hạ chỉ tuyển chọn Tăng sĩ triêu đình, hàng trăm người xuất sắc được cử đi dự cuộc sát hạch. Huyền Trang còn nhỏ, vốn không nằm trong kế hoạch. Nhưng vị chủ khảo, quan Khâm sai Trinh Thiện Quả thấy Huyền Trang khí chất hơn người, phong quang rực rỡ, từ bi độ lượng, đôỉ đáp trôi

chảy, lại nói được lý tưởng cao cả của mình: “Muôn đến phương xa bái kiến Như Lai, thỉnh cầu Phật pháp”. Trịnh Thiện Quả chấp thuận và có ý ngợi khen, gọi ông là “Phật khí nơi cửa Phật”, đặc cách cho miễn tuổi vào dự thi. Ông trúng tuyển, chính thức xuất gia, lấy pháp danh là “Huyền Trang”.

Sau khi Huyền Trang xuất gia, chăm chỉ học tập, quên ăn quên ngủ, tụng kinh niệm Phật, học đâu nhớ đó. Một thời gian ngắn sau đó, ông đã có thể khai đàn tụng kinh, trầm bổng lưu loát, rất giống sư phụ của ông. Sau đó lại cùng với anh trai là Pháp sư Trường Tiếp đến Tứ Xuyên viếng thăm rất nhiều pháp sư nổi tiếng. Năm 21 tuổi, ông thọ giới, sống tại Tứ Xuyên, nghiên cứu kinh văn gần 5 năm, tinh thông học thuyết các môn phái. Năm 27 tuổi tinh thông Kinh, Luật, Luận Tam Tạng, được tôn làm “Tam Tạng pháp sư”, danh tiếng đồn xa. Pháp sư Huyền Trang tuy làm được nhiều việc như vậy, nhưng vẫn thấy số lượng kinh văn dịch sang chữ Hán không đủ, có nhiều điểm thắc mắc mà chưa giải đáp được. Vào năm thứ 9 Đường Cao Tổ (công nguyên năm 626), Huyền Trang gặp cao tăng Ấn Độ tại Trường An, hiểu được không khí giảng dạy Phật pháp sôi nổi tại Lan Đà Tự, hết sức kính phục và ngưỡng mộ Đại Đức Giới Hiền Trưởng Lão – người tinh thông học thuyết Thiền. Thế là ông dâng chiếu lên nhà Đường mới khai triều, xin được ra nước ngoài học hỏi thêm. Nhưng vua Đường nghĩ đến thế cục đất nước chưa hoàn toàn ổn định, không chịu phê chuẩn. Những năm đó lại có dịch bệnh hoành hành, Pháp sư Huyền Trang liền theo dân đoàn dân chạy nạn rời khỏi Trường An, có thể nói là: “Giấy thông hành tuy bị cấm ngặt, nhưng một trận dịch bệnh đã “cấp thẻ” cho ông lặng lẽ vượt biên”, bắt đầu con đường thỉnh kinh gian nan vất vả, vừa không có giấy thông quan (hộ chiếu), cũng chẳng có tăng lữ đồng hành.

2. Đi Tây thiên thỉnh kinh

Con đường Pháp sư Huyền Trang đi Tây thiên thỉnh kinh là con đường tơ lụa men theo hành lang Hà Tây, qua Hỏa Diệm Sơn, xuyên qua sa mạc lớn, vượt qua núi tuyết, từ suốt tuyến đường từ Thổ Lỗ Phồn, Akesu, Baicheng vùng Tân Cương qua Kazakhstan, Uzbekistan, Afghanistan ngày nay, lại tiếp tục theo hướng Đông Nam qua Pakistan hiện nay vào phía Bắc Ấn Độ. Do Pháp Sư Huyền Trang không có được giấy thông quan của vua Đường, chuyến đi thỉnh kinh của ông ngoài những gian nan vất vả do thời tiết khắc nghiệt, còn gặp phải muôn vàn khó khăn, nguy nan bất ngờ khác. Có viên quan rất quý mến ông, thành thực khuyên ông nên từ bỏ việc Tây hành. Viên quan khác như Đô Đô c Kinh Châu Lý Đại Lượng thấy Huyền Trang Pháp Sư bỏ trốn, bèn hạ lệnh Lý Sương đem công lệnh đuổi theo. Gặp Huyền Trang, Lý Sương rất cảm động trước ý chí, khao khát học đạo của Huyền Trang, mặc kệ tương lai và tính mạng của chính mình, Lý Sương xé bỏ công lệnh, thúc giục Huyền Trang nhanh chóng lên đường. Pháp sư Huyền Trang không ai theo dẫn đường. Sau đó có một người Hồ () đến xin ông cho thụ giới, trở thành đệ tử và là hướng dẫn đường đưa ông đi qua năm trạm phong hỏa đài. Huyền Trang mừng lắm, sau này hai người còn đem quần áo, đồ đạc mang theo đổi lấy một con ngựa thông thạo đường đi nước bước tới Tây Vực. Hai thầy trò tiếp tục lên đường. Để trốn tránh quan binh, hai thầy trò phải đi đường vòng, đêm đến ngủ trên sa mạc. Người Hồ đó mới đầu cầm đao đi theo sau Huyền Trang, sau đó lại khuyên đại sư “sa mạc mênh mông, quan binh kiểm soát ngặt nghèo, tốt nhất nên quay về”, còn lấp tên giương cung đe dọa nhưng không thể lay động được quyết tâm đi Tây thiên thỉnh kinh của Huyền Trang. Hắn đành quỳ trước mặt đại sư từ biệt trở về. Huyền Trang đại sư nhẹ nhàng động viên hắn, còn tặng cho hắn con ngựa.

Sa mạc mênh mông, xóm làng heo hút. Phía Ngọc Môn Quan năm tòa phong hỏa đài, mỗi tòa cách nhau 100 dặm, hồ đối rình rập.

Ngoài trong phong hỏa đài ra, không tìm đâu ra được nước ngọt. Giữa mịt mù khói lửa dị hình kỳ quái, nổi lên tiếng gió như tiếng ma quỷ khóc than, cuộn phong nổi dậy, đất đá bay mù trời, chỉ còn cách phân biệt phương hướng qua phân ngựa và xương người rơi rớt dọc đường, trầy trật nhích từng bước một. Khi đi được hơn trăm dặm, đại sư Huyền Trang mất phương hướng, đương lúc ông mở túi đựng nước định uống cho đỡ khát thì do túi nước quá nặng, lỡ tuột tay, toàn bộ nước chảy hết ra ngoài hết. Ông định quay lại phong hỏa đài thứ tư lấy nước, nhưng rồi lại nghĩ “Nếu không đến được Tây Trúc, quyết không đi về hướng Đông nửa bước, thà rằng chết ở Tây Thiên, chớ lẽ nào quay về phương Đông sống hèn”. Cứ thế ông kiên trì dần bước đi về phía Tây. Bốn bề mịt mù, muông thú đâu chẳng có. Thế nhưng lòng ông vẫn không hề lo sợ, chỉ khổ sở vì không có nước, lại bị cái đói, cái rét bủa vây, bốn năm ngày đêm liền không uống được giọt nước nào, ông ngã quỵ trên sa mạc. Ông liền quỳ xuống cầu khẩn Quan Âm: “Huyền Trang đi lần này, không mong tiền tài, không cầu danh lợi, nhưng vì muốn được nghe chính pháp, cầu xin Bồ Tát đại từ đại bi, thương xót chúng sinh, cứu khổ cứu nạn. Chút khổ cực này với con có sá chi?” Đến đêm thứ năm, đột nhiên có gió mát thổi đến, phút chốc ông cảm thấy tỉnh táo, gượng gượng đi về phía trước khoảng 10 dặm, gặp một thảo nguyên xanh ngուն nước dề dề. Ông nghỉ chân một ngày, lại đi tiếp hai ngày thì ra khỏi sa mạc.

Huyền Trang đại sư gặp gian nguy trong vùng sa mạc, nhờ ý chí kiên cường, cuối cùng bình an vượt qua nguy nan, đến được Y Ngô (Hami). Đức vua Y Ngô được tin phái người nghinh đón vào cung, nhiệt tình khoản đãi. Khi qua Qua Châu, Huyền Trang từng lưu lại giảng đạo cho tăng ni hơn 10 ngày. Thương nhân các nước Tây Vực hết mực khâm phục Huyền Trang đại sư. Tin ông muốn sang Tây Trúc thỉnh kinh lan truyền khắp nơi. Do đó, các nước Tây Vực nghe

danh Huyề`n Trang đã lâu, đâu đâu cũng nóng lòng trông chờ ông đế`n.

Trinh Quan nguyên niên, đại sư 27 tuổi. Khi đó, sứ giả Cao Xương đi sứ sang nước Y Ngô, lúc sắp trở về` nước, nhận được tin đại sư đế`n, lập tức bẩm báo quốc`c vương.

Quốc`c vương Cao Xương vừa nhận được tin tức, tức tức viết thư, nhờ vua Y Ngô cho quân hộ tống Huyề`n Trang sang nước Cao Xương. Rong ruổi ngày đêm, đôi con ngựa tốt, sau sáu ngày ông đế`n vương thành nước Cao Xương. Thành Cao Xương ở ngay cạnh Hỏa Diệm Sơn. Thực ra Hỏa Diệm Sơn vốn không có lửa, mà là đất chết khô cằn, nhiệt độ rất cao (thành Turpan ngày nay). Quốc`c vương Cao Xương hết sức nhiệt tình. Ông hạ lệnh văn võ bá quan cùng phi tần, cung nữ xếp hàng đón tiếp, đồng thời phụng dưỡng đại sư trong Bảo Trang nguy nga nhất Hậu Cung, thỉnh cầu đại sư lưu lại dài ngày, đồng thời bái ông làm Quốc`c Sư. Huyề`n Trang lưu lại mười mấy ngày rồi cáo biệt. Nhưng quốc`c vương không chịu. Huyề`n Trang nói: “Ta vốn dĩ Tây hành là vì đại pháp. Bây giờ gặp phải ngăn cản của ngài, tôi đành để lại cái đầu cho đại vương. Tâm trí của tôi, ngài không hẳn giữ được.” Nói xong ông tuyệt thực, ba ngày không động đế`n giọt nước nào. Ngày thứ tư, quốc`c vương Cao Xương thấy đại sư hơi thở suy yếu, lấy làm áy náy, liền cáo lỗi và cho phép Huyề`n Trang Tây hành, chỉ mong kết tình huynh đệ với Huyề`n Trang, kết duyên với nhà Phật. Đại sư thấy ông thành tâm kính ngưỡng, bèn lưu lại thêm một tháng, giảng “Nhân vương ban nhược kinh” cho các quan viên trong triều. Những ngày giảng kinh, quốc`c vương Cao Xương mỗi ngày tự tay thắp hương, quỳ xuống đón tiếp đại sư. Sau khi pháp hội kết thúc, quốc`c vương Cao Xương chuẩn bị cho đại sư 24 phong thư và lễ vật làm vật dụng khi thông quan, tiễn đưa đại sư lên đường.

3. Con đường thỉnh kinh gian lao khó nhọc

Huyê`n Trang đại sư lại tiế`p tục vượt qua trăm ngàn gian lao khó nhọc, đi qua Nepal, vượt qua Ngân Sơn. Khi đế`n phía Tây ngọn núi thì Huyê`n Trang gặp phải đám sơn tặc. Đại sư và người đồ`ng hành đưa cho bọn cướp tất cả tài sản mang theo. Đi được mười mấ`y dặm nữa, khi đế`n quán trọ bên sườn núi thì thấ`y mấ`y chục nhà buôn đi trước họ đề`u bị giế`t sạch, khắ`p nơi hoang tàn, chỉ còn vương lại thây tàn, tài sản đã bị cướp sạch. Không lâu sau, lại gặp phải bọn cướp. Cướp bóc xong, do phân chia không đề`u, đám cướp gây gổ, tự đấ`u đá nhau mà tan rã.

Đi về` phía Tây được khoảng ngàn dặm, một ngọn núi tuyế`t cao chọc trời chắ`n ngay trước mặt. Mọi người ăn trên băng, ngủ trên băng, mấ`t bảy ngày bảy đêm mới ra khỏi núi tuyế`t. Mười người thì có đế`n ba bốn người chề`t vì lạnh. Đi được một quãng nữa, cả đoàn gặp một hồ` nước sâu rộng giữa vùng núi tuyế`t cheo leo. Giữa bốn bề` núi tuyế`t, vắ`ng về không bóng người, nước hồ` nơi đây trong suố`t. Trong cái lạnh thấ`u xương, cái hồ` này như thể “biển nóng” hiện lên giữa trời tuyế`t trắ`ng xóa.

Tiế`p tục đi về` phía Tây hơn 500 dặm, Huyê`n Trang đại sư được Khả Hãn Diệp Hộ Đột Quyế`t ở Thủy thành Tô` Diệp đón tiế`p nhiệt thành. Tuy tín ngưỡng khác nhau, nhưng cũng đón tiế`p, mời đại sư thưởng thức các rau cỏ hoa trái được trồ`ng tại Tây Vực. Khả Hãn nói với đại sư: “Ấ`n Độ ánh nắ`ng mặt trời chói chang, khí hậu ẩm nóng, dân chúng da dẻ đen đúa. Nhân tài đỉnh đặc nghiêm trang như ngài, đế`n đó e rắ`ng chịu không nổi.” Đại sư nói: “Tôi theo về` chồ`n Thánh tích, mưu câ`u Phật pháp.” Khả Hãn khâm phục khôn xiế`t, dâng cho ngài áo Phật và tơ lụa, đích thân thô`ng lĩnh quầ`n thầ`n tiền ông hơn mười dặm.

Đại sư tiế`p tục Tây hành, trên đường gặp chùa, tháp Phật nào đề`u vào yế`t bái, quét tháp, hoặc thỉnh câ`u các lão hòa thượng Phật pháp cao niên giảng dạy, truyề`n thụ thêm. Vào được Ấ`n Độ, tuy đã

bỏ núi tuyết t cao ngất lại phía Bắc, trước mắt là rừng cây tươi tốt rậm rạp nhưng Huyền Trang chưa phải đã thuận buồm xuôi gió. Trên đường đi, thường xuyên gặp thú dữ. Một lần, dọc đường lại gặp cướp. Chúng thấy tướng mạo Huyền Trang đường hoàng, muốn giết ông để thần. Trong lúc nguy nan, nhưng Huyền Trang vẫn bình tĩnh, mặt không hề biến sắc, ông chăm chú niệm Di Lặc Bồ Tát, cầu xin giải thoát. Lũ cướp thấy vậy sợ hãi. Chúng bèn giao đao lên định giết ông, đúng lúc đó, bỗng đâu mây đen kéo đến, gió cuốn cuộn bốn phương. Cây cối nghiêng ngả, cát bụi mù mịt, đến cả thuyền trên sông cũng bị lật nhào. Biết được đây là hòa thượng từ Đông thổ sang thỉnh kinh, mọi người liền quỳ xuống, cúi lạy đại sư. Cứ như vậy hết nạn này đến nạn khác. Thấm thoắt một năm nữa lại trôi qua. Cuối cùng Huyền Trang đã đến được gốc cây Bồ Đề nơi Thích Ca Mâu Ni đã cạo thành Phật. Đại sư trong lòng chứa chan bao cảm xúc, giống như con được trở về quê mẹ cùng các sa di đồng hành một hai bái lạy, nước mắt lưng tròng. Khi đó các tăng ni xa gần nghe danh có hòa thượng từ Đông Thổ Đại Đường sang thỉnh kinh, hàng ngàn người kéo đến xem phong thái của vị đại sư này, nhìn thấy thầy trò Huyền Trang kính cẩn mà xúc động bái lạy, họ cũng nghẹn ngào rơi nước mắt. Hoạt động long trọng này diễn ra suốt tám chín ngày.

Thời gian Huyền Trang đại sư ở Ấn Độ, thường đi tham quan các Thánh Tích Phật giáo, thăm viếng cao tăng xin học đạo. Ông còn đến tận học viện Phật giáo lớn nhất Ấn Độ là Nalanda (Lan Đà Tự) bái kiến cao tăng Giới Hiền tiếng tăm lẫy lừng Ấn Độ và xin được học đạo. Sau năm năm dốc lòng dốc sức nghiên cứu Phật học, ông học hỏi được rất nhiều. Rồi khỏi Lan Đà Tự, ông men theo sông Hằng đi xuôi phía Đông, đến hâu hết mọi miền Ấn Độ, hành hương cầu đạo. Năm năm sau, ông trở về Lan Đà Tự, nhận lời pháp sư Giới Hiền giảng đạo, truyền dạy “Nhiếp Đại Thừa Luận”. Gần đến ngày Huyền Trang về nước, cũng là dịp Giới Hiền

Vương của Hạt Nhục Cung Âm Quốc ở Trung Ấn, tổ chức “Đại hội Vô Già”, là Đại hội Phật giáo toàn Ấn Độ. Mười tám quốc vương, hơn 3.000 cao tăng, hơn 2.000 vị Bà La Môn toàn Ấn Độ đều tham gia đại hội. Tại đại hội, Huyền Trang đại sư chủ yếu thuyết giảng “Đại Thừa Luận” và danh tác của ông “Phá Ác Kiến Luận”. Trong 18 ngày, không ai có thể bác bỏ được luận điểm của ông. Ông được đánh giá như nhà Phật học uy tín, nhận được đãi ngộ long trọng nhất, ngồi trên con voi trang trí lộng lẫy du hành đường phố, được vạn người kính phục.

Năm Trinh Quán thứ 17, ông đem theo 657 bộ kinh Phật rời khỏi Ấn Độ về nước, đi theo tuyến đường xuyên qua Trung Á, Song Lĩnh, rừng Nam Thiên Sơn. Đường Thái Tông phái quan viên đến Đôn Hoàng nghênh đón. Năm Trinh Quán thứ 19, Huyền Trang đại sư về đến Trường An. Dân chúng Trường An nô nức đón chào vị cao tăng nổi tiếng khắp nơi. Trong tiểu thuyết, chúng ta thấy vua Đường tổ chức lễ nghi long trọng để tiễn đưa Huyền Trang đại sư. Tác giả thiên tài Ngô Thừa Ân đã mượn lễ đón tiếp long trọng của vua nhà Đường giành cho Huyền Trang đại sư trong lịch sử cải biên thành lễ tiễn đưa Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh.

Sau khi Huyền Trang về nước, ông lo việc tổ chức dịch kinh tại Hoảng Phúc Tự và Ngọc Hoa Cung ở Trường An, bắt tay vào dịch kinh Phật. Ông tinh thông tiếng Phạn, Phật học hiểu sâu biết rộng, nội dung hàm nghĩa xác đáng, văn phong lưu loát. Trong bốn nhà dịch thuật kinh Phật nổi tiếng của Trung Quốc Cổ Đại Cựu Ma La Thập, Chân Đế, Huyền Trang, Bất Không Trung thì tác phẩm dịch của ông nhiều nhất, tinh túy nhất. Đường Thái Tông đích thân viết lời tựa cho bản dịch kinh của Huyền Trang đại sư – “Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo Tự”. “Tam Tạng” là tên gọi chung của Phật Kinh, Giới Luật, Luận thuật và chú giải của Phật giáo. Người đời sau gọi Huyền Trang là Đường Tam Tạng hay Tam Tạng pháp sư. Nhận ý

chỉ của Đường Thái Tông, ông kể lại, các đệ tử chấp bút, viết “Đại Đường Tây Vực Ký”, tổng cộng 12 quyển, hơn mười vạn chữ, tường thuật lại những trải nghiệm của ông khi sang Tây Trúc thỉnh kinh.

Tháng hai năm công nguyên Đường Cao Tông Lân Đức, Huyền Trang đại sư viên tịch tại Ngọc Hoa Tự, Trường An. Triều đình dùng quan vàng, quách bạc đặt tro xương của ông, có hơn 100 vạn người hộ tống đưa tiễn tro cốt của ông an táng tại Hưng Giáo Tự.

Trên đây là câu chuyện thực của nhân vật Huyền Trang đại sư trong lịch sử. Hình tượng Đường Tăng sau này trong truyện Tây du được hình thành trên cơ sở này. Kết cấu câu chuyện thỉnh kinh của Đường Tăng, tuyến đường Tây hành, gian nan hiểm trở và chí hướng kiên định, cuối cùng đạt được thành công vĩ đại tất cả đều có dấu ấn của Huyền Trang.

4. Đường Tăng trong tiểu thuyết

Bốn thầy trò Đường Tăng kiên trì đi Tây Thiên thỉnh kinh. Nói đúng hơn, đây chính là quá trình kiên trì theo đuổi chính nghĩa, chân lý. Trong bốn thầy trò, người có niềm tin vững chắc nhất chính là Đường Tăng. Nếu đứng từ góc độ sự kiên định đối với việc thỉnh kinh và niềm tin vào Phật không gì lay chuyển được, Đường Tăng vốn là hình tượng chính diện. Sau tất cả những gian lao vất vả mà vẫn một lòng giữ vững niềm tin như thế, Đường Tăng rất đáng được hoan nghênh. Trong bốn thầy trò, Trư Bát Giới từng dao động nhiều lần, muốn bỏ thầy quay về Cao Lão Trang. Còn Đường Tăng thì ngược lại. Ông không hề dao động trước sự đe dọa và dụ dỗ của yêu ma quỷ quái trên đường. Có thể nói ông là “lãnh tụ” tinh thần của bốn thầy trò.

Trên đường thỉnh kinh, Đường Tăng và Tôn Ngộ Không có một số mâu thuẫn tế nhị. Đường Tăng lý giải quá trình thỉnh kinh của

Tôn Ngô Không như sau: bị đày dưới núi Ngũ Hành, được thả ra quy y cửa Phật, đi Tây Thiên thỉnh kinh để lấy công chuộc tội. Đó phải là quá trình tu luyện thành chính quả của Tôn Ngô Không. Ông không đơn giản coi Ngô Không như đồ đệ của mình, mà coi quá trình giảng yêu trừ ma của Ngô Không trên đường đi là quá trình tu luyện của Ngô Không. Vì thế ông cho rằng Ngô Không phải khép mình theo những quy định giáo lý nhà Phật. Khi “ba lần đánh Bạch Cô t Tinh”, Đường Tăng quở mắng Ngô Không “lạm sát người vô tội, thỉnh kinh có ích gì”. Những lần Ngô Không trừ hại cứu dân đều bị Đường Tăng xem là lạm sát người vô tội, là việc không thể tha thứ. Ông cho rằng như vậy là phạm giới nên Ngô Không bị phạt.

Đường Tăng trong tiểu thuyết còn có mặt trái, nhu nhược bất lực lại từ bị mù quáng. Đường Tăng người trăn mắt thịt, không phân biệt thật giả, nhưng lại mê muội trừng phạt Ngô Không. Bản thân không làm được, lại không chịu nghe người khác, nên gây ra rất nhiều tai nạn không đáng có trên đường thỉnh kinh. Còn Trư Bát Giới lực căn chưa tịnh, Đường Tăng lại dung túng. Trư Bát Giới mấy lần thề thốt mách tội Ngô Không, Đường Tăng đều tin. Nói chung, Đường Tăng trong “Tây Du Ký” có thể được xem là hình tượng chính diện, bản chất có nhiều chỗ giống với Huyền Trang trong lịch sử. Nhưng trong quá trình lưu truyền và sáng tác trong dân gian, để làm nổi bật nhân vật Tôn Ngô Không, Đường Tăng “gánh thêm” những mặt trái, khiến giữa ông và đồ đệ trong tiểu thuyết có những điểm mâu thuẫn nhau.

Đường Tăng trong “Tây Du Ký” còn có đặc điểm ngu muội, biểu hiện ở bốn mặt dưới đây: Một là bất phân người hay yêu quái. Bạch Cô t Tinh lần đầu biến thành thiếu phụ, lần hai biến thành bà lão, lần ba biến thành ông lão, Đường Tăng ba lần đều lầm tưởng Bạch Cô t Tinh là người tốt, quở trách Ngô Không giết hại người tốt, đuổi Ngô Không về Hoa Quả Sơn. Hai là tốt xấu bất

phân. Sơn tắc chặn đường, Ngô Không trừ hại cứu dân, nhưng bị Đường Tăng trách phạt giết hại người vô tội, không tỏ lòng từ bi. Ba là tính tình cô chấp, khẳng khẳng theo ý mình. Trước Tiểu Lôi Âm Tự, Ngô Không ngủ được yên khí, Đường Tăng vẫn cô chấp vào chùa bái Phật, kết quả bốn thầy trò bị Hoàng Mi Động Tử bắt giữ. Bốn là mê muội, trải qua rồi mà không tỉnh ngộ. Hồng Hải Nhi biến thành đứa bé đáng thương, nữ yêu hóa thành con gái nhà lành, thủ pháp lừa người giống nhau, nhưng Đường Tăng vẫn bị lừa hết lần này đến lần khác, không rút được kinh nghiệm nào.

Hình ảnh nước mắt Đường Tăng thể hiện rõ nét nhất sự nhu nhược của ông. Trên đường thỉnh kinh, sau khi Ngựa trắng bị Tiểu Bạch Long ăn mất, ông khóc. Đều gây họa, ông khóc. Đường đi hiểm trở, lại khóc. Nữ Vương muốn kén ông làm chồng, ông khóc. Nghe vài lời tâm sự trút giận của Bát Giới, ông cũng khóc. Có lúc nuốt giận, có lúc nước mắt rơi lã chã, có lúc lại che mặt mà khóc, có lúc khóc to rung rức. Trong tiểu thuyết có đến 20 lần nhắc đến nước mắt Đường Tăng.

5. Nho sĩ đội mũ “Tăng”

“Tây Du Ký” dung hòa tư tưởng giữa Nho gia, Phật gia và Đạo gia, và biểu hiện rõ nhất chính là nhân vật hình tượng Đường Tăng. Thậm chí chúng ta có thể gọi Đường Tăng là nho sĩ đội mũ tăng. Đường Tăng trong tiểu thuyết là pháp sư “Trung thành với quân vương”. Phản ánh qua việc đi thỉnh kinh, nguyên tác như sau:

Thái Tông nhìn thầy tăng tụng, bèn lệnh cho chúng tăng: “Tạm thời chưa lập thắp hội, đợi ta sai người thỉnh được kinh Đại thừa về, tái lập Đan Thành, trùng tu thiện quả.” Quên thân ai này rậm rạp tuân theo. Khi đó, Thái Tông hỏi trong chùa: “Ai dám nhận ý chỉ của trẫm, sang Tây Thiên bái Phật cầu kinh?” Vừa dứt lời, một pháp sư liền bước ra, cúi đầu kính cẩn mà rằng: “Bần tăng bất tài,

nguyện hiên chút sức mọn, giúp bệ hạ đi thỉnh chân kinh, cầu cho giang sơn nước ta vững bền.” Vua Đường mừng rỡ, bước lên phía trước đích thân đỡ vị pháp sư đứng dậy nói: “Pháp sư quả thật trung hiên, không sợ đường xá xa xôi, vượt qua núi cao, sông dài, trăm nguyện kết bái huynh đệ cùng khanh.” Huyên Trang khắu đầu tạ ơn. Vua Đường quả rất mực hiên đức, bước đến trước mặt Phật trong chùa, cùng Huyên Trang lạy bớ n lạy, miệng gọi “Ngự Đệ Thánh Tăng”. Huyên Trang cảm ơn rồi thưa: “Bệ hạ, bần tăng có tài đức gì, dám hưởng ân đức cao dày như thế? Lân này thân đi, nhứt định cố gắng hết mình, cho đến Tây Thiên. Nếu không đến được Tây Thiên, không thỉnh được chân kinh, có chết cũng không dám quay về, vĩnh viễn bị đày xuống địa ngục.” Tiếp đó thắp hương trước tượng Phật, phát hạ lời thề. Vua Đường vui mừng, hạ lệnh hô ỉ cung, đợi chọn ngày lành tháng tốt, phát lệnh lên đường.

Việc này cho chúng ta biế t, mục đích thỉnh kinh của Đường Tăng là để bảo vệ giang sơn vững bền, nhận được lời khen ngợi của Vua Đường. Đường Tăng được gọi là “Ngự Đệ Thánh Tăng”. Ông biế t rõ đường đi Tây Thiên nguy hiểm trập trùng, nhưng vẫn ấ p ỉ chí nguyện to lớn, nguyện ra sức vì nước, tận trung báo quốc. Việc Đường Tăng một lòng một dạ trung thành với nhà vua trị vì thực chấ t là biểu hiện của tư tưởng “Trung quân ái quốc” của Nho gia. Đường Tăng trong tiểu thuyết phụng chỉ thỉnh kinh có khác so với Huyên Trang “vi phạm thánh chỉ” đi thỉnh kinh trong lịch sử? Đó là kết quả của tư tưởng Nho gia. Không có chuyế n đi thỉnh kinh của Huyên Trang, sẽ không có giai đoạn hưng thịnh một thời của Phật giáo Trung Quốc. Không có Đường Thái Tông hết lòng hỗ trợ và khuyế n khích việc dịch kinh Phật của Huyên Trang, Phật Giáo Trung Quốc cũng không thể đạt đến một thời cực thịnh. Một người là cao tăng thiên cổ, một người là minh quân thiên cổ, duyên trời đã kết hợp họ lại với nhau.

Trong tiểu thuyết, Ngô Thừa Ân một mực khẳng định chí hướng sang Tây Thiên thỉnh kinh của Đường Tăng. Điều ông châm biếm Đường Tăng là thiếu lòng can đảm của Tôn Ngộ Không. Ông cho rằng yêu ma quỷ quái trên đường thỉnh kinh không hề đáng sợ. Cái đáng sợ là thiếu con mắt biết phân biệt thật giả. Thái độ của Tôn Ngộ Không và Đường Tăng với yêu ma quỷ quái hoàn toàn khác nhau, Ngộ Không coi việc “trừ ác” là “hành thiện”. Còn Đường Tăng coi “hành thiện” để “trừ ác”. Điểm này rất quan trọng, độc giả nên suy ngẫm. Vì sao Đường Tăng hết mực bênh vực Trư Bát Giới, khi có mâu thuẫn lại không tin tưởng Ngộ Không? Bởi vì ông cho rằng “hành thiện ngàn ngày, thiện đức không đủ. Một ngày làm ác, tội ác vô bờ”. Ông nhìn nhận việc Ngộ Không dùng gậy đánh “yêu ma” là hung ác mang tính bản chất, thậm chí còn có định kiến về cách làm của Ngộ Không. Quan niệm “không sát sinh” của Đường Tăng thể hiện quan niệm văn hóa và lập thân hành đạo của nhà Phật. Cách làm “khi nên ra tay thì ra tay” của Ngộ Không thể hiện quan niệm và lập thân hành đạo của “văn hóa giang hồ”.

Tam quốc, Thủy Hử, và chuyện Đường Tăng thỉnh kinh là ba câu chuyện lớn thời Tống Nguyên mà dân chúng thích nghe nhất, có thể nói là những bản truyện kỳ anh hùng ca này đều mang dấu tích của lịch sử. Lưu Bị, Tống Giang, Đường Tăng đều có mục tiêu rõ ràng đồng thời cố gắng theo đuổi nó, đều là những người trung hậu, thậm chí cả đặc điểm hay khóc cũng rất giống nhau. Truyện kỳ anh hùng, thông thường câu chuyện càng truyện về sau sẽ càng thêm kỳ, nhân vật chính sẽ càng anh hùng. Nhưng vì sao hình tượng Đường Tăng càng lưu truyện càng không thiếu chất anh hùng? Đây chính là vì dân gian làm nhẹ bớt màu sắc tôn giáo, vai chính dần dần chuyển sang Tôn Ngộ Không.

Hình tượng Đường Tăng trong tiểu thuyết “Tây Du Ký” được tác giả thêm thắt nhiều chi tiết đời thường. Đây phải chăng là sự cố ý

của tác giả? Chúng ta xem đoạn miêu tả những chi tiết “người trăn mắt thịt” của Đường Tăng trong tiểu thuyết: *Đường Tăng đêm ấy bị trúng gió, hôm sau hơi nhức đầu hoa mắt, mình mấy đau nhức. Ông nuốt nước mắt viết thư gửi Đường Thái Tông:*

Năm đó phụng chỉ rời khỏi Đông Thổ, chỉ mong đến được Linh Sơn gặp bậc Thế Tôn. Không ngờ giữa đường gặp nạn. Bận tăng lâm bệnh nặng khó lòng tiếp bước, cửa Phật còn xa tận chân trời. Nay không còn sức để duy trì, xin khởi đầu vĩnh biệt Người.

Sự yếu đuối và vô dụng này của Đường Tăng thật nực cười. Chẳng trách Ngô Không nói ông là: “Thiên hạ cũng có hòa thượng, nhưng nhút nhát như ngài thì quả là hiếm thấy”.

Đường Tăng là người xuất gia nhưng nhiều hành động chẳng hề giống một vị cao tăng đắc đạo. Người xuất gia không sát sinh, nhưng Đường Tăng “luôn miệng ngợi khen” chuyện giết hổ dữ của Lưu Bá Khâm, nói “Thái Bảo quả là người thiện võ”. Người xuất gia không nói dối. Nhưng trong lòng người đọc chắc hẳn còn đọng lại ấn tượng sâu sắc về việc Đường Tăng lừa Ngô Không đội chiếc nón cần hoa vàng có giá u vòng kim cô do Quan Âm ban tặng.

Hành Giả gỡ bọc hành trang xuống, nhìn thấy bên trong có vài chiếc bánh nướng, lấy ra đưa cho sư phụ. Lại nhìn thấy một mảnh áo cà sa hoa văn màu sắc sặc sỡ, một chiếc nón có cần hoa vàng. Hành Giả nói: “Bộ quần áo và chiếc nón này sư phụ đem theo từ Đông Thổ sao?” Tam Tạng liền đáp: “Là cái nón thầy đội lúc nhỏ. Đội cái nón này rồi, không cần học kinh, cũng có thể niệm kinh. Bộ quần áo này nếu mặc vào, không cần tập lễ cũng có thể hành lễ.” Hành Giả thưa: “Sư phụ tốt, tặng cho con mặc nhé!” Tam Tạng rằng: “Chỉ sợ dài ngắn khác nhau, nếu con mặc vừa thì cứ mặc vào.” Hành Giả liền cởi bỏ bộ cà sa trắng cũ kỹ, mặc vào áo cà sa hoa, thì vừa vặn như đo may cho mình. Hành Giả đội nón vào. Tam

Tặng thầy Hành Giả đội nón vào, liền không ăn lương khô, mà âm thầm niệm chú. Hành Giả kêu to: “Đau đầu quá! Đau đầu quá.” Đường Tăng vẫn tiếp tục niệm thêm vài lần nữa khiến Hành Giả đau đến lăn lộn, xé toạc chiếc nón cỏ hoa vàng.

Người xuất gia lấy từ bi làm gốc, nhưng Đường Tăng từng nhiều lần niệm chú để trừng phạt Tôn Ngộ Không, “ *khiến Hành Giả đau đến đỏ mắt tía tai, váng đầu hoa mắt lăn lộn trên đất*”, “*vòng kim cô gấn chặt vào đầu Hành Giả sâu hơn một tấc*”. Mỗi khi chúng ta nhìn thấy Ngộ Không bị vòng kim cô hành hạ, chẳng ai cảm được lòng xót xa. Sự tàn nhẫn của Đường Tăng đối với Ngộ Không hoàn toàn trái ngược với đại đức thương xót hiểu sinh của nhà Phật.

Trong “Tây Du Ký”, Đường Tăng là nhân vật đại diện cho tư tưởng chính thống. Từ vai chính thứ nhất trong câu chuyện thỉnh kinh, nhân vật này phải nhường bước cho Tôn Ngộ Không – nhân vật chuyên tải được tư tưởng chủ đạo của tác giả. Ngộ Không phân rõ thật giả, lạc quan dũng cảm đã thay thế Đường Tăng. Có thể nói, việc xây dựng nhân vật hình tượng Đường Tăng, về mặt nghệ thuật, ngay từ đầu tác giả đã loại bỏ rất nhiều đặc trưng một đệ tử nhà Phật, nhân vật Đường Tăng trở thành một nho sĩ đội “nón tu hành”, mang nhiều đặc tính nhu nhược vốn có của phân tử tri thức xưa, được thế tục hóa, nghệ thuật hóa. Ở hình tượng nhân vật này, tác giả đồng thời nhìn nhận và xây dựng trên sự giao hòa giữa văn hóa Nho giáo và văn hóa Phật giáo.

Ngô Thừa Ân mượn hình ảnh Đường Tăng gửi gắm tư tưởng và quan niệm của mình. Thời đại nhà Minh là thời kỳ văn hóa Trung Quốc có sự xung đột và dung hòa, cải cách kinh tế phá vỡ sự ngột ngạt và bảo thủ về văn hóa, phản ánh hiện tượng đa luồng tư tưởng nảy nở từ quan niệm chính thống trong thời kỳ kinh tế vật chất mới xuất hiện. Đặc điểm và tư tưởng nhân văn có ảnh hưởng mạnh

mẽ đến chủ nghĩa cận đại này khác biệt về bản chất so với văn hóa miếu đường của chế độ phong kiến. Thời đại mà tác giả sống, rơi vào thời kỳ rực rỡ của cải cách tư tưởng văn hóa xã hội. Với sự nhạy cảm của một nhà văn, Ngô Thừa Ân cảm nhận được trào lưu tư tưởng chủ nghĩa nhân văn mới. Do đó, danh tác đề đời của ông “Tây Du Ký” cũng thoát khỏi tư tưởng phong kiến và quan niệm tôn giáo chính thống, tràn ngập không khí văn hóa cận đại mới, phản ánh được những chí hướng và hoài bão của tầng lớp cư dân thành thị.

6. Nghi thức gõ mõ và lèn chuỗi hạt trong Phật giáo

Trong bộ phim truyền hình nhiều tập “Tây Du Ký” chúng ta từng nhìn thấy cảnh các tăng nhân gõ mõ tụng kinh, niệm tràng hạt. Tôi nói ngắn gọn thế này: Mõ là pháp vật thứ nhất của Phật giáo, làm bằng gỗ, có hình cá, chính giữa trống rỗng, gõ vào phát ra tiếng kêu. Thường có hai hình dạng: một dạng hình tròn, bên ngoài khắc thành hình vảy cá, khi tụng kinh gõ vào theo tiết tấu, để điều chỉnh âm tiết. Một dạng khác là mõ dạng dài, thường khắc thành hình cá lớn, treo trước lễ đường, gõ khi tăng lữ dùng cơm, sau này còn dùng để triệu tập chúng tăng. Như vậy, mõ có ngụ ý gì chứ? Cả ngày lẫn đêm không hề nhắm mắt, tăng ni thấy cần noi theo gương cá, ngày đêm không nghỉ, chuyên tâm nghiên cứu Phật pháp, tất có thể thành Phật. Nhưng cá sống dưới nước, không thể lúc nào cũng nhìn thấy được. Chính vì thế người ta khắc hình cá trên gỗ, lấy đuôi gõ gõ vào thân cá, để đôn đốc nhắc nhở tăng ni. Tràng hạt được coi là “Phật châu”, tăng ni dùng để đếm khi tụng kinh. Tràng hạt được làm bằng gỗ hương, xâu lại thành chuỗi. Tất nhiên cũng có loại làm bằng mã não hay ngọc thạch quý hiếm. Sa Tăng khi còn là yêu tinh ăn thịt người ở Lưu Sa Hà, có lần ăn nhàm thịt người thỉnh kinh. Đầu lâu của những người thỉnh kinh đó không chìm xuống nước, Sa Tăng xâu chuỗi hạt đầu lâu. Đối với nhà Phật, đây là tội lớn khó tha. Phật Như Lai cũng nói thẳng với Sa Tăng:

“Người lưu lạc Lưu Sa Hà, ăn thịt hại người gây tội nghiệt, may thay quy y cửa Phật.” Cho nên Sa Tăng chỉ được phong làm “Kim thân La Hán”. Trong tràng hạt có một hạt lớn nhất gọi là hạt mẹ, còn lại là hạt con. Khi lần tràng hạt phải bắt đầu từ hạt mẹ, vừa lần tràng hạt vừa niệm kinh. Khi niệm “Kinh A Di Đà”, một câu “Nam mô a di đà Phật”, tay lần qua một hạt châu. Chẳng hạn tràng hạt 108 hạt, niệm 108 lần là một vòng, khi niệm xong 20 vạn lần, thể xác và tinh thần vô loạn. Nếu niệm xong 100 vạn lần, người niệm kinh có thể tiến vào Niết Bàn. Biết được những điều này, thì không khó để hiểu tại sao đệ tử Phật giáo không từ gian khó, tranh thủ từng giây từng phút lần tràng hạt niệm kinh.

7. Xá lợi Phật

Xá Lợi Tử là di cốt của tăng ni. Đối với người bình thường mà nói di cốt chẳng qua là di hài còn sót lại, chẳng là gì cả. Nhưng đối với Phật giáo, Xá Lợi Tử là vật chí bảo. Phía trước chúng ta có nhắc đến Huyền Trang đại sư sang Tây Thiên thỉnh kinh, trong các Phật bảo đem về có cả Xá Lợi Tử. Chúng ta không thể không thừa nhận, trong văn hóa Phật giáo đích thực có rất nhiều câu đố muôn đời vẫn chưa lý giải nổi. Các nhà khoa học nghiên cứu xác người hiện nay luôn có hứng thú sâu sắc với việc cao tăng Phật giáo sau khi tạo hóa xuất hiện Xá Lợi. Tài liệu lịch sử ghi nhận: Buổi trưa ngày 13 tháng 2 năm 1975, vị cao tăng 95 tuổi nổi tiếng lúc bấy giờ là Quảng Khâm pháp sư qua đời tại Đài Loan Trung Quốc, di thể sau khi hỏa táng còn sót lại hơn 1.000 hạt Xá Lợi Tử, có viên đường kính 4mm, sáng lấp lánh. Cao Tăng Hồng Truyền ở Singapore sau khi viên tịch và hỏa táng năm 1990 có hơn 480 hạt Xá Lợi Tử sáng lấp lánh như kim cương. Đương nhiên, Xá Lợi của Huyền Trang đại sư vẫn còn được lưu giữ trên thế gian. Khắp nơi trên thế giới tổng cộng có chín nơi thờ cúng Xá Lợi của Huyền Trang đại sư, chia ra ở nhiều ngôi chùa tại Bắc Kinh, Nam Kinh, Nhật Bản.

Về việc sao lại có Xá Lợi Tử, vẫn chưa ai lý giải được. Có người giải thích Xá Lợi Tử chính là hiện tượng kết sỏi, do tăng ni ăn chay trường, nạp vào một lượng lớn các chất như muối phốt pho, muối sun fua v.v... Các chất này lâu ngày tích tụ lại trong cơ thể kết thành sỏi. Người ăn chay trên thế giới lên đến hàng trăm ngàn, tín đồ những tôn giáo khác cũng ăn chay trường kỳ, tại sao không có Xá Lợi Tử? Giả sử trong cơ thể người có nhiều vật cứng như sắt, thì chức năng sinh lý sẽ rối loạn, đồng thời bệnh hoạn không ngừng. Nhưng trên thực tế những cao tăng sau khi viên tịch hỏa táng và có Xá Lợi Tử đều có rất khỏe mạnh, cường tráng, là người trường thọ an nhàn tự tại. X quang và siêu âm trong bệnh viện cũng chưa thấy “dị vật trong người” cứng như vậy, thêm vào đó Xá Lợi Tử thường có màu sắc sặc sỡ. Cho đến nay, đây vẫn là câu đố chưa có lời giải đáp.

8. Đôi nét về mối quan hệ giữa Đường Tăng và Tôn Ngộ Không

Đối với nhân vật trong “Tây Du Ký”, mọi người thường thích Tôn Ngộ Không, vì Ngộ Không dũng cảm, quả đoán, diệt ác trừ gian và không mấy thiện cảm với nhân vật Đường Tăng vì Đường Tăng yếu đuối vô năng, thiện ác bất phân. Đầu những năm 60 của thế kỷ 20, “Tôn Ngộ Không ba lần đánh Bạch Cốt Tinh” được hãng phim Thiên Mã Thượng Hải dựng thành phim. Phim được công chiếu vào ngày 1 tháng 6 năm 1961. Khi đó người ta đổ xô nhau đi xem bộ phim này. Bộ phim được lên lịch đưa đi trình chiếu trong toàn quốc, kịch nói cũng lưu diễn toàn quốc. Bộ phim này còn được phát hành sang bảy mươi hai quốc gia trên thế giới. Tiên sinh Quách Mạt Nhược xem phim và kịch Tây Du Ký đến sáu lần. Ông có viết một bài thơ bảy chữ:

Nhân yêu điên đảo thị phi hào, đối địch từ bi đối hữu điều.

Chú niệm kim cô văn vạn biên, tinh tuyền Bạch Cốt lụy tam tao.

Thiên vạn đương qua Đường Tăng nhục, nhứt bát hà khuy Đại Thánh mao.

Giáo dục kịp thời kham tán thưởng, trư do trí huệ thấ ng ngu tào.

(Tạm dịch:

Vàng thau lẫn lộn, đúng sai không rành

Từ bi với địch, ác với bạn hiền

Niệm chú kim cô nghe khấ p lượt

Mệt mỏi ba lầ n Bạch Cô t Tinh

Nhấ t thiế t Đường Tăng thịt phải lấ y

Đại Thánh lông mao bấ t hổ danh

Giáo dục kịp thời thì khen thưởng

Lấ y ngay trí tuệ thấ ng ngu tào)

Có thể thấ y Quách Mạt Nhược rấ t ghét sự bấ t phân thật giả, đúng sai lẫn lộn của Đường Tăng, có thể nói căm giận đế n thấ u xương, thậm chí nói ra câu “Nhấ t thiế t Đường Tăng thịt phải lấ y”. Thực ra, cảm nhận của ông cũng là cảm giác chung của rấ t nhiề u độc giả khi đọc “Tây Du Ký”.

Còn Mao Trạch Đông, sau khi xem bộ phim “Ba lầ n đánh Bạch Cô t Tinh” do cha tôi đóng vai chính vào ngày 10 tháng 10 năm 1961, lại xem kịch trên sân khấ u ở Hoài Nhân Đường tại Trung Nam Hải. Mỗi lầ n nhớ đế n quãng thời gian ấy, cha tôi vẫn thấ y như hiện hiện trước mặt cảnh, “Hồ i ở Trung Nam Hải lầ n đó, vừa phải khân trương lại vừa muố n biế t rồ t cuộc ai đế n xem kịch. Cha có một thói quen khi lên sân khấ u, không bao giờ nhìn xuố ng xem khán

giả phía dưới. Đến 8 giờ tối, khi diễn đến đoạn Đường Tăng và Bạch Cô t Tinh nói chuyện với nhau, cha có dịp nhìn xuống sân khấu, chủ tịch Mao ngồi ở hàng ghế thứ năm, Lưu Thiệu Kỳ và Đặng Tiểu Bình ngồi ở hàng thứ ba và hàng thứ hai. Sau đó mọi người nói với cha, chủ tịch Mao khi xem kịch có năm lần vỗ tay và sáu lần cười lớn.”

Sau đó chủ tịch Mao lại xem một lần phim Tây Du Ký nữa. Ngày 17 tháng 11 năm 1961, ông viết một bài “Thất luật – cùng đồng chí Quách Mạt Nhược”:

Nhất thời đại địa khởi phong lôi, tiện hữu tinh sinh Bạch Cô t đôi.

Tăng thị ngu mạnh do khả huân, yêu vi quỷ vực thất thành tai.

Kim Hâu phân khởi thiên quân bổng, ngọc vũ đẳng thanh vạn lý ai.

Kim nhật hoan hô Tôn Đại Thánh, chỉ duyên yêu vụ hựu trùng lai.

(Tạm dịch:

Trời đất vừa nổi trận phong lôi

Là có tinh sinh Bạch Cô t rồi

Tăng thì ngu muội nhưng khả huân

Yêu ma cần quấy ắt thành tai

Khỉ vàng cầm ngay cây thiết báng

Ngọc Vũ lại yên vạn dặm kìa

Ngày nay hoan hô Tôn Đại Thánh

Gặp tên yêu quái lại ra tay)

Chủ tịch Mao cho rằng: “Tăng thì ngu muội nhưng khả huân” tức là Đường Tăng còn có thể tiến hành giáo huân và cải tạo. Còn “Yêu ma cần quấy ấ t thành tai” tức là yêu ma cần quấy chính là tai họa. Chính vì thế chúng ta phải có thái độ căm ghét yêu quái, căm ghét cái xấu xa, phải dứt khoát giáng cho chúng một gậy như Tôn Ngộ Không đã làm, tuyệt đối không nên vương vãn, do dự, trong tình hình hiện nay lại càng phải đề cao tinh thần đánh địch, đấu tranh dũng cảm của Tôn Ngộ Không.

Rõ ràng, so với Quách Mạt Nhược, những lời nhận xét của chủ tịch Mao Trạch Đông về Đường Tăng và Tôn Ngộ Không có phần lý tính hơn nhiều, song cũng không hẳn tán thưởng Đường Tăng. Trên thực tế, cách nhìn nhận của họ về Đường Tăng và Tôn Ngộ Không khá mang tính tiêu biểu. Thông thường, độc giả khi đọc “Tây Du Ký”, cũng đều ca tụng và khen ngợi Tôn Ngộ Không; chán hoặc thậm chí căm ghét Đường Tăng.

Năm 1964, chủ tịch Mao đến Hàng Châu, một lần nữa đề nghị được xem kịch do cha tôi diễn. Khi đó chân của cha tôi đau nhưng ông nói không sao, cứ n rằng một chút vẫn diễn được. Máy bác lãnh đạo báo cáo tình hình thực tế của cha tôi với chủ tịch Mao. Chủ tịch Mao nói: “Bị thương thì không nên ráng sức, vết thương sẽ nặng thêm. Lần này không diễn nữa, sau này tôi vẫn còn cơ hội xem mà.”

Sau này, khi cha tôi biết được là diễn cho chủ tịch Mao xem, vừa hoi hận vừa xúc động. Hoi hận khi đó đã nói thật mình đang bị thương, cứ n rằng vẫn có thể diễn được. Xúc động là vì chủ tịch Mao có thể quan tâm đến một nghệ sĩ bình thường như ông.

Đường Tăng là thầy của Tôn Ngộ Không, có một địa vị cao quý trong lòng Tôn Ngộ Không. Ngộ Không thật lòng kính trọng Đường

Tăng. Ngô Không từng nói, cả đời ta là anh hùng, chỉ bái lạy ba người: Phật Tổ ở Tây Thiên, Quan Âm ở Nam Hải, Sư phụ đã cứu ta ở Ngũ Hành Sơn. Ta bái sư phụ bốn lạy, đồng thời đích thân nói với Đường Tăng: “Người đời thường có câu cửa miệng: ‘một ngày làm thầy, suốt đời làm cha’. Con bái thầy làm sư phụ, giống như con của thầy vậy”. Trên đường sang Tây Thiên thỉnh kinh, Ngô Không hết lòng chăm sóc Đường Tăng, vượt mọi chông gai, diệt trừ yêu ma, xông pha nơi nước sôi lửa bỏng, dũng cảm tiến lên phía trước. Dù bị Đường Tăng hiểu lầm, bản thân phải chịu những cơn đau vật vã của vòng Kim Cô mà Ngô Không vẫn không một lời than oán, một lòng một dạ đi theo Đường Tăng.

Một Đại Thánh tâm tính cao ngạo, không khuân t phục người khác, gặp Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng chỉ gọi một tiếng “Lão Ngọc Đế”, thế mà lại quy phục, hơn nữa một lòng một dạ theo một người không mấy bản lĩnh như Đường Tăng? Tại sao vậy? Đường Tăng cứu Ngô Không khỏi núi Ngũ Hành. Chúng ta có thể nói Ngô Không quy phục Đường Tăng là để trả ơn cứu mạng. Nhưng như thế chưa đủ. Tại Lôi Âm Tự, Tôn Ngô Không bị yêu quái Hoàng Mi nhốt trong Kim Bạt “hạn trong ba ngày đêm hóa thành một vũng máu”, Kháng Kim Long từng liều mạng cứu giúp Ngô Không, mệt đến nỗi “mệt cả người, ngã quy xuống đất”. Nhưng khi Ngô Không thoát khỏi Kim Bạt thì chẳng cảm ơn tiếng nào. Do đó, có thể thấy biết ơn trả ơn không phải lý do quan trọng.

Quan Âm Bồ Tát truyền cho Đường Tăng khăn Cô Nhi chú để chế phục Ngô Không. Chỉ cần Đường Tăng niệm chú, Ngô Không đau đầu không tả xiết. Do đó, chúng ta có thể nói Khăn Cô Nhi chú của Đường Tăng chế phục Ngô Không. Nhưng khi Ngô Không quỳ trước mặt Đường Tăng bái lạy bốn cái, Ngô Không vẫn chưa đội vòng kim cô. Sau này, khi đã đội vòng kim cô, ngay cả khi Đường Tăng đuổi Ngô Không về Hoa Quả Sơn vì ba lần đánh Bạch Cô t Tinh,

thê` cắ t đứt quan hệ thầ y trò, Tôn Ngộ Không có thể sô`ng ung dung tự tại ở Hoa Quả Sơn, không câ`n phải theo Đường Tăng nữa.

Vậy thì, lý do gì khiế`n Ngộ Không báỉ phục Đường Tăng? Sau đây sẽ là lời giải đáp.

Khi bồ`n thầ y trò Đường Tăng đế`n được Linh Sơn, Đường Tăng cảm ơn các đô`đệ. Tôn Ngộ Không nói: “Không ai phải cảm ơn ai cả, thầ y trò ta giúp đỡ nhau thôi. Con đây nhờ ơn giải thoát của sư phụ, theo chân Người tu luyện, may thành chính quả. Sư phụ cũng nhờ có con hộ tồ`ng, thỉnh được Phật pháp, thoát kiế`p phàm tục.” Nhắ c đế`n quan hệ giữa Tôn Ngộ Không và Đường Tăng, chúng ta thường chỉ ý thức được: Tôn Ngộ Không bảo vệ Đường Tăng đi Tây Thiên thỉnh kinh. Không có Tôn Ngộ Không, Đường Tăng khó thỉnh được chân kinh. Nhưng mọi người lại bỏ qua một mặt khác: Cuố i cùng Tôn Ngộ Không trở thành Đầ u Chiế`n Thắ ng Phật, tu thành chính quả. Tắ t cả là nhờ Đường Tăng dìu dắ t và giúp đỡ mới thực hiện được.

Có lẽ có người hỏi, tại sao Tôn Ngộ Không chỉ đi theo Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh mới “tu thành chính quả” được? Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh là do Phật Tổ an bài, là sự nghiệp do Hoàng Đê` Thái Tông “có tài có đức” giao phó để tiêu diệt những thói xấ u tồ`n tại trong dân gian “tham lam, giế`t chóc, dâm ô, lừa gạt, đồ i trá, không tuân Phật giáo, không hướng thiện duyên, bá t kính tam quang, không trọng ngũ cô c, bá t trung bá t hiế`u, bá t nhân bá t nghĩa, đồ i mình đồ i người, lòng dạ nhỏ nhen” v.v..., mục đích muố n “khuyên người hướng thiện”. Đường Tăng “Căn nguyên tồ t, đức hạnh cao” tuy sinh gặp thịnh thê`, gặp được người tồ t, nhưng cha ông bị cướp hại chế`t, mẹ ông bị người cưỡng bá t, bản thân cũng thoát thân từ cỗi chế`t, nguyên nhân chính là lòng người không lương thiện. Thỉnh kinh là muố n “tu tâm”, khuyên người lương thiện. Tôn Ngộ Không từng đại náo Thiên Cung, phạm phải tội “đồ i trời lừa

trên”, do đó cần thông qua việc sang Tây Thiên thỉnh kinh để tu tâm. Không tu tâm được, không thể đạt được chân kinh, Tôn Ngộ Không sẽ mãi mãi bị đè dưới Ngũ Hành Sơn, nói gì đến tu thành chính quả. Song muốn đến Tây Thiên thỉnh kinh, cách duy nhất là theo Đường Tăng. Vì muốn đề cao vị trí nòng cốt của Đường Tăng trong đoàn thỉnh kinh, trong hồi “Mỹ Hầu Vương thật giả”, thông qua lời nói của Sa Tăng, Ngộ Thừa Ân bác bỏ Tôn Ngộ Không: “Trước nay làm gì có chuyện ‘Tôn Hành Giả thỉnh kinh’... Nếu không có Đường Tăng đi cùng, Phật Tổ nào lại trao kinh cho người!” Từ đó có thể thấy, sang Tây Thiên thỉnh kinh nhất định không thể thiếu uổng Đường Tăng. Đó là lý do căn bản vì sao Tôn Ngộ Không vui vẻ tâm phục khẩu phục mà kính trọng Đường Tăng, toàn tâm toàn ý bảo hộ Đường Tăng.

Nói về mục đích sang Tây Thiên thỉnh kinh, Đường Tăng là sư phụ của Tôn Ngộ Không cũng là lẽ đương nhiên. Mục đích cuối cùng của thỉnh kinh là khuyên người hướng thiện, Song so với Ngộ Không, Đường Tăng có “thiện tâm” hơn, ắt sẽ giữ vai trò nòng cốt của đoàn thỉnh kinh. Đường Tăng thường nói: “Người xuất gia luôn phải nhớ, đình ninh ghi nhớ thiện tâm. Quét dất sợ làm tổn thương con kiến, thương tiếc mạng sống thiêu thân mà dùng chụp đèn.” Đồng thời kiên trì cố chấp thực hiện việc theo đuổi cái thiện, “không làm tổn thương sinh mạng nhỏ bé, gặp khổ thì cứu”. Tôn Ngộ Không bảo vệ Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh là muốn tu thành chính quả, thỉnh được chân kinh, khuyên người hành thiện. Việc Tôn Ngộ Không “không biết thiện là gì” bái Đường Tăng “một lòng hướng thiện” thành sư phụ đồng thời thành tâm thành ý tôn trọng, yêu thương ông cũng là lẽ đương nhiên không cần bàn cãi.

Từ đó có thể thấy, mục đích thỉnh kinh của Tôn Ngộ Không và Đường Tăng hoàn toàn thống nhất. Và vị trí nòng cốt của Đường Tăng là không thể lung lay. Song quan hệ giữa Tôn Ngộ Không và

Đường Tăng không chỉ là quan hệ chính phụ giữa thầy và trò. “Tây Du Ký” miêu tả trọn vẹn các loại mâu thuẫn và xung đột trên đường sang Tây Thiên thỉnh kinh của Tôn Ngộ Không và Đường Tăng. Chính những mâu thuẫn xung đột này ảnh hưởng đến nhận thức và đánh giá khác nhau của mọi người đối với họ.

Mâu thuẫn xung đột giữa Ngộ Không và Đường Tăng là ở “khuyên người hướng thiện”. Mục tiêu theo đuổi của hai thầy trò là thoát khỏi nhạ t. Song phải làm thế nào mới giúp được người ta hướng thiện? Ở mặt này thì hai thầy trò có mâu thuẫn. Những mâu thuẫn và xung đột này thể hiện trực tiếp qua thái độ đối với yêu quái trên đường thỉnh kinh.

Yêu ma là kẻ phá hoại sự nghiệp thỉnh kinh, có kẻ tiêu hành cản trở việc thỉnh kinh, có kẻ lại muốn ăn thịt Đường Tăng – người tổ chức và lãnh đạo chuyến thỉnh kinh, có kẻ lại trách nhiệm làm toàn điều ác. Về vấn đề đối mặt và giải quyết lũ yêu quái như thế nào, Đường Tăng và Tôn Ngộ Không thường nảy sinh xung đột và mâu thuẫn. Đường Tăng “không làm tổn thương một sinh mạng nhỏ bé nào, gặp khổ thì cứu vớt”, “một lòng hướng thiện”; không phân được đâu là người, đâu là yêu quái, gặp yêu quái chỉ biết tụng kinh niệm Phật, cho rằng như vậy có thể đuổi được yêu ma. Tất cả yêu quái đều biết, với Đường Tăng “dễ dàng được, không cưỡng ép được”, “nếu muốn cạy thế mà bắt, chưa hẳn bắt được, nhưng dùng việc thiện thì mê hoặc được ngay”. Bởi thế, yêu quái mới hóa thành mỹ nữ, trẻ con, hoặc biến thành bà lão, ông lão, hoặc giả dạng thầy tu, hoặc biến thành chùa chiền, để mê hoặc Đường Tăng, ngăn cản việc thỉnh kinh. Nhưng Tôn Ngộ Không thì khác. Thầy yêu quái là trừ, gặp kẻ ác thì giết. Quan điểm của Ngộ Không là: “yêu tinh là căn họa hại người, thầy tiếc chúng làm gì!” “Người không làm tổn thương lòng cạo, cạo có ý làm tổn thương người. Chúng không nhóm lửa, làm sao con lại nổi giận?” Biện pháp của Ngộ Không là lấy hành động

“không thiện”để chớ ng lại cái ác, gặp yêu quái quyết không tha. Như vậy, Tôn Ngộ Không và yêu quái bắt buộc phải quyết đấu. Thế nhưng, trong khi Ngộ Không và yêu ma chiến đấu quyết liệt, “thiện tâm” của Đường tăng thường xuyên gây phiền toái cho Ngộ Không, gián tiếp giúp đỡ yêu ma. Ngộ Không vừa đánh nhau với yêu ma, lại vừa đấu tranh với thiện niệm của Đường Tăng. “Tây Du Ký” khi miêu tả cụ thể quan hệ phức tạp này, châm biếm gay gắt sự ngu ngơ và ngoan cố của Đường Tăng, hé lộ lòng ca ngợi sự nhạy bén và quả cảm của Tôn Ngộ Không, đồng thời phơi trần bộ mặt gian xảo và độc ác của yêu ma.

Trong “Tây Du Ký”, tác giả bày tỏ sự bất mãn với Đường Tăng và đồng cảm, hé lộ lòng tán thưởng Ngộ Không, nhất là lòng yêu kính Đường Tăng và sự kiên cường dũng cảm của Ngộ Không, phê bình Đường Tăng “Vàng thau lẫn lộn, đúng sai không rành”. Tại nước Bảo Tượng, Đường Tăng bị yêu quái Hoàng Bào biến thành con hổ. Tôn Ngộ Không nói: “Sư phụ à, sư phụ là một hòa thượng tốt, sao hôm nay lại mang bộ dạng hung dữ như thế? Thầy trách con hành hung làm ác, đuổi con đi. Thầy muốn một lòng hướng thiện, sao chỉ trong một ngày mà mặt mũi hung ác thế kia?” Ở đây, thực ra Ngộ Không đang khuyên nhủ Đường Tăng, đem “hành hung làm ác” của chính mình so sánh với “một lòng hướng thiện” của Đường Tăng, lấy sự thật trước mắt để chứng minh quan điểm của Đường Tăng không thực hiện được trong thực tế. Nhưng Đường Tăng không thực sự tiếp thu lời khuyên ấy, còn không phân biệt được đâu là thật, đâu là giả. Điều đó khiến mọi người mất thiện cảm, thậm chí ghét nhân vật Đường Tăng.

Từ đó, có rất nhiều người nói trong “Tây Du Ký”, Đường Tăng là nhân vật phản diện mà tác phẩm muốn phê phán, Tôn Ngộ Không là nhân vật chính diện mà tác phẩm muốn khẳng định. Hai người bọn họ căn bản là hình tượng đối lập với nhau. Quan điểm này không

phù hợp với thực tế tác phẩm. Trước tiên, chúng ta xem cách nhìn nhận của Ngô Không về Đường Tăng trong tác phẩm. Tôn Ngô Không cho rằng Đường Tăng là một “hòa thượng trung lương chính trực”, bảo vệ và kính trọng Đường Tăng là bổn phận của mình. Tại Ngũ Trang Quán, ba huynh đệ lên Đường Tăng ăn trộm quả nhân sâm. Sau đó bốn thầy trò bị Trăn Nguyên Đại Tiên bắt giữ. Trăn Nguyên Đại Tiên định dùng roi Thập Tinh đánh Đường Tăng, Ngô Không không muốn sư phụ khổ sở chịu tội, liền nói: “Kẻ trộm quả là tôi, ăn quả là tôi, đánh ngã cây cũng là tôi, sao không đánh tôi trước, đánh ông thầy (chỉ Đường Tăng) làm gì?” Ngô Không nhận hết trách nhiệm về mình, chủ động chịu đòn thay Đường Tăng. Tại Kim Quang Tự, Đường Tăng muốn tự mình quét tháp. Ngô Không sợ Đường Tăng có bất trắc, bèn cùng Đường Tăng quét tháp. Khi Đường Tăng mệt mỏi, Ngô Không làm thay Đường Tăng. Gặp nguy hiểm, Ngô Không đều đứng ra đương đầu, che chở bảo vệ hoặc giải cứu Đường Tăng. Trong trận đấu đầu với Hồng Hải Nhi, Ngô Không bị lửa thiêu đến “cả người khô héo không chịu đựng nổi”, chỉ còn cách lao thẳng xuống nước, “bị nước lạnh thấm vào người, khiến cho hỏa khí công tâm, hồn vía bay mất”. Sau đó được Trư Bát Giới cứu. Tỉnh dậy, câu hỏi đầu tiên của Ngô Không là “sư phụ”. Sa Tăng nói: “Sư huynh, huynh sống hết lòng vì sư phụ, chết vẫn còn kêu sư phụ.” Nếu Đường Tăng là nhân vật phản diện, vậy thì, tại sao Ngô Không lại trung thành với Đường Tăng như vậy? Qua tác phẩm không ai nghi ngờ sự trung thành của Tôn Ngô Không với Đường Tăng. Tuy nhiên giữa Ngô Không và Đường Tăng có một số vướng mắc và mâu thuẫn. Ngô Không từng vài lần oán trách Đường Tăng không biết phân biệt phải trái, thật giả nhưng Ngô Không vẫn dành một tình cảm sâu đậm cho Đường Tăng. Điều này thể hiện thái độ của tác giả với nhân vật Đường Tăng. Trong tác phẩm “Tây Du Ký”, “hướng thiện” – cái đích cuối cùng của việc thỉnh kinh được tác giả hoàn toàn khẳng định, có điều tác giả chỉ đặt ra câu hỏi “hướng thiện” bằng cách nào.

Ngoài ra, trong tác phẩm “Tây Du Ký”, tính cách của Tôn Ngộ Không và Đường Tăng không phải hoàn toàn bất biến. Tính cách của họ phát triển, thay đổi theo từng tình tiết của việc thỉnh kinh. Quan hệ giữa họ cũng không ngừng được điều chỉnh. Qua tác phẩm có thể thấy, thái độ của tác giả đối với Tôn Ngộ Không và Đường Tăng trước sau cũng có sự thay đổi. Đó chính là do tác giả phải suy xét làm sao đạt đến “cái thiện”.

Trước hồi 58 của “Tây Du Ký”, giữa Tôn Ngộ Không và Đường Tăng thường nảy sinh một số mâu thuẫn và xung đột. Song, từ hồi 58 trở đi, các mâu thuẫn này dần dần lắng đi, rồi ‘trời yên biển lặng’. Minh chứng rõ ràng nhất đó là Đường Tăng ngày càng tín nhiệm Ngộ Không, không niệm chú Khẩn Cô Nhi nữa, không đuổi Ngộ Không đi nữa. Đường Tăng cũng bắt đầu cảnh giác với yêu ma, gặp nguy hiểm cũng biết suy nghĩ, thử phân biệt thật giả, thiện ác. Trong hồi 80, Địa Dũng phu nhân trong Hắc Tùng Lâm biến thành một mỹ nữ bị dây mây cuốn trôi trên cây, Đường Tăng muốn cứu. Ngộ Không phản đối, nhưng Trư Bát Giới thấy gái đẹp thì mê, nản nặc xúi giục Đường Tăng. Song thái độ Đường Tăng hoàn toàn thay đổi, không hề trách mắng Ngộ Không, ngược lại còn la mắng Bát Giới: “Thôi đi, thôi đi. Bát Giới, sư huynh con nhìn không lầm đâu. Sư huynh đã nói vậy, thì không cần quan tâm đến nữ thí chủ đó nữa, chúng ta lên đường thôi.”

Đúng là đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Những trải nghiệm trước kia giúp Đường Tăng học hỏi được nhiều điều. Ông hiểu được “có thể không tin lời người ngay thẳng nhất trong những người ngay thẳng, nhưng phải đề phòng kẻ bất nhân”, vì thế phải hết sức đề phòng yêu quái.

Đối với Trư Bát Giới, thái độ của Đường Tăng cũng có những thay đổi nhất định. Mới đầu, Đường Tăng cho rằng Bát Giới thành thực, khờ khạo, luôn bên vực Bát Giới, không cho phép Ngộ Không

ăn hiếp Bát Giới. Bát Giới cũng thường lợi dụng tâm lý này để xúi giục Đường Tăng niệm chú Khẩn Cô Nhi trừng phạt Ngộ Không. Nhưng sau khi trải qua nhiều kiếp nạn, Đường Tăng không còn tín nhiệm, bênh vực Bát Giới như trước. Ngộ Không có “tóm lấy Bát Giới, dấm một dấm vào đầu” ngay trước mặt Đường Tăng, Đường Tăng cũng không ngăn cản, thậm chí còn cho Ngộ Không quản lý, dạy dỗ Bát Giới. Khi rời khỏi Kim Bình Phủ, Bát Giới thức dậy trễ một chút, bị Ngộ Không mắng cho một trận. Bát Giới có phần bất mãn, bứt đầu lủi thủi. Đường Tăng mắng: “Gánh hành lý! Không nói bừa! Mau dậy sớm! Nếu còn dám cãi, bảo Ngộ Không dùng gậy Như Ý đánh cho một trận.” Thái độ này khác hẳn lúc đầu. Nó phản ánh sự thay đổi trong tính cách và tư tưởng của Đường Tăng. Chẳng trách Trư Bát Giới nói: “Sư phụ thay đổi rồi, bình thường thương con, yêu con, nói con ngớ c ngờ ch bênh vực con. Khi sư huynh muốn đánh con, thầy luôn khuyên giải. Bây giờ sao thầy lại bảo sư huynh đánh con?” Lúc mới bắt đầu Đường Tăng muốn dùng cái thiện để hóa giải, nhưng trong quá trình thỉnh kinh, dần dần ông chuyển sang thủ dùng “không thiện để cầu thiện”, thay đổi theo hướng cầu thiện của Ngộ Không.

Tính cách của Tôn Ngộ Không cũng dần dần thay đổi, theo hướng Đường Tăng. Điều này chủ yếu thể hiện qua “thiện tâm” của Ngộ Không ngày một nâng lên rõ rệt. Quận hầu Quận Phụng Tiên do nhát thời nổi giận, lật đổ bàn thờ, đem đồ đồ cúng cho chó ăn, khiến Quận Phụng Tiên phải chịu khổ hạn trong ba năm, cuộc sống bấp bênh muôn phần cơ cực. Tôn Ngộ Không vì cầu mưa, nhiều lần chạy đôn chạy đáo giữa Quận Phụng Tiên và Thiên Đình. Lúc đó, thái độ của Ngộ Không cũng khác, nhát mực lễ phép, lịch sự với Ngọc Hoàng và sư tiên, thậm chí cũng không tỏ thái độ trước những chuyện Thiên Đình dùng để trừng phạt Quận Phụng Tiên như đổ hết núi gạo, núi bột mì, khóa vàng mà cố gắng tìm lời giải cứu đồ của Ngọc Hoàng, đồng thời khuyên Quận hầu hối tâm

làm việc thiện. Những việc làm của Ngô Không cuối cùng cảm động Thiên Đình, Ngọc Hoàng ban cho mưa xuống. Thật đúng là “Lòng người tâm niệm, trời đất đều thấu. Thiện ác nếu không báo, đất trời ắt có lý lẽ riêng”. Sự hướng thiện của Ngô Không có thể nói chịu ảnh hưởng của Đường Tăng. Tại Địa Linh huyện, Đông Đài Phủ, Ngô Không bắt sống hơn ba mươi tên cướp chặn đường cướp bóc, “muốn một gậy đập chết hết đám cường đạo này, lại sợ Đường Tăng trách cứ mình không xót thương mạng người”, cho nên tỏ lòng từ bi, tha cho bọn chúng “kẻ nào kẻ nấy chạy mất mạng”. Lúc đầu, mặc cho Đường Tăng nhiều lần cảnh cáo không được giết người, Ngô Không vẫn giết chết vô số sơn tặc, cường đạo. Đối với yêu ma, Tôn Ngô Không vốn quyết không tha, nhưng lúc sau, “Đại Thánh tuy anh hùng, nhờ theo Đường Tăng mà tiến bộ, thấy yêu quái khẩn khoản, thấy người nài nỉ, liền nảy thiện tâm”, ý thức được nên thu phục, chứ không nên lấy mạng. Đến cả lão ma Sư Đà Lãnh cũng nói: “Tôn Hành Giả là một con Khỉ nhân nghĩa khoan dung, nếu muốn hại tính mạng ta, thì cả ngàn người cũng bị nó giết hết.”

Hành vi và tư tưởng giữa Tôn Ngô Không và Đường Tăng bổ sung, ảnh hưởng lẫn nhau, khi tư tưởng của hai người đạt đến sự hài hòa, thông nhất, cũng chính là lúc họ tỉnh được chân kinh. Có thể thấy, quá trình tỉnh kinh, là để họ ngộ ra được chân lý từ thực tiễn và cuộc sống, ngộ ra bản chất thực sự của “thiện” cùng phương pháp và cách thức tốt nhất để “khuyến người hướng thiện”.

Cách miêu tả của tác giả bộ tiểu thuyết “Tây Du Ký” với quá trình “hướng thiện” của Ngô Không sau này ẩn chứa sự phê bình của ông ở một mức độ nào đó đối với quá trình “không thiện” của Ngô Không trước đây. Nếu như trong câu chuyện như “Tôn Ngô Không ba lần đánh Bạch Cô Tinh”, tác giả hết mực tán dương tinh thần đấu tranh của Tôn Ngô Không. Nhưng trong tình tiết Tôn Ngô Không

đánh chết cường đạo, quét sạch bọn cướp, tác giả tỏ rõ thái độ phê bình nghiêm khắc, khẳng định lòng từ bi không cho Ngô Không đánh giết cường đạo của Đường Tăng. Có thể thấy, tác giả miêu tả Đường Tăng “một lòng hướng Phật” không phải hoàn toàn là châm biếm.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy, miêu tả của “Tây Du Ký” đối với Tôn Ngộ Không và Đường Tăng, thể hiện suy nghĩ sâu sắc của tác giả đối với việc “tu tâm” và “khuyên người hướng thiện”. Nếu như “tu tâm” với mục đích là thiện, vậy không còn nghi ngờ gì nữa, Đường Tăng là đại diện lý tưởng nhất. So với Tôn Ngộ Không, ông thể hiện sự hoàn thiện của tính thuần khiết và tính hoàn thiện. Nhưng nếu nhìn từ góc độ phương pháp và cách thức “khuyên người hướng thiện”, tác giả dường như thiên về cái “không thiện” của Tôn Ngộ Không, do cách dùng thiện cầu thiện của Đường Tăng không thực sự đạt được mục đích, có khi còn phản tác dụng. Nhưng lấy cái “không thiện” để cầu thiện, cũng dễ dàng hăng quá hóa dở, gây ra tai họa, hậu quả không đáng có. Do đó, tác giả “Tây Du Ký” hy vọng có thể kết hợp giữa thiện và không thiện, thông nhất chúng, để đạt được mục đích “khuyên người hướng thiện” thật sự, thực hiện mục tiêu “tu tâm”. Trên thực tế, mục tiêu “tu tâm” này là một câu chuyện thần thoại về cái thiện. Trong “Tây Du Ký”, khi miêu tả đến được Linh Sơn “Niết Bàn”, bốn thầy trò thỉnh được chân kinh vậy mà bị Tôn Giả A Nan, Ca Diếp tổ ng tiên và lừa gạt. Phật Tổ chỉ nói mỗi câu “Kinh không dễ gì truyền cho, càng không thể tay không mà thỉnh được”, đồng thời không hề trách cứ hai vị Tôn Giả kia. Điều này cho thấy không có cái thiện thuần khiết và hoàn mỹ, cho dù tại nơi lý tưởng như thế, giới Tây Thiên cực lạc cũng thế. Điểm này một lần nữa thể hiện tư tưởng và giá trị văn hóa của “Tây Du Ký”.

Chương 4: LẬP ĐOÀN THỈNH KINH

Linh Sơn trong lòng người – một câu chuyện thâm thúy mang tính nhân văn.

Câu chuyện Đường Tăng thỉnh kinh được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, chủ yếu là truyền khẩu. Trong quá trình lưu truyền, trên cơ sở bảo lưu những nội dung và hình thức tôn giáo vốn có của câu chuyện, còn được thêm thắt một số tư tưởng và quan điểm của người đời với hiện thực cuộc sống. Thông qua sự kế thừa từ đời này sang đời khác, người đời không ngừng làm phong phú thêm nội dung mang tính xã hội của câu chuyện, phát triển thêm hình thái biểu hiện, giảm bớt màu sắc tôn giáo của nó. Từ chuyện Đường Tăng đi thỉnh kinh, chúng ta có thể hiểu thêm được cuộc sống tinh thần của con người, hiểu được tâm lý xã hội của con người.

“Tây Du Ký” đưa ra đáp án cho những vấn đề nêu trên, nhưng nó không đưa ra câu trả lời trực tiếp mà dùng thủ pháp văn học để trả lời. Câu trả lời của nó hình tượng, sâu sắc, nhưng lại không mất đi sự cơ trí và hài hước. Nó nhận thức được sự tồn tại của mâu thuẫn, thống nhất và hài hòa. Nó không phủ định con người theo đuổi cái thiện, mà nói rõ làm thế nào để đạt được cái thiện. Nó không phủ định ham muốn của con người, nhưng tỏ rõ phải có những trói buộc, giới hạn nhất định để hạn chế những ham muốn đó. Nó còn nhận thức được hiện thực khác lý tưởng. Nó không tán thành từ bỏ việc tu tâm dưỡng tánh, ngược lại chủ trương đấu tranh hết mình vì lý tưởng. “Tây Du Ký” ngoài việc miêu tả ý chí kiên định, một lòng hướng Phật của Đường Tăng, tinh thần đấu tranh kiên cường dũng cảm của Tôn Ngộ Không và mâu thuẫn giữa bốn thầy trò trong quá trình thỉnh kinh, còn cả các mối quan hệ chèo chéo giữa Thập

Phật, yêu ma. Tất cả những điều này chuyển tải một cách sinh động tư tưởng của tác giả, cũng thể hiện một cách hình tượng cuộc sống tinh thần của người dân. “Tây Du Ký” vừa là một bộ truyện ngụ ngôn giúp người đời tu tâm dưỡng tánh, vừa là một câu chuyện thần thoại đầy tính nhân văn về hiện thực và khao khát hướng về tương lai.

1. Phật Quan Âm Bồ Tát

Thế gian có Bá Lạc, rồi mới có Thiên Lý Mã. Trên trời có Quan Âm Bồ Tát, sau đó có đoàn đi Tây Thiên thỉnh kinh.

Trước tiên cần biết tên gọi Bồ Tát có ý nghĩa gì. Bồ Tát là chỉ đã đạt đến ranh giới tự cảm hóa mình và cảm hóa người khác, tự cảm hóa mình là tự mình giác ngộ. Cảm hóa người là khiến người khác được giác ngộ. Nhưng công đức chưa viên mãn để hóa thành Phật, mà chỉ sắp thành Phật. Nếu công đức viên mãn thì sẽ được hóa thành Phật. Địa vị của Bồ Tát thấp hơn Phật, cao hơn La Hán. Cho nên Bồ Tát thường giúp Phật cứu độ chúng sinh, tuyên truyền giáo lý nhà Phật. Chúng ta thường gọi một người có thiện tâm là người “có lòng dạ Bồ Tát”. Bồ Tát hành sự giúp người không mong hỏi báo, tượng trưng cho tinh thần hiến dâng.

Trong “Tây Du Ký” rất nhiều lần nhắc đến Bồ Tát. Có lẽ để lại cho chúng ta ấn tượng sâu sắc nhất chính là hình ảnh Quan Âm Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Lê Sơn Lão Mẫu cùng hóa thân thành bốn mẹ con xinh đẹp để thử đoàn thỉnh kinh. Đương nhiên, Quan Âm Bồ Tát gần gũi với chúng ta nhất, suy cho cùng bà là người phụ trách việc thỉnh kinh của bốn thầy trò Đường Tăng. Cả bộ tiểu thuyết rất nhiều lần miêu tả Quan Âm Bồ Tát. Xảy ra bất cứ việc lớn nhỏ gì, Ngộ Không đều nghĩ đến bà đầu tiên. Trong tiểu thuyết, tác giả tôn rất nhiều bút mực miêu tả hình tượng Quan Âm Bồ Tát, còn những vị Bồ Tát khác chỉ được nhắc sơ qua. Ví dụ, khi Tôn Ngộ Không bị Thiệt Phiến công chúa quật

bay đến nơi ở của Linh Kiết Bồ Tát, Linh Kiết Bồ Tát ban cho Ngô Không một viên Định Phong Đan, có thể đứng trụ dưới gió dữ. Tì Lam Bồ Tát dùng kim thoa hoa diệt trừ yêu quái nhiều lắm. Còn có Văn Thù Bồ Tát thu phục con sư tử xanh Ngài thường dùng để cưỡi v.v...

“Tứ Đại Phật Sơn” ở Trung Quốc gồm Ngũ Đài Sơn ở Sơn Tây, Nga My Sơn ở Tứ Xuyên, Phổ Đà Sơn tại Triết Giang và Cửu Hoa Sơn tại An Huy. Theo cách nói lưu truyền trong dân gian, “Tứ Đại Phật Sơn” là nơi “Tứ Đại Bồ Tát” dừng chân nghỉ ngơi khi xuống trần gian. Hiện nay “Tứ Đại Phật Sơn” còn có các đạo tràng Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền và Địa Tạng.

Ban đầu Quan Âm Bồ Tát được gọi là Quan Thế Âm, nghĩa là người luôn lắng nghe tiếng nói của thế nhân. Trong truyền thuyết, khi gặp hoàn cảnh khó khăn, chỉ cần miệng thàm niệm tên Quan Thế Âm, Quan Âm Bồ Tát sẽ nghe được tiếng kêu và đến giải cứu. Thời đại nhà Đường, nhân dân tránh tên húy của Đường Thái Tổ Lý Thế Dân nên bỏ mất chữ “Thế”, đổi thành Quan Âm. Sau đó lưu truyền đến ngày nay, người đời đều gọi là Quan Âm Bồ Tát. Do Quan Âm Bồ Tát đảm nhiệm trọng trách cứu khổ cứu nạn, thêm vẻ ngoài đoan trang xinh đẹp, được dân gian yêu mến và cung kính. Cho đến tận bây giờ, trong nhà rất nhiều người còn thờ phụng bài vị Quan Âm Bồ Tát. Đó chính là tượng Quan Âm với vẻ mặt từ bi tọa Thiền tại “Tủ Trúc Lâm”.

Khi cùng Phật Giáo du nhập vào Trung Quốc, hình tượng và giới tính Quan Âm Bồ Tát có nhiều thay đổi lớn. Tuy Quan Âm Bồ Tát bị Trung Quốc hóa, nhưng tâm lòng đại từ đại bi cùng nhiệm vụ giải cứu chúng sinh không hề thay đổi. Chúng ta xem xem tại sao Quan Âm Bồ Tát ở Trung Quốc lại là nữ. Vào thời kỳ Lương Hán, Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, Quan Thế Âm xuất hiện với hình tượng của nam giới. Bức tranh tượng Quan Âm trong Thiên Phật tại

Đôn Hoàng là tượng nam giới. Dưới ảnh hưởng ý thức thẩm mỹ Trung Quốc, Quan Âm Bồ Tát bắt đầu được thêm thắt những nét mang đậm bản sắc Trung Quốc. Thời kỳ Nam Bắc Triều, hình vẽ Quan Âm Bồ Tát đã bắt đầu được nữ tính hóa. Hình vẽ Quan Âm Bồ Tát với thân hình nam giới, dung mạo nữ giới dần dần xuất hiện trong nghệ thuật hội họa và điêu khắc. Thời nhà Đường, Quan Âm mang hình dạng nữ giới đã chiếm vị trí chủ đạo.

Quan Âm Bồ Tát từ nam biến thành nữ, một phần là do nữ giới có trái tim đồng cảm, dịu dàng, hiền hậu hơn nam giới, Quan Âm Bồ Tát là nữ thì phù hợp với đặc điểm Quan Âm Bồ Tát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn hơn. Ngoài ra, trong đệ tử nhà Phật có không ít ni cô, nữ giới theo đạo Phật cũng không ít. Nếu như không có nữ Bồ Tát, nữ tín đồ khó nuôi dưỡng mong muốn thành Phật. Điều này dễ gây tổn thương tính tích cực và lòng hướng đạo của tăng ni Phật Tử. Có khi còn không có người nhang khói, Phật môn lạnh lẽo, mọi người sẽ thấy ngay cả Phật giáo cũng trọng nam khinh nữ, tu đạo cũng vô dụng. Có nữ Quan Âm Bồ Tát, hiển nhiên là niềm an ủi và cổ vũ lớn lao cho tất cả tín đồ nữ. Có nhiều chuyện không tiện nói trước mặt nam giới nhưng lại có thể thổ lộ hết với Quan Âm Bồ Tát. Với những nguyên nhân kể trên, sự ra đời của nữ Bồ Tát, trở thành một sự kiện lớn trong hoạt động Phật giáo. Sự xuất hiện của nữ Bồ Tát bù đắp những thiếu sót đáng tiếc của nam Bồ Tát. Như vậy, một Quan Âm Bồ Tát mang dáng dấp của phụ nữ với phong thái thướt tha, hiền hậu ắt hẳn sẽ được nữ giới tôn kính, xem như bậc tri kỷ; nam giới cũng tôn trọng bà, hy vọng được bà ban phúc.

Quan Âm Bồ Tát mang dáng dấp phụ nữ cũng thể hiện tiềm thức lưu luyến tình mẹ của dân tộc Hoa Hạ. Con cháu Diêm Hoàng vốn từ chế độ mẫu hệ chuyển sang chế độ phụ hệ, luôn khao khát và lưu luyến tình mẹ.

Quan Âm Bồ Tát không chỉ đại từ đại bi và có vẻ đẹp lay động lòng người. Trong tiểu thuyết, chúng ta còn nhìn thấy một phương diện khác của bà: con mắt thông minh nhận biết được kẻ anh hùng, hơn nữa có tài lãnh đạo sáng suốt, là tướng tài bậc nhất trong Phật giới.

Phật Như Lai thấy bá tánh dưới trần vì lợi ích cá nhân mà rã p tâm hại nhau, vì tranh giành danh lợi mà đâm chém, giết hại nhau. Lại có những người suốt ngày ăn no mặc ấm, chìm đắm trong tử sắc. Cho nên Ngài nguyện dùng Kinh Tam Tạng phổ độ chúng sinh, muốn chọn một hòa thượng tăng nhân tin tưởng Phật pháp lại có ý chí kiên định đích thân lên Linh Sơn thỉnh kinh. Người thỉnh kinh phải trải qua rất nhiều gian nan vất vả trong suốt quá trình sang Tây Thiên, lại qua mười mấy năm rèn luyện, hiểu biết và lãnh ngộ sâu sắc Phật pháp, càng thêm trân trọng chân kinh thỉnh, về đến Đại Đường ắt sẽ dốc hết toàn lực tuyên truyền Phật pháp và chân kinh. Ai sẽ là ứng viên thích hợp nhất cho việc thỉnh kinh? Như Lai cũng biết đây là một câu hỏi khó, nhưng Ngài không thể đích thân đi tìm, cho nên Quan Âm Bồ Tát chủ động, tự nguyện đứng ra đảm nhận trọng trách này, đích thân sang Đại Đường tìm người thỉnh kinh.

Như Lai vui mừng tuyên: “Kẻ khác đi cũng không được, phải do Quan Âm Tôn Giả đi, con thần thông quảng đại, đi ắt được việc.” Xem ra, từ lâu Quan Âm Bồ Tát đã là người Như Lai muốn chọn. Quan trọng hơn nữa là Quan Âm Bồ Tát thận trọng, lại có con mắt tinh tường. Quan Âm Bồ Tát có thể tha thứ cho lỗi lầm trong quá khứ của người khác, biết phát huy thế mạnh và hạn chế điểm yếu của người khác trong việc dùng người, nhờ vậy có thể phát huy hết thế mạnh của một con người. Phật Tổ chỉ nói tìm người thỉnh kinh, nhưng từ Trường An đến Đại Lôi Âm tự, đường xá xa xôi, gập ghềnh trắc trở, yêu ma quỷ quái khắp nơi, chỉ dựa vào một người trần

mắ t thít ắ t không thể hoàn thành trọng trách, muố n thỉnh kinh thành công, không thể chỉ dựa sức một người, mà phải dựa vào đội ngũ thỉnh kinh do người đó làm nòng cớ t. Cho nên Quan Âm Bồ Tát lại tìm cho Đường Tăng ba đồ đệ để bổ sung và hoàn thiện đội ngũ thỉnh kinh. Quan Âm Bồ Tát rấ t khéo chọn. Trước tiên, cả ba người đề u thân đang mang tội, Quan Âm Bồ Tát không vì sai phạm nhấ t thời trong quá khứ mà hoàn toàn phủ định họ. Tấ m lòng khoan dung đại lượng của Bà quả khiế n người khác khâm phục. Khi Quan Âm Bồ Tát khuyên nhủ Trư Bát Giới từ bỏ cái ác, Bà hế t sức mê m mông, nhẹ nhàng, thấ u tình đạt lý. Nhưng Trư Bát Giới không cho là vậy, khăng khăng cãi lại những lời khuyên bỏ ích của Bồ Tát:

Bồ Tát nói: *“Người xưa nói, nế u muố n có tiề n đồ , thì phải dấ n thân vào thực hiện, nế u không sẽ không có tiề n đồ . Người vô n phạm luật Thiên Đình, nay lại không từ bỏ ác tâm, tổn hại sinh mạng, sớ ng chỉ tạo nghiệp chướng, há chẳng phải phạm cả hai tội hay sao?”* Con quái vật đó đáp: *“Tiề n đồ , tiề n đồ , nế u nghe theo người, ta hóp gió mà sớ ng à? Người ta thường nói, tuân theo quan pháp thì bị đánh chề t, đi theo Phật pháp bị đoi chề t. Đi! Đi! Chi bắ ng bắ t lấ y một người đi đường mập mạp ăn cho thỏa thích! Sợ quái gì hai tội hay ba tội, ngàn tội hay vạn tội!”* Bồ Tát rằ ng: *“Người có thiện tâm, trời ắ t phù độ. Nế u chịu quy y chính quả, tự có cách tu thân. Nhân gian có ngũ cớ c, có thể cứu đoi, có sao phải ăn thít người sớ ng qua ngày?”* Quái vật nghe rằ n, như tỉnh giấ c từ cõi mộng, bái lạy Bồ Tát thưa: *“Ta muố n theo đường ngay, không biế t làm cách nào khi đang đắ c tội với trời, không mong mớ i gì hơn!”* Bồ Tát rằ ng: *“Ta lĩnh Phật chỉ, sang Đông thổ Đại Đường tìm người thỉnh kinh. Người có thể theo ông ta làm đồ đệ, sang Tây Thiên một chuyế n, lấ y công chuộc tội, đảm bảo người thoát khỏi tai kiế p.”* Con quái vật luôn miệng thưa: *“Nguyên theo, nguyên theo!”* Bồ Tát đặt tay lên đầ u nó giúp nó thụ giới, chỉ thân ban họ, đặt họ Trư, ban pháp danh là Trư Ngộ Năng. Tức thì nhận mệnh quy

chính quả, cá`m bát ăn chay, đoạn tuyệt ngũ huân tam yế`m, chuyên tâm chờ đợi người thỉnh kinh.

Quan Âm Bồ` Tát không hề` nổi giận những lời cãi vã của Trư Bát Giới. Bà thấ`y được sự đắ`n đo của Bát Giới. Bát Giới lo sợ sau này phải chịu đói khát. Bát Giới vô`n dĩ không có chí hướng cao xa, cũng chẳng màng đế`n sự nghiệp gì to tát, chỉ lo hàng ngày được ăn uô`ng no đủ. Nhìn thầ`u được tâm can của Bát Giới, Bồ` Tát liề`n xóa tan những lo lắ`ng của Bát Giới, hơn nữa còn khẳng định sang Tây Thiên thỉnh kinh không những có thể xóa bỏ tội danh phạm phải, mà còn có thể lập công. Trư Bát Giới mới vui vẻ nhận lời.

Đoàn thỉnh kinh do Quan Âm Bồ` Tát thành lập bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Đường Tăng là người nhân đức ở vị trí thượng tôn. Tôn Ngộ Không năng lực siêu phàm đi trước dẫn đường. Bát Giới và Sa Tăng đảm`đang những công việc khác đứng ở vị trí thấ`p hơn. Đường Tăng không thể bắ`t yêu quái trừ ma, lại không thể sắ`p xế`p xử lý những việc nảy sinh trong cuộc hành trình, nhưng mong ước và quyế`t tâm đi thỉnh kinh thì luôn canh cánh trong lòng, gian nan không từ bỏ, sắ`c đẹp cũng không quyế`n rũ nổi ông. Bồ` Tát e Đường Tăng bản lĩnh không bắ`ng ba đồ`đệ, mệnh lệnh ông ban khó được thi hành, vị trí lãnh đạo của ông dễ bị lung lay, bèn truyề`n dạy cho Đường Tăng thầ`n chú Khẩn Cô Nhi, nế`u Ngộ Không bản lĩnh cao cường muô`n chồ`ng lại ý nguyện của mình thì lắ`y đó mà trừng phạt. Đây đúng là tuyệt chiêu! Khô`ng chề` được kẻ có bản lĩnh nhấ`t, Bát Giới và Sa Tăng ắ`t phải cúi đầ`u phục tùng. Nắ`m được thóp thì đầu sẽ vào đầ`y. Trư Bát Giới tham ăn biế`ng làm, lại hay giở trò ma mãnh. Nhưng Bát Giới cũng là người hoạt bát, vui vẻ nhấ`t. Sự góp mặt của Trư Bát giới làm cho chặng đường 14 năm dài dắ`ng đặc thêm không khí hoạt bát, làm cho tinh thầ`n cả đoàn thêm hăng hái. Hơn nữa đôi khi Bát Giới cũng có tác dụng giám sát. Khi công xác Quố`c Vương nước Ô Kê, Bát Giới biế`t được đây là “chiêu lừa” của Ngộ Không,

liên bảo Ngô Không nhất định phải cứu sống Quốc Vương họ, xúi giục Đường Tăng niệm thần chú Khẩn Cô Nhi trừng phạt Ngô Không. Ngô Không đành phải vượt mọi khó khăn lên Thiên Cung tìm Thái Thượng Lão Quân lấy Hoàn Hồn Đan, Quốc Vương nước Ô Kê mới được hồi sinh. Sa Hòa Thượng là lo chuyên hậu cần, là người phép tặc, chuyên tâm chu đáo mọi việc, quan điểm sống “dĩ hòa vi quý” của Sa Hòa Thượng cũng góp phần duy trì tính đoàn kết của cả đội.

2. Nghệ thuật lãnh đạo của Bồ Tát

Sau khi Quan Âm Bồ Tát thành lập đoàn thỉnh kinh, bà không đánh trống bỏ dùi mà luôn quan tâm chú ý đến tiến triển của đội ngũ thỉnh kinh, giáo dục đồng thời đôn đốc bổn thầy trò Đường Tăng. Bồ Tát trở thành vị lãnh đạo thực sự sau lưng những người thỉnh kinh. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bồ Tát vốn là cứu giúp trăm dân thoát khỏi khổ nạn, phổ độ chúng sinh. Nay lại phải quản lý cả đoàn thỉnh kinh này, mà còn quản lý đầu vào đầu ra. Khái niệm quản lý tinh túy của Quan Âm Bồ Tát là “ân nghĩa và uy quyền xem trọng như nhau”. Nhà lãnh đạo phải lèo lái thuộc hạ, xây dựng uy quyền của mình trong đội ngũ. Người đời thường có câu: con hư tại mẹ, thầy nghiêm mới có trò giỏi. Làm lãnh đạo phải quyết đoán, không được mềm lòng trước sai phạm của thuộc hạ. Bà khiên Tôn Ngộ Không, Hồ Ng Hải Nhi phải chịu phép Khẩn Cô Nhi, đau đớn, dày vò khủng khiếp, chính là để thể hiện ra “cái uy” của Bà.

Nhưng lúc nào cũng tỏ cái “uy” của mình thì chỉ khiên người khác e sợ, chứ không tâm phục khẩu phục. Vì thế cũng nên ban cho thuộc hạ những ân huệ cần có. Lợi ích Bồ Tát đưa ra cho đoàn thỉnh kinh: sang Tây Thiên thỉnh kinh không chỉ xóa hết tội nghiệp trước đây, còn có thể tu thành chính quả. Trước khi Ngộ Không, Bát Giới, Sa Tăng, Tiểu Bạch Long theo đoàn thỉnh kinh, Bà đều có những cuộc

nói chuyện riêng để họ có gắng làm thật tốt, hết lòng theo đuổi sự nghiệp này.

Nhân tài khó kiếm, kỳ thực, có nhiều Thiên Lý Mã, nhưng người tài giỏi như Bá Lạc không phải lúc nào cũng có. Auguste Rodin cũng từng nói: “Trên thế giới này không hề thiếu cái đẹp, mà thiếu đôi mắt phát hiện ra cái đẹp.” Cũng giống vậy, thế giới không phải thiếu nhân tài, mà thiếu người có khả năng phát hiện ra nhân tài.

Tôn Ngộ Không rất mực kính trọng Quan Âm Bồ Tát, và cả lòng cảm kích xuất phát từ nội tâm. Ngộ Không lúc nào gặp Quan Âm Bồ Tát cũng luôn nhiệt tình chào hỏi, bái lạy. Nhưng Phật Tổ tại Linh Sơn, Ngộ Không chỉ gọi là Như Lai, ngay cả hai chữ Phật Tổ cũng không thèm nói; Ngộ Không gọi Ngọc Hoàng Đại Đế là “Lão Ngọc Đế”; Gặp Thái Thượng Lão Quân thì kêu hai tiếng “Lão Quan”. Mỗi khi Ngộ Không gặp phiền phức nan giải, người đầu tiên Ngộ Không nghĩ tới là Quan Âm Bồ Tát. Ngộ Không răm rắp tuân theo, nghiêm túc đón nhận những dạy bảo của Quan Âm, cuối cùng tạo dựng nên sự nghiệp. Những độc giả tỉ mỉ sau khi đọc xong “Tây Du Ký” sẽ có một cảm nhận: những cuộc đối thoại giữa Quan Âm Bồ Tát và Ngộ Không không giống cuộc trao đổi giữa cấp trên và cấp dưới, thậm chí có phần giống mẹ con tâm sự với nhau. Sau khi Tam Thái Tử Long Vương ăn mất con ngựa của Đường Tăng, Ngộ Không tìm đến Bà. Trước khi Quan Âm Bồ Tát thu phục Tam Thái Tử, có một đoạn đối thoại với Ngộ Không như sau:

Hành Giả bám lấy Bồ Tát không buông mà rằng: “Ta không đi nữa, ta không đi nữa! Đường sang Tây Thiên gặp ghê như khúc khuỷu, bảo vệ Đường Tăng người trăn mắt thịt, đến bao giờ mới tới? Biết bao trắc trở, tính mạng Lão Tôn cũng khó bảo toàn, làm sao thành được chính quả! Ta không đi nữa, ta không đi nữa!” Bồ Tát nói: “Năm xưa người chưa tu thành người, nhưng chịu chuyên tâm tu hành ngộ đạo. Ngày nay người thoát khỏi thiên tai, có sao lại sinh tật

biến nhạc? Trong chúng ta lấy cái tan biến làm cái chân thực, cần phải tin vào chính quả. Giả như lâm vào tình cảnh hiểm nguy, ta cho phép người gọi trời, trời dạ, gọi đất, đất vâng. Cấp bách đến nỗi khó lòng thoát thân, ta cũng đích thân đến cứu người. Người đến đây, ta tặng người thêm một bản lĩnh.” Bồ Tát ngắt ra ba lá Dương Liễu, để phía sau ót Ngô Không, cất tiếng: “Biến!” lập tức biến thành ba chiếc lông cứu mạng, dạy Ngô Không: “Nếu lâm vào tình trạng nước sôi lửa bỏng, có thể tùy cơ ứng biến, cứu người thoát khỏi tai ương.” Hành Giả nghe qua bao lời tốt đẹp, mới cảm tạ Bồ Tát đại từ đại bi. Bồ Tát bèn hóa cơn gió cuốn quanh, sương mù bao phủ xung quanh Bà, song chuyển hướng Phổ Đà bay mất.

Ở đây, Ngô Không giống một đứa trẻ ương bướng nhưng ý chí yếu ớt, không chịu rèn luyện. Quan Âm Bồ Tát như mẹ hiền nhẹ nhàng chỉ bảo, thậm chí lấy những điều tốt đẹp “dụ dỗ” Ngô Không. Ngô Không nghe được những lời chỉ bảo đó mới tiếp tục kiên trì sang Tây Thiên thỉnh kinh, trên đường trung thành bảo vệ Đường Tăng. Với Ngô Không, Quan Âm thân thiết hơn cả Như Lai. Như Lai vời vời trên cao, sừng sững uy nghiêm, Quan Âm thì dẫn dắt bốn thầy trò sang Tây Thiên thỉnh kinh, trên đường nhiều lần ra tay cứu giúp, khiến Ngô Không cần là Bà xuất hiện ngay. Có thể thấy Quan Âm hết sức thân thiện hòa nhã. Thêm vào đó, hình tượng Phật Bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn đã được định hình trong dân gian. Điều này góp phần làm giảm đi vẻ nghiêm khắc vốn có của nhân vật quyền thế như Quan Âm Bồ Tát. Là nữ giới, Quan Âm Bồ Tát thể hiện được sự quan tâm như mẹ hiền, độc giả nói chung đều yêu quý Bà. Hình tượng Quan Âm Bồ Tát hay Phật Tổ Như Lai được khắc họa như thế nào đều do Ngô Thừa Ân quyết định. Ngô Thừa Ân tạo nên mối liên hệ giữa hai hình tượng Quan Âm Bồ Tát và Như Lai Phật Tổ. Trong những tình huống xấu thì để nhân vật Như Lai xuất hiện. Khi Ngô Không đại náo Thiên Cung, Quan Âm Bồ Tát có đủ pháp lực thu hàng Ngô Không. Nhưng Ngô Thừa Ân tránh

cho Quan Âm mang tiêng dao phủ ra tay trấ n áp Ngô Không, cho nên sắ p xế p Như Lai xuấ t hiện, và trao công lao giải cứu Ngô Không khỏi núi Ngũ Hành cho Quan Âm Bồ Tát. Bản thân Tôn Ngô Không cũng rấ t cảm kích Quan Âm giải thoát mình khỏi nỗi khổ sở vì bị giam câ m dưới núi Ngũ Hành.

Sự xuấ t hiện của Quan Âm Bồ Tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, ứng theo ý nguyện của người dân gặp tai kiế p khó khăn muố n thoát khỏi khổ nạn.

Quan Âm Bồ Tát sau khi du nhập vào Trung Quố c, tăng ni Phật tử Trung Quố c căn cứ theo tập quán dân tộc và cách thức tư duy của riêng mình, khoác lên mình Quan Âm Bồ Tát ngàn tay ngàn mắ t một sắ c thái Trung Quố c dịu dàng đầ m thắ m lắ y hiế u thảo, từ bi làm trọng. Tác phẩm điêu khắ c có giá trị nghệ thuật nhấ t là Phật Quan Âm ngàn tay tại Vịnh Đại Phật núi Bảo Định, thuộc huyện Đại Túc thành phố Trùng Khánh, Trung Quố c. Tác phẩm này được hoàn thành vào thời kỳ Nam Tô ng. Các nhà điêu khắ c sử dụng các đường nét ngang dọc đan chéo, trên dưới trùng điệp, khắ c họa một bức phù điêu Quan Âm ngàn mắ t ngàn tay cao gầ n ba mét với những đường nét chạm trổ tinh xảo, câ u tứ nghệ thuật độc đáo trên nề n nhám thạch 88 vạn mét vuông. Kỳ diệu hơn nữa, trong mỗi lòng bàn tay đề u có khắ c hai chữ “Huệ nhãn”. Tạo hình ngàn tay đẹp, nguy nga lộng lẫy, như chim công xò đuôi, khiế n người người thán phục. Tục ngữ nói vẽ người khó vẽ tay, nhưng mỗi cánh tay, bàn tay của tượng Quan Âm ngàn tay này được chạm trổ với những hình thái riêng. Nhiề u tay như vậy, nhưng về mặt động tác tạo hình, không có cái nào trùng cái nào: có tay thì câ m pháp bảo nhà Phật, tay thì câ m binh khí cổ đại, tay câ m ngọc, nhạc cụ, có tay câ m cả công cụ sản xuấ t và công cụ sinh hoạt. Những cánh tay này có thể nói là thiên biế n vạn hóa, hoặc cúi xuố ng hoặc giơ lên, hoặc vươn ra hoặc rút vào, hoặc nhắ c hoặc câ m, hoặc nắ m chặt như hoa đào, hoặc

kéo dài như hoa lan... hài hòa, đồ i xứng. Nhân thể chỉ ra một điểm thiếu sót, thông thường bên cạnh Quan Âm ở Trung Quốc thường có khắc một Ông Tử, gọi là “Thiện tài ông tử”, nhưng nơi này thì chưa khắc. Trong Phật giáo, ông tử này nhìn rõ hồng trần, coi vàng bạc như rác rưởi, vạn sự hư không, thề tu thành Phật. Sau này người đời thờ cúng “Chiêu tài ông tử”, coi “Chiêu tài ông tử” như “Chiêu tài thần tử”. Trong “Tây Du Ký” nhắc đến việc Quan Âm Bồ Tát thu phục Hồng Hải Nhi làm “Thiện tài ông tử”, cải tạo yêu quái cải tạo thành kẻ hành thiện, nội hàm ý nghĩa này phong phú, thâm thúy hơn so với kinh Phật, Ấn Độ. Trong tay Quan Âm Bồ Tát cầm “Bình cam lộ” và “Cành Dương Liễu”, vốn dùng để chỉ ý nghĩa Phật pháp rộng rãi khắp nơi. Sau này dân gian cho là pháp bảo điều khiển mưa gió. Mỗi khi gặp thời điểm mưa lũ hay khô hạn, đều có người quỳ khấn cầu Bồ Tát ban cho mưa thuận gió hòa. Đương nhiên, trong “Tây Du Ký” hai báu vật này dùng làm thần khí giáng yêu trừ ma.

3. Hình thức trói buộc kiểu Trung Quốc – chú Khẩn cô nhi

Nhắc đến Tôn Ngộ Không, mọi người sẽ nhớ đến cây gậy Như Ý và Vòng Kim Cô. Quan Âm Bồ Tát truyền cho Đường Tăng thần chú Khẩn Cô Nhi, lấy đó thu phục Tôn Ngộ Không. Khẩn Cô Nhi chú có hai đặc tính. Hiểu từ góc độ cá thể, Khẩn Cô Nhi chú trói buộc ham muốn của Ngộ Không mọi lúc. Nó tượng trưng cho cường quyền trong xã hội, kìm hãm tự do của cá nhân, đáng bị phủ định và từ bỏ. Nhưng nhìn từ góc độ xã hội, Khẩn Cô Nhi chú thật đáng là biện pháp hữu hiệu. Nhờ nó hạn chế được sự bộc phát vô độ của cá tính, mà bảo đảm được quyền lợi sinh tồn và phát triển tự do của cá tính người khác. Do đó, cần được khẳng định. Tinh thần yêu tự do cá nhân, không thích bị trói buộc của Tôn Ngộ Không tất nhiên là tốt và chính đáng. Nhưng nếu tất cả mọi người trong xã hội đều giống như Tôn Ngộ Không thoải mái bộc lộ cá tính của mình, “Đại náo

Thiên Cung” khắp nơi, không những đảo lộn văn minh, trật tự xã hội mà còn xuất hiện cục diện dã man cá lớn nuốt cá bé. Trong nguyên tác “Tây Du Ký”, chúng ta có thể thấy khi Quan Âm Bồ Tát truyền dạy thầy chú Khẩn Cô Nhi cho Đường Tăng có giải thích rõ ràng tác dụng của chú Khẩn Cô Nhi:

“Chỗ ta còn có một bài chú, dùng để tịnh tâm, tên là Khẩn Cô Nhi chú. Người có thể âm thầm đọc thuộc, nhớ kỹ trong lòng, không được tiết lộ cho bất kỳ ai. Ta sẽ đuổi theo nó, bảo nó quay về theo người, người hãy đem quần áo, nón này cho nó mặc. Nếu nó không nghe theo sự sai bảo của người, người cứ niệm bài chú này, nó không dám hành hung, cũng không bỏ đi nữa.”

Từ đó có thể thấy, sử dụng chú Khẩn Cô Nhi không phải muốn dồn Ngộ Không vào chỗ chết, mà là hạn chế bớt, nhằm phát huy hết ưu điểm của Ngộ Không để hoàn thành sự nghiệp thỉnh kinh, tạo phúc cho bá tánh. Tiểu thuyết “Tây Du Ký” khi viết đến đoạn cuối kết thúc việc thỉnh kinh, Tôn Ngộ Không công đức viên mãn, khi hoàn thành sự nghiệp tạo phúc cho nhân loại, trở thành “Đầu chấn thắ ng Phật” mới nghĩ đến giải quyết vấn đề bản thân. Do đó trong sách có một đoạn rất hay, đoạn đối thoại giữa hai thầy trò mang tính triết lý sâu sắc:

Tôn Hành Giả lại nói với Đường Tăng: “Su phụ, giờ đây con đã thành Phật, cũng giống như thầy, chẳng lẽ con còn phải đội vòng Kim Cô, thầy còn niệm bài chú Khẩn Cô Nhi đè nén con? Thầy mau mau niệm chú cởi bỏ vòng Kim Cô cho con, đập cho vụn nát, không khéo Bồ Tát lại đem đi trồng vào người khác.” Đường Tăng nói: “Lúc đó do con khó quản giáo, ta cố ý dùng để chế phục con. Nay con đã thành Phật, tự nhiên nó sẽ biến mất, sao còn ở trên đầu con chứ! Con sờ đầu mình thử xem.” Hành Giả đưa tay lên sờ, quả nhiên không còn nữa.

Đoạn đời thoải tuyệt vời này lý giải sâu sắc nét tinh túy trong giáo lý nhà Phật “Tự độ mình rồi mới độ người”. Ý nghĩa phong phú hơn là, trên đường thỉnh kinh, Khẩn Cô Nhi chú võ là công cụ duy trì trật tự, khuôn phép, nhưng bị Đường Tăng – người lãnh đạo “mù mờ” nhiều lần lạm dụng. Điều này khiến người ta liên tưởng đến các quy định chế tài không phù hợp trong xã hội hiện thực và chấp hành pháp luật mà không biết phải trái đúng sai. Nhưng chúng ta vẫn phải thừa nhận, không có sự giới hạn chừng mực của Khẩn Cô Nhi chú, Tôn Ngộ Không không đến được Tây Thiên, cũng không tu thành chính quả, càng không được tự do thực sự.

“Tây Du Ký” ghi lại quá trình dần dần trưởng thành của Tôn Ngộ Không, quá trình từ thuở thiếu thời ương bướng, lơ mờ chưa hiểu chuyện đến những trải nghiệm giúp Ngộ Không chín chắn, trưởng thành hơn. Trong quá trình thỉnh kinh, sau những đau đớn, dằn vặt vì chú Khẩn Cô Nhi, Tôn Ngộ Không dần dần từ bỏ những suy nghĩ thiếu suy nghĩ, nông nổi, tùy hứng của mình, trở nên chín chắn, trưởng thành hơn. Chiếc vòng Kim Cô trên đầu Hồng Hải Nhi, Hắc Hùng Tinh khi bị Quan Âm Bồ Tát thu phục cũng có tác dụng tương tự. Như Lai lệnh cho Quan Âm sang Đông Thổ Đại Đường tìm người thỉnh kinh và tìm cho người thỉnh kinh vài đồ đệ đông hành, rồi lấy ra ba bài chú Khẩn Cô Nhi nói với Quan Âm:

Như Lai lại lấy ra ba chiếc vòng Kim Cô, đưa cho Bồ Tát rằng: “Bảo bối này gọi là Khẩn Cô Nhi. Tuy ba cái cùng một dạng, nhưng cách dùng có khác, ta có ba bài chú Khẩn Cô Nhi. Nếu trên đường gặp phải yêu ma quỷ quái thần thông quảng đại, con cần khuyên hướng thiện, trở thành đồ đệ đi theo người thỉnh kinh. Nếu hướng không nghe theo lời con chỉ bảo, có thể đeo vòng Kim Cô này lên đầu hướng, nó sẽ tự nhiên bám chặt vào đầu. Cứ theo đó mà niệm chú, kẻ đó sẽ mất hồn như, đầu óc muốn vỡ tung, giáo dục hướng theo đường chính đạo.”

Nhưng trên thực tế, trong ba đồ đệ của Đường Tăng, chỉ có Ngô Không đội vòng Kim Cô. Cũng có thể do chỉ có mình Ngô Không từng có ý định giết Đường Tăng, còn Bát Giới và Sa Tăng chưa từng có ý nghĩ này. Theo miêu tả trong “Tây Du Ký”, vòng Kim Cô có hình dạng một vòng vàng, ôm chặt vào da đầu, cỏi không được, chặt không đứt, cắt đứt trên đầu. Bình thường vòng Kim Cô đội trên đầu không gây cản trở gì. Chỉ cần làm “việc sai trái”, Đường Tăng niệm “Khẩn Cô Nhi chú”, là Tôn Ngô Không đau đớn lăn lộn, đành ngoan ngoãn tuân theo. Vòng Kim Cô trên đầu Hắc Hùng Tinh cũng thế. Hồ Ng Hải Nhi trên tay, chân đều có vòng Kim Cô, khi niệm chú càng đau đớn đến chỉ muốn chặt quách cho xong. Có thể thấy công dụng thần kỳ của Khẩn Cô Nhi chú khiến những người không chịu nghe theo sự quản thúc đều run mình khiếp sợ.

Vòng Kim Cô trên đầu Tôn Ngô Không, Hồ Ng Hải Nhi và Hắc Hùng Tinh đại diện cho khuôn phép, chuẩn mực quy tắc bắt buộc phải tuân thủ và trách nhiệm phải gánh vác trong quá trình trưởng thành. Vòng Kim Cô trên đầu họ càng khiến độc giả hiểu rõ giá trị và ý nghĩa của nó. Trở lại với bộ tiểu thuyết, Tôn Ngô Không tổng cộng ba lần bỏ sư phụ, lần thứ nhất là chủ động bỏ đi, hai lần khác bị sư phụ đuổi khỏi sư môn. Ba lần rời khỏi Đường Tăng cũng đại diện cho ba thời kỳ trưởng thành của Tôn Ngô Không.

Lần thứ nhất rời bỏ sư phụ là trước khi đội vòng Kim Cô, do đánh chết vài tên sơn tặc, bị sư phụ mắng nhiếc vài câu, tức mình bỏ đi, chạy sang chỗ Đông Hải Long Vương uống trà. Nhưng được Long Vương khuyên giải lại quay về bên sư phụ, Giai đoạn này Ngô Không vẫn còn ngang ngược, kiêu ngạo có thừa. Đây là giai đoạn tiếp nối cá tính khi còn làm Mỹ Hầu Vương tại Hoa Quả Sơn. Ngô Không bị giam cầm dưới Ngũ Hành Sơn 500 năm, suy nghĩ lại những gì mình làm trước đây, có những nhận thức nhất định về chuẩn tắc cũng như khuôn phép không được phạm phải, vì thế có

thể biết nghe lời khuyên giải, tiếp thu lời dạy dỗ. Chúng ta xem đoạn Ngô Không và Long Vương đối thoại:

Hết tuần trà, Hành Giả quay đầu xem, thấy bức tường phía sau có treo một bức tranh đề “Di kiều tiên nữ”. Hành Giả hỏi: “Đây là cảnh gì?” Long Vương đáp: “Thưa Đại Thánh, việc là như vậy, do Ngài không nhận ra. Đây gọi là ba lần dâng giày khi qua cầu.” Hành Giả nói: “Thế nào gọi là ba lần dâng giày khi qua cầu?” Long Vương đáp: “Vị tiên này vốn là Hoàng Thạch Công, còn người kia vốn là Trương Lương thời nhà Hán. Thạch Công khi ngồi trên cầu, bỗng làm rớt giày xuống cầu, liền gọi Trương Lương đến nhặt. Trương Lương liền chạy tới nhặt lên, quỳ xuống dâng trước mặt Thạch Công. Cứ như thế ba lần, Trương Lương vẫn không chút ngạo mạn, chậm trễ. Thạch Công dần dần yêu mến tính siêng năng, cần mẫn của Trương Lương mà tôi tôi truyền dạy thiên thư, giúp Trương Lương phò Hán. Sau này quả nhiên Trương Lương mưu lược hơn người, nước tiếng gần xa. Sau khi thái bình, Trương Lương từ bỏ áo quan quay về núi, từ cây xích tùng ngộ đạo thành tiên. Đại Thánh, nếu Ngài không hộ tôi Đường Tăng, không tận công lao, không chịu giáo huấn, rồi cuộc cũng chỉ là một yêu tiên, chờ mong thành chính quả.” Ngô Không nghe nói, trầm mặc hồi lâu không nói. Long Vương nói: “Đại Thánh thân mang trọng trách, không nên vì tự do cá nhân mà làm lỡ tiên đồ.” Ngô Không rằng: “Đừng nhiều lời, Lão Tôn ta cứ quay lại bảo vệ Đường Tăng cho xong.” Long Vương vui mừng bảo: “Nếu đã vậy, không dám giữ chân Đại Thánh, thỉnh Đại Thánh sớm phát từ bi, chớ xa cách sư phụ Ngài quá lâu.” Hành Giả thấy Long Vương hối thúc mình lên đường, vội nhóm dậy, rời khỏi Long Cung, đang vân từ biệt Long Vương đi mất.

Khi đó, cá tính Tôn Ngô Không đã có sự khác biệt rất lớn so với tính cách “ngang ngược” khi còn ở Hoa Quả Sơn. Điều đó có nghĩa Ngô Không bắt đầu thời kỳ quá độ chuyển sang xã hội loài người.

Sau khi đeo vòng Kim Cô, Ngô Không bắt đầu gánh vác trách nhiệm, chấp nhận sự trói buộc của khuôn phép, giúp Ngô Không hòa nhập nhanh hơn nữa vào thế giới loài người. Lần thứ hai Ngô Không rời khỏi sư phụ là sau khi đeo vòng Kim Cô, ba lần đánh Bạch Cô t Tĩnh, khiến Đường Tăng – một người trăn mắt thịt, bắt phân thật giả hết sức nổi giận. Trong lúc nóng giận, Đường Tăng liền đuổi Ngô Không ra khỏi sư môn. Lần này là ông trách oan Ngô Không, nhưng sau này Đường Tăng gặp nạn, Ngô Không vẫn bắt chấp tất cả giải cứu sư phụ. Có thể nói Ngô Không đã học được cách nhẫn nhịn lo cho đại cuộc.

Lần thứ ba rời khỏi sư phụ cũng do Ngô Không đánh chết bọn cướp, do Đường Tăng không chịu tha thứ. Ngô Không trăm lần nài nỉ, Đường Tăng cũng không động lòng. Ngô Không đành đến chỗ Quan Âm Bồ Tát xin giúp đỡ. Rõ ràng chúng ta thấy Ngô Không đã chín chắn và thoát khỏi tình trạng “Đon đả độc đả”, biết tìm bạn bè, người giúp san sẻ khó khăn. Ngô Không đã hòa nhập vào thế giới này một cách thành công. Lần này, ngoài mặt Quan Âm Bồ Tát “phê bình” Ngô Không. Thực tế Bà đứng về phía Ngô Không, nhắc nhở Đường Tăng rằng: “Người nên giữ chân Ngô Không, yêu ma trên đường vẫn chưa trừ hết, cần hấn bảo vệ người, mới đến được Linh Sơn, gặp Phật thỉnh kinh. Chớ quở trách thêm.” Đường Tăng từ đó về sau, hoàn toàn tin tưởng Ngô Không, mâu thuẫn giữa hai người dần được hóa giải.

Lần thứ nhất Ngô Không rời bỏ sư phụ là trước khi đeo vòng Kim Cô, hai lần sau là sau khi đeo vòng Kim Cô. Từ biểu hiện trước sau của Ngô Không, chúng ta thấy rõ quá trình trưởng thành của Ngô Không. Chúng ta cũng vui mừng thay cho Ngô Không. Vòng Kim Cô có tác dụng lớn trong quá trình trưởng thành của Ngô Không, chính khuôn phép của nó giúp Ngô Không dần trưởng thành. Hắc Hùng Tinh và Hồ Ng Hải Nhi sau khi đeo vòng Kim Cô cũng cải tà

quy chính, đi con đường chính đạo, theo Quan Âm Bồ Tát tu thành chính quả.

Thực ra, trên đời mỗi chúng ta đều có vòng Kim Cô. Chẳng qua là vòng Kim Cô trên đời Ngô Không là hữu hình, vòng Kim Cô trên đời chúng ta là vô hình. Vòng Kim Cô cũng tượng trưng cho quy định và ràng buộc, nói cho chúng ta biết trong xã hội việc gì nên làm, việc gì không nên làm. Khi chúng ta sống và làm việc theo đúng quy tắc, chuẩn mực vòng Kim Cô trên đời dường như không tồn tại. Nhưng nếu chúng ta sai phạm, lập tức nó phát huy “tác dụng”, cảnh báo chúng ta nên điểu chỉnh hành vi theo khuôn phép. Tôi nghĩ sự trưởng thành của con người chính là quá trình liên tục sửa chữa sai lầm trong dưới sự quản thúc, trừng phạt của “vòng Kim Cô”. Cho đến khi chúng ta “không làm tổn hại đến lợi ích của người khác và xã hội”, vòng Kim Cô trên đời tự động biến mất.

Cụm từ “Khẩn Cô Nhi chú” lưu truyền đến ngày nay, thường được người đời sử dụng. Nó thể hiện hình ảnh thu nhỏ của xã hội trong “Tây Du Ký”, cũng phản ánh những khiếm khuyết của xã hội phong kiến Trung Quốc.

Dùng người là một nghệ thuật, dùng người tài càng cần phải có nghệ thuật. Với những người tài giỏi như Tôn Ngộ Không trói buộc một chút là cần thiết. Tuy Trư Bát Giới và Sa Ngộ Tĩnh rất trung thành, không dám cãi lời một tiếng, nhưng không thể trông mong họ đưa được Đường Tăng sang Tây Thiên. Thế nên tuy Tôn Ngộ Không tâm tính nóng nảy, nóng nảy, làm sao giúp kẻ có tài phát huy hết khả năng của mình mà lại không vi phạm khuôn phép, dùng thần chú Khẩn Cô Nhi cũng là một cách. Thêm Khẩn Cô Nhi chú cho người có năng lực cũng là cách yêu thương người tài. Người có năng lực càng cao, sức phá hoại sẽ càng lớn. Một khi bộc phát, dễ mất kiểm soát gây nên họa lớn, trói buộc họ một chút cũng là điều dễ hiểu. Vậy đề là trong “Tây Du Ký” thêm thần chú Khẩn Cô Nhi – một

cách trói buộc kiểu Trung Quốc cũng có điểm thiêu sót. Nhờ Khản Cô Nhi chú, Đường Tăng hoàn toàn không chết được Ngô Không. Nhưng Đường Tăng sử dụng Khản Cô Nhi chú như thế nào lại tùy thuộc hoàn toàn vào lương tâm ông. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào Đường Tăng cũng có thể sử dụng Khản Cô Nhi chú, chẳng ai thúc ép, ràng buộc. Đây chính là hình ảnh thu nhỏ của nền chính trị Trung Quốc thời phong kiến. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc, quyền lực nhà vua là chí cao vô thượng. Hoàng Thượng đặt ra vô số trói buộc và yêu cầu cho thân dân thiên hạ, có lúc chẳng thêm thêm gì nữa gì đến lời phân trần, biện minh của người khác. Trung Quốc có câu cổ ngữ: “Quân xử thân tử, thân bất tử bất trung. Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu.” (Vua xử tôi chết, tôi không chết, tôi bất trung. Cha xử con chết, con không chết, con bất hiếu). Còn ngược lại, bên tôi đối với Hoàng Thượng, thậm chí cấp dưới đối với cấp trên, con với cha có sự trói buộc không? Không có! Tư tưởng “Tử vi phụ huy, thân vi quân huy” (Tạm dịch: Con cãi cha là có tội, thân không tuân theo vua là có tội), “Con kỵ cha, thân kỵ quân”, sớm được người dân lúc bấy giờ tiếp nhận, hậu quả là tạo nên hiện tượng độc tài, chuyên chế. “Vòng Kim Cô” – đạo cụ nhỏ bé, nhưng cho thấy những khiếm khuyết của tư tưởng dân chủ xã hội phong kiến Trung Quốc.

4. Sức mạnh của đồng đội

Sức mạnh của đoàn thể có thể cho những người bình thường làm nên kỳ tích. Nếu nhìn từ góc độ này, bạn sẽ thấy đoàn thỉnh kinh của bốn thầy trò Đường Tăng vì muốn hướng tới một mục tiêu vĩ đại, bốn con người với bốn tính cách khác nhau đã hòa làm một. Họ cũng là tấm gương trong việc thành lập và quản lý bộ máy công ty hoặc nghiệp đoàn hiện nay. Bốn người này là một tập thể. Trước tiên hãy xem đặc điểm tính cách của bốn thầy trò Đường Tăng.

Đường Tăng trước sau như một, kiên định theo đuổi một mục tiêu, tinh thần tự khép mình vào kỷ luật rất cao, có khả năng tự kìm chế, người rất có đức hạnh, rất thích hợp với vai trò lãnh đạo. Bên ngoài, Đường Tăng có vẻ yếu đuối. Nhưng trên thực tế ông là người có ý chí kiên định nhất, bất kể gặp phải khó khăn trắc trở nào, ví dụ như Ngô không tức tởi bỏ đi, Trư Bát Giới căn nhằn đòi về Cao Lão Trang, khi Sa Tăng trầm mặc ưu tư, quyết tâm sang Tây Thiên thỉnh kinh của ông cũng không hề sụt giảm. Đó là nhờ Đường Tăng có một mục tiêu chiến lược – sang Tây Thiên thỉnh kinh, khi chưa đạt đến mục tiêu quyết không chùn bước. Điểm này không có ở ba người còn lại. Chỉ có ông hiểu rõ sang Tây Thiên thỉnh kinh là để phổ độ chúng sinh. Còn mục tiêu của ba người còn lại đơn thuần là bảo vệ Đường Tăng sang Tây Thiên. Còn vì sao phải thỉnh kinh, thỉnh về làm gì, đệ tử của ông không biết. Họ chỉ biết đó là nhiệm vụ tập thể giao cho và phải nỗ lực hoàn thành nó, rất ít khi nghĩ đến mục tiêu nhiệm vụ của họ có quan hệ như thế nào với mục tiêu chiến lược của tổ chức? Vì sao họ phải làm vậy? Tất nhiên họ cũng chẳng may nghĩ sau khi hoàn thành mục tiêu chiến lược có ảnh hưởng gì, hoặc vì sao phải xác lập mục tiêu chiến lược đó. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến họ không thể trở thành lãnh đạo của đoàn thỉnh kinh.

Còn Tôn Ngộ Không thì sao? Ngộ Không thì trái lại. Trong đoàn thỉnh kinh, Ngộ Không đóng vai trò chuyên gia giải quyết vấn đề. Không việc gì Ngộ Không không làm được, làm việc gì cũng mạnh mẽ, nhanh nhẹn. Dường như tập thể này có Ngộ không là đủ. Nhưng không nên quên rằng, Tôn Ngộ Không có một khuyết điểm lớn, đó là dễ xung động. Tính cách này trái ngược hoàn toàn với Đường Tăng. Một người thích tĩnh lặng, một người lại hiếu động, một người chậm một người nhanh, xung đột là điều khó tránh khỏi. Tôn Ngộ Không bản lĩnh cao cường, pháp lực vô biên, đúng sai rõ ràng, xem ác như thù, một lòng muốn hỗ trợ sư phụ thỉnh được chân kinh. Nhưng

đồng thời, Ngô Không cũng có tính phá hoại, cho nên phải đội vòng Kim Cô, bằng không Đường Tăng cũng chịu thua. Trong đoàn thỉnh kinh, tuyệt đối không thể thiếu Ngô Không. Xong trận diệt trừ yêu quái hoàn toàn trông cậy vào Tôn Ngô Không. Muốn lãnh đạo tốt Tôn Ngô Không cũng không phải dễ, cần phải khoan dung và biết phát huy sở trường của Ngô Không. Ngô Không là điển hình của người theo chủ nghĩa hành động, luôn giải quyết vấn đề với tốc độ nhanh nhất, tinh lực và năng lượng của Ngô Không dường như không bao giờ cạn kiệt, làm việc cương nghị, quả đoán, là trụ cột giải quyết mọi khó khăn trên đường thỉnh kinh, có điều tâm trạng không ổn định, dễ bị kích động.

Về phần Trư Bát Giới, nhân vật mà độc giả thấy dễ thương nhất chẳng chịu ngồi yên, suốt ngày đi tìm thú vui, đi đến đâu tiếng cười vang đến đó. Bát Giới giống quả khai tâm, không thể thiếu trong việc duy trì các hoạt động tập thể đạt hiệu quả cao. Nhưng những nhân viên có tính cách này dễ đi chệch mục tiêu, hơn nữa không phải là người hết mình trung thành, thích cuộc sống thư thái an nhàn (động một chút là đòi về Cao Lão Trang), thuộc tuýp người ruột để ngoài da, nhưng giỏi giao tế. Đường sang Tây Thiên thỉnh kinh nếu không có Bát Giới, sẽ là đoạn đường dài vô vị, thiếu sinh khí.

Cuối cùng là Sa Hòa Thượng đôn hậu chất phác, trầm lặng ít nói, hiền hòa thâm lặng, thâm lặng đến nỗi suýt chút nữa quên mất sự tồn tại của Sa Tăng. Nhưng Sa Tăng phải nói là người chịu thương chịu khó. Hầu như các việc lật vật, nhàm chán trong đoàn đều do Sa Tăng gánh vác. Khi ba người còn lại trong đoàn có những khúc mắc, mâu thuẫn, Sa Tăng luôn là người đứng giữa khuyên can, giảng hòa. Bốn thầy trò trở thành một đoàn thỉnh kinh tương đối ổn định. Điều đó không thể thiếu vắng vai trò hòa giải, điều hòa các mối quan hệ giữa các thành viên của Sa Tăng. Sa Tăng còn có

một điểm đặc biệt là chú trọng tiểu tiết, thành thật, chuyên cần. Nhiều công việc có tính sự vụ trong tổ chức đều được giao cho những nhân viên như vậy đảm trách.

Có người khảo sát hơn 1.000 đoàn hội, nghiên cứu cơ cấu một đội ngũ lý tưởng, cuối cùng đúc kết ra được lý thuyết “Tám vai trò”. Một đội ngũ thành công cần do tám người không cùng tính cách hợp thành. Tám người này lần lượt là:

Nhân viên hành chính – đặt ra tiêu chuẩn, trật tự, hiệu quả, điều lệ, làm việc có trình tự, không thích những thay đổi đột ngột, thích mọi thứ rõ ràng.

Nhân viên điều tiết – có khí chất lãnh đạo bẩm sinh, tâm lý và trạng thái tương đối ổn định, khả năng tự khống chế cao, có sức ảnh hưởng phi yếu tố quyền lực.

Nhân viên đôn đốc – làm việc có hiệu quả, có tốc độ, lúc nào cũng có cảm giác hối hả, gập rút, nghĩ vẩn đề không xa không tỉ mỉ, phóng khoáng, lòng dạ ngay thẳng dễ làm tổn thương người khác.

Nhân viên sáng tạo – theo đuổi sáng tạo cái mới lạ, tư duy nhanh nhẹn, tính hiện thực kém, nhiều ý tưởng, nhiều sáng kiến, thường biểu thị sự tán đồng bằng ngữ khí phủ định, thích cái khác người, không thích a dua theo người khác.

Nhân viên thông tin – đối ngoại mẫn cảm, giỏi giao tế, nắm bắt tin tức nhanh, có việc là hưng phấn, giống chiếc ra-đa.

Nhân viên giám sát – lạnh lùng, lý trí, có năng lực phán đoán, thường không nghĩ phải giải quyết việc này thế nào mà trước tiên họ sẽ nghĩ việc này không làm được, thích làm người khác cụt hứng, thích đặt ngược vẩn đề. Về mặt tình cảm, không mấy thân thiện với mọi người, không mấy hào hứng với những kiến nghị tốt được

đưa ra, chỉ hào hứng với việc phản bác, ngăn chặn một kiế'n nghị xấ'u.

Nhân viên có vai trò gắ'n kế't – đố'i nội nhạ' cảm, hay gió chiề'u nào theo chiề'u đó, do dự thiề'u quyế't đoá'n, thường biểu' đạt ý kiế'n bằ'ng lời lẽ ôn hòa, thân thiế't quan tâm đế'n những thay đổi người xung quanh.

Nhân viên theo chủ nghĩa câ'u toàn – trong công việc luôn theo đuối sự hoàn mĩ, làm việc thận trọng, kỹ càng chu đáo, cẩn thận tỉ mỉ, tìm hiểu sâu.

Ngẫm kỹ, nhân vật trong “Tây Du Ký” phải chẳng đề'u có những tính cách trên? Nghiên cứu này có thể rút ra kế't luận: không thể đoá'n trước một đội ngũ nhấ't định thành công, nhưng có thể dự đoá'n một đội ngũ nhấ't định thấ't bại. Đương nhiên, chẳng ai có đủ tám loại tính cách này. Muố'n thành công chỉ có thể dựa vào tập thể để bù đắ'p những khiế'm khuyế't cá nhân. Mỗi người ai cũng có khiế'm khuyế't, muố'n làm một việc cho chu toàn câ'n phải dựa vào tập thể. Nhân vô thập toàn, nhưng một đội ngũ thì có thể đạt đế'n sự hoàn mĩ.

Chương 5: GIA NHẬP PHẬT MÔN – TRƯ BÁT GIỚI

Trong tiểu thuyết trường thiên của Trung Quốc cổ đại, thường có một nhân vật đóng “vai xấu” lỗ mãng cộc cằn hoặc ngộ c nghệch, như “Mãnh Trương Phi” trong “Tam Quốc diễn nghĩa”, “Hắc Lý Quỳ” trong “Thủy Hử truyện” v.v... Trong “Tây Du Ký”, đó là con heo ngộ c nghệch Trư Bát Giới. Trư Bát Giới trong “Tây Du Ký” là nhân vật được Ngô Thừa Ân khắc họa sinh động và đặc sắc nhất. Bát Giới với cái bụng thật to, hai chiếc tai dài ve vẩy, vác cây cào chín răng bằng sắt, trên đường trợ giúp Tôn Ngộ Không bảo vệ Đường Tăng. Tuy quy y của Phật nhưng là do bắt đắ c dĩ, miễn cưỡng trở thành người thỉnh kinh, trên đường thỉnh kinh bộc lộ nhiều thiếu sót trong tính cách. Bát Giới chẳng mấy hào hứng với thân thánh hay sự nghiệp thỉnh kinh vĩ đại, hề có dịp là làm biếng, hờ ra là nói những lời đại loại như rã đám, chia hành lý. Trừ việc ăn no và háo sắc, Bát Giới chẳng màng gì cao xa hơn. Trên đường thỉnh kinh, Bát Giới chưa đủ tư cách là hòa thượng. Con người Bát Giới vừa ích kỷ, nhút nhát, tham ăn, háo sắc, đầy lòng đố kỵ lại thích hưởng thụ thể tục, cũng chẳng giữ khuôn phép, thanh quy giới luật nhà Phật. Thế nhưng nhờ có nhân vật Trư Bát Giới mà “Tây Du Ký” thêm ý vị, tuyệt vời.

Trư Bát Giới là nhân vật được bình dân hóa, nhân tính hóa nhất trong “Tây Du Ký”, thân tình lục đục đều có cả. Bát Giới không có chí hướng cao xa như sư phụ, cũng không hiểu tại sao sư phụ phải tự làm khổ mình, khẳng khái đến Tây Thiên. Bát Giới cũng không giỏi giang, có bản lĩnh hơn người như đại sư huynh Tôn Ngộ Không. Tuy thế, trên đường thỉnh kinh, cũng giúp đỡ Tôn Ngộ Không giáng

yêu trừ tà. Nói tóm lại, Bát Giới tham ăn, ham ngủ, háo sắc, lười biếng, ham cái lợi nhỏ nhặt, lại thường chữa khéo thành vụng, đôi khi trong cái vụng lại có cái khéo léo. Bát Giới cũng có thể chịu cực. Tại nhà Cao Lão Trang, việc nặng nhọc vất vả đều do Bát Giới làm. Trên đường thỉnh kinh, Bát Giới phải dắt ngựa, gánh hành lý, chịu không ít khổ cực. Nhưng Bát Giới là người có phúc cùng hưởng, khi gặp nạn lại không muộn cùng gánh vác. Trên đường thỉnh kinh gặp phải bất trắc, sự phụ gặp nguy hiểm, Bát Giới không phải người đi đâu giải cứu sự phụ, mà lần nào cũng nheo nhéo đòi “rã đám”, “chia hành lý”. Bát Giới tham ăn, trong sách miêu tả rất nhiều. Tác giả hầu như không bỏ qua cơ hội nào, chỉ cần có Bát Giới xuất hiện, nhất định sẽ dành lời miêu tả tướng ăn, dài thì miêu tả cả một đoạn, ngắn thì viết một câu kiểu như “ăn như lộc cuồn”. Như “Trư Bát Giới ăn Nhân Sâm Quả – ăn mà không biết mùi vị”, “Trư Bát Giới soi gương – trong ngoài không phải người” v.v... Những câu viết hầu như ngữ liên quan đến Trư Bát Giới lưu truyền trong dân gian rất nhiều, thậm chí câu chuyện “Trư Bát Giới công cô dâu” còn được cải biên thành một vở kịch dân gian. Bát Giới háo sắc, trong truyện được miêu tả rất rõ nét.

Chúng ta cùng xem vài câu yếu hầu như ngữ có liên quan đến Trư Bát Giới miêu tả sinh động đặc điểm hình tượng Trư Bát Giới:

Trư Bát Giới cười lừa – một cặp súc vật

Trư Bát Giới đi đường – trái phải lẫn lộn

Trư Bát Giới trát phẫn – không che hết xấu

Trư Bát Giới công vợ – tôn sức chẳng được gì

Trư Bát Giới thêu hoa – giả vờ khéo tay

Trư Bát Giới soi gương – trong ngoài không phải người

Trư Bát Giới ngoáy lỗ tai – phía trong có hàng

Trư Bát Giới bị mổ – mập rô`i

Trư Bát Giới chọc ghẹo Hắ`ng Nga – không biế`t tự lượng sức mình

Trư Bát Giới bại trận – trả đũa

Trư Bát Giới cài hoa – càng nhiề`u càng xấ`u

Trư Bát Giới bày tiệc rượu – giả vờ giàu có

Trư Bát Giới cống Tôn Ngộ Không – sau người tài còn có người tài hơn

Trư Bát Giới khoác lác – miệng rộng nói khoác

Trư Bát Giới rơi bừa – không hắ`u hạ

Trư Bát Giới vào Nữ Nhi quố`c – không muố`n đi tiế`p

Trư Bát Giới cày đấ`t – toàn nhờ cái miệng

Trong “Tây Du Ký”, các cảnh có Trư Bát Giới đề`u mang đậm nét hài kịch. Đường đường là một Thiên Bô`ng Nguyên Soái chỉ vì hạ phàm đầ`u thai nhằ`m bụng heo, nên phải mang rấ`t nhiề`u đặc trưng của heo: tham ăn ham ngủ, lười biế`ng ích kỷ, thể trạng phục phịch. Tại sao Ngô Thừa Ân chọn heo làm hình tượng của Bát Giới? Phải chăng do heo đứng đầ`u trong lục súc? Lục súc lầ`n lượt là Heo, Trâu, Dê, Ngựa, Gà, Chó. Chúng ta so sánh một chút đặc điểm của năm con vật còn lại và Heo. Trâu quá câ`n mẫn, quá thật thà chấ`t phác, không có nhiề`u thú vui. Dê quá nhát gan, gặp nguy hiểm chỉ biế`t đứng run rẩy. Ngựa trong dân gian luôn mang dáng dấ`p tuấ`n tú lịch lãm. Chàng trai nào đẹp trai thì được gọi là “Bạch mã hoàng

tử”. Như vậy Bát Giới không còn là “vai xấu” nữa rồi, hơn nữa trong đội ngũ thỉnh kinh đã có Tiêu Bạch Long hóa thân thành Ngựa trắng. Gà chỉ thích hợp nuôi trong nhà, không thích hợp đi xa. Hình tượng con Chó trong dân gian cũng không tồi. Nó tượng trưng cho lòng trung thành tuyệt đối với chủ nhân, chịu thương chịu khó, như vậy không hợp với hình ảnh Bát Giới thường đòi rẽ nhóm, lâm trận thoái lui. Heo có nhiều tật xấu nhất, hình dạng cũng lý thú, dễ tạo tiếng cười, rất hợp với yêu cầu của vai này trong tiểu thuyết. Còn cái tên Trư Bát Giới là do Đường Tăng đặt riêng cho nhân vật này:

Tam Tạng nói: “Nếu theo ta tu hành thiện quả, muốn làm đồ đệ, ta đặt pháp danh cho con, cho dễ xưng hô.” Hắc đáp: “Sư phụ, con được Bồ Tát xoa đầu thụ giới, đặt cho pháp danh gọi là Trư Ngộ Năng.” Tam Tạng cười nói: “Tốt, tốt! Sư huynh con tên Ngộ Không, con tên Ngộ Năng, kỳ thực là tôn phái trong nhà Phật chúng ta.” Ngộ Năng nói: “Sư phụ, con thụ giới theo Bồ Tát, đoạn tuyệt ngũ huân tam yểm, tại nhà nhạc phụ con ăn chay, không động đến thịt thà tanh hôi. Hôm nay gặp được sư phụ, con bỏ chay một bữa nhé.” Tam Tạng nói: “Không được, không được! Con vốn không ăn ngũ huân tam yểm, ta đặt thêm cho con một pháp danh khác, gọi là Bát Giới.” Chàng ngộ c mừng rỡ đáp: “Bẩm sư phụ, con xin vâng.”

Như vậy, Bát Giới có nghĩa là gì?

Giới, tức giới luật của nhà Phật để ngăn ngừa tín đồ tạo ác, giúp người hướng thiện, là chuẩn mực hành vi cuộc sống hằng ngày của Tăng nhân. Giới có Ngũ giới, Bát Giới, Thập Giới v.v... Trong đó Ngũ Giới là: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói bậy, không uống rượu.

Sau này, Phật giáo có thêm ba giới nữa: không ngủ, ngồi trên giường hoa lệ, không trang điểm và nghe ca hát nhảy múa, không ăn khi không phải giờ ăn (tức sau buổi trưa không được ăn). Tam giới

này cộng với Ngũ giới ở đã giới thiệu ở trên gọi chung là “Bát Giới”. Tuy nhiên, yêu cầu của Bát Giới nghiêm ngặt hơn so với Ngũ giới, nhưng không nhất thiết phải tuân theo suốt đời như Ngũ Giới.

Trư Bát Giới trở thành biểu tượng của tính tham ăn và háo sắc. Từ đầu đến cuối không hề tuân theo “Bát giới” của đạo Phật. Đường Tăng rõ ràng biết rõ đệ tử này không phải là một người xuất gia đúng nghĩa, cho nên ngay từ đầu đã đặt một pháp danh khác là Bát Giới, ngụ ý nhắc nhở Bát Giới phải nghiêm khắc giữ kỷ cương, tuân thủ giới luật Phật giáo. Không đặt pháp danh là “Ngũ giới” vì trong Bát giới có một quy định rất quan trọng, đó là không ăn lúc không phải giờ ăn. Tiếc là, trên đường đi thỉnh kinh hề có cơ hội nào là Bát Giới ăn lấy ăn để, không chút đắn đo suy nghĩ đến ngụ ý của sư phụ Đường Tăng khi đặt tên cho mình. Vì thế tạo nên hiệu quả châm biếm. Coi như Phật Tổ mình giám, kịp lúc phong Bát Giới làm “Tĩnh Đàn Sứ Giả”, dẹp bỏ hết thói xấu này của Bát Giới.

1. Trư Bát Giới – tham ăn và háo sắc

“Tham ăn háo sắc”. Tính “tham ăn” và “háo sắc” của Trư Bát Giới được thể hiện rõ rệt trong tác phẩm “Tây Du Ký”. Hồi thứ 47 trong “Tây Du Ký”, tác giả viết:

Trước tiên bày rau quả, thức ăn chay, sau đó là mì, cơm, đồ ăn vặt, canh, mọi thứ bày đâu vào đấy. Đường trưởng lão nhắc đứa, niệm một lần “Khởi Trai Kinh”. Tên Ngộ c kia một là nóng vội muốn ăn, hai là có phần đói, nào đợi Đường Tăng tụng kinh xong, cầm cái bát gỗ sơn đỏ lên, xới một chén cơm trắng, vội vã bỏ vào miệng, nuốt lấy nuốt để. Đứa hâu bên cạnh nói: “Cái ông này thật không biết tính toán, chưa háp màn thâu, sao lại ăn cơm rồi, vậy chẳng làm bản y phục sao?” Bát Giới cười nói: “Không đợi háp, ăn luôn rồi.” Đứa hâu nói: “Con không hề thấy miệng ông nhai, sao lại nói là ăn rồi?” Bát Giới đáp: “Bọn người đừng nói bậy! Rõ ràng ăn

rồ i. Không tin, ta ăn lại lần nữa cho người xem.” Đứa hâu lại xới một chén đầy bụng để n cho Bát Giới. Tên Ngô c loáng cái đã hết sạch. Bọn hâu nhìn thấy la lên: “Ông ơi! Cuộc hợng của ông chắc ghiên được gạch đá, ăn đến sạch sành sanh!” Đường Tăng chưa niệm xong kinh, Bát Giới đã ăn năm, sáu chén, sau đó mới nhá c đĩa, cùng mọi người ăn chay. Tên Ngô c chẳng nề hà cơm hay mì, trái cây hay thức ăn vặt, cứ vơ lấy bỏ hết vào mồm, miệng còn léo nhéo: “Thêm cơm, thêm cơm!” dần dần không thấy ai bụng đến nữa! Hành Giả nói: “Hiên đệ, ăn ít thôi, đệ trông hệt như trên núi nhin đói lâu ngày, ăn no lưng bụng là được rồ i.” Bát Giới đáp: “Mặt mũi! Thường nói, trai tăng không no, không bắ ng chôn số ng.” Hành Giả dạy: “Các người dọn đi, không cần để ý đến hắ n!” Hai người già cúi người nói: “Không giấ u gì trưởng lão, ban ngày thì không sợ, có thể thiết trai hơn trăm người như vị trưởng lão bụng bự này. Có điề u bây giờ trời đã tối i, thu dọn hết bàn, chỉ nắ u được một thố mì, năm đầ u cơm và một ít món chay, thỉnh mời vài vị thân hữu cùng chúng tăng cùng hưởng. Không ngờ, các vị đến, làm chúng tăng chạy mắ t, đến cả hàng xóm cũng không dám mời, vì mọi thứ đều mời các vị hết rồ i. Nế u vẫn chưa no, tôi sai người đi nắ u nữa.” Bát Giới nói: “Nắ u thêm, nắ u thêm!”

Từ đoạn miêu tả trên, có thể thấy Bát Giới sức ăn hơn người. Vì cái ăn, Bát Giới không câu nệ lễ tiết, liên tục giục gia nô thêm cơm. Trư Bát Giới hâu như lúc nào cũng có vẻ đói. Cao Lão Trang nói về “con rể” Bát Giới: “một bữa phải ăn ba đến năm đầ u cơm, điểm tâm sáng cũng phải ăn hơn trăm cái bánh nướng mới tạm đủ.” Bát Giới không những ăn được mà cách ăn cũng khác người, nói thẳng ra là ăn nhiều đến phát khiếp. Có điề u, nói đến cách ăn của Bát Giới, phải nói đến hồ i thứ sáu mươi tám “Chu Tử Quốc treo bảng câ u thầy, Tôn Hành Giả trở tài làm thuốc”, trừ xong yêu quái, Trư Bát Giới biế n thành con heo mập mập chui ra mở đường, mắ y trăm người theo sau đưa cơm, bắ t kê số ng hay chín, Trư Bát Giới ăn

tuốt. Mấy trăm người chạy tới chạy lui đưa cơm cũng không kịp, thật khủng khiếp.

“Chuyện ăn” của Bát Giới trên đường thỉnh kinh cũng mang đến không ít phiền toái. Vì muốn ăn quả Nhân Sâm, Bát Giới xúi Ngộ Không đi trộm, cuối cùng bị Đổng Tử phát hiện, dẫn đến thị phi. Do tham ăn, mấy lần bị yêu quái gạt, suýt chút mất mạng. Cũng vì tham ăn bị Đường Tăng trách phạt, bị Ngộ Không trêu chọc cười nhạo. Tại nước Chư Tử, Ngộ Không lừa Bát Giới rằng muốn mời Bát Giới ăn nhiều đồ ngon. Bát Giới vừa nghe nói thế, bèn cười khà khà theo Ngộ Không ra đường. Ngộ Không đem bảng vàng lên nhét vào bụng Bát Giới, kết quả suýt bị bắt đi mổ bụng. Tuy bình thường Đường Tăng có hơi thiên vị Bát Giới, nhưng do Bát Giới quá tham ăn, từng mắng Bát Giới là “ăn uống nhồm nhoàm, sức sinh ngứa ngứa cọ quậy trong bao tử”.

Bát Giới tham ăn cũng liên quan đến cái miệng thèm ăn của Bát Giới, nhưng nguyên nhân chủ yếu không phải ở đó. Trên đường sang Tây Thiên thỉnh kinh, trèo đèo vượt núi, gian nan nguy hiểm trập trùng, thường đi qua những nơi vắng vẻ, heo hút, bị yêu quái bắt được thì chỉ còn cách nhịn đói. Đến cả Đường Tăng cũng thường xuyên không có gì bỏ bụng, huống hồ sức ăn kinh người lại thường xuyên gánh hành lý như Bát Giới chứ? Cho nên, mỗi khi có cơ hội làm đầy cái bụng mình, Bát Giới chắc chắn không bỏ qua. Đường Tăng từng nói với Sa Tăng mình ăn một bữa cơm no có thể ba ngày không thấy đói. Có thể thấy, việc Bát Giới tham ăn là do nhu cầu khách quan.

Ngoại trừ tham ăn, một đặc điểm lớn khác của Bát Giới là háo sắc. Khi còn là Nguyên Soái trên Thiên Đình, Bát Giới do uống nhiều rượu trong tiệc Bàn Đào, xông nhâm vào Quảng Hàn Cung là nơi ở của Hằng Nga. Thấy Hằng Nga dung mạo xinh đẹp, phút chốc không kìm được nổi lòng phàm, kết quả bị phạt nặng 2.000

trượng, đầy xuông trôn gian. Theo lý mà nói, Bát Giới do “háo sắc” mà bị mất “cốt Tiên” và “chức quan”, còn bị ép buộc làm “hòa thượng” xuất gia, đáng lý phải biết mà sửa đổi. Nhưng Bát Giới thì không, cũng chẳng không biết hối cải, có thể nói là phụ rầy dụng ý cái tên “Bát Giới” Đường Tăng đặt cho mình.

Trong quá trình sang Tây Thiên thỉnh kinh, nhiều lần Bát Giới thấy sắc nổi lòng phàm. Phàm là có mỹ nhân xuất hiện, tác giả hầu như đều viết “Bát Giới lén lút đưa mắt nhìn trộm”, như hồi thứ 27 “Thấy ma ba lần trên chóc Đường Tam Tạng, Thánh Tăng nổi giận đuổi Mỹ Hầu Vương”. Một đoạn trong đó viết, Bát Giới gặp yêu tinh biến thành thiếp nữ, “Nàng trông: nước da trắng như ngọc, bờ ngực cong cong thấp thoáng sau làn áo trễ cổ... Thấy cô xinh đẹp, Bát Giới lại nổi lòng phàm”. Hay như trong hồi thứ 54, đến Nữ Nhi Quốc, Bát Giới nhìn thấy Nữ Vương “Dáng ngọc yêu kiều sóng nước hồ thu, mày liễu thanh xuân đẹp bội phần”, bèn “nhìn không được nước dãi chảy ròng ròng, tim đập loạn xạ, mạch máu dường như đông cứng, giống như sư tử tuyền lao vào lửa, không biết rằng lao vào chỗ chết.” Dưới ngòi bút sinh động như thật của tác giả, Trư Bát Giới quả thật bộc lộ trăm thói hư tật xấu. Trong truyện miêu tả xuất sắc nhất phải kể đến đoạn “Tứ thánh thử thiên tâm”

Trong phòng ánh đèn sáng lung linh, chàng Ngộ cớ ra cúi đầu bái lạy, bái xong nói: “Thưa Mẫu thân, người gả nàng nào cho con đây?” Mẹ vợ Bát Giới đáp: “Ta đang khó xử đây: ta muốn gả con gái lớn cho con, sợ đứa thứ hai trách; Muốn gả đứa thứ hai cho con, sợ đứa thứ ba trách; Muốn đem gả đứa thứ ba, lại sợ đứa lớn trách. Cho nên do dự chưa quyết.” Bát Giới rằng: “Mẹ, nếu sợ tranh giành, cứ gả hết cho con là được, khỏi tranh giành cãi vã, nhà cửa rồi ren không yên.” Mẹ vợ anh nói: “Sao lại như vậy được! Một mình người muốn lấy hết ba đứa con gái của ta chẳng?” Bát Giới đáp: “Nghe lời mẹ nói kìa. Nhà nào lại chẳng có tam thê tứ thiếp? Nếu thêm vài

cô nữa, con rẻ mẹ cũng vui lòng nhận hết. Khi còn trẻ, con có học được vài chiêu, đảm bảo các con của mẹ ai nấy đều vui vẻ, tươi cười.”

Bố n vị thần tiên vì muốn thử phẩm chất bố n thầy trò Đường Tăng, cố tình hóa thành bố n mẹ con ngộ i chờ bên đường bố n thầy trò Đường tăng đi qua để đợi kén chồ ng. Đường Tăng đương nhiên kiên quyết từ chối i. Nhưng Trư Bát Giới nào chịu đựng được, muốn cưới hết cả bố n mẹ con, đúng là háo sắc. Kết quả là bị bố n vị thần tiên trêu đùa một phen.

Trư Bát Giới thậm chí muốn thê thiếp đầy nhà, đủ thầy “háo sắc” cỡ nào. Nhưng tùy theo từng cô, “tính háo sắc” của Trư Bát Giới thể hiện một cách khác nhau. Với con gái nhà lành, Trư Bát Giới thật lòng muốn trở thành chồ ng của họ, có thái độ tích cực, chân thành. Lúc sắp rời khỏi Cao Lão Trang, Bát Giới còn nói với Cao Lão: “Nhạc phụ à, nhờ nhạc phụ chăm sóc cho vợ con nhé! E con không thỉnh được chân kinh, lại hoàn tục, quay trở lại làm rẻ hiên của người.” Khi bố n thầy trò đi qua Nữ Nhi Quố c, Nữ Vương phải lòng Đường Tăng, Đường Tăng từ chối i, nhưng Bát Giới lưu luyến muốn ở lại. Nữ Vương không đồng ý, nên đành đi tiếp. Nhưng đối với bọn nữ yêu tinh, Trư Bát Giới luôn có thái độ chọc ghẹo, đùa giỡn:

Trư Bát Giới tinh thần phấn chấn, vui cười hơn hở, vác cây đinh ba, sải chân bước tới, tiếp tục chạy qua đó. Đột nhiên mở cửa ra nhìn, thì thấy bảy con yêu nữ đang đứng dưới nước, miệng oai oái mỉa ng con chim ưng: “Con súc vật lông mao kia! Tên mù vợ phải cá rán! Dem hết quần áo của chúng ta đi đâu rồi, bảo chúng ta sao ra tay!” Bát Giới không nhịn được cười nói: “Nữ Bồ Tát, đang tắm ở đây à, cho tiểu hòa thượng tôi tắm với nhé?” Bọn nữ yêu nhìn thầy tức giận mỉa ng: “Hòa thượng nhà người, thật vô lễ! Chúng ta là con gái nhà lành, người là đệ tử xuất gia. Sách xưa có nói: Bảy năm nam

nữ không cùng ngô ì một chiế u, có sao ngưi lại tấ m chung với chúng ta trong cùng một ao?” Bát Giới nói: “Thời tiế t nóng bức, chẳng sao cả, cứ cho tôi tấ m chung đi mà. Quan tâm làm gì đế n sách vở viế t ngô ì hay không không ngô ì chung chứ!” Tên Ngố c không để họ nói thêm, vút đỉnh ba xuố ng, cỡi cà sa ra, nhảy ùm xuố ng nước. Bọn yêu quái trong lòng bức bối, hùa nhau định đánh. Nào ngờ Bát Giới xuố ng nước lắ c mình một cái, biế n thành con cá ngao tinh. Bọn yêu thi nhau đuổi theo mà không tài nào bắ t được. Mò phía đông, cá bơi sang phía tây; Mò phía tây, thoắ t cái cá bơi sang phía đông; Cá trợn tuồ n tuột, chỉ luồ n lách dưới chân bọn yêu quái. Thì ra nước ở đó chỉ sâu đế n ngực, trồ i lên, ngụp xuố ng đáy sông, bơi lặn một hồ ì, Bát Giới thở hỏ n hỏ n, tinh thầ n mệ t mệ t.

Đoạn trên miêu tả một cách sinh động cảnh Trư Bát Giới trêu chọc Yêu Nhề n Nhện, khiế n người đọc cảm nhận “thói háo sắ c” của Bát Giới ở một góc độ khác. Một bộ tiểu thuyế t muồ n đạt đế n hiệu quả viên mãn, câ n có vài yế u tố cơ bản đáp ứng nhu câ u thẩm mỹ của độc giả: một là nhấ t định phải có cô t truyện hấ p dẫn, tình tiế t phức tạp, nội dung phong phú, ngụ ý thâm sâu. Trong lịch sử, Huyề n Trang đại sư đi về phía Tây thỉnh kinh là câu chuyện ly kỳ chấ n động lòng người, được lưu truyề n thành giai thoại trong dân gian. Hai là hoặc ít hoặc nhiề u có đôi chút nói về tình cảm mới đáng xem. Đường Tăng trong tiểu thuyế t bị thầ n thánh hóa, không được tình tự. Nữ yêu mê hoặc ông, thậm chí Bô ` Tát hóa thân thành mỹ nữ thử lòng ông, Đường Tăng cũng không hề dao động. Tôn Ngộ Không là nhân vật mắ u chồ t trên con đường thỉnh kinh, dẫn dắ t cả đoàn tiế n lên phía trước, nế u giữa đường rời bỏ đội ngũ, đi tìm tình yêu cho riêng mình, thì đại nghiệp thỉnh kinh nhấ t định phải gác lại. Cho nên đành để Trư Bát Giới đảm nhận những đoạn tình cảm.

Khi Trư Bát Giới còn sô ng tại Cao Lão Trang, làm “rể quý” của nhà họ Cao, câ n mẫn siêng năng, chịu cực chịu khổ, sắ p xế p ỏ n

thỏa mọi việc trong nhà, là hình tượng điển hình của “người đàn ông tốt”. Bát Giới tuy háo sắc, nhưng lòng chỉ muốn sống cùng với người mình yêu đến răng long đầu bạc. Vì người con gái mình yêu, không nên hà khắc cực nhọc. Có thể nói, từ góc độ ý nghĩa này mà nói, anh là tuýp “người chồng mẫu mực”. Trong trường đại học từng mở cuộc bàn luận liên quan đến chuyện chọn Tôn Ngộ Không hay Trư Bát Giới làm người chồng mẫu mực, rất nhiều người ủng hộ Trư Bát Giới. Đó chính là nhờ Bát Giới mang hình tượng “người đàn ông tốt”. Sự lưu luyến đối với cuộc sống thế tục và ý thức tiêu nông của Trư Bát Giới tương đối rõ ràng:

Người xem tên Ngô đó, không những không đến khuyên can sư phụ, còn nói: “Sa đệ, đệ mang hành lý đến, chúng ta chia hai cho xong.” Sa Tăng hỏi: “Nhị sư huynh, chia sao cho đặng?” Bát Giới đáp: “Chia ra rồi mạnh ai nấy đi. Đệ về Lưu Sa Hà, tiếp tục ăn thịt người. Ta trở về Cao Lão Trang, thăm vợ ta. Dem con ngựa trắng đi bán, mua quan tài đưa tang cho sư phụ.”

Tuy Trư Bát Giới yêu cuộc sống trần tục, nhưng suy cho cùng Bát Giới cũng đã quy y Phật pháp, phải làm những việc không theo ý mình nên trên đường thỉnh kinh bộc lộ nhiều khiếm khuyết trong tính cách. Hở ra là làm biếng, động một chút nói những câu đại loại như rã đội, chia hành lý, tham ăn ham ngủ, đam mê nữ sắc. Có thể nói trên đường thỉnh kinh, Bát Giới chưa phải là một hòa thượng đúng nghĩa.

Lấy câu “người có ngũ dục, đam mê tửu sắc” để hình dung Trư Bát Giới, tôi nghĩ không gì xác đáng hơn. Ngô Thừa Ân mượn hình tượng Trư Bát Giới miêu tả tâm trạng người dân trăm họ: tham ăn, háo sắc, tham cái lợi nhỏ trước mắt mà trầm luân hưởng lạc thú thế tục. Nhưng con heo tham ăn tham ngủ lại được nông dân yêu thích nhất.

2. Tiề n riêng của Trư Bát Giới

Trước Sư Đà Lĩnh, Bát Giới chiế n bại, sau khi bị Nhị ma vương – Tượng Vương dùng vôi cuố n nhô t giam trong động còn bị nhấ n chìm trong vũng bọt. Đúng vào lúc Bát Giới không thể chịu nổi nữa thì nghe được một giọng nói: “Trư Ngộ Năng! Trư Ngộ Năng!” Bát Giới thầ m nghĩ, “Ngộ Năng” là pháp hiệu Bô` Tát đặt cho mình, Đường Tăng và các vị huynh đệ đề u gọi Bát Giới, ai biế t được tên này của mình nhỉ? Bèn hỏi xem ai đang gọi mình, người đó trả lời được Diêm Vương sai đế n cứu. Bát Giới muố n đợi Ngộ Không đế n cứu, bèn nghĩ cách kéo dài thời gian, nài nỉ người câu hồ n gia hạn thêm một ngày, viện có rằ ng “Đợi gặp sư phụ, tránh nhớ nhung”. Kể câu hồ n đòi Bát Giới nộp lộ phí. Bát Giới vì muố n bảo toàn tính mạng đành thành thật khai ra nơi câ t giấ u tiề n riêng: “Nhét trong lỗ tai phải của tôi đầ y. Tôi bị trời rô i không móc ra được, người tự lấ y đi.” Kể câu hồ n bèn thò tay vào tai Bát Giới móc ra một đồ ng bạc có hình yên ngựa, nặng khoảng bô n tiề n năm phân. Người nọ tay câ m ngân lượng, nhìn không nổi câ t tiề ng cười ha hả. Bát Giới nghe thấ y tiề ng cười mới biế t Ngộ Không đang trêu chọc mình, đứng dưới nước chửi xô i xả: “Tên Bật Mã Ôn trời đánh! Còn đế n đánh cướp tài vật à?”

Thì ra Ngộ Không nghe Sa Tăng nói Bát Giới có câ t tiề n riêng, cô t tình mụ n có thăm dò. Thực ra Bát Giới để dành được món tiề n riêng này cũng không dễ dàng gì. Trước tiên chúng ta câ n xác định số tiề n này không phải do Bát Giới trộm cắ p hay tham ô mà có. Chỉ là trên đường thỉnh kinh một số người hảo tâm thấ y Bát Giới ăn khỏe, bèn cho một ít tiề n, tích lũy dầ n dầ n, mới để được năm tiề n. Do tiề n lẻ không dễ gì câ t giấ u, Bát Giới bèn tìm thợ đúc tiề n đem số bạc lẻ đó nung chảy đúc lại với nhau, không ngờ bị thợ bạc ăn mấ t vài phân. Theo lý mà nói số tiề n riêng này của Bát Giới cũng chẳng đáng là bao. Nhưng so với cuộc số ng tăng lữ hóa duyên

độ qua ngày, thanh tâm quả dục, phúc nạn cùng hưởng của Đường Tăng, Ngô Không, Sa Tăng thì ý thức tiểu nông của Bát Giới có phần mạnh mẽ hơn.

Tiền riêng là sản vật gia đình kiểu cũ của Trung quốc thời cổ đại. Trong các gia đình kiểu cũ, anh em ở cùng nhau, gọi phòng ở của mỗi người là phòng riêng. Tích lũy riêng của bản thân gọi là tiền riêng. Do trong gia đình kiểu cũ, cha mẹ toàn quyền nắm giữ tài chính gia đình. Tiền bạc được quản lý như vậy, không cho phép có tiền riêng. Thời cổ đại, dành dụm tiền riêng được coi là “xa rời tâm đức”, hành vi này được coi là mối hiểm họa phá hoại kinh tế gia đình. Dưới quan niệm chế độ gia đình như vậy, không giàu tiền riêng được coi là mỹ đức. Sau này, khi Ngô Không cứu thoát Đường Tăng, Bát Giới khai hết sự thật với sư phụ, đồng thời cảm thấy rất xấu hổ, chủ động giao nộp hết tiền.

Ý thức tham tài lộc của Trư Bát Giới cũng được thể hiện rõ ràng trong tiểu thuyết. Đêm ngủ tại nước Ô Kê, vừa nghe Ngô Không nói yêu quái có một báu vật giấu ở Ngự Hoa Viên, Bát Giới liền không ngủ nữa, nguyện đi cùng với Tôn Ngô Không, và ra điều kiện: Trừ xong yêu ma, công lao thuộc về Ngô Không, bảo bối thuộc về phần Bát Giới. Quan đấng Kim Bình Phủ nghe Ngô Không nói kẻ bắt Đường Tăng đi hình như là Tê Giác Tinh, bèn nói: “Nếu là Tê Giác Tinh, mau đuổi theo bắt lấy nó, cưa lấy sừng, đổi được vài lượng đái y!”

3. Thằng Ngô c trong mắt Tôn Ngô Không

Thằng Ngô c, gánh hành lý là “nhã danh” của Trư Bát Giới trong “Tây Du Ký”. Và Tôn Ngô Không là người phát minh ra hai tên gọi này. Ngô Không năm đó thu phục Bát Giới tại Cao Lão Trang, đã bắt đầu mở miệng kêu “đồ ngô c”, ngậm miệng bảo “gánh hành lý”. Sau này Ngô Không cứ thế mà kêu thành quen. Chịu sự ảnh hưởng

của Ngô Không, đến cả Đường Tăng vốn dĩ điềm đạm, nho nhã cũng có lúc không kìm được buột miệng gọi theo.

Trư Bát Giới bị đầy xuống phạm, đầu thai nhậm bụng heo. Điều đó đã định sẵn hình tượng ngộ c nghệ ch của Bát Giới. Vũ khí Bát Giới sử dụng được gọi là “Cửu chỉ đỉnh ba” xem ra có vẻ nặng nề. Cây gậy Như Ý của Tôn Ngô Không có thể hóa thành chiếc kim khâu hoa nhét vào trong lỗ tai, xem ra rất nhẹ nhàng, tiện lợi. Nhưng Cửu Chỉ Đỉnh Ba của Bát Giới không được như thế. Cho nên Trư Bát Giới đành vác cây đỉnh ba nặng 5.048 kg đi đường. Cộng thêm cái bụng béo tròn phục phịch, trông Bát Giới càng thêm khờ khạo. Tôn Ngô Không tinh thông bảy mươi hai phép biến hóa. Trư Bát Giới từng là Thiên Bồng Nguyên Soái, tinh thông 36 phép biến hóa, có thể nói, bản lĩnh cũng không nhỏ. Khi còn ở Cao Lão Trang, từng đầu với Ngô Không “từ canh hai, đầu đến trời sáng”, đủ thấy Bát Giới cũng rất thân thông quảng đại. Nhưng qua biến hóa của Bát Giới có thể thấy người này ngộ c nghệ ch. Hồ i thứ 47 “Tây Du Ký” có viết:

Hành Giả nói: “Bát Giới, đây là con gái, đệ mau biến thành nó, chúng ta đến chỗ tế lễ.” Bát Giới nói: “Sư huynh à, nhỏ nhắn xinh xắn như thế, biến sao được?” Hành Giả giục: “Nhanh lên! Không ta đánh!” Bát Giới vội kêu lên: “Sư huynh đừng đánh, để đệ biến thử xem sao.” Tên Ngộ c niệm câu thần chú, lắc đầu vài cái, hô: “Biến”. Đầu, dung mạo giống bé gái, duy chỉ có cái bụng phệ là không giống. Hành Giả cười nói: “Biến lại xem!” Bát Giới nói: “Mặc cho huynh đánh vậy, biến không được, làm sao đây?” Hành Giả bảo: “Chẳng lẽ ngươi mang cái đầu của con nhà đầu kia, thân ngươi lại là hòa thượng sao? Nửa đàn ông nửa đàn bà thế này, coi sao được hả? Ngươi coi lão Tôn ta đây.” Ngô Không liền thổi một luồng khí tiên, quả nhiên biến Bát Giới giống hệt đứa bé nọ.

Lần biến hóa này, không biến được bụng là khiếm khuyết của Bát Giới, may nhờ Ngô Không giúp mới biến thành hình dạng

đưa bé gái kia.

Ngô Không khi giao đấ u tại động Vân San đã biế t phong độ của Bát Giới. Hồ i thứ 19 trong “Tây Du Ký” viế t:

(Trư Bát Giới) nghiêm giọng mắ ng: “Bật Mã Ôn nhà ngươi, ta không động gì đế n ngươi! Có sao ngươi lại đế n phá nhà cửa của ta? Cứ trông điề u luật mà nói ngay, phá cửa người ta là tội chấ t.” Hành Giả cười rằ ng: “Thằ ng điên kia, ta phá cửa mi, còn có lý của ta. Chớ ngươi bắ t con gái nhà người ta làm vợ, không tiề n nạp cheo, không mâm trầ u hũ rượu, thử hỏi có phạm luật hay không?”

Trư Bát Giới bắ t giam con nhà lành, vậy mà còn dám dùng “điề u luật” tranh luận với Ngô Không, ngồ c nghế ch đế n đáng yêu.

Khi ăn trộm quả Nhân Sâm, ba huynh đệ cùng chia nhau ăn. Bát Giới vừa há miệng đã nuố t trọn quả Nhân Sâm, còn dám bảo chẳng nế m được gì, xui Ngô Không đi trộm thêm vài quả. Bị Ngô Không từ chớ i, không chịu, cứ tiế p tục lầ u bầ u cả buổi, kế t cục bị người ta phát hiện. Khi Đường Tăng và đạo đồ ã ng tra hỏi chuyện này, Bát Giới vì muố n chớ i bỏ trách nhiệm, nói: “Con thật thà nhấ t. Con chưa từng nghe, cũng chưa từng thắ y.” (Hồ i thứ 25) Bát Giới muố n lầ y hình ảnh “người thật thà” để thoát khỏi sự hoài nghi của sư phụ và chú tiều. Bát Giới không biế t rằ ng đó chẳng khác nào chưa đánh đã khai! Nói mình thật thà, chẳng khác nào nói trong bồ n thắ y trò có kẻ “không thật thà”. Quả nhiên, có chú tiều nọ phát hiện Ngô Không là người đáng nghi nhấ t bèn khẳng định Ngô Không trộm quả tiên. Bát Giới chớ i bỏ trách nhiệm như thế , chẳng khác nào rước họa vào thân. Trộm Nhân Sâm là do Bát Giới xúi giục. Nhân Sâm thì Bát Giới cũng đã nuố t vào bụng. Bắ t kỳ ai trong ba huynh đệ bị tra ra, những người còn lại đầ u bị liên lụy. Trư Bát Giới tự cho mình thông minh, ngược lại tự hại mình, hại cả đoàn. Còn nữa, khi chú tiều bảo trên cây Nhân Sâm thiế u mắ t bồ n quả, lại ỏm tỏi lên rằ ng toàn sư

huynh “ăn thôi”. Bát Giới làm như vậy để một lần nữa chứng minh quả tiên do Ngộ Không trộm chứ không phải mình. Thực ra chính Bát Giới mới là “tên trộm” đúng nghĩa. Vừa ăn trộm vừa la làng, tên “trộm” như Bát Giới quả là hiếm. Người ta đúng thật giờ khóc giờ cười những hành động ngô c nghệ ch, khờ dại của Bát Giới. Nhưng đây cũng là mặt rất đáng yêu của Bát Giới.

“Tây Du Ký” hồi thứ 38, Bát Giới đòi yêu quái Hoàng Bào trao trả Đường Tăng. Yêu quái Hoàng Bào dõng rằng: “Đúng, đúng, có một Đường Tăng ở chỗ ta. Ta cũng không bạc đãi hắ n, còn làm ít bánh bao nhân thịt người cho hắ n ta ăn. Các ngươi cũng vào cùng ăn nhé?” Đây rõ ràng mảnh khoe lừa gạt của yêu quái: Đường Tăng là hòa thượng một lòng hướng thiện, vô n không ăn đồ hôi tanh, làm gì có chuyện ăn bánh bao nhân thịt người! Bát Giới nghe đề n ăn là quên hết lý chí, tưởng thật, định đi vào. Sa Tăng bèn ngăn lại nói: “Sur huynh, hắ n gạt huynh thôi. Huynh ăn bánh bao nhân thịt người khi nào vậy?” Lúc bấy giờ Bát Giới mới tỉnh ngộ, nắ m chặt đỉnh ba, bỏ thẳng vào mặt yêu quái.

Nét khờ khạo của Trư Bát Giới thường được tác giả viết khá hóm hình thông qua cách miêu tả những mẹo vặt do Bát Giới nghĩ ra. Trong hồi thứ 32 “Tây Du Ký”:

Tên Ngộ c đổ vào sâu trong núi, đi khoảng bốn năm dặm, thấy một bàn đá vuông vức, xung quanh có ba hòn đá xanh, mừng rỡ. Hắ n đặt đỉnh ba xuống, nói chuyện với cục đá. Hành Giả cười thầ m: “Tên Ngộ c này, đá đâu phải là người, sao biế t nói chuyện, hành lễ, nói chuyện với đá làm gì, chẳng phải uổng công sao?” Hóa ra, Bát Giới đang “tâm sự” với ba hòn đá mà hắ n ví với ba thầ y trò Đường Tăng, Sa Tăng, Hành Giả, nhìn ba hòn đá để tập dợt. Bát Giới nói: “Lần này ta quay về, gặp sư phụ, nếu sư phụ hỏi có yêu quái không thì bảo có yêu quái. Sư phụ hỏi núi gì, ta cứ bịa là núi đấ t, làm từ đấ t, đánh từ thiế c, đúc từ đồ ng, giấ y dán bằ ng hồ, dùng bút

vẽ, nếu nói thế, bọn họ thấy nói ta ngộ c. Nếu nói thế là hớ ngay rồi. Ta chỉ nói đây là núi Đá, hỏi động gì, cũng chỉ thừa là động Đá, hỏi của gì, nói của sắ t đóng bằ ng đỉnh. Nếu sự phụ hỏi bên trong còn bao xa, chỉ nói vào trong có ba tầ ng. Nếu tra hỏi kỹ hơn trên của có bao nhiêu cây đỉnh, chỉ nói lão Tru ta vội quá nhớ không rõ. Nói dồ i vậy là được, có gì bảo Bát Mã Ôn đi xem cho rõ!”

Tru Bát Giới tự bịa ra lời nói dồ i, nghĩ thế là hoàn hảo lắm rồi, có thể qua mặt được bất kỳ ai. Bát Giới đâu biế t đoạn độc thoại này Ngộ Không nghe không sót chữ nào, về là bị ăn đòn. Trong mắ t chúng ta, hình ảnh Tru Bát Giới vừa nhìn hòn đá vừa lảm bảm nói chuyện ngộ c nghệ ch đế n đáng yêu. Nhưng Bát Giới tự cho mình là giỏi giang, thông minh.

Sự ngộ c nghệ ch của Tru Bát Giới còn thể hiện hế t sức hài hước. Khi Hồ ã ng Hải Nhi phun lửa đố t Bát Giới và Ngộ Không, Tru Bát Giới còn dí dỏm nói: “Sur huynh, không được dừng lại! Lầ n này bị lửa thiêu đừng hòng sắ ng sót, đem lão Tru ta nướng chín, thêm gia vị, cho nó đánh chén một bữa no say! Chạy mau, chạy mau!” Bát Giới nói chạy là chạy, mặc Hành Giả, chạy đế n dòng suồ i. Khi cả trong lúc khó khăn, nguy hiểm đế n tính mạng, Bát Giới vẫn bông đùa được; Ngộ i trước tảng đá bịa lời nói dồ i; Tại nước Chu Tử, Bát Giới gọi Thái Giám là “bà ngoại”; Khi gặp nữ giới lại làm bộ làm tịch gọi “chị”, còn ra vẻ mắ c cỡ “cắ n ngón tay”. Dám chắ c mọi người khi xem cảnh này đề u không nhịn được cười.

Trên đường thỉnh kinh, có thể nói Tôn Ngộ Không phải chiế n đầ u suồ t chặ ng đường. Đường Tăng khóc liên tục. Sa Tăng luôn trung thành, ngựa Bạch Long suồ t chặ ng đường mang nặng, còn Tru Bát Giới cả chặ ng đường lảm bảm, oán than. Ca thán nhiề u nhấ t chắ c là về cái bụng đói. Khi gánh hành lý, trách cứ sự phụ xem mình như đầ y tớ. Ban đêm khi ngủ tại Bảo Sát tự, Đường Tăng nằ m mơ gặp ác mộng, sau khi tỉnh giấ c luôn miệng gọi: “Đồ ã ! Đồ ã !”

làm kinh động giấc mộng đẹp của Bát Giới. Thế là Bát Giới quay đầu đi, trùm kín mặt, than phiền: “Thỏ địa, thỏ địa cái gì? Cả ngày chả lúc nào được ngủ yên, lại kêu ‘thỏ địa’! Trước kia nói chỉ cần ta làm hòa thượng, ban ngày dắt ngựa, gánh hành lý, ban đêm thì đổ bộ, dấp chẵn.” Trong lời oán trách, Bát Giới lôi tất cả các việc như nô tài, đổ bộ v.v... việc nào cũng kêu ca, trách móc. Đến khi đến được Linh Sơn, Phật Tổ luận công ban thưởng, Đường Tăng phong làm Phật Công Đức, Ngộ Không thành Đầu Chiến Thắng Phật, Bát Giới nói thẳng với Phật Tổ: “Họ đều thành Phật, sao ta chỉ là Tịnh Đàn sư giả?” Với Phật Tổ mà Bát Giới còn muốn trả giá nữa.

Những chuyện Bát Giới ca thán chỉ loanh quanh chuyện cái ăn, cái ở; khổ cực và danh lợi mà ra. Có lẽ do Bát Giới sống tại Cao Lão Trang nhiều năm nên có “ý thức tiểu nông”. Sự ca thán của Bát Giới cũng chẳng có gì phiền phức hay to tát: Một là, Bát Giới chẳng qua kêu cho đỡ ngứa miệng, trút bức dọc, không có ý gì khác. Hai là những người nghe Bát Giới kêu ca đều là người xuất gia, chỉ khuyên răn Bát Giới không có ý hăm hại, ngay cả Ngộ Không cũng chỉ là hù dọa thôi.

4. Bản chất nông dân trong Trư Bát Giới

Bình khí Bát Giới sử dụng rất đặc biệt, đỉnh ba chín răng là vũ khí chưa từng được nhắc đến trong mười tám ban binh khí của Trung Quốc thời cổ đại. Chẳng trách Ngộ Không phải hỏi: “Đây là cái cào cỏ làm vườn mà?” Đến cả Ngân Giác đại vương khi gặp Bát Giới cũng nói: “Tên hòa thượng này đích thị nửa đường xuất gia đây.” Do “Người biết dùng đỉnh ba này, nhất định là lấy trộm của người ta khi làm vườn.” Nông dân dùng đỉnh ba là lẽ đương nhiên, nhưng trên chiến trường sử dụng đỉnh ba thì hơi nặng nề công kềnh. Ngộ Thừa Ân sắp xếp cho Bát Giới sử dụng loại binh khí này quả là tuyệt vời. Nhìn binh khí là biết ngay “ngón nghề” của chủ nó. Bát Giới

cầm đỉnh ba ra chiến trường trông hài hước hơn cầm đao, cầm kiếm.

Về nghệ thuật và thông minh của Bát Giới có quan hệ với nhau. Có thể nói Bát Giới “trong cái ngộ có cái thông minh, trong cái thông minh lại có cả cái ngộ”. Bát Giới được độc giả yêu thích vì trong tác phẩm “Tây Du Ký”, cái ngộ và cái thông minh của Bát Giới được hòa quyện với nhau.

Trong “Tây Du Ký”, tác giả không phải chỉ miêu tả một chiều những nét khờ khạo và các loại tật xấu của Bát Giới, mà thỉnh thoảng nhá vài điểm xuất sắc. Song song với việc miêu tả nét ngộ nghệ thuật của Bát Giới còn thể hiện nét thông minh của Bát Giới. Trên thực tế, sự ngộ nghệ thuật của Bát Giới có nét thật thà chất phác và bảo thủ. Trí tuệ của Bát Giới cũng không linh hoạt, thông minh, mưu trí như Ngô Không. Sự sáng suốt của Bát Giới chủ yếu bắt nguồn từ kinh nghiệm sống.

So với Ngô Không và Sa Tăng, ưu thế lớn nhất của Bát Giới là kinh nghiệm sống tích lũy được qua nhiều năm sống tại Cao Lão Trang. Trí tuệ của Bát Giới đa phần xuất phát từ kinh nghiệm sống. Khi thầy trò Đường Tăng bị con sông Thông Thiên cản đường, mọi người không biết mực nước nông sâu ra sao, Bát Giới thản nhiên nói:

Mới đi chưa bao xa, chỉ nghe tiếng sóng vỗ không ngừng. Bát Giới nói: “Thôi rồi, đến đường cùng rồi!” Sa Tăng nói: “Có một con sông chắn ngang.” Đường Tăng hỏi: “Vậy làm sao đi qua?” Bát Giới đáp: “Để con thử xem, xem nước nông sâu thế nào.” Tam Tạng bảo: “Ngô Năng, con chớ làm bậy, mực nước nông sâu, làm sao con thử được?” Bát Giới đáp: “Nhặt một hòn đá, thả xuống nước. Nếu thấy xuống có bọt nước sủi lên là nông, nếu tùm một tiếng rồi chìm hẳn là sâu.”

Khi cả dòng chảy đông thành băng, thầy trò Đường Tăng chuẩn bị bước trên băng qua sông, Bát Giới tỏ ra thông minh khác người:

Đi trên băng phía mép sông, vó ngựa trượt một cái, suýt chút nữa hất Tam Tạng ngã xuống ngựa. Sa Tăng nói: “Su phụ, khó đi lắm!” Bát Giới nói: “Đứng im! Hỏi xin Trăn lão quan cho ta một bó rơm.” Hành Giả hỏi: “Dùng rơm làm gì?” Bát Giới đáp: “Su huynh không biết chứ dùng cỏ quăn lầy vó ngựa thì sẽ không trơn nữa, su phụ khỏi bị té ngã”. Trăn lão quan trên bờ nghe nói, tức tức sai người lầy một bó rơm đến, rồi mời Đường Tăng xuống ngựa. Bát Giới dùng rơm bao quanh vó ngựa, sau đó đạp trên băng đi qua sông.

Từ biệt Trăn lão qua sông, đi được khoảng ba bốn dặm, Bát Giới đem Cửu hoàn thiết trượng đưa cho Đường Tăng nói: “Su phụ, người để nầm ngang trên lưng ngựa.” Hành Giả hỏi: “Tên Ngô c này gian xảo! Thiết trượng vốn do người gánh, có sao lại bảo su phụ cầm lầy?” Bát Giới đáp: “Huynh chưa từng đi trên băng nên không biết. Phàm là đi trên băng, tất phải có băng mỏng. Lỡ rớt xuống, nếu không có vật bắc ngang, nước ào ào cuốn lầy, giống như bị một cái nôi to chụp lên, sao chui ra ngoài được! Cần phải cầm ngang như vậy mới được.” Hành Giả cười thâm: “Tên Ngô c này quả là có kinh nghiệm đi trên băng!” Mọi người nghe theo Bát Giới.

Dùng cỏ rơm buộc vó ngựa tránh trơn trượt, dùng Thiết trượng tránh ngã xuống băng. Những kinh nghiệm này, Bát Giới học được từ kinh nghiệm sống phong phú của mình ở nhân gian trước kia. Nông dân nhận thức thế giới bằng kinh nghiệm cuộc sống. “Chủ nghĩa kinh nghiệm” của Bát Giới rất giống với điển hình người nông dân.

Ngoài ra, Trư Bát Giới còn biết y thuật đơn giản trong dân gian. Sau khi Tôn Ngộ Không bị Hồ ng Hải Nhi thiêu trong biển lửa, lại bị nước lạnh dội vào, khiến cho hỏa khí công tâm bị choáng ngất đi:

Sa hòa thượng nước mắt lưng tròng nói: “Su huynh, thương thay cho huynh, bậc thậ̀n thánh trường sinh bất lão, hàng tỷ năm không già, sao nay lại đoán mệnh như thệ́!” Bát Giới cười nói: “Su đệ đừng khóc, con Khi này vẫn chưa chết, dọa chúng ta thôi. Đệ sờ thử xem, trước ngực hặ́n vẫn còn chút hơi ấm phải không?” Sa Tăng hỏi: “Toàn thân lạnh cả rồi, chỉ còn chút hơi ấm, hợ̀i sinh sao được chứ?” Bát Giới đáp: “Su huynh có bảy mươi hai phép biến hóa, thì có bảy mươi hai cái mạng. Đệ giữ lặ́y chân huynh ấy, để ta lo.” Thệ́ là Sa Tăng giữ chân Ngô Không, Bát Giới vục đậ̀u Ngô Không dậy, dựng ngộ̀i thẳng lên, sặ́p chân lại, xặ́p gộ̀i ngộ̀i bặ́ng. Bát Giới xoa hai tay vào nhau cho nóng lên, nhặ́n vào thặ́t khộ́ng của Ngô Không, xoa bóp. Thì ra Hành Giả bị nước lạnh ép, khí tụ đặ́n điệ̀n, không thoát ra được. May nhờ có Bát Giới xoa bóp, trong phút chộ́c khí thông tam quan, thông sang mặt, làm thông các huyết trên người, rồi kêu hặ́t một tiệ́ng: “Su phụ!” Sa Tăng nói: “Su huynh, huynh sợ́ng vì su phụ, chết mà miệng vẫn gọi su phụ. Huynh mau tỉnh dậy, bọn đệ ở đây.” Hành Giả mở mặ́t ra nói: “Các đệ ở đây? Lão Tôn ta tiêu rồi!” Bát Giới cười nói: “Huynh vừa ngặ́t đi, nệ́u không có Lão Trư này ra tay cứu thì tiêu rồi, còn không mau cảm ƠN Lão Trư này đi!”

Trư Bát Giới xoa bóp cho Ngô Không theo kinh nghiệm dân gian, giúp Ngô Không nhanh chóng tỉnh lại. Kỳ thực tác dụng của Bát Giới trong quá trình thỉnh kinh vợ́n không nhỏ, từng là Thiên Bộng Nguyên Soái danh tiệ́ng lẫy lừng, võ công không phải bàn, năng lực cũng không thua kém ai. Ngoài ra, sở trường của Bát Giới – công phu dưới nước thậm chí cao hơn đại sư huynh Tôn Ngô Không. Công lao giúp đỡ Đường Tăng chỉ thặ́p hơn Ngô Không mà thôi.

Bát Giới cũng có lúc thông minh hơn cả Ngô Không. Khi quộ́c vương giả nước Ô Kê biệ́n thành Đường Tăng, Ngô Không gặ́i đậ̀u bút tai, không biệ́t làm sao. Bát Giới nghĩ ra cách bảo Đường Tăng

niệm chú Khẩn Cô Nhi, Đường Tăng nào không niệm được chú Khẩn Cô Nhi ấ t tự nhiên bại lộ chân tướng. Thật đúng với câu: “Thông minh trăm ngày ấ t có lúc sơ sót. Ngu độn ngàn ngày cũng có lúc thông minh.” Người bình thường khi xem những đoạn Bát Giới xuấ t chúng như vậy, trong lòng đề u thấ y như được khích lệ. Đề u đó càng phong phú thêm hình tượng nghệ thuật Trư Bát Giới.

Trong “Tây Du Ký” hồ i thứ 31 “Trư Bát Giới nói khích Mỹ Hầ u Vương”, thể hiện trí tuệ của Bát Giới rõ ràng nhấ t. Bát Giới lên Hoa Quả Sơn nói bao lời hay ý đẹp, vẫn không làm cho Ngộ Không xiêu lòng, thậm chí còn bị no đòn. Bát Giới biế t rõ Ngộ Không cao ngạo hơn người, không chấ p nhận bị người khác xem thường, còn biế t Ngộ Không tính tình nóng nảy, bèn dùng cách khích tướng:

Bát Giới kể: “Đệ nói: ‘Yêu tinh, ngươi không được vô lễ, không được làm hại sư phụ ta! Ta còn có một đại sư huynh, tên gọi Tôn Hành Giả. Huynh ấ y thầ n thông quảng đại, giỏi diệt trừ yêu ma. Huynh ấ y mà đề n người chề t không chỗ chôn thây!’ Tên yêu quái nghe nói, càng tức giận, mắ ng rằ ng: ‘Là Tôn Hành Giả gì chứ, ta không sợ! Nề u hắ n đề n, ta lột da hắ n, rút gân hắ n, ăn thịt hắ n, nhai tim hắ n! – Tuy hắ n là con Khi ô m, ta cũng chặt hắ n ra đem chiên dầ u!’” Hành Giả nghe nói, tức giận gãi đầ u bứt tai, dậm chân tức tồ i: “Kẻ nào dám mắ ng ta như thế?” Bát Giới nói: “Sư huynh bớt giận, là con yêu quái Hoàng Bào mắ ng huynh như vậy, đệ chỉ nói lại cho huynh nghe thôi.” Hành Giả nói: “Hiề n đệ, mau đứng lên. Không phải ta không đi. Do con yêu tinh đã mắ ng ta như thế , ta không thể không đi thu phục nó. Ta đi với đệ. Lão Tôn ta 500 năm trước đại náo Thiên Cung, thầ n tiên nhìn thấ y ta, ai nầ y phải cúi mình gọi tiế ng Đại Thánh. Tên yêu quái vô lễ, dám chửi ta sau lưng! Lầ n này ta đi, bắ t hắ n, phân thây làm trăm mảnh để trả mố i nhục này! Báo thù xong, ta lập tức về đây.”

Bát Giới ra chiêu khích tướng, Ngộ Không liền ngoan ngoãn đi theo cứu Đường Tăng. Có thể nói, đoạn hội thoại này của Bát Giới đạt đến trình độ lão luyện: Một mặt, mượn miệng yêu quái mắng Ngộ Không một trận, trút hết bất mãn trong lòng, báo thù những lúc Ngộ Không “vô lễ” với mình; một mặt khác, nếu Ngộ Không không đi cứu Đường Tăng thì sẽ mang tiếng xấu trở thành tên nhát gan, tên sợ chết. Bát Giới trong cái khó ló cái khôn, nghĩ ra kế khích tướng, khiến Ngộ Không không thể không đi cứu Đường Tăng. Có thể nói đoạn này miêu tả Bát Giới rất xuất sắc.

Có thể thấy, trí tuệ của Bát Giới rất có ích cho đội ngũ thỉnh kinh, công lao đóng góp cho sự nghiệp thỉnh kinh vĩ đại cũng không nhỏ. Điều này nói cho ta biết, một đội ngũ muốn đạt được thành công, cần biết khai thác toàn vẹn năng lực của mỗi người, tận dụng khả năng họ có. Như vậy mọi người đồng tâm đồng sức, sẽ tạo nên bước tiến lớn.

5. Đôi nét về quan hệ giữa Trư Bát Giới và Tôn Ngộ Không

Tôn Ngộ Không và Trư Bát Giới cùng là đệ tử Đường Tăng, nhưng khác biệt rất lớn: Một người thân hình gầy gò, một người mập mạp béo tốt; Một người tràn đầy lý tưởng, một kẻ trăn mên mê thế tục; Một người làm việc bằng bản lĩnh, một kẻ làm việc theo kinh nghiệm; Một người dũng cảm tiến về phía trước, một kẻ lo trước e sau; Một người thích khiêu chiến kẻ thù mạnh, một kẻ thích đánh với tiểu yêu; Một người cơ trí hoạt bát, một kẻ thật thà chất phác; Một người mồm miệng lanh lợi, một kẻ ăn nói lấp bắp. Ngộ Không gọi Bát Giới là “tên Ngộ c”, thường xuyên trêu chọc, khiến Bát Giới không ít lần xấu hổ. Còn Bát Giới vừa sợ vừa kính nể, lại có lúc xem thường Ngộ Không, khiến độc giả thấy hết sức thú vị.

Bát Giới hai lần bị Ngộ Không đánh bại, một lần tại Thiên Đình, một lần tại Cao Lỗ Trang. Thực lực suy ra cũng thua kém Ngộ

Không. Điều đó quyết định thái độ Bát Giới đối với Ngộ Không trước hết là “sợ”. Nỗi sợ này hầu như xuyên suốt quá trình sang Tây Thiên thỉnh kinh. Cho nên phạm là việc Ngộ Không sai làm, dò núi, mở đường, hóa duyên, xuống giếng... mặc do Bát Giới không thật lòng muốn, nhưng rốt cuộc cũng ngoan ngoãn làm theo. Sau này Bát Giới có lúc sợ đến nỗi luôn có cảm giác Ngộ Không theo dõi mình. Trong “Tây Du Ký” hồi thứ 32 viết:

Tên Ngộ c bò dậy, đi tiếp ra đường lớn. Người xem hấn thập thò trước sau, mỗi bước đều nghi Ngộ Không biến hóa theo bóm, thấy gì cũng nghi ngay là Hành Giả. Đi khoảng bảy tám dặm, nhìn thấy một con hổ, từ dốc núi chạy xuống, Ngộ c ta cũng không sợ, giờ cây đình ba lên nói: “Su huynh lại rình nghe nói dò i à, lần này không có rô i.” Lại tiếp tục đi, gió núi lúc này nổi mạnh, bỗng một tiếng rắ c, một cành cây khô gãy, lăn lông lóc đến trước mặt, Bát Giới lại đá chân dắ m ngực mà rắ ng: “Su huynh! Lại chuyện gì nữa đây! Đệ đã nói không nói dò i nữa rô i, sao lại biến thành cây để đánh người!” Bát Giới lại đi tiếp về phía trước, thấy một con chim già cổ trắ ng, đậu kêu chí chách. Bát Giới lại nói: “Su huynh! Huynh không xắ u hổ à! Đệ đã nói không nói dò i nữa, sao huynh còn biến thành con chim kia? Huynh muốn nghe cái gì?” Thì ra lần này Hành Giả không đi theo Bát Giới. Nhưng Bát Giới có tật giật mình, nghi vớ nghi vẩn, cứ nơm nớp lo Hành Giả đang theo giám sát. Tên Ngộ c nghi ngờ nhưng không dám nói.

Bát Giới luôn đề bụng những lần Ngộ Không trêu chọc mình, đồng thời lúc nào cũng đợi có dịp báo thù. Cách báo thù đầu tiên của Bát Giới là luôn mồm chửi mắ ng Ngộ Không nào là con Khi, Khi lông dài, Bật Mã Ôn. Khi Đường Tăng gặp nạn tại nước Bảo Tượng, khi Bát Giới mời Ngộ Không xuống núi cứu Đường Tăng, từng mắ ng Ngộ Không rắ ng: “Con Khi kia, hòa thượng không làm, về đây làm yêu quái! Con Khi lông lá kia, ta có ý tốt đến mời

ngươi, ngươi lại không đi! Ngươi không đi thì thôi vậy!” Đi được vài bước, Bát Giới lại mắ ng vài câu. Thứ hai là hãm hại Ngộ Không, xúi Đường Tăng đọc chú Khẩn Cô Nhi. Trong quá trình “Ba lâ ãn đánh Bạch Cô t Tinh”, Trư Bát Giới không vừa lòng Tôn Ngộ Không, xúi Đường Tăng đọc chú Khẩn Cô Nhi trừng phạt Ngộ Không. Khi Ngộ Không muố n bỏ sư phụ ra đi, Bát Giới cũng không thêm giữ chân. Có thể nói lâ ãn thứ nhấ t Ngộ Không bị Đường Tăng đuổi đi là do Bát Giới xúi giục.

Tại nước Ô Kê, Bát Giới đem thi thể Quố c Vương từ dưới giế ng lên, nhưng không có được báu vật gì. Thê là Bát Giới tích cực khuyế n khích Đường Tăng niệm chú Khẩn Cô Nhi hành hạ Ngộ Không. Chiêu này quả nhiên linh nghiệm, hành cho Ngộ Không đầ u đau đế n không tài nào chịu nổi, van xin mãi Đường tăng mới được tha. “Tây Du Ký” hồ i thứ 38 và 39 viế t:

Bát Giới vẫn không nguôi giận nói: “Sư phụ, thầ y đừng để hắ n gạt, hắ n tính tình kỳ quặc. Chỉ câ n thầ y niệm câu thầ n chú đó, hắ n lập tức cứu sô ng người đó cho thầ y.” Đường Tăng bắ t đầ u niệm chú thật, khiế n con Khỉ nọ đau đầ u hoa mắ t.

Tê ` Thiên Đại Thánh đau đầ u chịu không nổi, khẩn khoản van xin: “Sư phụ, đừng niệm, đừng niệm! Để con cứu, để con cứu!” Trương lão hỏi: “Cứu như thê nào?” Hành Giả đáp: “Chỉ câ n xuố ng âm ty, tìm xem dưới chỗ Diêm Vương có hồ n hắ n không, xin Diêm Vương cứu sô ng hắ n.” Bát Giới rằ ng: “Sư phụ đừng tin hắ n. Hắ n từng nói không câ n xuố ng âm ty, trên dương trầ n đã có thuố c chữa, thủ đoạn đầ y...” Trương lão nọ bèn tin lời xúi giục, lại niệm chú Khẩn Cô Nhi, khiế n Hành Giả vội vã năn nỉ không ngót: “Dương thê có thuố c chữa, dương thê có thuố c chữa!” Bát Giới rằ ng: “Sư phụ đừng chầ n chừ, cứ niệm, cứ niệm!” Hành Giả mắ ng: “Con sức sinh ngu ngô c nhà ngươi, xúi giục sư phụ niệm chú trị ta!” Bát Giới cười đế n nghiêng ngả: “Sư huynh, sư huynh! Huynh chỉ biế t trêu chọc

đệ, không ngờ đệ cũng có cách trị huynh!” Hành Giả nói: “Sư phụ, đừng niệm, đừng niệm! Đợi Lão Tôn đi tìm thuốc cứu.” Tam Tạng nói: “Trên dương trần ở đâu có thuốc cứu?” Hành Giả đáp: “Con chỉ cần lộn một vòng cân đầu vắn, đến cổng Nam Thiên Môn, không vào Đâu Ngu cung, không vào Linh Tiêu Điện, đi tìm Thái Thượng Lão Quân, xin ông một viên Cửu chuyển hoàn hồn đơn, cứu sống ông ta.” Tam Tạng nghe nói vui mừng: “Vậy người mau đi nhanh.”

Bát Giới ở bên cạnh Đường Tăng liên tục thêm dầu vào lửa, kỳ thực muốn Đường Tăng niệm chú Khẩn Cô Nhi, nhân đó báo thù Ngô Không.

Bát Giới và Ngô Không thường xuyên nghĩ kế bắt chet lẫn nhau. Nhưng Ngô Không rất thông minh, mưu trí, bản lĩnh lại cao cường, cho nên Bát Giới khi so đo luôn thất bại. Bát Giới chẳng chịu cam lòng, bèn nghĩ cách tìm “đồng minh chiến lược”, Đường Tăng là người thích hợp nhất. Một mặt, Đường Tăng là sư phụ của bọn họ, còn có thể dùng chú Khẩn Cô Nhi chế phục Ngô Không. Mặt khác, Đường Tăng cho rằng Bát Giới có phần ngộ c nghiệt ch, có phần thiên vị hấn, còn Ngô Không thường xuyên sát sinh. Điều này khiến Đường Tăng có thành kiến với Ngô Không. Thế là Bát Giới lợi dụng tâm lý này của Đường Tăng xúi giục ông đối phó với Ngô Không, hết lần này đến lần khác; hai lần phục thù kẻ phía trên Bát Giới thật sự đã thành công.

Dương nhiên, không có sự hỗ trợ của Đường Tăng, Bát Giới không thể phục thù Ngô Không được. Yêu quái Kim Như bắt mất Đường Tăng, ba huynh đệ quyết định xuống đáy hồ tìm sư phụ. Ngô Không bảo sợ nước, muốn nhờ Bát Giới hoặc Sa Tăng công xuống nước. Nếu theo tính khí bình thường của hai người, Bát Giới nhất định chúi bỏ. Nhưng lần này Bát Giới hết sức chủ động, cười hớn hở nói: “Sư huynh, đệ cũng huynh.” Vô n dĩ Bát Giới chẳng tốt lành gì, thực ra muốn trêu chọc Ngô Không một phen. Bát Giới nghĩ

thầm: “Con Khi này không biết trêu chọc ta bao nhiêu lần, lần này không xuống nước được, để Lão Trư đây công hấn, nhân tiện chọc hấn một phen!” Trong tác phẩm “Tây Du Ký”, lười biếng là đặc tính lớn nhất của Trư Bát Giới. Những việc hao công tốn sức Bát Giới chẳng bao giờ chủ động. Vì thế, lần này Bát Giới chủ động khiến Ngộ Không thông minh sinh nghi. Ngộ Không vừa nhìn đã nắm ngay được thóp Bát Giới, dứt khoát tương kế tựu kế. Ngộ Không phân thân, một thân bám trên lưng Bát Giới, thân thật thì biến thành con sâu chui vào lỗ tai Bát Giới. Bát Giới đương nhiên không biết lưng mình đang cõng chỉ là phân thân của Ngộ Không. Trên đường đi, Bát Giới cố tình làm Ngộ Không té ngã, hất Ngộ Không về phía trước, té một cái đau điếng. Ngộ Không thấy vậy, liền biến phân thân của mình thành cọng lông Khi thu lại. Bát Giới nhìn thấy Ngộ Không vừa ngã đã biến mất, bèn nói với Sa Tăng: “Suờ, mặc kệ huynh ấy sống hay chết, ta và đệ đi tìm sư phụ.” Bát Giới vốn muốn chọc ghẹo Ngộ Không, ngược lại còn bị Ngộ Không chọc ghẹo lại. Đúng là gây ông lại đập lưng ông.

Trò đùa của Bát Giới đôi lúc có phần ích kỷ. “Tây Du Ký” hồi thứ 28. Bát Giới và Sa Tăng đại chiến yêu quái Hoàng Bào, Bát Giới thấy được sự lợi hại của yêu quái Hoàng Bào, biết thực lực của mình và Sa Tăng không chống đỡ nổi, bèn nói: “Sa Tăng, đệ lên trước đấu với hấn, Lão Trư ta đi tiểu tiện một lát.” Thực ra, Bát Giới không hề đi vệ sinh, mà chui đầu vào bụi cây gai trốn mất. Kết quả, Sa Tăng không phải đối thủ của yêu quái Hoàng Bào, bị bắt sống. Bát Giới vì muốn cứu mạng sống của mình, chẳng đoái hoài đến sự sống chết của huynh đệ, khó tránh khỏi bị coi là không đủ nghĩa khí.

Trong tiềm thức của Bát Giới, ít nhiều có phần xem thường Tôn Ngộ Không. Chủ yếu do sự chênh lệch về địa vị giữa hai người khi ở trên Thiên Đình. Chúng ta nên nhớ rằng, trong xã hội phong

kiến, thước đo năng lực của một người chủ yếu dựa vào chức quan cao thấp của người đó. Khi Bát Giới bị Ngô Không bắt nạt, sau lưng, Bát Giới thường chửi ba tiếng “Bật Mã Ôn”. Câu nói ẩn ý là: “Con Khi điên nhà người, khi Lão Trư còn là Thiên Bồng Nguyên Soái, người chẳng qua là một tên chăn ngựa.” Điều này cùng với câu AQ nói “Trước đây tôi phong lưu biết mấy” có vài điểm giống nhau. Cho nên Bát Giới mắng “Bật Mã Ôn” không đơn thuần là trút bực, cũng có chút ít tư tưởng chức quan cùng tinh thần thắng lợi của AQ cùng nhau bộc lộ ra ngoài.

Trong “Tây Du Ký”, Bát Giới là một trong những người hiểu rõ Ngô Không nhất. Điểm này hơn hẳn Đường Tăng và Sa Tăng. Hai người từng giao đấu trên Thiên Đình, Bát Giới biết rõ nội tình và bản lĩnh của Ngô Không. Ví dụ đoạn gặp Hồ Ng Hải Nhi, Ngô Không bị Hồ Ng Hải Nhi thiêu đến bất tỉnh, Sa Tăng nghĩ Ngô Không chết, lớn tiếng khóc lóc, Bát Giới lại nói: “Su huynh có bảy mươi hai phép biến hóa, ắt có bảy mươi hai mạng sống.” Và cứu sống Ngô Không. Bát Giới từng nói: “Con Khi này quen biết khắp tam giới ngũ ty”, cho thấy Bát Giới nắm rất rõ mọi quan hệ của người này. Quan trọng hơn là, sự hiểu biết của Bát Giới đối với Ngô Không còn thể hiện qua khía cạnh tính cách, hai điểm điển hình nhất: Một là Bát Giới đến Hoa Quả Sơn mời Ngô Không, Ngô Không trên đường đi muốn xuống biển rửa bớt “mùi yêu tinh”, Bát Giới “do vậy biết được Hành Giả vốn thật lòng, không ngăn cản mình”, thừa nhận Ngô Không là “Hậu Vương có tình có nghĩa”; Một nơi khác tại nước Chu Từ, Bát Giới nói với các Thái Giám: “Su huynh tôi không như tôi làm trò cho mọi người xem, huynh ấy là người nghiêm túc. Các người đợi gặp rồi, cần hành đại lễ, gọi tiếng Tôn Lão Gia, huynh ấy ắt sẵn lòng giúp đỡ. Còn bần không, su huynh ta trở mặt, việc này khó mà xong.” Đoạn đối thoại này khái quát được những tính cách tốt của Ngô Không.

Bất luận là về bất mãn bên ngoài hay sự coi thường trong tiềm thức, đều không ngăn được lòng kính phục và tín nhiệm của Bát Giới đối với Ngộ Không. Mỗi lần Bát Giới bị yêu quái bắt, đều không quên nói: “Yêu quái người chó huỳnh hoang, đợi đại sư huynh của ta đến, triển khai Tê Thiên vô lượng pháp, lập tức bắt hết lũ yêu quái các ngươi.” Có lúc, vì tính ỷ lại của Bát Giới, Ngộ Không thậm chí chỉ dùng miệng khuyển khích cũng khiến Bát Giới đứng cảm lên bội phần: Bát Giới cùng Nam Sơn Đại Vương (con Báo thành tinh) quyết đấu, vốn đã không chống đỡ nổi, nhưng vừa nghe thấy tiếng Ngộ Không “Bát Giới đừng sợ, ta đến đây”, lập tức hưng phấn trở lại, chuyển bại thành thắng. Trên thực tế Ngộ Không không vào tham chiến. Ngoài ra, thái độ của Bát Giới với Ngộ Không có lúc như trò với thầy, hề nghe Ngộ Không khen ngợi mình thì vui mừng hơn hở, còn muốn lập thêm công trạng mới. Chính sự kính phục và dựa dẫm này, khiến hai sư huynh đệ trên suốt chặng đường hợp tác tương đối ăn ý, dí dỏm và thành công, từ đó hoàn thành đại nghiệp thỉnh kinh, tạo dựng nên kinh điển vĩnh hằng “Tây Du Ký”.

6. Tiến bộ của Trư Bát Giới trong quá trình thỉnh kinh

So với trước kia, đầu óc Trư Bát Giới đã lý trí, linh hoạt hơn nhiều. Trong hồi thứ 77, khấp thành đều nói: “Đường Tăng bị đại vương bắt nửa đêm ăn thịt mất rồi.” Ngộ Không nghe xong hết sức sốt ruột, cho rằng sư phụ bị ăn thịt thật, sau đó thấy Bát Giới, Bát Giới nói: “Sư huynh đừng khóc, đệ cũng chỉ nghe lũ tiểu yêu nói xằng, chưa nhìn thấy tận mắt. Huynh đừng hiểu lầm, đi thăm dò xem sao.” Phân tích lúc này của Bát Giới lý trí hơn so với Ngộ Không. Có thể thấy Bát Giới thật sự tiến bộ không ít.

Mức độ trung thành của Bát Giới cũng được nâng cao. Lúc mới bắt đầu lên đường đi thỉnh kinh hề gặp chút khó khăn là đòi rã đám, chia hành lý. Nhưng sau này không còn cảnh như vậy nữa.

Bát Giới cũng dũng cảm hơn. Đến hôm thứ 62, khi phải đến Bích Ba Đàm bắt yêu quái, Quốc Vương nói: “Tôn trưởng lão đi lần này, cần bao nhiêu binh mã? Giờ nào xuất thành khởi binh?” Bát Giới nhin không nổi cao giọng nói: “Nào cần người ngựa chi đâu! Cũng chẳng cần chọn giờ giờ khắc! Nhân nay cơm no rượu say, tôi cùng sư huynh đi, tay không bắt yêu quái về!” Từ đó có thể thấy rõ, Bát Giới chủ động tham chiến, không còn nhút nhát như xưa.

Bát Giới cũng không tham tiền tài như lúc trước nữa. Trong hôm thứ 90, các Hoàng tử báo đáp ơn “dạy dỗ” của ba huynh đệ Ngộ Không, mở yến tiệc, lại lấy ra một mâm vàng bạc biếu cho họ. Hành Giả cười nói: “Mau cất vào đi, mau cất vào đi! Chúng tôi là người xuất gia, dùng nó làm gì?” Bát Giới bên cạnh nói: “Vàng bạc chúng tôi không dám nhận, bộ quần áo này của tôi bị con sư tử tinh đó kéo rách mất rồi, xin đổi y phục mới cho chúng tôi là đủ rồi, xin cảm ơn”. Bát Giới trước đây lén lút cất giấu tiền riêng đến nay thấy vàng bạc không động lòng tham, đủ thấy tiến bộ rất nhiều.

Bát Giới cũng trở nên ngày càng hiền thảo hơn. Trong hôm thứ 86, yêu quái biến ra một cái đầu người đầy máu me quăng ra khỏi động, nguyên tác viết như thế này:

Tôn Hành Giả nhận ra đây là đầu người thật, chẳng biết làm thế nào thì bật tiếng khóc. Bát Giới, Sa Tăng cũng lớn tiếng khóc vang. Bát Giới nuốt nước mắt nói: “Sư huynh, đừng khóc nữa. Thời tiết không tốt, sợ làm bốc mùi. Đợi đệ đi đào huyết, nhân lúc còn hơi ấm chôn xuống rồi hãy khóc.” Hành Giả nói: “Sư đệ nói đúng.” Tôn Ngộ Không không chê ô uế, ôm cái đầu vào lòng, chạy lên sườn núi. Hướng về phía mặt trời, tìm nơi khuất mưa khuất gió, dùng đinh ba đào một cái huyết, bỏ đầu xuống đó, lấp lại xây thành một ngôi mộ. Mới nói với Sa Tăng: “Đệ và sư huynh cứ khóc đi, ta đi kiếm chút gì lại cúng sư phụ.” Nói xong, Bát Giới liền đi về phía

hồ, bẻ vài cành liễu lớn, nhặt vài hòn sỏi, vênh đến trước mộ, đem cành liễu cắm hai bên trái phải, chắt sỏi phía trước mộ. Hành Giả liền hỏi: “Thế này là sao?” Bát Giới rằng: “Cành liễu này thay cho từng bách, che bia mộ cho sư phụ; Những viên sỏi này thay cho điểm tâm cúng bái sư phụ.” Hành Giả nói: “Bát Giới! Người đã chết rồi, còn dùng sỏi để cúng sao?” Bát Giới nói: “Biểu thị chút lòng người còn sống, tỏ chút lòng hiếu thảo.”

Bát Giới “không sợ vấy bẩn”, ôm đầu vào lòng, đủ thấy lòng hiếu thảo, câu nói cuối cùng “tỏ chút lòng hiếu thảo” càng chứng tỏ lòng thành của Bát Giới.

Với những tiên bộ này của Bát Giới, không chỉ độc giả ngay đến cả Tôn Ngộ Không cũng khen “ngoan hơn trước”. Điều đó chứng tỏ Tôn Ngộ Không thừa nhận sự tiên bộ của Bát Giới. Trong hồi thứ 92, Tôn Ngộ Không bắt sống hai con yêu quái căm tinh tề giặc, Bát Giới nói rằng: “Hai con yêu quái này dứt khoát phải giao cho thành này, cho quan viên trong thành xem qua cũng biết chúng ta là Thánh là Thần. Cảm phiền bổn vị Tinh Quân xuống trần xử tử bọn chúng mới đáng tội bọn yêu quái này!” Bổn vị Tinh Quân nói: “Thiên Bồng Nguyên Soái nói có lý lắm!” Bát Giới rằng: “Làm mấy năm hòa thượng nên ta cũng học được đôi chút.” Sau đó Bát Giới lại “Đem báu vật lấy được dưới động, mỗi thứ lấy một cái nhét vào tay áo, để đến trai đình đem ra cho mọi người thưởng thức.” Đến cả việc phân phát tiền tài cũng giao cho Bát Giới xử lý, có thể thấy Bát Giới đã được đoàn thỉnh kinh tín nhiệm cao. Nếu như vào thời kỳ đầu của giai đoạn thỉnh kinh, nhiệm vụ như thế này nhất định không đến phiên “tên Ngộ c” này lo toan.

Tật xấu của Bát Giới tuy nhiều, nhưng độc giả rất yêu thích vai diễn này. Vì những tật xấu của Bát Giới đều là “tật xấu nhỏ”, không nghiêm trọng. Hơn nữa những khuyết điểm của Bát Giới mang tính phổ biến, vừa phản ánh bản tính người dân trong cuộc

sống hiện thực với các khuyết điểm như tham ăn biếng làm, bị lợi ích làm mờ mắt, tự cho mình thông minh, nịnh trên hành dưới v.v... Nhìn Trư Bát Giới, chúng ta cũng thấy phản phát hình ảnh của mình hoặc những người xung quanh trong đó. Hơn nữa, nhân vật Bát Giới lại mang tính hài hước, người đọc rất cảm thấy rất tự nhiên và thân thiết.

Chương 6: HÒA THƯỢNG SA TĂNG VÀ BẠCH LONG MÃ

Sa Hòa Thượng là người được Bồ Tát khuyếch n thiện sớm nhất khi sang Đông Thổ tìm người thỉnh kinh, nhưng lại là người đệ tử cuối cùng được Đường Tăng thu nhận trên đường đi thỉnh kinh, theo thứ tự nhập môn thì xếp hàng sau Ngô Không, Bát Giới, trở thành “Sa sư đệ”. Khi Đường Tăng thu nhận Ngô Không làm đệ tử, chẳng tốn hao sức lực gì, chỉ tháo lá bùa dán trên núi Ngũ Hành mà thôi. Khi thu nhận Bát Giới, là nhờ trong khi Ngô Không đấu với Bát Giới, Bát Giới vô tình nói đang ở đây chờ người thỉnh kinh mới chịu trói tay quy hàng. Còn khó khăn nhất là thu nhận Sa hòa thượng. Sa Tăng dựa vào sóng nước dữ dội của sông Lư Sa, đấu đến cả Ngô Không, Bát Giới kêu khổ liên hồi, Đường Tăng mất đảm nước mất. Cuối cùng nhờ có Bồ Tát mới quy y cửa Phật. Sa hòa thượng trước khi nhập môn là người hung bạo nhất, nhưng sau khi quy y lại trở thành đệ tử ngoan nhất của sư phụ. Đường Tăng thấy Sa Tăng “thật sự có phong cách người tu hành”, bèn gọi là Sa hòa thượng. Không biết do Đường Tăng có con mắt tinh tường hay có linh tính trước, Sa Tăng này quả là một hòa thượng chân chính dĩ hòa vi quý.

1. Đạo của người Quân tử – hòa nhi bất đồ ng

Sa Tăng theo đuổi việc dĩ hòa vi quý, “hòa” ở đây không phải là chữ “hòa” trong “giảng hòa vô nguyên tắc”, mà là chữ “hòa” trong “quân tử hòa nhi bất đồ ng”. “Hòa” trong “hòa nhi bất đồ ng” không phải là sự nhất trí tương đồng trên bề mặt, mà là sự thông nhất hài hòa từ bên trong. Chỉ cần mọi người có chung mục tiêu, sớm thỉnh được chân kinh quay về là kết quả tốt nhất. Cho nên Sa Tăng suốt chặng đường cần cù chăm chỉ, những công việc nặng

nhọc, dơ dáy Sa Tăng đều đảm nhận. Sa Tăng cho rằng đại sư huynh giảng yêu trừ ma, tất nhiên oai phong; mình và nhị sư huynh chần chừ, gánh hành lý cũng rất quan trọng, chưa bao giờ xem thường công việc của mình; người lo chiến đấu ở tiền tuyến thì phải có người ở hậu phương lo việc hậu cần, chia nhau ra đảm nhận mà thôi.

Ba người đồng hành cùng Đường Tăng 14 năm ròng, đi đoạn đường mười vạn tám ngàn dặm, Tôn Ngộ Không chuyện ta ta làm bị chú Khẩn Cô Nhi hành hạ. Trư Bát Giới khoe tài hóm hỉnh cũng từng bị Đường Tăng trách mắng, duy chỉ có Sa Tăng chưa từng bị Đường Tăng la rầy. Chúng ta biết Bát Giới thường “nhỏ nhen, hẹp hòi” với Ngộ Không nhưng Sa Tăng hết lòng kính trọng và yêu quý đại sư huynh. Trong lòng Sa Tăng hiểu rõ Tôn Ngộ Không giảng yêu trừ ma là muốn bảo vệ Đường Tăng sớm tỉnh được chân kinh, nên luôn nghĩ cách giảng hòa mọi quan hệ giữa Đường Tăng và Ngộ Không. Ăn thịt Đường Tăng có thể trường sinh bất lão. Đó là việc các con yêu quái trên đường đều hay biết, đến cả đứa cháu của Tôn Ngộ Không – Hồ Ng Hải Nhi cũng không ngoại lệ. Hồ Ng Hải Nhi hai lần biến thành đám mây hồ ng muốn bắt Đường Tăng, Ngộ Không chốc lại hất Đường Tăng xuống ngựa, nói có yêu quái đến, chốc lại đỡ Đường Tăng lên ngựa, chỉ nói có yêu quái qua đường. Đường Tăng nổi giận, cho rằng Ngộ Không đang đùa giỡn mình, mở miệng muốn niệm thần chú Khẩn Cô Nhi trừng phạt. Bát Giới ở bên cạnh lại thêm dẫu, thêm muốn. May nhờ Sa Tăng khuyên can, Đường Tăng mới thôi.

Sa Tăng hết sức bái phục khí khái anh hùng và trí tuệ phi thường của đại sư huynh Tôn Ngộ Không, trước tính khí “nóng nảy” của Tôn Ngộ Không thường dùng lấy nhu chế cương.

Trong Chấn Hải Tự, Ngộ Không dặn dò Bát Giới, Sa Tăng chăm sóc sư phụ, không ngờ trúng kế phân thân của Địa Dũng phu nhân,

bắt sự phụ giam xuống động không đáy. Ngô Không không thấy sự phụ đâu, bèn trút tất cả bức tức xuống đầu Trư Bát Giới và Sa Tăng:

Hành Giả biết là trúng kế, vội vã quay về tìm sự phụ. Chẳng thấy sự phụ đâu? Chỉ thấy tên Ngô c nọ cùng Sa Tăng trong miệng ú a ú ó gì đó. Hành Giả hết sức phẫn nộ, chẳng nghĩ ngợi gì, cầm gậy toan đánh, còn lên tiếng mắng: “Đánh chết các ngươi, đánh chết các ngươi!” Tên Ngô c nọ hoảng sợ không biết chạy đường nào, Sa Tăng quả là Linh Sơn Đại Tướng, đã có kinh nghiệm, liền đến trước mặt Ngô Không quỳ xuống, nhỏ nhẹ khuyên: “Đại sư huynh, đệ biết rồi. Đệ nghĩ đại sư huynh tha đánh giết hai đệ, cũng không đi cứu sự phụ, tự mình quay về nhà.” Hành Giả nói: “Ta đánh giết hai ngươi, ta tự đi cứu sự phụ!” Sa Tăng cười nói: “Đại sư huynh nói chuyện gì vậy! Không có hai đệ, quả là một cây làm chẳng nên non, một bàn tay không vỗ lên tiếng. Sư huynh à, hành lý, ngựa bạch sau này ai chăm sóc? Nguyên học Quán Bào chia vàng, đừng bắt chước Tôn Bàng đầu trí. Lời xưa có câu, đánh hổ còn cần anh em ruột, ra trận tất cần cha dạy con binh pháp. Mong đại sư huynh tha không đánh, đợi trời sáng cùng huynh kê vai sát cánh, cứu sự phụ về.” Hành Giả tuy thân thông quảng đại, nhưng cũng biết thức thời, thấy Sa Tăng khổ sở cầu xin, bèn hời hợt chuyển ý nói: “Bát Giới, Sa Tăng, các đệ đứng lên. Ngày mai đi tìm sự phụ, tất phải dùng sức.” Tên Ngô c nọ nghe được tha mạng, vui mừng không tả xiết: “Sư huynh, việc này cứ để Lão Trư đây.”

Những lời Sa Tăng nói khiến Ngô Không thực lòng vui vẻ. Câu nào câu nấy như rót vào tai, có tình có lý. Một Sa Hòa Thượng biết là lấy nhu chế cương như thế thật tuyệt vời!

Trên đường thỉnh kinh, Sa Tăng cũng rất biết lượng thứ cho Bát Giới, “đường xa gánh nặng”, gánh hành lý là việc cực nhọc. Đường Tăng bảo Sa Tăng gánh là gánh. Bát Giới bảo Sa Tăng gánh, Sa Tăng

cũng vui vẻ nhận lời. Sa Tăng dùng hành động thực tế kết tình đoàn kết với một Bát Giới nhỏ nhen, hay chấp nhận. Sa Tăng rất không tán thành việc Bát Giới thường đòi “rã đám”, nhưng không như Ngộ Không hề nghe Bát Giới nói ra những lời lung lạc lòng quân thì mở miệng đòi mắ'ng, giờ tay đòi đánh khiế'n huynh đệ bất hòa. Sa Tăng biế't rõ Bát Giới không có nhiề'u bản lĩnh, lại tham ăn biế'ng làm, còn ưa sĩ diện, cho nên khi khuyên giải Bát Giới thường nói: “Nhị sư huynh, đệ và huynh đê'u thuộc loại chậm chạp ngô'c nghê'ch, không nên chọc tức đại sư huynh.” Tôn Ngộ Không nghe được cảm thấ'y dễ chịu, Bát Giới nghe xong cũng dễ tiế'p thu hơn, từ đó dẹp tan những vương mắ'c có thể dẫn đế'n. Muố'n làm tốt công tác đoàn kết, không phải câ'n phải có ý thức đoàn kết, chăm lo đế'n đại cục, còn câ'n phải có năng lực hóa giải những vương mắ'c. Chỉ có Sa Tăng thật sự là người thật thà, trên đường thỉnh kinh tận tâm tận sức với công việc của mình, không tính toán thiệt hơn, cũng không có ý nghĩ phân chia này nọ. Sa Tăng không háo danh như Ngộ Không, cũng không háo lợi như Bát Giới. Nhiệm vụ trực tiế'p của Sa Tăng là chăm sóc cuộc số'ng hàng ngày của sư phụ. Kỳ thực Sa Tăng vô'n là Quyền Liêm Đại Tướng trên Thiên Đình, trên thực tế vô'n là thầ'n tử, nô bộc dưới trướng Ngọc Đê', lỡ tay đánh vỡ ngọn đèn Lưu Ly nên số' phận buộc phải rẽ sang lộ'i khác. Khi Quan Âm Bồ' Tát khuyên Sa Tăng làm đồ' đệ người đi thỉnh kinh, Sa Tăng nói ngay: nguyện quy y chính quả. Hồ'ng Hải Nhi bắ't mắ't Đường Tăng, Trư Bát Giới đòi rã đám, Sa Tăng vừa nghe qua liền “giật mình ngạc nhiên, khắ'p người cứng đờ”. Sa Tăng nói: “Sư huynh, huynh đang nói gì vậy? Chúng ta đê'u cho kiế'p trước có tội, cảm kích Bồ' Tát khuyên giải, giúp chúng ta xoa dầ'u thụ giới, thay đổi pháp danh, quy y Phật pháp, nguyện một lòng hộ tô'ng Đường Tăng sang Tây Thiên bái Phật câ'u kinh, lâ'y công chuộc tội. Hôm nay đế'n được đây, đừng cái là nói bỏ, nói đường ai nắ'y đi, há chẳng phải đi ngược lại với thiện quả Bồ' Tát ban tặng, phá hoại công đức bản thân, khiế'n người người cười nhạo, nói chúng ta có khởi dầ'u không có kết

thúc!” Có thể thấy ý thức chuộc tội đã ăn sâu vào xương tủy Sa Tăng. Điều này dẫn đến việc Sa Tăng nhẫn nhục chịu đựng, nghe lời khuyên bảo. Ngộ Không bảo Sa Tăng là “người tốt”, Bát Giới sau lưng chế giễu “đồ nhu nhược”. Thực tế mà nói Sa Tăng hơi thiếu “cái tôi”, hơi thiếu “cá tính”.

Trong tiểu thuyết cũng có “phân đoạn anh hùng” của Sa Tăng, khiến hình tượng Sa Tăng phong phú thêm chút ít. Khi yêu quái Hoàng Bào bắt giam Đường Tăng, hỏi: “Sa hòa thượng! Hai người dám đánh vào cửa động chúng ta, chắc đưa con gái kia viết thư xin cậu cứu gửi về nên các người mới biết chỗ của ta mà đánh, nhà Vua sai bọn người đến ư?” Sa Tăng đang bị trói dưới đất nhìn thấy yêu quái đáng vẻ hung tợn, cầm đao muốn sát hại công chúa, trong lòng nghĩ: “Rõ ràng công chúa có gửi thư cậu cứu, nhờ vậy mới cứu được sư phụ của ta. Nếu ta nói ra, hẳn giết mất công chúa đây há chẳng phải lấy oán báo ân? Không, không, không bao giờ! Nghĩ lần này Lão Sa ta cùng sư phụ, cũng chưa lập được công đức gì, ngày nay bị bắt giữ, lấy tính mạng báo ân cho sư phụ vậy.” Thế là Sa Tăng bịa rằng:

“Tên yêu quái kia chó có vô lễ! Công chúa nào có gửi thư từ chi, người đừng vu oan cho công chúa mà hại nàng mất mạng! Chúng ta lần này đến chỗ người đòi thả công chúa chỉ vì người bắt nhốt sư phụ ta xuống động, sư phụ ta từng nhìn thấy hình dáng công chúa. Khi đến nước Bảo Tượng, đến đôi công văn thông quan, nhà Vua nọ cho vẽ chân dung công chúa hỏi thăm khắp nơi, đem bức tranh về công chúa đến hỏi sư phụ ta có chẳng từng gặp dọc đường. Sư phụ ta là người tu hành có sao nói vậy. Nhà Vua sai chúng ta đi cứu công chúa, cứu thoát mới đóng dấu cho qua ải. Việc này là sự thật, làm gì có thư từ chi? Người muốn gì thì giết Lão Sa ta, chó làm hại người vô tội, làm trái phép trời!”

Cho đến khi Ngô Không đánh vào trong động, Bách Hoa Tu đến cưỡi trời cho Sa Tăng, Sa Tăng còn nói: “Công chúa, người đừng cưỡi trời cho tôi. E tên yêu quái nọ đến nhà đòi người, liên lụy công chúa chịu khổ.” Sa Tăng hiệp nghĩa thế đó, quả có phong độ của bậc tráng sĩ.

Việc ngoan ngoãn phục tùng của Sa Tăng liên quan đến chuyện tiên kiếp từng làm nô bộc. Trong tiểu thuyết, từ ngữ thường được dùng để miêu tả Ngô Không là “mặt mày lông lá, miệng Thiên Lô”, từ ngữ thường dùng miêu tả Bát Giới là “Miệng to, tai to” đều khắc họa đặc trưng ngoại hình nhân vật một cách chính xác. Duy chỉ có Sa Tăng từ thường dùng miêu tả là “mặt mày ủ rũ”. Hiểu được thân phận nô bộc của Sa Tăng sẽ hiểu tác giả miêu tả chính xác như vậy là do nắm bắt được đặc trưng ngoại hình độc đáo từ thân phận, địa vị của nhân vật này. Mặt mày ủ rũ, thì xui xẻo. Sa Tăng vốn dĩ thân phận nô bộc khó tránh khỏi cảnh giận cá chém thớt, luôn phải chịu đựng, e sợ. Đặc biệt chức trách của Sa Tăng lại là hầu hạ Ngọc Hoàng Đại Đế. Người ta thường nói: “Gần vua như gần cọp”, Sa Tăng không dám lơ là dù chỉ một chút. Về lâu về dài, gương mặt Sa Tăng hỏi sao không biến thành “Xanh không ra xanh, đen không ra đen, mặt mày ủ rũ”. Sự vâng lời tuân phục của Sa Tăng cũng cứ thế thể hiện trong quá trình cuộc sống, trở thành hình tượng nhân cách của người nô bộc.

Sa Tăng kiệm lời ít nói, cẩn trọng trầm tư. So với Ngô Không mờ mịt mép lạnh lợi, Bát Giới oán than không dứt, Sa Tăng thuộc về một tính cách khác hẳn, vừa kiệm lời ít nói, vừa trầm mặc bình tĩnh. Trong các cuộc tranh cãi giữa các thầy trò, Sa Tăng không nhiều lời, không gây thị phi, chỉ là khi cần thiết nói vài câu góp lời dập bót lửa cho mọi người bình tĩnh lại. Thậm chí khi Đường Tăng xua đuổi Ngô Không, Sa Tăng cũng chỉ đứng một bên, không nói lời nào. Đường Tăng bảo lấy giấy bút viết đuổi đi, Sa Tăng cũng im

lặng làm theo. Vì biết sư phụ đang lúc tức giận, Bát Giới lại thêm lời xúi bẩy, bản thân Sa Tăng lúc này nói gì cũng vô ích, chỉ bằng thuận theo tự nhiên, giả câm giả điếc. Sa Tăng làm việc cẩn trọng chín chắn. Sau khi Mỹ Hầu Vương giả đánh ngất Đường Tăng, cướp mất hành lý. Sa Tăng và Bát Giới lấy nước quay về. Bát Giới thấy vậy liền cho rằng sư phụ đã chết, đòi mua quan tài chôn sư phụ rồi rồi đám cho xong chuyện. Sa Tăng lại không như vậy. Sa Tăng “không giấu được đau thương, lật thi thể Đường Tăng lên, lấy nước mắt rửa mặt”, thấy sư phụ “mũi miệng còn thở ra hơi ấm, trước ngực cũng còn ấm”, liền gọi Bát Giới lại. Nghe xong Đường Tăng thuật lại sự việc, Bát Giới muốn lên ngay Hoa Quả Sơn tìm Ngô Không “đòi hành lý về”. Sa Tăng lại ngăn cản: “Sư huynh khoan nổi giận. Chúng ta đỡ sư phụ đến nhà dân làng đằng kia, xin chút cơm canh nóng, dâng cho sư phụ. Lo đâu vào đấy, hãy đi tìm đại sư huynh.” Sắp xếp sư phụ đâu vào đấy, mới đi. Khi thấy trò Đường Tăng đến được Đại Lôi Âm tự tại Tây Thiên, do không có “người đưa hô ỉ lộ”, A Nan, Ca Diếp đem kinh không có chữ truyền cho họ. Trên đường quay về, Niếp Đăng Cổ Phật phái Bạch Hùng Tôn Giả hóa thành trận cuồng phong thổi rớt bao chứa kinh trên ngựa của Đường Tăng, kinh thư rớt la tả. Ngô Không, Bát Giới nhặt kinh thư rơi xuống đến đưa cho Đường Tăng, Đường Tăng “ánh mắt chùng xuống, mặt đầy nước mắt”. Vẫn là Sa Tăng tỉ mỉ nhất, nhận lấy kinh văn rơi xuống mở ra xem, quả nhiên “không có lấy chữ nào”, lật những quyển kinh khác, tất cả đều trắng trơn. Thế là bốn thầy trò quay về Đại Lôi Âm Tự đổi lại kinh thư thật.

Hình tượng Sa Tăng còn đại diện cho những đặc trưng tính cách cơ bản của tầng lớp bình dân dưới bối cảnh văn minh nông canh. Sa Tăng cúi đầu làm việc cực nhọc, chịu thương chịu khó, thâm lặng cố gắng hiến. Đây đều là những đức tính tốt đẹp truyền thống của dân tộc Trung Hoa. Muốn gây dựng bất kỳ sự nghiệp to tát nào, những đức tính này đều rất cần thiết và đáng quý. Nhưng những

“mỹ đức” của Sa Tăng chỉ có đồng thời kết hợp chặt chẽ cùng cá tính kiên cường và tinh thần tiên thủ, mới có thể đạt đến hiệu quả xán lạn nhất.

2. Bạch Long Mã thông hiểu tính người – Tiểu Bạch Long

Bạch Long Mã chở Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh vốn là con trai Tây Hải Long Vương, được mọi người gọi là Ngọc Long Tam Thái Tử. Do lấy lửa đốt cháy Minh Châu do Ngọc Đế ban tặng, bị cha mình thừa với tội ngộ ngược, Ngọc Đế phán Tiểu Bạch Long tội chết. Quan Âm Bồ Tát cầu xin giúp, Tiểu Bạch Long mới được ở sông Ngân Sâu đợi người đi thỉnh kinh, gặp được Đường Tăng có cơ hội thay đổi, bước vào con đường thỉnh kinh.

Trong “Tây Du Ký”, Bạch Long Mã có tất cả ba thân phận, rồng, ngựa, người. Nói Bạch Long Mã là rồng, vì Bạch Long Mã vốn là con trai Long Vương; nói là ngựa, vì trong “Tây Du Ký” Bạch Long Mã đảm nhận nhiệm vụ hóa thành ngựa trắng đưa Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh, cái tên Bạch Long Mã cũng bắt nguồn từ đó; Nói Bạch Long Mã là người, vì Bạch Long Mã có tính người, có rất nhiều đặc điểm của loài người, rất mực trung thành với Đường Tăng và sự nghiệp thỉnh kinh.

Rồng, là một linh vật được sùng bái, là một loại “lý giải” của người cổ đại đối với những sức mạnh thiên nhiên. Người xưa mơ hồ cho rằng, giữa trời đất, đáng ra nên có thứ sức mạnh lớn không tương như thế, là “thần vật” làm chủ, chỉ huy, thao túng và quản lý muôn loài và các hiện tượng thiên nhiên có liên quan đến “nước”, giống một tộc người luôn cần có một thủ lĩnh vậy; Hoặc nói những động vật đó và hiện tượng thiên nhiên thể hiện tính cách của “thần vật”, giống như người cần nói chuyện, cần la hét, cần ăn, uống, tiêu tiện, ngủ, cần vui cười, nổi giận, la mắng vậy.

Đôi với lão bá tính mà nói, “Rông” tương ứng với tâm lý dân tộc, phóng khoáng và ngoại hóa. Tổ tiên chúng ta sinh sống trong hoàn cảnh hết sức gian nan, thiên tai nhiều vô kể, giữa các thị tộc luôn trong tình trạng tranh giành, đâm chém nhau, lại phải đối mặt với nỗi thống khổ sinh lão bệnh tử. Đến thời xã hội có giai cấp, dân chúng lại phải chịu thêm áp lực của nhà nước quân chủ chuyên chế. Áp lực này lại kết hợp với luân lý đạo đức, “Tam cương ngũ thường” trói buộc ăn sâu vào huyết mạch của người dân, sinh căn cốt để, bó buộc mọi người. Theo đuổi tự do vốn là thiên tính của con người – thiên tính tự do nhưng lúc nào cũng bị trói buộc trong khuôn khổ. Thế là người dân kỳ vọng, cầu xin, hoang tưởng muốn cởi bỏ sợi dây trói buộc, thoát khỏi trần thế, sống cuộc sống có thể phát huy hết thiên tính không gì ràng buộc.

Rông đem đến khả năng thỏa mãn tâm lý này của người dân. Nó vừa có thể bơi lội tung tăng dưới nước, vừa có thể đi thoăn thoắt trên cạn, hơn nữa lại có thể tung bay uốn lượn trên trời. Bầu trời tuyệt diệu biết bao! Mặt trăng trong sáng, mây trắng từng áng lững lờ trôi, ráng chiều điểm lẹ, còn có gió ngàn réo gọi, sấm rền chớp giật, sét đánh tám phương... Thiên Long trên thực tế là ý tưởng muốn bay cao của nhân loại!

Trong mắt lão bá tánh, “rông” là tượng trưng cho quyền lực và uy nghiêm. Từ thời cổ đại rất nhiều hoàng đế chuyên chế đều tự xưng mình là “chân long thiên tử”. Các từ như “long uy”, “long nhan”, “long quán” v.v... đều được dùng chỉ hoàng thượng.

Bạch Long Mã là con trai Long vương, có thể nói là “quý tộc” trong giới thần tiên. Bạch Long Mã đáng lẽ sống cuộc đời an nhàn, thư thái, quyền uy, nhưng do bất cẩn đốt cháy Dạ Minh Châu do Ngọc Đế ban tặng, sau bị giam cầm tại sông Ngạn Sâu. Từ đó cuộc sống của Bạch Long Mã bước sang một bước ngoặt mới khác xa với trước kia. Có thể nói cuộc sống của Bạch Long Mã tại sông Ngạn Sâu đôi

với Bạch Long Mã mà nói cũng là một cách tu luyện. Bạch Long Mã có thể chấp nhận cuộc sống như thế vốn không dễ dàng gì, sau hóa thân thành ngựa trắng cho Đường Tăng cưỡi càng không phải dễ.

Thời cổ đại công cụ vận chuyển và công cụ cày cấy chủ yếu của Trung Quốc là ngựa. Trong lĩnh vực quân sự, ngựa cũng chiếm vai trò hết sức quan trọng. Ngựa Xích Thố, Ngựa Hoàng Phiêu đều là tên những con ngựa quen thuộc của Trung quốc. Ngựa tốt xứng anh hùng cũng là một giai thoại truyền đời. Những con ngựa tốt này ngày có thể đi ngàn dặm, đêm đi tám trăm dặm, theo chân anh hùng chinh chiến sa trường, kiến công lập nghiệp. Ngựa hết mực trung thành với chủ nhân, hiểu tính người, có thể hiểu nhất cử nhất động những “ám thị” của chủ nhân. Chúng ta đều biết hồ i mã thương là một chiêu thức rất lợi hại. Nó không chỉ yêu cầu thương pháp của chủ nhân thuần thục, càng quan trọng hơn là ngựa phải phối hợp tốt với chủ nhân. Khi chủ nhân và kẻ thù đang đánh nhau có ý để lộ sơ hở, giả vờ bại trận tháo chạy, dẫn dụ kẻ thù đuổi theo, lúc này chân của chủ nhân vừa kẹp vào bụng ngựa, ngựa liền hiểu được chủ nhân muốn sử dụng chiêu hồ i mã thương, liền giả vờ chạy thật nhanh, kỳ thực tốc độ không hề nhanh. Đợi kẻ thù sắp đuổi theo đến nơi, chủ nhân vừa vỗ vào bụng ngựa, nó lập tức ngã xuống. Chủ nhân liền có thể dùng chiêu hồ i mã thương, đưa kẻ thù vào chỗ chết. Trong “Tây Du Ký” cũng miêu tả đặc điểm “ngựa thông tính người” của Bạch Long Mã.

Trong đội ngũ thỉnh kinh đại sư huynh Tôn Ngộ Không bản lĩnh cao cường nhất, bảo vệ cả đội ngũ, có uy tín và danh vọng nhất. Nhị sư huynh Trư Bát Giới tuy cũng có chút bản lĩnh, nhưng ý chí không kiên định, tham ăn biếng làm, có tật hay giở những thủ đoạn nhỏ nhặt. Uy tín của Bát Giới căn bản không thể so sánh với Ngộ Không. Tiểu Bạch Long đương nhiên nhìn thấy mọi thứ, ghi nhớ trong lòng.

Điều này dẫn đến việc Bạch Long Mã có thái độ khác nhau đối với hai vị sư huynh: hết sức kính trọng đại sư huynh, thậm chí có lúc “kỳ thị” Trư Bát Giới:

Bốn người vào núi, đi hồi lâu, qua được đỉnh núi, xuống dốc phía tây, vẫn là đoạn đường bằng phẳng. Trư Bát Giới ra oai, bảo Sa hòa thượng gánh hành lý. Hai tay Bát Giới cầm đỉnh ba, đi lên trước dắt ngựa. Ngựa không sợ Bát Giới, cứ đứng đờ đờ đỉnh mặc cho Bát Giới lóc cóc đi theo thúc nó. Hành Giả nói: “Sư đệ, đệ thúc nó làm gì? Để nó đi từ từ thôi.” Bát Giới đáp: “Trời sắp tối rồi, đi trên núi cả ngày nay, bụng đói rồi, mọi người đi nhanh lên, tìm nhà người dân vào xin ít cơm chay ăn.” Hành Giả nghe nói bảo: “Đã như vậy, đợi ta bảo nó đi nhanh lên”. Ngộ Không xoay Thiệt Bàng, huýt sáo một tiếng, con ngựa nọ nhanh chóng chạy, lướt nhanh như bay, phi thẳng về phía trước.

Bạch Long Mã bất kể Bát Giới ra oai như thế nào, cũng mặc kệ, chỉ cần Ngộ Không múa gậy Như Ý một cái, huýt sáo một tiếng liền “phi nhanh như tên bắn”. Đương nhiên, trong tiểu thuyết có nói khi Ngộ Không ở trên Thiên Đình từng là Bát Mã Ôn, ngựa trên thiên hạ đều nể sợ Ngộ Không. Còn có một chi tiết có thể thể hiện sự “kỳ thị” của Bạch Long Mã với Bát Giới. Khi đi ngang qua nước Chu Tử, Ngộ Không trị bệnh cho Quốc Vương nước Chu Tử, biết Bạch Long Mã không phải con ngựa tầm thường trong thiên hạ, nước đái ngựa có thể trị bệnh, liền sai Bát Giới đi lấy nửa chén nước đái ngựa về. Kết quả Bát Giới phí công sức cả buổi cũng chẳng lấy được chén nước đái ngựa nào. Lại đến lượt Ngộ Không phải ra mặt khuyên Bạch Long Mã mới chịu nể mặt, cho nửa chén. Thái độ phản ứng quyết liệt của Bạch Long Mã trước mặt Ngộ Không và Bát Giới, phản ánh địa vị của hai vị sư huynh trong lòng Bạch Long Mã.

Bạch Long Mã tuy không giống Ngộ Không, suốt đường đi giáng yêu trừ ma, quét sạch trở ngại, nhưng cũng giống Sa Tăng trải qua

mười vạn tám ngàn dặm đường cực nhọc. Con đường trải qua hết sức gian nan, vất vả, cuối cùng khi về đến Linh Sơn, Bạch Long Mã “Lông da tróc hết, thay đổi hình dáng, toàn thân mọc vảy vàng, dưới quai hàm mọc ra râu bạc”, trở lại diện mạo vốn có của rồng, tu thành chính quả, trở thành Bát Bộ Thiên Long. Sự thông hiểu tính người của Bạch Long Mã còn biểu hiện qua lòng trung thành đối với sự nghiệp thịnh kinh của Đường Tăng. Sau ba lần đánh Bạch Cô Tinh, Ngộ Không bị đuổi về Hoa Quả Sơn, Trư Bát Giới trước mặt Quốc Vương Bảo Tạng ba hoa khoác lác, khoe mình có thể giáng yêu trừ ma, cứu thoát công chúa, cuối cùng bỏ chạy, Sa Tăng bị bắt. Đường Tăng bị yêu quái Hoàng Bào biến thành con cọp. Bạch Long Mã đang ăn cỏ trong chuồng nghe nói, lập tức cởi bỏ dây cương, biến trở lại nguyên hình đi cứu sư phụ. Đồng thời còn lãnh trí biến thành cung nữ xinh đẹp, tìm cơ hội giết yêu quái Hoàng Bào. Yêu quái quả nhiên mắc bẫy, không những cho Bạch Long Mã chuốc rượu, còn bảo Bạch Long Mã ca hát nhảy múa giúp vui. Bạch Long Mã nói dối nhảy múa tay không không hứng thú, dụ dỗ yêu quái cho múa kiếm, nhân cơ hội ra tay. Nhưng yêu quái bản lĩnh cao cường, Bạch Long Mã không phải đối thủ của hắn. Bị thương quay về, Bạch long Mã hóa thành ngựa trắng nằm phục trong tàu ngựa, đợi tin tức Bát Giới. Khi Bát Giới trốn chạy về nơi ở, Bạch Long Mã cắn lấy tay áo Bát Giới, nói lời thật lòng. Mới đầu Bát Giới hết sức lo sợ, sau mới nghe thấy sư phụ bị biến thành con cọp, nhưng mình lại không phải đối thủ của yêu quái, bèn khuyên Bạch Long Mã trở về Long Cung, còn mình gánh hành lý trở về Cao Lão Trang làm “rể quý”. Tiểu Bạch Long nghe thế, liền cắn lấy tay áo Bát Giới không buông, úa nước mắt khuyên giải Bát Giới, bảo đến Hoa Quả Sơn tìm Tôn Ngộ Không đến cứu giúp. Cuối cùng, Bát Giới cảm động, quyết định đi Hoa Quả Sơn một phen tìm Tôn Ngộ Không. Hơn nữa Bạch Long Mã còn dặn dò Bát Giới nói đại sư huynh là người có tình có nghĩa, gặp đại sư huynh không nên nói sư phụ gặp nạn, chỉ nói sư phụ nhớ huynh ấy, khi huynh ấy đến thấy tình cảnh này nhất

định ra tay cứu giúp. Đủ thây Bạch Long Mã trung thành, khiến người cảm động.

Bạch Long Mã nguyện chịu uất ức biến thành ngựa, trên thực tế là ý chí chiến thắng nghịch cảnh. Trên đường thỉnh kinh mỗi một bước đi, vượt qua mỗi một ngọn núi đều là việc thực tế Bạch Long Mã đang biến hy vọng, ước mơ thành hiện thực. Bạch Long Mã trên đường thỉnh kinh không hề thoái lui, không hề lo sợ, tự cổ vũ chính mình trong nghịch cảnh, một lần nữa tìm chỗ đứng cho mình bản thân, vượt qua thử thách bằng lòng tin của chính mình. Trong “Tây Du Ký”, Bạch Long Mã có ba thân phận: Rồng, Ngựa, Người. Trong những thân phận này, tính người chiếm vị trí chủ đạo. Tôi nghĩ “Tây Du Ký” thông qua một hình thức đặc thù để kế thừa và phát huy mạnh mẽ câu “Long Mã tinh thần” của người Trung Quốc thời cổ đại.

Chương 7: BÀN VỀ TÁM MƯƠI MỐT NẠN TRÊN ĐƯỜNG THỈNH KINH

Trong “Tây Du Ký”, ngoại trừ trải nghiệm cuộc sống của Tôn Ngộ Không là mạch chính xuyên suốt câu chuyện ra, còn một sợi dây hỗ trợ rất quan trọng, đó chính là người thỉnh kinh – con đường thỉnh kinh của thầy trò Đường Tăng. Nếu như đem mạch chính của câu chuyện – trải nghiệm nhân sinh của Tôn Ngộ Không làm “kinh tuyến”, vậy tuyến phụ hỗ trợ là con đường thỉnh kinh của thầy trò Đường Tăng chính là “vĩ tuyến”. Không chỉ tư tưởng, nội dung của “Tây Du Ký” đáng để chúng ta trân trọng. Chính phong cách nghệ thuật của nó cho đến ngày nay vẫn đáng cho chúng ta học hỏi. Trọn bộ “Tây Du Ký” có 100 hồi. Đoạn hay nhất trừ đoạn Tôn Ngộ Không đại náo Thiên Cung ra, phải kể đến quá trình vượt qua tám mươi mốt nạn. Tám mươi mốt nạn này không những viết từng nạn khác nhau, tình tiết hết sức lắt léo, kết cấu chặt chẽ, trước sau nhất quán, đầu đuôi rõ ràng, khi đọc dễ hiểu. Điểm đáng chú ý nhất của “Tây Du Ký” là khắc họa hình tượng nghệ thuật rõ ràng. Hình ảnh con người và yêu ma được miêu tả trong truyện đều có cá tính khác nhau, đặc biệt là Tôn Ngộ Không có cá tính rõ ràng, nổi trội nhất. Thông qua những chi tiết: dũng cảm đấu tranh với yêu ma và trung thành bảo vệ Đường Tăng, tác giả đã miêu tả hình ảnh Ngộ Không là nhân vật chính diện với những phẩm chất vĩ đại như mưu trí, dũng cảm, kiên cường, chính trực và quật cường.

1. Quan Âm Viện đầu pháp mât cà sa

1.1. Người có lòng tham tai ương ắt đến

Sau khi có Bạch Long Mã, Đường Tăng cưỡi ngựa, đi đường đỡ vất vả hơn nhiều. Một ngày nọ, vào lúc chập choạng tối, hai thầy trò đến một ngôi miếu Quan Âm trong sơn cốc. Hòa thượng giữ cửa vừa nghe có cao tăng từ Đại Đường đến, muốn sang Tây Thiên thỉnh kinh, liền đến thi lễ, cung kính mời hai người vào hậu viện nghỉ ngơi.

Thầy trò Đường Tăng vừa ngồi xuống, hai vị tiểu hòa thượng dìu một vị lão hòa thượng chậm rãi tiến vào. Đường Tăng bèn đứng dậy, chắp hai tay lại thi lễ bái chào. Lão hòa thượng vừa đáp lễ vừa bảo người dâng trà. Chẳng bao lâu, hai tiểu đồng bưng lên một khay trà rất đẹp, đường nét tinh xảo. Đường Tăng uống một ngụm, khen khay trà vài câu. Lão hòa thượng hớn hờ ra mặt, sau đó khoe khoang giảng trà kinh, tiếp đến hỏi Đường Tăng có đem bảo vật nào từ Đông Thổ Đại Đường sang không lấy ra cho lão xem. Ngộ Không thấy vẻ khoe khoang của lão hòa thượng, trong lòng đã không phục, bèn nói với Đường Tăng mình từng thấy trong hành trang có chiếc cà sa bảo bội, muốn Đường Tăng lấy ra cho lão hòa thượng “mở rộng tầm mắt”. Lão hòa thượng nghe nhắc đến cà sa, càng đắc ý, bật cười thành tiếng, sai người khiêng lên mười hai cái rương, lấy tất cả cà sa cất trong đó ra. Trong rương phải có đến hơn trăm chiếc cà sa, chiếc nào cũng đẹp, “khắp phòng lung linh, rực rỡ, huyền ảo”. Ngộ Không lại thúc Đường Tăng lấy cà sa ra cho họ chiêm ngưỡng, Đường Tăng không chịu, nói Ngộ Không: “Cổ nhân có câu: ‘Vật quý giá không đem ra chơi đùa, không thể biết lòng dạ tham lam dơ bẩn của con người’ giả như người khác nhìn thấy, tất sinh lòng tham; Đã sinh lòng tham, ắt sinh mưu kế. Không phải chuyện nhỏ đâu.” Ngộ Không chẳng thèm quan tâm, không cho là vậy, nói: “Yên tâm! Yên tâm! Có Lão Tôn ta đây!” Thế là Ngộ Không giờ hành lý, lấy ra cầm lan cà sa, khi tung ra, chỉ thấy “ánh hồng lan tỏa, màu sắc lung linh rọi sáng gian phòng”. Cà sa của Đường Tăng vốn là bảo vật do Bồ Tát ban tặng, đương nhiên là báu vật.

Mặc cà sa này “không vào trậ̀m luân, không sa địa ngục, không sa vào kiệ́p nạn ác độc, không rơi vào huyết lang sói”. Chúng tăng nhìn thậ́y, khen ngợi không ngớt.

Lão hòa thượng nhìn thậ́y báu vật này, quả nhiên động lòng tham, muộ́n mượn bảo vật một đêm quan sát cho rõ, sau đó tính kệ́ giệ́t hại thậ̀y trò Đường Tăng, rặ́p tâm chiệ́m đoạt bảo vật làm của riêng. Vào nửa đêm tĩnh lặng, lão hòa thượng sai người chậ́t củi châm lửa, muộ́n thiêu sọ́ng thậ̀y trò Đường Tăng, nhưng Ngộ Không thậ̀n thông quảng đại, nhờ cơ trí và pháp lực vô biên, lên tận Thiên Đình mượn “cái chụp tránh lửa”, chụp kín Đường Tăng, ngựa trặ́ng và hành lý, bảo toàn tính mạng Đường Tăng. Tôn Ngộ Không do khoe khoang nên mậ́t cà sa, do huyền hoang, nông cuộ̀ng mà dẫn đệ́n đại họa, sau đó cà sa lại bị Hặ́c Hùng Tinh trộm mậ́t. Ngộ Không tộ̀n nhiệ̀u công sức và phải khó khăn lặ́m mới lặ́y lại được cà sa. Giả như bảo vật có mậ́t mát, hư hỏng gì thì có hộ̀i cũng mượn.

Cầm lan cà sa Đường Tăng mặc trong “Tây Du Ký” được nhiệ̀u người xem là bảo vật. Chiệ́c áo cà sa gây nên bao chuyện rặ́c rộ̀i. Kim Trì trưởng lão trụ trì miệ́u Quan Âm vì muộ́n lặ́y cà sa bảo bộ̀i này nảy sinh tà niệm, kệ́t cục tự chuộ̀c lặ́y khổ. Hặ́c Hùng Tinh cũng vì tặ́m cà sa mà bị Bộ̀ Tát thu phục.

Cà sa là vật người tu hành thường mặc, là pháp y do nhiệ̀u mảnh vải nhỏ vuông vức may nộ́i lại mà thành, còn gọi là “áo chặ́p nộ́i”, “áo vá trăm mảnh”, “áo vá”, màu sặ́c chủ đạo là đỏ và vàng. Cà sa thường có ba loại: một loại do năm miệ́ng vải may thành, gọi là “áo năm mảnh”, mặc sát người; một loại “áo bảy mảnh” do bảy mảnh vải may thành, mặc bên ngoài áo năm mảnh; Còn một loại từ chín đệ́n hai mươi lăm mảnh vải may thành còn gọi là “áo chín mảnh”, mặc phía ngoài cùng, giộ̀ng như áo khoác, áo gió ngày nay. Ba loại áo tăng đó gọi là “tam y”.

Cà sa là tượng trưng cho người tu hành trong Phật gia. Trong đó áo chín mảnh là lễ phục quan trọng của tăng nhân. Khi cử Phật gặp phải sự việc nghiêm trọng hay có các hoạt động quan trọng, tất phải mặc nó. Nhân gian cũng thường thêu kỳ hóa cà sa, “Tây Du Ký” càng làm tăng sắc thái thêu kỳ cho cà sa. Chúng ta xem tác giả miêu tả chi tiết cảm lan cà sa này trong nguyên tác:

Chiếc cà sa này, khoác lên vai, tránh được đại bàng sa xuống mỏ; hạc móc vào, đặt điều kỳ diệu siêu phàm. Khi ngỗng xuống, có vạt thêu hành lễ; Phàm khi cử động, có thêu Phật hộ thân. Chiếc cà sa này do băng tằm nhả tơ mà thành, do thợ giỏi quay cuộn se thành sợi. Tiên Nga dệt nên vải, Thêu nữ may thành. Từng mảnh vuông vức thêu hoa, từng mảnh nối kết nhau bởi cảm lan. Đính hoa trang trí lung linh, màu sắc lóng lánh.

Cà sa vốn dĩ bản thân không có sức mạnh gì đặc biệt, chẳng qua chỉ là pháp y người tu hành thường mặc thôi. Sức mạnh thêu kỳ của nó hoàn toàn do sự sùng bái của mọi người khoác thêm cho nó. Nhưng cà sa trong Phật giáo tượng trưng cho địa vị và quyền lực. Đường Tăng được ban cho cảm lan cà sa, kỳ thực cũng tượng trưng địa vị của Đường Tăng trong Phật giáo. Kim Trì trưởng lão nảy sinh lòng tham với cảm lan cà sa, thực ra tượng trưng cho khát vọng theo đuổi quyền lực và địa vị của con người trong cuộc sống hiện thực, Kim Trì trưởng lão qua đời, ám chỉ chúng ta khi theo đuổi quyền lực và địa vị có thể đồng thời đánh mất tâm trí bản thân mà đi vào con đường tà đạo.

1.2 Tương kế tựu kế thu phục Hắc Hùng Tinh

Hắc Hùng Tinh là con “yêu quái” chân chính đầu tiên, “đội thủ” đầu tiên của Tôn Hành Giả. Trước đó, Ngộ Không chỉ mới đánh một số mãnh hổ, trừ một số giặc cướp. Hắc Hùng Tinh cũng là một trong số ít những con yêu tinh không muốn ăn thịt Đường

Tăng. Sau này được Bồ Tát thu nhận làm đại tiên giữ núi cũng do thầy Hắc Hùng Tinh là con yêu tinh có đạo đức. Chỗ ở của yêu tinh thường đều dơ bẩn khó coi, nhưng Hắc Hùng Tinh lại khác, chúng ta xem đoạn miêu tả chỗ ở của Hắc Hùng Tinh:

Lại nói Đại Thánh bay lên không trung, lặn mình một cái, đã bay đến núi Hắc Phong. Đứng trên đụn mây nhìn xuống, quả nhiên đúng là ngọn núi đẹp. Đang đứng độ xuân sang – Khắp nẻo ngườn khe chảy, đâu non hoa cỏ đơm hoa. Chim kêu người chẳng thấy, bông rụng nhành còn thơm. Mưa qua trời xanh ngắt, gió thổi cuốn hoa rơi. Cỏ xanh thắm mượt mà, hoa rừng nở đua hương. Vách núi cao dựng đứng; Cây sắn leo, gỗ tươi tốt, núi bằng phẳng. Không thấy bóng người, nào gặp tiều phu? Bên bờ suối đôi hạc uống nước, trên vách đá bầy vượn nô đùa. Cây vươn thẳng lên cao, sừng sững đón nắng gió.

Hội này đáng chú ý ở chỗ khi Hắc Hùng Tinh trộm mất áo cà sa từ chỗ Kim Trì trưởng lão, còn viết thiệp mời Kim Trì trưởng lão đến dự đại hội áo Phật, thiệp mời viết thế này:

Trước tiên văn bản của Hắc Hùng có lẽ, khởi bẩm Đại Thiếp Kim Trì trưởng lão: Ôn đức cao dày, cảm kích thâm sâu. Đêm qua Quan Âm tự có tai nạn, không kịp cứu giúp, cũng may không có gì đáng tiếc xảy ra. May kỳ ngộ lately được chiếu áo Phật, muôn mở tiệc chúc mừng, chuẩn bị trà rượu, tiệc chay kính mời. Ngày nay, mời mọi người đến tham dự. Nay gửi trước hai ngày tiện bề chuẩn bị.

Tấm thiệp viết rất văn vẻ, có thể thấy đạo hạnh tu luyện của Hắc Hùng Tinh không ít, có đủ tính người. Đầu thư, mở lời với một câu khách sáo: “Ôn đức cao dày, cảm kích thâm sâu”. Tiếp theo lại viết: “Đêm qua Quan Âm tự có tai nạn, không kịp cứu giúp, cũng may không có gì đáng tiếc xảy ra” như tỏ ý xin lỗi việc không kịp đến cứu giúp, nghĩ Kim Trì trưởng lão cũng chẳng gặp tổn hại gì, như

vậy tránh được trách móc của Kim Trì trưởng lão, tiếp theo: “May kỳ ngộ này được chiếu áo Phật, muốn mở tiệc chúc mừng, chuẩn bị trà rượu, tiệc chay kính mời. Ngày nay, mời mọi người đến tham dự. Nay gửi trước hai ngày tiện bề chuẩn bị.” hết sức khiêm tốn và khách sáo mời Kim Trì trưởng lão đến dự đại hội áo Phật. Giả sử trong chúng ta là Kim Trì trưởng lão, nhìn tâm thế này, chúng ta có đi dự hội hay không? Có thể thấy Hắc Hùng Tinh rất thấu đáo đạo lý nhân tình thế thái. Tuy lấy trộm mất cà sa, nhưng theo suy nghĩ của Hắc Hùng Tinh thì ai có năng lực, người đó có quyền chiếm lấy cà sa. Hắc Hùng Tinh mời Kim Trì trưởng lão đến tham gia đại hội áo Phật chính là để chứng minh điểm này, đồng thời cũng muốn cho mọi người chứng kiến mình có quyền sở hữu cà sa, hiểu biết thêm uy phong và năng lực của mình.

Ngô Không tương kế tựu kế đầu tư trí cùng Hắc Hùng Tinh, khiến chúng ta lần đầu tiên thực sự cảm nhận được trí tuệ của Ngô Không. Tôn Ngô Không nhất thời không thấy được Hắc Hùng Tinh, bèn đành vân đến Nam Hải Lạc Gia Sơn, xin Quan Âm Bồ Tát giúp đỡ. Quan Âm Bồ Tát trách cứ Ngô Không không nên khoe khoang cà sa. Sau khi Ngô Không nhận lỗi, Quan Âm liền cùng Ngô Không đến núi Hắc Phong, từ xa đã trông thấy đạo sĩ hôm nọ gặp ở dốc núi tay bưng chiếu đĩa ngọc đi đến. Ngô Không lao tới trước, một gậy đập chết đạo sĩ. Vị đạo sĩ hiện nguyên hình là con sói xám. Ngô Không lôi từ trong người hắn ra một chiếu đĩa thủy tinh có khắc chữ “Lăng hư tử”, trên đĩa có hai viên linh đan. Thì ra đây là quà hắn định tặng Hắc Hùng Tinh khi tham gia đại hội áo Phật.

Ngô Không lanh lợi nghĩ ra một diệu kế, bảo Bồ Tát biến thành Lăng Hư Tử, còn mình biến thành một viên linh đan, chỉ là to hơn viên bình thường một chút. Quan Âm Bồ Tát đem bỏ vào đĩa, đi về phía đông, theo kế hoạch của Ngô Không, cho Hắc Hùng Tinh nuốt viên linh đan đó. Quan Âm Bồ Tát đi vào trong động, đem

linh đan tặng cho Hắc Hùng Tinh. Hắc Hùng Tinh hết sức vui mừng, nhận lấy tiên đan cho vào miệng, nào ngờ chưa đưa đến miệng linh đan đã tự chui tọt vào bụng.

Ngô Không vừa vào đến bụng Hắc Hùng Tinh, biến trở lại nguyên hình, ở trong đó dầy vò Hắc Hùng Tinh. Hắc Hùng Tinh đau đớn lăn lộn dưới đất. Quan Âm Bồ Tát cũng hiện nguyên hình, lệnh giao áo Phật, Hắc Hùng Tinh đau không chịu nổi, liền sai tiểu yêu lấy áo cà sa ra. Quan Âm Bồ Tát nhận lấy áo Phật, Ngô Không liền chui ra từ mũi Hắc Hùng Tinh. Quan Âm lại cho Hắc Hùng Tinh đội vòng “Kim cô”. Hắc Hùng Tinh sau khi bò dậy cảm thương toan đâm, Quan Âm Bồ Tát liền niệm thần chú, Hắc Hùng Tinh đau đớn khôn xiết, đành quỳ xuống, xin Quan Âm Bồ Tát tha mạng, nói: “Nguyện quy y Phật pháp, chỉ mong tha mạng!” Thế là Quan Âm Bồ Tát thu nhận Hắc Hùng Tinh làm “Đại thần giữ núi”, dẫn Hắc Hùng Tinh quay về Nam Hải.

Trong quá trình Ngô Không thu phục Hắc Hùng Tinh, vận dụng kế sách tương kế tựu kế khá hoàn hảo. Trước hết, Ngô Không thông minh lanh trí, phản ứng nhanh nhạy, thấy việc xảy ra trước mắt nghĩ ngay ra diệu kế, lợi dụng quan hệ bạn bè của yêu quái và tâm lý tham lam, chui vào bụng yêu quái, chế phục yêu quái. Ngoài ra, Ngô Không lợi dụng tình thế lúc bấy giờ, buộc Quan Âm Bồ Tát không thể không biến thành yêu quái, “Bồ Tát hết cách chỉ đành gặt đầu”. Dưới sự sắp đặt công phu của Ngô Không, kế sách thực thi rất thuận lợi, không tốn một đao một thương nào đã thu phục được Hắc Hùng Tinh. Không những thu hồi cà sa, Quan Âm Bồ Tát còn thu được một thần giữ núi, có thể nói là vẹn cả đôi đường.

Trong kiếp nạn này, có một đoạn miêu tả sau này thường được người đời trích dẫn. Quan Âm Bồ Tát vì giúp đỡ Ngô Không, lấy thân biến một cái, hóa thành Lăng Hư Tử, bạn yêu quái của Hắc Hùng Tinh. Ngô Không nghịch ngợm bảo: “Tuyệt! Tuyệt! Là yêu tinh

biến ra Bồ Tát, hay là Bồ Tát hóa thành yêu tinh?” Lời Bồ Tát trả lời càng tuyệt: “Ngộ Không, Bồ Tát yêu tinh, chỉ là tên gọi. Nếu luận bản chất, tất cả là hư vô.”

“Bồ Tát yêu tinh, chỉ là tên gọi”. Hắc Hùng Tinh chính là ví dụ rõ ràng nhất. Thật uổng công Hắc Hùng Tinh tạo dựng cho mình “vẻ bề ngoài” như vậy, rốt cuộc vẫn là con yêu tinh. Có lẽ chúng ta đối mặt với những chọn lựa “vẻ ngoài”. Như vậy trong cuộc sống, chúng ta phải không ngừng suy ngẫm, thức tỉnh hành vi bản thân, tránh vì chuộng “vẻ ngoài”, hình thức mà xa rời cái thiện. Trong cuộc sống, chúng ta khó lòng phán đoán một người là tốt hay xấu, là thiện hay ác. Xấu có thể thông qua “vẻ ngoài” biến thành tốt, tốt cũng có thể thông qua “vẻ ngoài” biến thành xấu. Tốt hay xấu chỉ là một ý niệm.

Có lẽ đôi khi chúng ta không phán đoán được người trước mặt mình là thiện hay ác, là quân tử hay tiểu nhân. Nhưng bất kể lúc nào, nơi đâu, đối diện với hạng người gì, chúng ta có thể thông qua thái độ vừa phải và hành vi có chừng mực của bản thân để bảo vệ chính mình, tránh bị xâm hại không đáng có. Đừng nên quá khoe khoang. Đây là nguyên tắc hành vi có hiệu quả tự bảo vệ mình trong những môi trường xa lạ. Đây là “túi khôn” mà “Tây Du Ký” muốn truyền đạt đến chúng ta, cũng là triết lý đối nhân xử thế trong cuộc sống chúng ta nên am hiểu.

1.3 Tinh thần yêu nghề kính nghiệp: làm hòa thượng một ngày giống chuông một ngày

Đường Tăng cứu thoát Tôn Ngộ Không từ núi Ngũ Hành. Từ đó Ngộ Không bắt đầu bảo hộ Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh, cuộc đời chuyển sang chính đạo. Vậy Ngộ Không có thái độ gì đối với việc này? Trong “Tây Du Ký” hồi thứ 16, tác giả miêu tả thế này:

Khi hòa thượng nọ cùng Tam Tạng và Hành Giả vào trong cửa núi. Trong cửa núi, lại thấy chính điện viết bốn chữ lớn “Quan Âm thiển viện”. Tam Tạng vui mừng nói: “Đệ tử mang nặng ơn sâu của Bồ Tát, chưa kịp khải tạ. Nay gặp thiển viện, như gặp được Bồ Tát, phải vào bái tạ.” Hòa thượng nghe thấy, liền bảo tiểu đồ mở cửa điện, mời Tam Tạng vào hành hương bái lạy. Hành Giả cột ngựa, để hành lý sang một bên, cùng Đường Tăng vào điện. Tam Tạng quỳ xuống, cúi đầu phủ phục sát đất, ngẩng đầu nhìn tượng vàng. Hòa thượng nọ liền đi gõ trống, Hành Giả liền đi gióng chuông. Tam Tạng phủ phục trước đài, thành tâm cầu chúc. Cúng bái xong xuôi, hòa thượng nọ ngừng gõ trống, Hành Giả vẫn chăm chú gióng chuông không nghỉ, lúc nhanh lúc chậm, giống một hồi lâu. Người nọ nói: “Cúng bái đã xong, còn giống gì nữa?” Hành Giả bèn bỏ dùi xuống, cười rằng: “Người nào biết, ta làm hòa thượng một ngày giống chuông một ngày.”

Làm hòa thượng một ngày giống chuông một ngày, ý muốn nói người trên cương vị nào phải làm tốt công việc của chức vụ đó. Dù là Ngộ Không biết rõ ngày mai mình sẽ hoàn tục, nhưng hôm nay vẫn là hòa thượng, mà làm hòa thượng cần phải gióng chuông. Ngày nay chúng ta thường dùng câu tục ngữ này hình dung thái độ cuộc sống được ngày nào hay ngày nấy. Nhưng ở Tôn Ngộ Không, hiển nhiên không phải vậy. Thái độ làm việc của Ngộ Không trong suốt quá trình thỉnh kinh có thể nói là hết lòng tận tụy. Ngộ Không làm một ngày hòa thượng giống một ngày chuông trên thực tế là thái độ yêu nghề kính nghiệp.

Tôn Ngộ Không có thể nói là điển hình tiêu biểu cho câu “Làm hòa thượng một ngày giống chuông một ngày”. Sau khi nhận lời hộ tống Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh, liền gánh vác trách nhiệm của mình, toàn tâm toàn ý lo cho “sự nghiệp”, gian nan cực khổ gì, yêu ma quỷ quái gì cũng không sợ, chiến thắng muôn trùng khổ

nạn, xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ. Cuối cùng được Như Lai Phật Tổ phong làm “Đầu Chiến Thắng Phật”, tu thành chính quả.

Nhưng trong cuộc sống hiện thực, rất nhiều người không hiểu đạo lý này. Đối với công việc mình không thích thì hết sức vô trách nhiệm, lúc nào cũng thấy công việc vừa vất vả vừa cực khổ, làm qua loa cho qua chuyện, mặc muốn ra sao thì ra. Nếu bạn cứ giữ thói quen này, dù sau này có cơ hội làm công việc mình yêu thích và hứng thú, ông chủ cũng không thể chịu được thói quen này của bạn lập tức cho bạn thôi việc ngay.

“Ưu tú là một thói quen”, đây là câu nói của nhà Triết học Hy Lạp Aristoteles. Những người tích cực làm tốt công việc của chính mình dù cho đó là công việc hèn mọn, cuối cùng đều đạt được thành công. Người thành công thực sự, nhà doanh nghiệp kiệt xuất, thậm chí vĩ nhân cả thời đại, đa số đều vậy. Nguyên nhân chủ yếu do họ coi ưu tú là một thói quen, nghiêm túc, thiết thực làm việc. Cho nên từ bây giờ trở đi, chúng ta phải xem ưu tú như một thói quen, xem hành vi ưu tú như thói quen hằng ngày của chúng ta, trở thành thiên tính thứ hai của chúng ta. Giúp chúng ta tập thói quen suy nghĩ sáng tạo, tập thói quen làm việc nghiêm túc.

Thực ra bất luận chúng ta làm công việc gì, đều phải nỗ lực tích lũy kinh nghiệm công việc, nắm vững tri thức và kỹ năng, từ đó nâng cao giá trị bản thân. Người hưởng lợi lớn nhất không ai ngoài chính bản thân chúng ta. Thông qua công việc, còn có thể rèn luyện lòng nhẫn nại và tinh thần chịu cực chịu khổ của chúng ta, tạo lập nên tảng vững chắc, giúp chúng ta đạt được thành công trong sự nghiệp.

Làm hòa thượng một ngày giống chuông một ngày, thực ra không phải muốn khuyên chúng ta dùng thái độ tiêu cực đối mặt với cuộc sống mà là khuyên chúng ta phải dùng tâm để giống chuông. Có một tiểu hòa thượng ở trong chùa mỗi ngày đều giống chuông rất đúng

giờ, rất âm vang. Nhưng có một ngày, thầy trụ trì nói chú tiểu này không đảm nhiệm vai trò gióng chuông này nữa, sai xuống hậu viện chẻ củi gánh nước. Tiểu hòa thượng cho rằng bình thường mình chú ý làm việc, chưa từng trễ nải, lần nào cũng gắng sức gióng chuông nên trong lòng không phục, không cam tâm. Sư trụ trì nói, tiếng chuông gióng lên không chỉ âm vang mà còn phải trầm mạnh, trầm lắng, vang xa, có như vậy mới thức tỉnh được chúng sinh đang trong cơn mê muội. Đây mới là mục đích chính của việc gióng chuông. Còn tiếng chuông tiểu hòa thượng hoàn toàn thiếu sức cảm hóa.

Tiểu hòa thượng chỉ chú trọng đến yêu cầu bên ngoài của việc gióng chuông, nhưng lại không biết ý nghĩa thực tế của nó, không tận tâm khi gióng chuông, thì làm sao thức tỉnh tâm hồn của chúng sinh đây?

Theo Phật gia giảng, đời người có 108 nỗi phiền não, cho nên theo tự quy trước kia, phải gióng 108 hồi chuông vào rạng sáng và hoàng hôn, để làm tan biến phiền não của con người, gọi là chuông sớm chuông chiều. Gióng 108 hồi chuông, giải trừ 108 điều phiền não, người xưa có cách nói: “nghe tiếng chuông chùa, phiền não tan, trí tuệ tăng, bồ đề sinh”.

“Làm hòa thượng một ngày gióng chuông một ngày” là chỉ hai buổi chuông sớm tối. Nhiều năm gần đây, câu “làm hòa thượng một ngày gióng chuông một ngày” đã thành cụm đại từ bào chữa cho những người sống “ngày nào hay ngày đó” và những người có cuộc sống “không như ý”. Đó là do dưới cái nhìn của nhiều người, hòa thượng gióng chuông là điều hết sức đơn giản, không cần động não, cũng không tốn sức lực, chỉ tới giờ gióng vài hồi là xong, chẳng phải rất dễ lay lắt qua ngày hay sao? Trên thực tế cách nhìn nhận này có phần không công bằng. Theo một vị phương trượng giảng giải, muốn chọn một hòa thượng thích hợp để gióng chuông không phải việc dễ dàng gì, không những phải chọn đệ tử có tay chân nhanh

nhẹn, đầu óc linh hoạt, tinh thần trách nhiệm cao, hơn nữa còn phải tinh thông kinh kệ, mới có thể đảm nhận công việc. Tiếp theo vị phương trượng này giới thiệu quy tắc giống chuông. Ông nói, bất kỳ công việc nào cũng có trình tự của nó, của Phật cũng không ngoại lệ. Lấy việc giống chuông làm ví dụ, hòa thượng trước khi giống chuông, phải thắp niệm kinh Phật, niệm xong mới được cầm dùi, khi giống chuông phải giống sao cho tiếng đầu nặng nhẹ rõ ràng, nhanh chậm đúng nhịp, tiếng chuông còn phải lên bổng xuống trầm, truyền đi xa còn ngân nga không dứt. Lấy hai buổi chuông sáng tôi mà nói, nhanh bảy tiếng, chậm 8 tiếng, bình bình 20 tiếng, tính là một hồi. Giống như thế ba lần là ba hồi, tổng cộng 105 tiếng, sau đó giống thêm ba tiếng, trước sau tổng cộng giống 108 tiếng chuông.

Nghe phương trượng giải thích, khiến người cảm thấy giống chuông quả không phải việc dễ, càng nhắc người ta nhớ đến tiếng chuông trong câu thơ:

“Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự

Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền”

(Thuyền ai đậu bên Cô Tô,

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.)

Tiếng chuông Hàn Sơn Tự vang danh xa gần, tuyệt không phải do tiếng chuông đặc biệt ngân vang, cũng không phải do giống chuông lúc nửa đêm, mà do nó buộc phải trong vòng hai mươi phút giống xong 108 tiếng chuông. Hơn nữa tiếng chuông cuối cùng giống vào đúng 12 giờ, giống vào lúc 12 giờ hơn một phút cũng không được, giống lúc 11 giờ 59 phút 59 giây cũng không được. Trình độ giống chuông thuần thực như vậy quả là:

“Bằng đông tam thước, phi nhấ t nhậ chi Hàn”

(Nước đông thành bằng sâu ba thước,

Không phải chỉ một ngày tại Hàn Sơn.)

2. Ăn trộm Nhân Sâm Quả ở Ngũ Trang Quán

Thầ y trò Đường Tăng đi đế n Ngũ Trang Quán, sau khi nhập điện thầ y “giữa bức tường có treo hai chữ lớn ‘Thiên Địa’ viế t bằ ng màu ngũ sắ c”. Đường Tăng bèn hỏi hai đồ ng tử Thanh Phong, Minh Nguyệt: “Tiên đồ ng, Ngũ Trang Quán của nguoi quả là tiên giới chố n Tây Phương, sao không thờ phụng Tam Thanh Tứ Đế , La Thiên Chư Tề , mà chỉ hương khói cho hai chữ ‘Thiên Địa’?”

Đồ ng tử trả lời: “Tam Thanh là bạn của gia sư, Tứ Đế là cô ̣ nhân của Ngươi.” Tôn Ngộ Không thầ y đồ i phương khoác lác bèn “bật cười nghiêng ngả”. Đường Tăng hỏi hai đồ ng tử “lệnh sư đang ở đâu”, đồ ng tử trả lời: “Nguyên Thủy Thiên Tôn gửi thư, mời lên Thượng Thanh Thiên Ni La Cung nghe giảng Hổn Nguyên Đạo Quả rô i, không có ở nhà.”

Ở đây nhắ c đế n “Tam Thanh”, đồ ng thối nhắ c đế n vị tôn giả tôn kính nhấ t Nguyên Thủy Thiên Tôn. Trong hô i “Nước Xa Trì đầ u phép trừ tam yêu” miêu tả Tôn Ngộ Không, Bát Giới, Sa Tăng nửa đêm canh ba vào Tam Thanh Quán trong thành ăn đồ ̣ cúng, Bát Giới cười nhạo Ngộ Không không biế t “Tam Thanh” là ai, liề n chỉ ba pho tượng thánh trong Tam Thanh điện nói: “Chính giữa là Nguyên Thủy Thiên Tôn, bên trái là Linh Bảo Đạo Quân, bên phải là Thái Thượng Lão Quân” Ba pho tượng thánh ở đây – Nguyên Thủy Thiên Tôn, Linh Bảo Đạo Quân, Thái Thượng Lão Quân, gọi tắ t là “Tam Thanh”, là bậc Sư Tổ cao nhấ t, tôn kính nhấ t trong truyề n thuyết đạo đồ , còn gọi là Kinh Sư, Tịch Sư, Độ sư, gọi tắ t là “Tam Sư”.

Trần Nguyên Đại Tiên đích thực là đấng đạo cao nhân. Ông biết Đường Tăng là Kim Thiềm Tử đầu thai chuyển thế. Kim Thiềm Tử vốn là đệ tử thứ hai của Phật Tổ Như Lai. Theo cách nói của Trần Nguyên Đại Tiên: “Năm trăm năm trước, ta và ông ấy có duyên gặp mặt tại hội Lan Bình. Ông ta từng đích thân mời ta uống trà, Phật tử kính ta, ta xem Phật tử như cô nhân vậy.” Trần Nguyên Đại Tiên nghe nói Đường Tăng thỉnh kinh đi qua Ngũ Trang Quán, cô tình dặn dò hai đồng tử: “Hai người ở nhà cẩn thận. Vài ngày nữa có một cô nhân của ta đi ngang qua đây, không được đón tiếp sơ sài, hái hai quả Nhân Sâm của ta mời ông ấy ăn, bày tỏ chút lòng tôn kính.”

Có bạn từ phương xa đến, chẳng phải đáng mừng sao? Trần Nguyên Đại Tiên có việc cần đi xa không thể ở lại đích thân đón tiếp bạn từ phương xa đến, nhưng dặn dò đệ tử lấy quả tiên quý báu của mình để chiêu đãi khách, thật đủ đạo tiếp đãi bạn. “Phật tử kính ta, ta xem Phật tử như cô nhân”. Người kính ta một thước, ta kính người một trượng, đôi tử xử chân thành với bạn, tôn trọng lẫn nhau, giúp mình ngày càng có nhiều bạn.

2.1 Không đánh không quen biết

Khi tâm linh giữa hai người nảy sinh tình cảm tương thông với nhau, hai người càng dễ thành bạn. Giữa bạn bè điều quan trọng nhất là tâm linh tương thông. Trong một số tác phẩm chúng ta thường thấy cảnh “lấy cờ làm bạn, lấy thơ kết bằng hữu”, và nhất là “lấy võ kết bạn” thường xuất hiện trong các tiểu thuyết và tác phẩm điện ảnh võ hiệp. Chúng ta thường gặp những cảnh như thế này: hai người bạn tốt võ công cao cường hề gặp mặt thì hết anh đến tôi, hai người ác đầu hơn mười hiệp. Sau đó hai người uống một trận cho đã, bàn luận viển vông, rượu xong thậm chí còn tiếp tục tranh võ nghệ cao thấp. Vốn là hai hiệp sĩ trung thành ai thờ chủ nấy, mới bắt đầu đầu đến một mất một còn, trời long

đá t lỏ nhưng sau cùng lại hóa can qua thành ngọc bạch, trở thành sinh tử chi giao. Điều đó gọi là “Không đánh không quen biết”.

Nếu lấy Đường Tăng làm trung tâm thì đội ngũ thỉnh kinh này cũng được xây dựng trên cơ sở “đánh đá u” lẫn nhau. Con ngựa trắng của Đường Tăng tại sông Ngạn Sầu bị Tiểu Bạch Long ăn mất, Ngô Không và Tiểu Bạch Long giao đá u một trận. Sau này nhờ Quan Âm Bồ Tát giúp đỡ thu phục Tiểu Bạch Long, Tiểu Bạch Long hóa thành Bạch Long Mã và trở thành vật cưỡi của Đường Tăng. Đi qua Cao Lão Trang, gặp lúc Bát Giới đang “ép hôn” nhà họ Cao, Ngô Không và Bát Giới trải qua một trận khổ chiến. Cuối cùng bắt được Bát Giới. Sau đó Bát Giới vô tình nói ra mình được Quan Âm Bồ Tát điểm hóa, đang ở đây chờ người thỉnh kinh. Đường Tăng bèn thu nhận Bát Giới làm đồ đệ thứ hai. Tại sông Lưu Sa, Sa Tăng và Ngô Không cùng với Bát Giới lại trải qua một trận đại chiến. Sau đó Mộc Tra tuân lệnh sư phụ thu phục Sa Tăng, trở thành đồ đệ thứ ba của Đường Tăng. Từ đó, đội ngũ thỉnh kinh được thành lập.

Tại Vạn Thọ Sơn Ngũ Trang Quán, Ngô Không bị Bát Giới xúi bẩy, ăn trộm Nhân Sâm Quả của Trăn Nguyên Đại Tiên, sau bị hai đạo đồ đệ của Trăn Nguyên Đại Tiên phát hiện, chửi như tát nước vào bôn thầy trò Đường Tăng, Ngô Không xâu hổ tức giận, liến nhò cả gộc lẫn rễ của cây Nhân Sâm. Trong đêm, Ngô Không đá t thầy trò Đường Tăng chạy trốn. Nào ngờ Trăn Nguyên Đại Tiên trở về, bắt hết bôn thầy trò về đạo quan. Nửa đêm, Ngô Không dùng phép thu nhỏ thoát khỏi dây trói, dẫn thầy trò Đường Tăng lén lút chạy trốn, kết quả lại bị Trăn Nguyên Đại Tiên bắt lại. Cuối cùng, Trăn Nguyên Đại Tiên và Ngô Không đi đến thỏa thuận: chỉ cần Ngô Không tìm ra bài thuốc cứu sống cây Nhân Sâm sẽ cùng Ngô Không kết bái huynh đệ. Ngô Không đi khắp Tam Đảo Thập Châu, hỏi biết bao Tiên ông Thánh lão, vẫn chưa tìm ra cách cứu cây, đành khẩn xin Quan Âm Bồ Tát giúp đỡ. Quan Âm Bồ Tát diệu

thủ hộ xuân, cứu sống cây Nhân Sâm. Trá'n Nguyên Đại Tiên thấy vậy vui mừng, lại hái 10 quả Nhân Sâm xuống mở một “Nhân Sâm hội”. Cuối cùng, “Trá'n Nguyên tử liền sắp xếp rượu nhạt, cùng Hành Giả kết làm huynh đệ. Đây mới là không đánh không quen biết, hai nhà hợp thành một nhà.”

Cái gọi là “không đánh không quen biết”, thực ra chính là đánh nhau trước rồi làm hòa. Tại sao cuối cùng lại từ chiến chuyển thành hòa chứ? Là do đôi bên cùng khâm phục thực lực và nhân cách của đối phương, anh hùng trọng anh hùng. Ngộ Không và Trá'n Nguyên Đại Tiên vì Cây Nhân Sâm Quả mà khai chiến. Trong quá trình này sức hấp dẫn của nhân cách và bản lĩnh của Ngộ Không đã dần dần chinh phục Trá'n Nguyên Đại Tiên. Trước tiên, cái khiến ông khâm phục là lòng hiếu thảo của Ngộ Không với sư phụ. Sau khi thầy trò Đường Tăng bị bắt, Trá'n Nguyên Đại Tiên hạ lệnh cho đạo đồ'ng dùng roi đánh Đường Tăng. Ngộ Không biết Đường Tăng là người phàm xác thịt, không chịu nổi đòn roi, liền nói với Trá'n Nguyên Đại Tiên: “Ngài sai rồi. Ăn trộm quả là ta, ăn quả là ta, đánh ngã cây cũng là ta. Sao không đánh ta trước lại đánh ông ấy?” Sau khi đánh Ngộ Không 30 roi, Đại Tiên lại muốn đánh Đường Tăng, Ngộ Không liền nữa lại ngăn cản, nói: “Tiên sinh ngài lại sai rồi. Khi ăn trộm quả sư phụ ta không biết, ông đang trên điện nói chuyện với hai tiểu đồ'ng, là trò của huynh đệ tôi. Nếu xét tội giáo huấn không nghiêm, ta là đệ tử, đáng bị đánh thay. Đánh ta là được rồi.” Lúc này, Đại Tiên có chút “thiện cảm” với Ngộ Không, cười nói: “Con Khi này, tuy gian xảo ngoan cố, nhưng có lòng hiếu thảo.” Thứ đến là Đại Tiên kính phục sự thần thông của Ngộ Không. Bọn người Ngộ Không bị Đại Tiên bắt giữ. Ngộ Không trốn thoát, đồ'ng thời biết bốn cây liễu thành bốn thầy trò, lấy giả làm thật. Sau khi Đại Tiên biết chuyện, lại nói: “Tôn Hành Giả, quả là một Hầ'u Vương giỏi! Từng nghe nó đại náo Thiên Cung, bốn thiên la địa võng cũng không bắt được hắ'n, quả nhiên như vậy.” Ông không những không

nổi giận, ngược lại còn khen Ngô Không thần thông, có thể thấy tuy ông bản lĩnh cao cường nhưng ông thật sự khâm phục tài năng của Ngô Không. Do hai nguyên nhân kể trên, “Trần Nguyên Tử nọ cùng Hành Giả kết làm huynh đệ. Hai người tâm đầu ý hợp, tuyệt không bỏ qua, lại sắp xếp tiếp đãi, liên tục năm sáu ngày”, cuối cùng hai người tâm đầu ý hợp, anh hùng trọng anh hùng.

Trong “Tây Du Ký” một số yêu ma quỷ quái vốn là kẻ thù, nhưng sau khi trải qua một trận ác đấu đều lần lượt quy y cửa Phật hoặc cửa Đạo, ví dụ Hồ نگ Hải Nhi trở thành Thiện Tài Đồng Tử của Quan Âm Bồ Tát, Hắc Hùng Tinh trở thành Đại Thần giữ núi của Quan Âm Bồ Tát. Khi Ngô Không đến Nam Hải xin Quan Âm ban cho bài thuốc cứu sống cây Nhân Sâm Quả, Hắc Hùng Tinh đón tiếp Ngô Không từng nói: “Đại Thánh, cổ nhân có câu, quân tử không nhắc lại chuyện xưa, chỉ cần biết thay đổi là được! Bồ Tát sai tôi đến đón ngài đây.” Hiển nhiên, hai người đã bỏ qua mâu thuẫn trước kia. Không đánh không quen biết đã trở thành một hiện tượng trong cuộc sống.

2.2 Sự hòa sinh của Nhân Sâm Quả và cây Bồ Đề

Trong “Tây Du Ký” viết đến Vạn Thọ Sơn Ngũ Trang Quán có một cây quý, tên gọi “Thảo hoàn đan”, còn gọi “Nhân Sâm Quả”, ba ngàn năm nở hoa một lần, ba ngàn năm kết quả một lần, thêm ba ngàn năm nữa mới chín, “nếu người có duyên, ngủ qua một lần thì sống được 360 tuổi, ăn một quả thì sống đến 47.000 năm”. Bất hạnh là, Tôn Ngô Không không chỉ ăn trộm quả, khi nổi giận, đem cây quý bặt cả gốc lẫn rễ, đoạn tuyệt linh căn, gây họa tày trời. Sau này, may nhờ mời được Quan Âm Bồ Tát, nhờ bình nước cam lộ của bà cứu sống cây tiên, giải quyết mọi bất hòa với Trần Nguyên Tử, cũng tác thành “tình huynh đệ” giữa Ngô Không và Trần Nguyên Tử.

Thú vị hơn là, năm đó Huyền Trang đi thỉnh kinh, cũng nghe được câu chuyện tương tự. Trong “Đại Đường Tây Vực Ký” có ghi chép lại. Khi đó, Ấn Độ có nước Ma Yết Đà, là một trong 16 quốc gia lớn nhất Ấn Độ thời cổ đại. Trong nước có một ngọn núi nổi tiếng, tên gọi núi Pragbodhi. Phía Tây Nam của núi có một gốc Bồ Đề thân kỳ, bốn phía xung quanh dùng đá xây thành một bức thành kiên cố, bảo vệ nghiêm ngặt. Bên trong mọc đầy các loại kỳ hoa dị thảo. Chính dưới gốc cây này Phật Tổ tu thành “đẳng chính giác” (chỉ có thể biết tất cả sự vật, từ đó có trí tuệ thông minh, chỉ Phật mới có). Thân cây khô vàng trắng, lá cây xanh tốt, đông hè cũng không rụng lá. Mỗi dịp đến ngày Phật Tổ niết bàn, lá cây liền rụng hết, sau đó lại nhanh chóng xanh tốt như xưa. Do đó, gốc Bồ Đề này đặc biệt được các tín đồ Phật giáo kính trọng và bảo vệ, nhiều năm thờ phụng.

Nào ngờ sau khi Vô Ưu Vương lên ngôi, ông tin lời mê hoặc của tà ma, hủy diệt di tích của Phật Tổ. Ông đích thân dẫn binh đến dưới cây Bồ Đề, ra lệnh quân sĩ chặt đứt toàn bộ gốc rễ cây Bồ Đề, sau đó lại dẫn dò binh sĩ đem tất cả chắt thành một đống, dùng lửa của Bà La Môn thiêu đốt. Chính vào lúc đó kỳ tích xuất hiện: trước khi lửa bắt đầu bùng cháy, đột nhiên từ trong lửa mọc ra hai cây lớn, cành lá xanh tốt, um tùm sum xuê, khói lửa cũng tắt ngấm. Do duyên có đó, hai cây đó được gọi là cây Bồ Đề tro. Vô Ưu Vương tận mắt chứng kiến cảnh này, cảm thấy tội lỗi, bèn sai người hầu bên cạnh dùng sữa thơm tưới gốc cây. Đến sáng ngày thứ hai, cây Bồ Đề mọc lên tươi tốt, lá nửa trở lại phong thái như xưa. Vô Ưu Vương sợ mạo phạm đến thần linh, bị báo ứng, từ đó bắt đầu lễ Phật, đồng thời đích thân thờ phụng cây Bồ Đề thân kỳ này.

Ai ngờ Vương Phi của Vô Ưu Vương cũng là người sùng bái ngoại đạo, căm ghét Phật giáo. Sau khi biết chuyện này, bà lên lút sai

thuộc hạ, nhân nửa đêm đi đốn ngã cây. Sáng ngày thứ hai, Vô Ưu vương đến lễ bái, nhìn thấy một đống cây cành nghiêng ngã hỗn loạn. Ông hết sức phẫn nộ, đành lần nữa cầu xin trước cây tiên, đống thời dùng sữa thơm tưới cây. Chẳng lâu sau, cây Bồ Đề lại hồi sinh, sum xuê um tùm như xưa, ông phái người xây bức tường đá vây xung quanh, cao hơn 10 trượng, bảo vệ nghiêm ngặt.

Trải qua mấy trăm năm, đến thời đại Thiệt Thượng Ca vương thống trị. Thiệt Thượng Ca vương vốn căm hận Phật pháp đến tận xương tủy. Ông nghe nói núi Pragbodhi có cây Bồ Đề như vậy, quyết tâm tiêu hủy tận gốc. Ông không chỉ sai người bứng cả gốc lẫn rễ, do rễ cây có mạch suốt ngầm, lửa đốt không đến, còn cho người dùng nước mía đổ xuống nước, khiến gốc cây mục nát tiếp đó sai người hủy tận gốc.

Nhiều tháng sau, nước Ma Yết Đà Mãn Trụ Vương (cháu út của Vô Ưu Vương) biết được việc này, vô cùng đau khổ. Ông tập trung hàng ngàn con bò, dùng sữa bò tưới cây, đống thời một lòng một dạ cầu xin. Nói cũng lạ, đến ngày thứ hai. Cây Bồ Đề quả nhiên hồi sinh, cao hơn một trượng. Mãn Trụ Vương lần nữa xây lại bức tường đá cao đến hai trượng bốn thước, kiên cố vững trãi, thờ phụng cây Bồ Đề thật sốt.

Khi Huyền Trang đi qua đây, thấy cây Bồ Đề cao hơn bức tường đá có hơn hai trượng, ông vô cùng xúc động, thế là căn cứ vào những gì tai nghe mắt thấy, viết câu chuyện này vào quyển “Đại Đường Tây Vực Ký” của ông.

Câu chuyện này chẳng qua tuyên dương sự linh ứng của Phật Tổ cùng lòng thành kính của tín đồ, và Phật pháp vô biên, thành tâm tức ứng. “Tây Du Ký” viết Cây Nhân Sâm Quả hồi sinh nhờ vào pháp lực của Quan Âm Bồ Tát. Ý định thể hiện Phật pháp vô biên của hai người, rất hiển nhiên đạt đến độ nhất trí.

3. Tôn Ngộ Không ba lần đánh Bạch Cô t Tinh

3.1 So sánh thủ pháp khắc họa tính cách nhân vật

Trong “Tây Du Ký”, câu chuyện “Ba lần đánh Bạch Cô t Tinh” được lưu truyền rộng rãi nhất trong dân gian, tin rằng nhiều người đọc đến đoạn Đường Tăng đuổi Ngộ Không đi đều rất đồng tình với sự vô tội của Ngộ Không, cảm hận Đường Tăng không phân phải trái, trắng đen. Nếu luận khởi nguồn câu chuyện, Ngộ Không không hề sai. Chỉ có Đường Tăng người trăn mắt thịt, không nhìn ra yêu tinh, cho rằng gây Như Ý đánh chết là cô nương, bà lão, ông lão. Ngộ Không chỉ vào đồ xương giải thích: “Nó là cương thi tác yêu tác quái, đến đây mê hoặc lòng người. Bị con đánh chết, nó liền hiện nguyên hình. Trên lưng nó có một hàng chữ, viết rõ ‘Bạch Cô t phu nhân’.” Đường Tăng đã tin lời Ngộ Không, không ngờ Bát Giới bên cạnh xúi giục: “ Sư phụ, tay của sư huynh ra đòn độc ác, đánh chết người ta, sợ thầy niệm chú Khẩn Cô Nhi, có ý biến thành như vậy, che mắt thầy thôi!” Đường Tăng nghe bùi tai, tin lời Bát Giới, niệm chú Khẩn Cô Nhi. Tuy Ngộ Không lúc ấy thật lòng muốn ở lại, nhưng Đường Tăng lúc đó tức giận trong lòng, không nghe Ngộ Không nói.

Đường Tăng thấy Ngộ Không nói mãi, lòng thêm bực tức, bước xuống ngựa, bảo Sa Tăng lấy giây buộc, ra suối lấy nước mài mực, viết thư đuổi đi, đưa cho Hành Giả nói: “Con Khỉ kia! Cứ làm theo như vậy, không cần người làm đồ đệ nữa! Nếu gặp người lần nữa, ta sẽ sa xuống A Tỳ Địa Ngục!”

Ngộ Không vẫn là một Mỹ Hào Vương lòng đầy nhân nghĩa, trước khi đi lạy Đường Tăng một lạy, tiếc rằng Đường Tăng không đồng ý: “Ta là hòa thượng tốt, không nhận lễ của người xấu như ngươi!” Ngộ Không đành rút ra ba cọng lông, biến ra ba thân giả, cùng thân thật là bốn quỳ xung quanh Đường Tăng bái lạy, Đường

Tăng không còn cách nào khác, đành nhận một lay của Ngô Không. Trước khi đi, Ngô Không lại dặn dò Sa Tăng, gặp phải yêu quái cứ nói Tê Thiên Đại Thánh là đại đồ đệ của Đường Tăng, tránh việc yêu quái tổn hại Đường Tăng. Lòng nhân nghĩa của Ngô Không sáng như trăng. Nhưng Đường Tăng lại nói: “Ta là hòa thượng tốt, không nhắc đến tên kẻ xấu xa như ngươi, ngươi về đi.” Lúc này Đường Tăng nào còn chút tình sư đồ nào? Độc giả đọc đến đây, với sự tuyệt tình của Đường Tăng trong lòng hết sức bất mãn. Tôi nhớ khi đó quay đến tập này, Tôn Ngô Không bất đắc dĩ đành vân bay đi, khi tôi diễn động tác này cốt tình xoay người “bay đi”, không giống với lúc đánh yêu quái dứt khoát bay đi, cốt gả ng biểu hiện tình cảm lưu luyến không rời của Ngô Không.

Biểu hiện của Ngô Không và Đường Tăng lúc này rõ ràng đối lập nhau. “Tây Du Ký” khắc họa tính cách nhân vật thành công bằng thủ pháp đối lập, phân biệt rõ ràng các nhân vật khác nhau. Bạch Cô T Tinh lần thứ nhất hóa thành thiếu nữ dung mạo xinh đẹp đến trêu ghẹo Đường Tam Tạng. Bát Giới thấy vậy động lòng phàm, bắt đầu nói năng xảng bậy. Đường Tăng không những không động lòng vì “dung mạo xinh đẹp”, còn lấy cớ huân “cha mẹ còn sống, không dặng đi xa; đi không an lòng” để giáo huấn thiếu nữ phụ nọ cần tuân thủ. Đường Tăng không bị sắc đẹp mê hoặc, nhưng cũng không biết mặt thật của yêu tinh. Còn Ngô Không thì “Kim Tinh hỏa nhãn vừa liếc nhìn, nhận ra ngay là yêu tinh, liền đặt bình bát xuống, cầm gậy Như Ý lên, đập xuống đầu ả”. Ngô Không không chỉ có bản lĩnh phân biệt yêu quái, càng quả cảm quyết đoán ngay lúc đó. Đối mặt với thiếu nữ xinh đẹp do Bạch Cô T Tinh hóa thành, thái độ ba thầy trò hoàn toàn khác nhau, thông qua so sánh cá nhân, khiến tính cách ba người nổi bật. Lần thứ hai Bạch Cô T Tinh biến thành bà lão “tuổi tròn tám mươi” đến phá Đường Tăng. Bát Giới vừa thấy, kinh hãi kêu to: “Không ổn rồi!” Đồng thời suy đoán rằng: “Người sư huynh vừa giết ắt là con bà lão này. Đây nhất

định là mẹ cô ta đến tìm rồi.” Hành Giả đáp ngay: “Sư đệ đừng nói bậy! Cô gái nọ 18 tuổi, bà lão này độ 80 tuổi, làm sao có chuyện hơn 60 tuổi còn sinh con? Chắc chắn là giả, để Lão Tôn đi xem.” Từ lời nói của hai người có thể thấy, Trư Bát Giới ngờ nghệch bất tài lại tự cho mình thông minh. Còn Tôn Ngộ Không trầm tĩnh cơ trí, biến hóa linh hoạt. Lần thứ ba Bạch Cốt Tinh lại biến thành ông lão “tay cầm tràng hạt, miệng niệm Nam mô” đến phá Đường Tam Tạng. Đường Tăng vừa thấy, liền tin là thật, lên tiếng khen ngợi. Bát Giới lại thừa cơ xúi giục: “Hành Giả nọ phạm luật trốn mất rồi, chẳng phải hại ba chúng ta gánh chịu?” Tôn Ngộ Không liền niệm thần chú, triệu Sơn Thôn núi nọ hỏi: “Con yêu quái này ba lần muốn làm hại sư phụ ta, lần này quyết phải giết nó. Người đứng trên không làm chứng cho ta, không được đi.” Ngộ Không lúc này mới tiêu diệt thầy ma. Đường Tăng không phân người hay yêu quái, Trư Bát Giới điên đảo thị phi, Tôn Ngộ Không cơ trí quả cảm, trong cách so sánh này càng rõ rệt hơn.

3.2 Chuyển biến của Tôn Ngộ Không từ thế giới tự nhiên sang thế giới loài người

Ngộ Không do ba lần đánh Bạch Cốt Tinh, đã trêu tức người trăn mắt thịt lại không phân thật giả như Đường Tăng. Đường Tăng tức giận, đuổi Ngộ Không ra khỏi sư môn. Nên nói, lần này không phải lỗi của Ngộ Không, mà là bị Đường Tăng xử oan. Mặc dù vậy, Ngộ Không cũng không như những lần trước làm việc tùy hứng, mà tiến hành “đấu tranh” có lý, có căn cứ với Đường Tăng. Lần thứ nhất Ngộ Không đánh Bạch Cốt Tinh, Đường Tăng muốn đuổi Ngộ Không đi. Ngộ Không viện cớ chưa báo đáp công ơn giải cứu của Đường Tăng nên thoát nạn. Lần thứ hai đánh Bạch Cốt Tinh, Đường Tăng lại muốn đuổi Ngộ Không. Ngộ Không đòi trước khi đi phải gỡ vòng Kim Cô trên đầu xuống, lại tránh được một kiếp nạn. Cho đến lần thứ ba, Đường Tăng nổi giận, Ngộ Không xin tha

không được, bị ép phải ra đi, trước khi đi cũng không quên hành lễ chào sư phụ. Biểu hiện của Ngô Không trong lần bị đuổi đi này ít nhất nói rõ ba điểm: Một là, Ngô Không biết lợi dụng “quy tắc” gây “xung đột” hợp lý với Đường Tăng, nắm được kỹ xảo “đấu tranh”; Hai là, Tôn Ngô Không giàu tinh thần trách nhiệm hơn, không còn vì xung động nhất thời mà quên mất trọng trách trên vai. Cho nên Ngô Không mới chịu bỏ qua “lòng tự tôn” vốn cao ngạo của mình, hết lần này đến lần nọ “van xin” Đường Tăng; Ba là, Ngô Không học được nhẫn nhục chịu đựng. Đây là tiêu chí quan trọng Ngô Không chuyển biến sang xã hội loài người. Đó cũng là điểm khác biệt căn bản giữa Ngô Không và Hào Vương. Ngô Không đã bắt đầu gánh vác trách nhiệm, đón nhận sự trói buộc của quy tắc, tiến nhanh vào xã hội loài người.

3.3 Mỹ Hào Vương chịu nhục chịu khổ

Chịu nhục chịu khổ, tức chịu đựng sỉ nhục, gánh vác trọng trách, vì trọng trách mà gánh chịu uất ức tạm thời. Làm được điều này, vốn không dễ gì, đặc biệt trong xã hội ham muốn cá nhân hoành hành như hiện nay. Vì cái giá phải trả của nhẫn nhục chịu đựng luôn luôn là hy sinh lợi ích cá nhân, cái phải theo đuổi là lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Nhẫn nhục chịu đựng cũng là quá trình “dưỡng tâm” của một người. Nó yêu cầu tinh thần tự mình khắc chế, chu toàn đại cục, chỉ ai có tâm lòng cao thượng mới làm được điểm này.

Cái nhỏ không nhìn ắt hư việc lớn. Đúng vậy, trong cuộc sống thiên biến vạn hóa, khó tránh khỏi nảy sinh đựng chạm. Chúng ta lúc nào cũng sống trong hoàn cảnh mâu thuẫn, chỉ có nhẫn nhục chịu đựng, mới có thể đạt được thắng lợi cuối cùng.

Mỹ Hào Vương bị đuổi về Hoa Quả Sơn, có thể nhẫn nhục chịu đựng, không so đo hiềm khích trước kia, ứng cứu Đường Tăng, không những bảo hộ Đường Tăng vượt qua một nạn, mà còn được cảm

thông và kính trọng. Tiểu Bạch Long xưng tụng là “Hầu Vương có tình có nghĩa”; Sa Hòa Thượng vừa nghe ba chữ “Tôn Ngô Không” liền “mặt mày mừng rỡ, mở cờ trong bụng”. Ngay cả Trư Bát Giới hay xúi giục khích bác nhìn thấy Mỹ Hầu Vương không tính toán hiềm khích trước kia nghĩa cảm cứu giúp sư phụ thoát khỏi tai nạn, cũng “từ đó biết được tâm lòng chân thành của Hành Giả”. Thậm chí Đường Tăng – người đuổi Ngô Không đi cũng không còn mắ ng “con Khi”, “Đồ` lông lá” gì nữa, mà còn lưu giữ Ngô Không, cảm ơn không ngớt, nói: “Đồ` đệ, oan ức cho con! Oan ức cho con!”

Mục đích của “nhẫn nhục” vì mang trọng trách, cho nên khi cần thiết phải gánh vác trọng trách, không nên một mực thoái lui hay tháo chạy. “Trọng trách” của Ngô Không là bảo vệ Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh chân kinh. Nếu như sau khi Ngô Không bị đuổi về Hoa Quả Sơn, chỉ là cùng bọn hầu tử, hầu tôn sống cuộc sống của Mỹ Hầu Vương tự do tự tại, mà không gánh vác “trọng trách”. Ngô Không cũng không thể trở thành Đẩu Chiếu Thố Phật, tất nhiên cũng không được trọng vọng nhiều như thế.

Tôn Ngô Không nhẫn nhục chịu đựng, nhân nghĩa cùng với “lòng hiếu thảo” đối với sư phụ, đều được phú cho tính người. Thực ra, trong “Tây Du Ký” tác giả vì phản ánh cuộc sống xã hội lúc bấy giờ đã nhân cách hóa thần thánh và yêu ma. Tôn Ngô Không ba lần đánh Bạch Cô t Tinh, Bạch Cô t Tinh nọ ban đầu biến thành cô gái trẻ trung, sau lại biến thành bà lão tóc bạc, cuối cùng lại biến thành lão ông lồm khồm, lần lượt giả làm vợ đưa cơm cho chồng, mẹ tìm con gái, ông lão tìm vợ và con. Bạch Cô t Tinh ý đồ` muốn lợi dụng quan hệ gia đình trong nhân gian mê hoặc Đường Tăng, nhằm đạt mục đích sau khi ăn thịt Đường Tăng được trường sinh bất lão. Khi Bạch Cô t Tinh biến thành bà lão 80 tuổi đi đến, Ngô Không vừa nhìn nhận ra ngay, nói: “Cô gái nọ 18 tuổi, bà lão này độ 80 tuổi, làm sao có chuyện hơn 60 tuổi còn sinh con? Chắc chắn là

giả.” Ngộ Không được miêu tả thông hiểu chuyện sinh sản của nhân gian. Ở đây tác giả nhân tính hóa hình tượng thần và ma. Có lẽ có người nói, thần ma không phải người đáng ra không có nhân tính thế thái mới phải. Thực ra không phải vậy. Một tác phẩm muốn đạt đến hiệu quả nghệ thuật cao nhất, cần khiến người đọc nảy sinh hứng thú hiểu kỳ và có cảm giác thân thiện, như vậy có thể thông qua tình tiết câu chuyện trong tác phẩm phản ánh cuộc sống xã hội. Đây là mục đích thực sự của tác giả. Còn “chữ hiểu” của Ngộ Không đối với Đường Tăng vốn là quy phạm đạo đức cơ bản trong xã hội.

3.4 Chữ hiểu là mỹ đức lưu truyền từ đời này sang đời khác của dân tộc Trung Hoa

“Hiếu” là mỹ đức ưu tú kế thừa hàng ngàn năm nay của dân tộc Trung Hoa, là một trong những quy phạm luận lý quan trọng của nhà Nho, là hành vi chuẩn mực chung của nhân loại bất chước từ xưa đến nay. Nó là bản tính của con người, cũng là một loại quyên lợi và nghĩa vụ. Trong xã hội phong kiến dài đằng đẵng, hiếu là đạo đức cơ bản từ hoàng đế đến người dân bình thường đều phải tuân thủ. Dưới nền thống trị chuyên chế của chế độ phong kiến, mô thức đạo đức truyền thống bị người có ý đồ vận vẹo và lợi dụng sản sinh ra rất nhiều ảnh hưởng tiêu cực, trở thành công cụ trói buộc tính cách người dân. Nhưng đạo đức truyền thống không phải là đặc quyên riêng của giai cấp thống trị, trong đó một số đạo đức có sức lôi cuốn vĩnh viễn, một số nội dung đáng được học hỏi và cải tạo thêm.

Kim Tinh Hỏa Nhãn của Tôn Ngộ Không vạch trần biếm hóa của Bạch Cô t Tinh, máy lùn đánh chết thân giả do ảo biến ra. Còn Đường Tam Tạng người trần mắt thịt không rõ trắng đen, trách cứ Ngộ Không lạm sát vô tội, thậm chí niệm chú Khẩn Cô Nhi cấm Ngộ Không sát sinh. Tôn Ngộ Không căn rằng chịu đau, vừa giải thích chân tướng sự thật cho sư phụ vẫn không quên bảo vệ sư phụ khỏi sự

xâm hại của yêu ma, trước khi bị đuổi đi còn quỳ xuống bái lạy sư phụ. Tuy Đường Tăng không phải cha ruột của Ngô Không, nhưng tục ngữ có câu: “Một ngày làm thầy, suốt đời làm cha”, Đường Tăng đối với Ngô Không cũng giống như cha mẹ của Ngô Không, đáng được Ngô Không hiếu kính và tôn trọng.

Từ thời khắc được thả ra từ núi Ngũ Hành, có thể nói Tôn Ngộ Không tràn đầy cảm kích với Đường Tăng. Chính vì cảm kích mà Ngộ Không tận tâm gắng sức. Ngay cả khi Đường Tăng hiểu lầm, Ngộ Không cũng không chịu bỏ đi. Sau khi bị ép phải ra đi, Đường Tăng bị yêu quái Hoàng Bào bắt giữ, Trư Bát Giới đến Hoa Quả Sơn mời Ngộ Không đến giúp, khi Ngộ Không biết sư phụ gặp nạn, bèn nói:

“Các con, việc ta bảo hộ Đường Tăng, trên trời dưới đất, đều biết Tôn Ngộ Không ta là đệ tử của Đường Tăng. Ông ta không đuổi ta đi mà bảo ta quay về thăm nhà, tiễn ta về thăm con cháu. Nếu nay chỉ vì chuyện này, các con phải ở lại chăm sóc nhà cửa, thu hoạch cây trái theo mùa, chớ để hoang phế, đợi ta bảo hộ Đường Tăng, thỉnh kinh về Đông Thổ. Sau khi công thành, sẽ quay về cùng các con vui hưởng cuộc sống”.

Từ đó có thể thấy, mặc dù Ngộ Không bị Đường Tăng đuổi về Hoa Quả Sơn, vẫn bận lòng tới an nguy của sư phụ, một lòng muốn bảo hộ Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh, cho thấy Mỹ Hân Vương đối với Đường Tăng một lòng hiếu thảo.

Hiếu có hai nghĩa rộng và hẹp. Chữ hiếu hẹp là con cái tôn kính, phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc người già các phương diện như ăn ở, đi lại, giải trí v.v... làm tròn nghĩa vụ con cái. Còn chữ hiếu ở nghĩa rộng hơn sâu hơn đối tượng không chỉ là cha mẹ, còn bao gồm tất cả trưởng bối thân thuộc, đương nhiên cũng bao gồm sư phụ. Nội dung chữ hiếu không chỉ nói cuộc sống gia đình, còn bao gồm làm

việc một cách nghiêm túc, làm người thành thật, thực hiện giá trị nhân sinh.

4. Hỏa Vân Động Bồ Tát thu phục Hộ pháp Hải Nhị

4.1 Thế lực lớn mạnh của gia tộc Ngưu Ma Vương

Trong “Tây Du Ký”, Ngưu Ma Vương, Thiệt Phiến Công Chúa, Hộ pháp Hải Nhị cộng thêm Như Ý Chân Tiên, Ngọc Diện Công Chúa, hợp thành một gia tộc lớn. Gia tộc Ngưu Ma Vương xuyên suốt rất nhiều chương trong “Tây Du Ký”, chiếm vị trí hết sức quan trọng trong toàn tác phẩm.

Ngưu Ma Vương xưa kia vốn là huynh đệ kết bái của Tôn Ngộ Không, là “đại ca” của Tôn Ngộ Không. Sau này, Ngưu Ma Vương thành gia lập nghiệp, giàu có sung túc, cưới vợ sinh con, thậm chí còn nạp thiếp, cuộc sống tương đối tiêu điều tự tại. “Tây Du Ký” khắc họa rất nhiều yêu ma. Đa số bọn họ đều chiếm cứ núi nọ động kia, làm chủ một vùng hoang vu, làm mưa làm gió. Không giống bọn yêu quái này, Ngưu Ma Vương sống cuộc đời thế tục an nhàn tự tại. Ngưu Ma Vương không chỉ có vợ, có thiếp, còn có một đứa con trai thân thông. Trên đường thỉnh kinh, con trai Ngưu Ma Vương là Thánh Anh Đại Vương xuất hiện sớm nhất. Thánh Anh Đại Vương tức Hộ pháp Hải Nhị. Nó vâng lệnh Ngưu Ma Vương trấn thủ Hào Sơn, sống tại sông Khô Tùng Hỏa Vân Động. Nó tự mình có chút thân thông, thường chọc phá Sơn Thần, dùng lửa đốt họ, ban đêm cùng bọn họ ăn uống no say. Tiểu yêu còn đòi nộp tiền thông lệ. Không có tiền nộp, phải bắt thú rừng cống nộp, nếu không có vật cống nộp, liền bị phá miếu, xé quần áo, khiến Sơn Thần, Thổ Địa ở đó đều không được yên ổn. Nó dùng quỷ kế bắt giam Đường Tăng, muốn cùng người nhà hưởng thụ, cùng hưởng trường sinh bất lão. May nhờ Quan Âm Bồ Tát sớm đến thu phục, giúp nó thụ giới, cho nó làm Thiện Tài Đồng Tử, cũng xem như có kết thúc mỹ mãn.

Thiệt Phiến công chúa – người vợ đầu gối tay ấp của Ngưu Ma Vương, vốn là tiên nữ đắc đạo, có cây quạt Ba Tiêu thần kỳ, có thể quạt tắt ngọn lửa lớn trên Hỏa Diệm Sơn. Cho nên khi bọn thầy trò Đường Tăng đi qua Hỏa Diệm Sơn, Tôn Ngộ Không đến gặp mượn quạt sử dụng. Nhưng do Ngộ Không và Hồ Ng Hải Nhi từng kết oán, khiến Thiệt Phiến công chúa không gặp được con. Thế là Thiệt Phiến công chúa không chịu cho Ngộ Không mượn quạt, đầu cùng Ngộ Không, dẫn đến việc Ngộ Không “Ba lần mượn quạt Ba Tiêu”, nổi dậy một trận phong ba không nhỏ.

Ngọc Diện công chúa là thiếp của Ngưu Ma Vương. Vốn dĩ Ngưu Ma Vương cùng Thiệt Phiến công chúa tu luyện tại Thúy Vân Sơn, Ba Tiêu Động, sau này do Ngưu Ma Vương mê mẩn Ngọc Diện công chúa mà lạnh nhạt với Thiệt Phiến công chúa. Thổ Địa tại Hỏa Diệm Sơn khi giới thiệu tình trạng của họ cho Ngộ Không có nói:

Đại Lực Vương là chồng Bà La Sát. Ông bỏ bà La Sát, hiện sống tại Tích Lôi Sơn, Ma Vân Động. Nơi đó có một Hồ Vương vạn tuổi. Hồ Vương nợ chết, để lại một đứa con gái tên gọi Ngọc Diện công chúa. Công chúa nợ có gia tài trăm vạn, không người tiếp quản; Hai năm trước, gặp gỡ Ngưu Ma Vương thần thông quảng đại, tình nguyện giao hết gia tài, kén ông làm chồng. Ngưu Vương nợ bỏ rơi La Sát, lâu ngày không về nữa.

4.2 Nói dối

Nghe có tiếng người kêu cứu mạng, Đường Tăng ngẩng đầu lên xem, thì ra là một đứa bé, mình trần, bị treo trên cây, Đường Tăng đến dưới gốc cây, liền hỏi: “Người là con cái nhà nào? Xảy ra việc gì, có sao bị treo nơi đây? Nói với ta, ta cứu người.” Hồ Ng Hải Nhi khóc nói:

“Sư phụ à, núi Tây có một con suối Khô Tùng, bên sông có một cái thôn, tôi là người ở đó. Ông nội tôi họ Hồ`ng, do tích lũy vàng bạc, gia tài vạn quan, hỗn danh là Hồ`ng Bách Vạn. Tuổi già qua đời đã lâu, gia sản để lại cho cha con. Gã`n đây người đông, gia tài cạn dầ`n, đổi tên gọi là Hồ`ng Thập Vạn, kê`t giao hào kiệt khắp nơi, đem vàng bạc cho mượn, mưu câ`u lợi ích. Nào hay đó là lũ không nhà, chỉ muố`n lừa gạt, lẫn vô`n cũng không lâ`y lại được. Cha tôi phát lời thề`, không cho mượn đồ`ng nào. Bọn người mượn tiề`n đó, cùng đường hế`t cách, kê`t thành hung đảng, ban ngày đánh cướp nhà tôi, cướp sạch gia sản nhà tôi, giế`t chế`t cha tôi, thấ`y mẹ tôi có chút nhan sắ`c, bắ`t đi làm áp trại phu nhân. Lúc đó, mẹ không nỡ xa tôi, ôm tôi vào lòng, khóc lóc, van nài, đi theo bọn giặc cướp, nào ngờ đế`n giữa núi, lại muố`n giế`t tôi. May nhờ mẹ tôi câ`u xin, miễn cho tôi chế`t dưới đao bọn cướp. Nhưng chúng lâ`y dây trói tôi lên đây, để mặc tôi chịu sự đói rét. Bọn cướp đó không biế`t mang mẹ tôi đi đâu rồ`i. Tôi đã bị treo ở đây ba ngày ba đêm, không có người nào đi ngang. Không biế`t phúc đức tu từ kiế`p nào, hôm nay gặp được lão sư phụ. Nế`u ông chịu đại phát từ bi, cứu tôi một mạng, nguyện lâ`y thân báo đáp, cảm tạ ân sư, kê`t cỏ ngậm vành không dám quên ơn.”

Những lời này của Hồ`ng Hải Nhi tâ`t cả đề`u là nói dồ`i. Nhiề`u năm trước nó nghe người ta kể: “Đông Thổ Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh vô`n là Kim Thiề`n Trưởng Lão chuyển thế` đầ`u thai, người tồ`t tu hành 10 kiế`p. Ai ăn được thịt ông trưởng sinh bắ`t lão, sánh cùng trời đấ`t” Nó ngày ngày trên núi chờ đợi, không ngờ ngày hôm nay cuố`i cùng cũng đế`n, liề`n biế`n thành đứa trẻ 7 tuổi, bị dây thừng trói chặt chân tay, treo trên ngọn cây cao, rắ`p tâm lợi dụng lòng nhân từ của Đường Tăng mê hoặc ông, tiế`p cận ông, thừa cơ bắ`t giữ Đường Tăng, ăn thịt Đường Tăng để trưởng sinh bắ`t lão.

Hồ`ng Hải Nhi lợi dụng lòng từ bi của Đường Tăng lừa gạt ông và thành công. Đường Tăng nghe kể, liề`n cho là thật, bảo Bát Giới cỡi

dây trời thả nó xuống. Ngô Không tuy biết nó là yêu quái, những lời đã nói là giả, nhưng tránh khỏi bị Đường Tăng trách mắng, nhất thời không thể ra tay, hai là sợ sự phụ niệm chú Khẩn Cô Nhi, đành nói “Nhóc con! Ta nhận ra ngươi rồi! Đừng ở đây giả thân giả quý, nói dối gạt người! Nhà ngươi bị cướp, cha ngươi bị giết, mẹ ngươi bị bắt, cứu ngươi xuống giao cho ai? Ngươi lấy gì cảm tạ ta? Tình tiết không ăn khớp nhau nhé!” Hồng Hải Nhi vừa nghe, trong lòng không nén được lo sợ, biết được lợi hại của Ngô Không. Nó nom nớp lo sợ, rơi nước mắt nói: “Tuy cha mẹ tôi chết hết, gia tài cạn kiệt, vẫn còn ít ruộng đất chưa động đến, thân thích còn đủ cả.” Một lời nói lấp hết sơ hở, khiến Ngô Không không biết làm sao. Bát Giới nghe nói, ngắt lời Ngô Không: “Su huynh, chỉ là đứa bé, huynh đôi co với nó làm gì? Nó nói phải, cường đạo chỉ cướp tiền tài của nó, chẳng lẽ đến cả nhà cửa đất đai cũng khiêng đi? Nếu nói với thân thích nhà nó, chúng ta tha hồ mà ăn, cũng không ăn hết mười mẫu ruộng nhà nó. Cứu nó xuống đi.” Bát Giới chỉ nghĩ đến ăn, chẳng quản tốt xấu, dùng dao cắt dây thừng, cứu Hồng Hải Nhi từ trên cây xuống. Đường Tăng và Bát Giới không nghe khuyên cáo của Ngô Không, lại đi nghe lời nói dối của Hồng Hải Nhi. Kết quả giúp Hồng Hải Nhi tiếp cận Đường Tăng, thừa dịp lợi dụng. Sau đó khi Ngô Không muốn ra tay với Hồng Hải Nhi, nó đã thoát nguyên thân ra từ trước, tránh được bị thương. Nó tức giận nổi cơn gió to, cuốn bụi đá bay mù mù, trước khi Ngô Không quay về đã cuốn Đường Tăng đi mất, mất tăm mất tích, không biết về hướng nào, không biết tìm nơi đâu.

Nói dối tức là bịa ra những lời không thật để lừa gạt người khác. Lời nói dối có thể biến giả thành thật, lẫn lộn trái phải, người nói dối cao minh còn biết cách dẫn dắt tâm lý và ham muốn của người bị gạt. Hồng Hải Nhi có thể nói là người nói dối cao tay. Trước tiên, nó biến thành đứa trẻ 7 tuổi, khiến Đường Tăng, Bát Giới mất cảnh giác. Suy cho cùng chỉ là đứa bé chưa trải sự đời làm

sao biế t bịa chuyện nói dố i lừa gạt người khác chứ? Đủ thấ y Hô ã ng Hài Nhi thủ đoạn cao minh. Kề đế n, lại xem đế n lời nói dố i nó bịa ra rấ t hợp tình hợp lý, có thể nói không chút sơ hở. Đế n cả Ngộ Không thông minh mưu trí còn không biế t làm thế nào với nó. Nó nói nhà nó bị cướp, lẻ loi một mình, như vậy có thể đánh động thiện tâm người như Đường Tăng, hai là nói bán hế t ruộng đấ t, tấ t cả dùng tạ ơn vì muố n dụ dỗ người tham lam như Bát Giới. Nó rấ t thành công dẫn dấ t được cả tâm lý của Đường Tăng và Bát Giới. Đây là điểm càn gao tay của Hô ã ng Hài Nhi.

Lời nói dố i là người nói dố i nói cho người bị lừa gạt nghe. Nhưng nế u người nghe không tin người nói dố i, người nói dố i không đạt được mục đích lừa gạt, lời nói dố i trở thành nói suông. Nế u người nghe tin lời người nói dố i, như vậy người nói dố i mới đạt được mục đích lừa gạt, lời nói dố i mới có tác dụng. Từ đó có thể thấ y, mục đích lừa gạt của người nói dố i có trở thành hiện thực hay không, không chỉ ở người nói mà còn phụ thuộc vào người nghe. Hô ã ng Hài Nhi có thể gạt được Bát Giới và Đường Tăng, không chỉ do thủ đoạn lừa gạt cao minh, còn do Đường Tăng và Bát Giới hoàn toàn tin tưởng nó. Nhấ t là Đường Tăng, không hổ danh là người đại từ đại bi, không chỉ cứu Hô ã ng Hài Nhi, thấ y nó tuổi nhỏ, còn sai Ngộ Không cõng nó. Từ tiểu thuyế t có thể thấ y, Đường Tăng nghe lời nói dố i của Hô ã ng Hài Nhi trước tiên do ông có lòng từ bi, không phải từ bi thông thường mà là “đại từ đại bi”. Còn một nguyên nhân nữa là Đường Tăng “người trầ n mắ t thịt, không biế t nhìn nhận”. Còn Bát Giới nghe lời nói dố i là vì trong lòng “chỉ nghĩ đế n cái ăn”. Ngộ Không tuy có Kim Tinh Hỏa Nhãn, nhận ra yêu ma, lâ n nữa nhấ c nhở Đường Tăng và Bát Giới, nhưng Đường Tăng và Bát Giới cho rằ ng Ngộ Không không đúng. Một người chỉ trích Ngộ Không: “Con yêu hầ u lười biế ng! Hoàn toàn không có chút lòng từ bi, trong lòng chỉ nghĩ đế n việc hành hung làm ác!”; Một người oán trách Ngộ Không “Một đứ a con nít, huynh gặ ng hỏi nó mà làm gì”. Dưới sự chỉ trích của

hai người, Ngô Không cũng hết cách. Nói tóm lại, tổng hợp yếu điểm tâm lý của hai người, một là không phân thật giả, cố chấp; Hai là không phân đúng sai, nhắm mắt hành thiện; Ba là lòng tham làm tôi mắt, bị lợi ích mê hoặc. Nếu người nghe đề u giông Đường Tăng không phân thật giả, không nghe khuyên cáo, giông Bát Giới bị lòng tham làm mờ mắt, thì khó lòng tránh khỏi bị lừa.

Nhỏ, tuy không bắt mắt, nhưng có một số thứ lợi dụng tất cả mọi dịp, do đó rách nhỏ không vá cuối cùng dẫn đến đại họa. Nước, không đâu không vào được; Không khí cũng không đâu không xuất hiện; Bệnh tật, vi khuẩn, cũng đề u xuất hiện mọi nơi; Còn lời nói xấu, nói dối trong cuộc sống hiện nay càng không đâu không có. Chỉ cần chúng ta nhớ lại những xui xẻo bản thân gặp phải trong cuộc sống, tôi nghĩ mỗi người đề u từng bị lời nói dối lừa gạt. Song không phải mọi lời nói dối đề u lừa gạt ác ý. Trong cuộc sống còn tồn tại cả lời nói dối thiện ý. Lời nói dối thiện ý xuất phát từ động cơ lương thiện, với mục đích và điểm xuất phát là bảo vệ lợi ích của người khác. Nó là con người gửi gắm những tình cảm, nguyện vọng tốt đẹp đối với sự vật, là lời đối thoại giữa tâm hồn lương thiện của con người, là một tia nắng ấm áp con người an ủi lẫn nhau, là tình cảm dịu dàng thổ lộ từ đáy lòng con người... Ai cũng không truy cứu mức độ đáng tin của nó. Hơn nữa, những người nghe được lời nói dối thiện ý rõ ràng biết đó là nói dối nhưng cũng tin, không cảm thấy người nói dối đạo đức giả, có lúc còn cảm kích họ từ tận đáy lòng nữa.

Đối với một bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo, khi bác sĩ nói anh ta hết cách cứu chữa, chắc chắn cha mẹ, vợ chồng, con cái và tất cả người thân của người bệnh đề u không thể trực tiếp nói với họ những câu đại loại như “đã hết cách cứu chữa”, “nhiều nhất anh còn sống được bao lâu”. Tuy những lời này là nói thật, nhưng ai lại nỡ nhẫn tâm nói hết sự thật với người thân đang trong cơn hiểm

nghèo chứ? Lúc này, mọi người sẽ gâ ãn như thô ãn nhấ t, im lặng không nói sự thật, dùng lời nói dôi thiện ý giúp bệnh nhân có hy vọng với việc điề u trị, giúp bệnh nhân sô ãn yên bình trong những ngày cuô ãi đời.

Còn dôi mặt với lời nói dôi ác ý, chúng ta cũng không câ ãn sợ. Bởi vì lời nói dôi vĩnh viễn không che lấ p được sự thật, giấ y không gói được lửa, cái kim trong bọc cũng có ngày lòi ra, chiế c mặt nạ cuô ãi cùng cũng từ từ bị tháo xuô ãng, lộ ra chân tướng sự việc. Song chúng ta tuy không câ ãn sợ nhưng cũng không nên giô ãng Đường Tăng và Bát Giới dễ dàng tin lời nói dôi, câ ãn duy trì cảnh giác, thêm chút phân tích, suy nghĩ, “gâ ãn mực thì đen, gâ ãn đèn thì sáng”. Chúng ta câ ãn lắ ãng nghe ý kiế n từ nhiề u phía, lắ ãng nghe khuyế n cáo của người xung quanh, không nên khắ ãng khắ ãng làm theo ý mình.

4.3 Biế ãn đổi kế sách thu phục Hồ ãng Hải Nhi

Trên đường đời mỗi người điề u có thể gặp phải những trắ c trở hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc ít hoặc nhiề u, hoặc thế này hoặc thế kia. Vậy xuấ t hiện khó khăn trắ c trở thì phải làm sao? Thấ t bại khó tránh khỏi, người phạm sai lầ m cũng khó tránh khỏi. Quan trọng không phải thấ t bại, mà là có tiế p nhận bài học hay không, có đứ c kế t được kinh nghiệm hay không, có thể “học một sàng khôn” hay không. Dôi mặt với thấ t bại, thứ nhấ t là không được nản chí ngã lòng. Người vừa gặp thấ t bại đã chán ngán thấ t vọng, vĩnh viễn cũng là người thấ t bại. Con người có thể trải qua thử thách để điề n thành công, thắ ãng lợi, thì cũng phải chịu được sự tồi luyện trong nghịch cảnh, thấ t bại, trắ c trở. Từ ý nghĩa này mà nói, thấ t bại, trắ c trở cũng không phải việc xấ u, nó không phải tro ãng lui binh, thuố c ăn mòn nhiệt huyế t, mà là kèn hiệu tiế ãn quân, ngọc càng mài càng sáng. Câ ãn bình tĩnh, thắ ãn nhiên trước thấ t bại, trắ c trở, cùng đấ u tranh với nó. Thứ hai là lắ y thấ t bại làm gương, tìm ra

nguyên nhân thất bại, khẳng khái bảo thủ, ngoan cố là không được. Chỉ có thực sự làm rõ tính chất của thất bại và nguyên nhân khách quan chủ yếu của nó, mới có thể tìm ra phương thuốc thích hợp, chuyển bại thành thắng.

Hồ`ng Hải Nhi tu hành tại Hỏa Diệm Sơn hết 300 năm, luyện thành “Tam vị chân hỏa”, thần thông quảng đại. Hồ`ng Hải Nhi cũng giở`ng những yêu tinh khác, cũng muốn ăn thịt Đường Tăng, đồ`ng thời còn muốn cùng người nhà hưởng phước. Nhưng nhìn thấy xung quanh Đường Tăng có ba sư huynh đệ Ngộ Không bảo vệ, không dám manh động, thế` là biến thành đứa bé bảy tuổi bị treo trên cây để gạt Đường Tăng. Đường Tăng động lòng từ bi, cứu giúp Hồ`ng Hải Nhi. Ngộ Không tuy nhận ra Hồ`ng Hải Nhi là yêu tinh, nhưng do sợ “chú Khẩn Cô Nhi” của Đường Tăng nên cũng hết cách đối phó với Hồ`ng Hải Nhi. Ngộ Không cơ trí lúc đó nghĩ ra một cách, giả vờ nghe theo lệnh Đường Tăng, cõng Hồ`ng Hải Nhi lên đường, muốn tìm cơ hội tiêu diệt Hồ`ng Hải Nhi. Ngộ Không có thể nói “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”. Trước kia ba lần đánh Bạch Cốt Tinh, Ngộ Không chịu không ít cực khổ, cuối cùng còn bị Đường Tăng đuổi về` Hoa Quả Sơn. Lần này Ngộ Không cũng biết rõ nếu không biến hóa một chút, không những không giết được yêu tinh, xui xẻo là chính mình. Chúng ta đối với bất kỳ sự vật gì nhất định phải phân tích linh hoạt uyển chuyển, phải suy nghĩ chu đáo mọi tình huống, có như vậy mới ứng dụng mà đối mặt với mọi khó khăn trở`c.

Tôn Ngộ Không cõng Hồ`ng Hải Nhi, tìm cơ hội quăng nó xuống như quăng một miếng thịt. Nào ngờ Hồ`ng Hải Nhi đã xuất hồn bay mất, ở trên không biến ra một con gió, cuốn đất đá bay mù tùm, bắt mất Đường Tăng biến mất dạng không rõ phương hướng. Tôn Ngộ Không đến cửa động khiêu chiến. Hồ`ng Hải Nhi đánh không lại Ngộ Không, thế` là niệm thần chú, miệng phun ra lửa, mũi

thở ra khói đặc. Ngộ Không thấy khói lửa mịt mù, không tìm được yêu quái, nhìn không thấy cửa động, đành nhảy khỏi biển lửa thoát thân.

Tôn Ngộ Không thấy lửa của Hồ ng Hải Nhi lợi hại, muốn dùng nước khắc lửa, bèn tìm tứ hải Long Vương đến giúp trận. Hồ ng Hải Nhi lần nữa khổ chiến cùng Ngộ Không. Đánh nhau một, hai hôm, Hồ ng Hải Nhi giả vờ vút một thương, diễn lại vở cũ lại niệm thần chú, miệng phun ra lửa. Huynh đệ Long Vương tập trung nguồn nước, tạo mưa dập lửa của Hồ ng Hải Nhi. Nhưng mưa do Long Vương tạo ra không dập được Tam Vị Chân Hỏa của Hồ ng Hải Nhi. Con mưa này giống như dầu đổ thêm vào lửa, càng tưới càng cháy lớn. Ngộ Không lại đại bại quay về.

Tôn Ngộ Không thấy hết cách giảng phục Hồ ng Hải Nhi, sai Bát Giới sang Nam Hải mời Quan Âm Bồ Tát đến giúp. Không ngờ Hồ ng Hải Nhi giả làm Quan Âm, bắt mất Bát Giới.

Tôn Ngộ Không nhảy bén, biến thành một gói đồ, ném ngay cửa động. Tiểu yêu khiêng gói đồ vào trong động, sau khi vào động Ngộ Không lại biến thành con ruồi, thám thính được Hồ ng Hải Nhi muốn mời Ngưu Ma Vương đến dự tiệc ăn thịt Đường Tăng. Ngộ Không lại chui ra khỏi động, biến thành Ngưu Ma Vương, theo chân bọn tiểu yêu đường hoàng đi vào sơn động. Nào ngờ Hồ ng Hải Nhi lanh trí, vạch trần Ngưu Ma Vương này là giả, mưu kế Ngộ Không lần nữa lại thất bại. Tôn Ngộ Không không biết làm sao, đành đích thân đi Nam Hải mời Quan Âm Bồ Tát. Bồ Tát dùng kế thu phục Hồ ng Hải Nhi. Ngộ Không vì muốn chiến thắng Hồ ng Hải Nhi gặp nhiều trắc trở, mỗi lần đều dùng chiến lược khác nhau, cuối cùng cũng thành công. Khi chúng ta làm việc cũng không nên một mực cứng nhắc, phải biết linh hoạt, giống Ngộ Không biết tùy cơ ứng biến.

Trắc trở là trường học tốt nhất, nó kích thích ý chí chiến đấu của con người, tôi luyện ý niệm con người, tăng thêm tài cán. Cuộc sống cần có thử thách, trắc trở! Thầy trò Đường Tăng trải qua chín chín tám mươi mốt tai nạn mới thỉnh được chân kinh. Không trải qua nhiều gian nan như vậy, Phật Tổ có đem chân kinh trao cho bọn họ không? Cũng chính trong trắc trở, mỗi thành viên trong đội ngũ thỉnh kinh đều tu thành chính quả.

Từ xưa đến nay, rất nhiều danh nhân hiển sĩ ai chẳng từ trong trắc trở gian lao mà làm nên sự nghiệp hơn người. Beethoven tai bị điếc vẫn kiên trì phấn đấu, phát ra tiếng gào thét “tôi phải bóp chặt cổ họng của vận mệnh”, cuối cùng trở thành “nhạc thánh” một thời. Đổ i mặt với thất bại, Edison kiên trì không bỏ cuộc, nói ra những lời lạc quan trong lòng “tôi đã tìm ra hơn một ngàn loại vật liệu không hợp làm dây tóc bóng đèn”, cuối cùng cũng đem đến cho nhân loại ánh sáng đèn điện. Đổ i diện với con đường hoạn lộ buồn chán, Tô Đông Ba chí khí bất tận, ngâm ra làn điệu vang danh “Đại giang đông khứ lãng đào tận, thiên cổ phong lưu nhân vật” (Trường giang cuộn nước chảy về đông, bao khách phong lưu ngàn năm), ông từ trắc trở dần dần trở nên thành thực. Có thể nói, thất bại là tài sản quý báu. Chúng ta muốn có thành tựu, nhất định phải không sợ thất bại, không sợ trắc trở, tinh thần đấu tranh ngoan cường lay không chuyển.

Đương nhiên, xác định mục tiêu, kiên trì thực hiện, tinh thần vững vàng không lùi bước và linh hoạt ứng biến, kịp thời điều chỉnh mục tiêu, kịp thời thay đổi cách làm, hành vi, phương hướng vốn không mâu thuẫn. Do sự hiểu biết của con người với bản thân, với thế giới bên ngoài luôn cần có một quá trình. Khi gặp phải trắc trở, trải qua phân tích cặn kẽ, nếu xác định rõ mục tiêu vốn có không phù hợp với điều kiện khách quan chủ yếu lúc bấy giờ, cũng có thể điều chỉnh lại mục tiêu cho hợp lý. Rất nhiều người thành

công không hề thiếu kinh nghiệm về mặt này. Ví dụ, thầy thuốc nổi tiếng đời nhà Minh, Lý Thời Trân từng ba lần thi cử nhân. Ba lần đều thất bại, sau này lập chí học y, cuối cùng viết nên quyển “Bản thảo cương mục” lưu truyền thiên cổ. Nhà sử học và văn học kiệt xuất đời nhà Hán Tư Mã Thiên vốn làm quan, ban đầu nhậm chức Lang Trung, sau kế tục chức vụ của cha làm Thái Sử Lệnh, sau do biện giải thay việc Lý Lăng đầu hàng Hung Nô mà đắc tội cùng Hán Vũ Đế, không chỉ bị giam vào ngục mà còn gánh chịu cung hình. Dưới gian nan và thử thách như vậy, ông chuyển sang nỗ lực viết sách, cuối cùng viết nên kiệt tác “Sử ký”.

Còn Đường Tăng lại không tiếp thu bài học kinh nghiệm trước những thất bại cho nên thường xuyên đạp lên vết xe đổ. Bạch Cốt Tinh biến thành thiêu nữ, bà lão, ông lão lừa gạt Đường Tăng, mặc cho Ngô Không giải thích thế nào, Đường Tăng cũng không tin, còn đuổi Ngô Không đi. Kết quả là bị yêu quái bắt giữ, chịu không ít khổ cực. Nhưng từ đó về sau ông vẫn làm theo ý mình, không lấy đó làm gương. Nhìn thấy yêu quái Hồ Ng Hải Nhi giả làm trẻ nhỏ treo ngược trên cây, Đường Tăng lại nổi lòng từ bi, một mực sai Ngô Không cứu con yêu quái, còn sai Ngô Không cõng nó. Kết quả, Đường Tăng lại một lần nữa leo lên lưng cọp, lại khổ sở, vậy mà vẫn chưa chịu rút kinh nghiệm. Con chuột tinh dưới động không đầy biến thành thiêu nữ bị treo trên cây hồng gạt Đường Tăng, Đường Tăng lại tin lời. Những lời Ngô Không nói ông không nghe lọt tai, kết quả gặp nạn trong động chuột. “Kiên trì không đổi” theo kiểu Đường Tăng, vĩnh viễn không thể chuyển thất bại thành thành công.

Thay đổi luôn cần dũng khí rất lớn. Một số người không phải không biết thay đổi, mà không nỡ bỏ qua đoạn đường đã hao phí biết bao tâm sức mới đi qua, nên rõ ràng biết đi sai đường, nhưng vẫn không quay đầu lại, vẫn nhắm mắt đi về phía trước. Có mất mới có được. Mất mát, có mất mới có được, mất nhỏ được nhỏ,

mắt lớn được lớn, không trải qua vất vả trờng trọt sao có được niềm vui thu hoạch? Không có sự nhân nhượng của hôm nay nào có thành tựu của ngày mai? Khi nội tâm bạn đau khổ dằn vặt, có lẽ ánh sáng đang núp trong mây đen nhìn trộm bạn. Tôi luyện trong gian khổ làm con người trưởng thành lên. Không nên so sánh với người khác ai hạnh phúc hơn. Hạnh phúc thật sự là kết quả của quá trình phá kén chui ra.

Tóm lại, tất cả mọi việc trên thế giới đều không ngừng biến đổi, chúng ta phải học được cách thay đổi. Việc cụ thể cần phân tích tỉ mỉ, cần “quan sát tất cả mọi việc trên thế giới, suy nghĩ mọi việc trên thế giới”!

4.4 Hy sinh quên mình vì tình thân

Nhắc đến Hồng Hải Nhi, tự nhiên chúng ta nghĩ đến cha mẹ của nó – Ngưu Ma Vương và Thiệt Phiến công chúa. Hồng Hải Nhi bắt được Đường Tăng, không quên mời cha mẹ cùng hưởng. Tình thân của gia đình này trong hồi sau của “Tây Du Ký”, đoạn “Ba lần mượn quạt Ba Tiêu” có nhắc đến. Khi bốn thầy trò Đường Tăng đi qua Hỏa Diệm Sơn, Tôn Ngộ Không mượn quạt Ba Tiêu của Thiệt Phiến công chúa dùng tạm. Nhưng do con trai Hồng Hải Nhi kết oán với Tôn Ngộ Không, cuối cùng bị Bồ Tát thu nhận làm đồng tử, khiến gia đình không được đoàn tụ, Thiệt Phiến công chúa chấp nhất không cho Ngộ Không mượn quạt. Tôn Ngộ Không và Ngưu Ma Vương vốn kết nghĩa huynh đệ, nhưng cũng vì việc Hồng Hải Nhi mà trở mặt với nhau. Theo dòng thời gian, rất nhiều sự việc đều trôi vào quên lãng. Nhưng trong dòng chảy của thời gian, có một ngôi luôn tỏa sáng vĩnh hằng. Đó chính là tình thân. Thời gian có thể khiến con người mắt đi tất cả. Nhưng tình thân vốn chặt không đứt, đứt không rời. Trong “Tây Du Ký” rất nhiều đoạn miêu tả tình thân giữa cha mẹ và con cái, giúp chúng ta một lần nữa cảm nhận sự chân thành không vụ lợi của tình thân, vừa

có tình cảm thâm sâu của con cái đối với cha mẹ, cũng không thiếu tình thân âu yếm của cha mẹ với con cái. Bất kể là người, là thần tiên hay yêu ma, đối mặt với tình thân, cũng có tình có nghĩa, nhất mực tình thâm.

Công chúa nước Bảo Tượng bị yêu quái Hoàng Bào bắt nhốt 13 năm. Nhưng khi cô gặp Đường Tăng, vẫn mạo hiểm mạng sống thả ông ra, nhờ Đường Tăng gửi thư báo cho cha mẹ, trong thư công chúa Bách Hoa Tu tỏ lòng nhung nhớ cha mẹ và cảm kích công ơn dưỡng dục của cha mẹ, còn bản thân không thể dốc lòng hiếu thảo cùng hai người, đồng thời mong cha mẹ giải cứu cho mình. Sau khi quốc vương Bảo Tượng xem thư, nước mắt tuôn tràn, thỉnh cầu Đường Tăng cứu giúp. Từ đó có thể thấy sức mạnh của tình thân với con người, tuy trải qua 13 năm, nhưng tình cảm nhớ nhung không hề phai nhạt. Có thể thấy tình thân trong thế gian thật sâu nặng và cảm động.

5. Nước Sa Trì đầu bảo trừ tam yêu

5.1 Bối cảnh câu chuyện nước Xa Trì

Khi bốn thầy trò Đường Tăng đi đến nước Xa Trì, nhìn thấy một đám hòa thượng đang làm việc cực nhọc, Ngô Không lên trước hỏi thăm, mới biết thì ra trong nước có ba tên đạo sĩ, “biết về cát luyện thủy ngân, ngộ ý thiên tìm thần tiên, đốt nước làm dầu, luyện đá thành vàng. Nay cho xây Tam Thanh Quán, để ngày đêm tụng kinh sám hối, cầu cho quốc vương trường sinh bất lão, chúng mê hoặc quốc vương.” Khi cầu mưa, tăng nhân không thành công, ba tên đạo sĩ lại hô mưa gọi gió “cứu tế vạn dân khỏi lầm than”. Quốc vương do vậy tôn sùng đạo giáo, nói hòa thượng vô dụng, lệnh bắt toàn bộ hòa thượng làm những công việc khổ sai như vậy.

Sau đó, Đường Tăng còn đi qua nước Diệt Pháp. Quốc vương nọ muốn giết một vạn hòa thượng, đã giết 9996 người rồi, còn thiếu 4 người nữa thì đủ số.

Trong tiểu thuyết miêu tả tỉ mỉ hai việc diệt Phật, việc tiêu diệt Phật pháp là việc có thật trong lịch sử. Từ thời kỳ Lương Hán Phật giáo đã du nhập vào Trung nguyên. Tính đến nay được hơn 2.000 năm, trong quá trình tồn tại và phát triển đó, Phật giáo đã cùng Nho giáo, Đạo giáo và các tôn giáo khác tiến hành nhiều phen đấu tranh kịch liệt, trải qua vô số phong ba, cuối cùng xác lập địa vị của nó. Trong lịch sử Trung Quốc, Phật giáo từng nhiều lần lâm vào họa diệt môn. Đây chính là điều trong lịch sử Phật giáo gọi là “Tam Vĩ Nhất Tông”, còn gọi là “Diệt Phật sự”. Ngô Thừa Ân phản ánh một khía cạnh của việc này trong “Tây Du Ký”.

Sự kiện diệt Phật lần thứ nhất là “Bắc Ngụy Thái Võ Đế diệt Phật”. Bắc Ngụy Thái Võ Đế Thác Bạt Đạo là con trai Minh Nguyên Đế Thác Bạt Tự. 16 tuổi lập vị, tuổi trẻ háo hăng, “rèn luyện võ công”. Ban đầu ông cũng rất kính trọng Phật giáo, thường cùng cao tăng luận pháp. Sau đó, đạo sĩ Khâu Khiêm Chi (sau được dân gian gọi là Khâu Thiên Sư) đến Lạc Dương, dốc sức truyền bá giáo lý Đạo giáo “thanh tịnh hư vô, đắc đạo thành tiên”, có được lòng tin của Thái Võ Đế; bên cạnh còn có Thôi Hạo cũng là tín đồ Đạo giáo. Hai người này không từ thủ đoạn bôi nhọ Phật giáo, thế là Thái Võ Đế tin vào Đạo giáo. Thái Võ Đế tiếp thu kiến nghị của hai người này, vào năm thứ tư Thái Diên (công nguyên năm 438) hạ lệnh cho hòa thượng dưới 50 tuổi hoàn tục. Sau lại hạ lệnh cấm ngặt quan dân nuôi dưỡng tăng ni. Thái Bình Chân Quân năm thứ bảy (công nguyên năm 446), Bắc Thái Võ Đế trông lúa mạch trong chùa tại Trường An nuôi ngựa, phát hiện trong tự miếu có giấu các vũ khí như cung tên, khiên giáo v.v... bèn hạ lệnh quan lại kiểm tra tự miếu, tra ra rất nhiều khí cụ ử rượu và vô số tài vật, do một số người giàu có

gửi trong chùa. Nhân lúc có nội loạn, Thái Võ Đế hoài nghi tăng nhân và bọn nội loạn có liên quan, ra lệnh truy sát toàn bộ tăng nhân trong Trường An và các nơi khác, đồng thời thiêu hủy toàn bộ kinh văn. Tuy Thái Võ Đế có ý kéo dài việc ban bố lệnh truyề n, cho tăng nhân ở các nơi nghe ngóng tình hình để bỏ trốn, kinh sách, tượng Phật cũng được cất giấu rất nhiều, nhưng chùa chiề n trong thành bị hủy không sót mảnh ngó i.

Sự kiện diệt Phật lần thứ hai ở vào thời Bắc Chu Võ Đế Vũ Văn Ung yêu thích Nho thuật. Ông có thái độ lạnh nhạt, kỳ thị đối với các tôn giáo, nhất là Phật giáo. Lúc bấy giờ Phật, Đạo cạnh tranh quyết liệt. Võ Đế từng triệu tập nhân sĩ ba giáo Nho, Thích, Đạo, trước sau bảy lần thảo luận ưu khuyết điểm của ba giáo, không phân thiết hơn. Lại hạ lệnh quần thần biện luận sự giống và khác nhau của hai giáo Phật giáo và Đạo giáo ý muốn nhân cơ hội chê bai, bài xích Phật giáo. Nhưng mỗi người một ý, khó lòng định đoạt. Cuối cùng Võ Đế tự mình quyết định, đứng đầu là Nho giáo, kế đến Đạo giáo, cuối cùng là Phật giáo, xem như kết thúc trận tranh luận này. Kiến Đức năm thứ ba (công nguyên năm 574), Võ Đế hạ chỉ, bài xích Phật giáo và Đạo giáo, hơn 200 vạn hòa thượng, đạo sĩ buộc hoàn tục, tài vật ban phát cho tướng sĩ có công, chùa chiền, tháp miếu chia cho vương công. Sau đó 3 năm tiến binh Bắc Tề, chiếm Đô Thành Hách Đô. Bắc Tề cũng có không ít chùa chiền và hòa thượng. Võ Đế cho triệu tập tất cả hòa thượng, tuyên bố ý chỉ bài trừ sa môn. Thế là khoảng ba trăm ngàn tăng nhân bị ép hoàn tục, tám châu nội thành hơn 4.000 chùa miếu bị đổi sang làm phủ quan, tất cả di chỉ di tích Phật giáo hoàn toàn bị hủy, tài sản do quan phủ tịch thu. Lần này, Phật giáo tại phía Bắc Trung Quốc hầu như không còn dấu vết gì.

Sự kiện diệt Phật lần thứ ba xảy ra vào thời Đường Võ Tông Lý Diêm tại vị. Đường Võ Tông tin Đạo giáo, bài xích Phật giáo. Từ năm

thứ 2 đế n năm thứ 5 Hội Xương (công nguyên năm 842-845), hạ lệnh phá hủy chùa chiề n, bắ t ép tăng ni hoàn tục, hơn 4.600 chùa chiề n bị hủy, hơn hai mươi sáu vạn tăng ni hoàn tục, giải phóng khoảng mười lăm vạn nô dịch, thu về đấ t ruộng khoảng ngàn vạn mẫu. Điề u này ảnh hưởng rấ t lớn đế n sự phát triển của Phật giáo sau này. Bắ y giờ tình trạng các điển tích Phật giáo bị tiêu hủy, mấ t mát rấ t nghiêm trọng, hơn phân nửa “Hoa Nghiêm kinh”, “Pháp Hoa kinh” v.v... đê u thấ t lạc vào thời kỳ này, gây ảnh hưởng đế n các tông phái như Thiên Đài, Hiề n Thủ v.v... ngày càng lâm vào suy thoái.

Ba sự kiện diệt Phật kể trên là một trong những biểu hiện của việc Phật, Đạo tranh đấ u với nhau.

Sự kiện diệt Phật thứ tư phát sinh sau thời kỳ Hậu Chu. Hậu Chu Thê ́ Tông Tử Vinh hạ lệnh chinh đố n Phật giáo. Hiễn Đức năm thứ hai (công nguyên năm 955), ông hạ chiế u quy định chùa chiề n miế u mạo phải do quố c gia câ p phép, nế u không tấ t cả đê u phế trừ. Xuấ t gia câ n thông qua thi cử đọc kinh nghiêm ngặt, nghiêm câ m tự ý tu hành; tịch thu tấ t cả tượng Phật bằ ng đồ ng, dùng lại tiề n đúc đồ ng bổ sung cho quố c khô ́. Chu Thê ́ Tông diệt Phật cùng ba sự kiện trước kia có điề u không giồ ng, mang tính chinh đố n.

Bồ n sự kiện diệt Phật này là hoạt động phá hoại hoặc chinh đố n Phật giáo do chính tâ ng lớp thố ng trị trong lịch sử Trung Quố c phát động. Trong lịch sử Phật giáo gọi là sự kiện diệt pháp “Tam Vố Nhấ t Tông”, Phật giáo gọi là “Pháp nạn”. “Tây Du Ký” viế t việc tăng đạo đấ u tranh xảy ra ở nước Xa Trì và câu chuyện nước Diệt Pháp đê u lấ y bồ i cảnh từ sự kiện diệt Phật.

Phật giáo tuy nhiề u lâ n bị đả kích, nhưng Phật giáo mỗi lâ n như vậy, Phật giáo được phục hồ i trên đấ t Trung Hoa. Có thể thấ y

văn hóa Phật giáo trên lãnh thổ văn hóa Trung Quốc căm sâu cội rễ, trở thành một bộ phận không thể thiếu trong văn hóa Trung Quốc.

5.2 Phật gia và Đạo gia đấu nhau trong tiểu thuyết

Trong “Tây Du Ký” miêu tả ba vị “đại tiên” nước Xa Trì đấu phép cùng bốn thầy trò Đường Tăng, thực ra là lần đấu phép đầu tiên giữa Phật và Đạo.

Bốn thầy trò Đường Tăng đến nước Xa Trì. Tôn Ngộ Không giải phóng cho những hòa thượng làm khổ sai cho đạo sĩ, đồng thời cùng Bát Giới, Sa Tăng đêm khuya đại náo Tam Thanh Quan, đẩy ngã tượng thần của Thái Thượng Lão Quân, Nguyên Thủy Thiên Tôn và Linh Bảo Đạo Quân, mang bỏ vào “nơi ngũ cốc luân hồi”, lại “quét sạch sành sanh” công vật trên bàn thờ, biến thành Tam Thanh gia gia, lừa được Hổ Lực, Lộc Lực, Dương Lực ba vị đại tiên uống nước tiểu. Việc này khiến ba người bức tức. Ngày thứ hai, thầy trò Đường Tăng đến đối văn điệp thông quan, tại Kim Loan Điện, lại đụng phải ba vị đại tiên được tôn làm Quốc Sư, dẫn đến trận đấu một mất một còn giữa Phật và Đạo.

Trước tiên thi câu mưa. Hổ Lực đại tiên nọ nói: “Chỉ cần lên đàn, chỉ cần nhìn thấy hiệu lệnh của ta: một tiếng lệnh bài thì nổi gió, hai tiếng mây kéo đến, ba tiếng sấm chớp sét rền, bốn tiếng mưa trút xuống, năm tiếng lập tức trời quang mây tạnh.” Nhưng không ngờ Ngộ Không lén lút ra tay, lệnh bài vừa giơ lên, gió vừa nổi lên thì ngừng, mây đến rồi lại tan, càn không sét không mưa. Đến phiên Đường Tăng đăng đàn, không cần lệnh bài, cũng không đốt bùa chú, chỉ có Ngộ Không dưới đàn giơ Thiệt Bảng chỉ huy. Chỉ một cái, Thần gió mở túi gió thả gió ra; chỉ hai cái, đồng tử đùn mây, lang quân chắt mù; chỉ ba cái, Lôi công Điện mẩu nổi sấm tạo sét; chỉ bốn cái, Long Vương giáng mưa cam lộ; chỉ năm cái, sét

ngừng gió tạnh, mưa tạnh mây tan. Quốc Vương vui mừng, văn võ bá quan khen ngợi nói: “Hòa thượng giỏi! Quả là núi này cao còn có núi khác cao hơn! Quốc Sư nước tôi cầu mưa tuy linh, nếu muốn trời tạnh, mưa còn nhỏ giọt cả nửa ngày, trong lành mát mẻ ngay. Sao hòa thượng này nói tạnh là tạnh, trong phút chốc mặt trời ló dạng, bầu trời tạnh mây vậy?”

Tiếp theo cuộc ngỗ i thiề n. Ngỗ i thiề n của đại tiên tên gọi Vân Độ Hiển Thánh, “dùng 100 cái bàn, 50 cái lập đàn, từng cái chõ ng lên nhau, không được dùng tay leo lên, cũng không dùng thang leo lên, mỗi người cưỡi một đám mây, lên đàn ngỗ i, khoảng vài giờ không được động đậy.” Lộc Lực đại tiên muốn trợ giúp sư huynh, bứt một cọng tóc, hóa ra bộ hôi, búng lên thiề n đài, cấn đến Đường Tăng lắ c vai rứt cổ, ngựa ngáy khó chịu, thò tay vào áo gãi. Ngộ Không thấy vậy giế t chề t bộ hôi, giúp sư phụ thoát khỏi ngựa ngáy, lại lắ c mình biế n thành con rế t dài bảy phân, cấn một phát vào mũi Hổ Lực Đại Tiên. Hổ Lực đại tiên liề n ngỗ i không yên, bỏ nhào một cái, té xuố ng dưới, suýt chút nữa mấ t cả mạng.

Tiếp đề n lại cuộc đoán vật qua vách ngăn. Trong tủ sơn đỏ bỏ một chiế c áo bào Sơn hà xấ tắ c, một chiế c đầ m Càn khôn địa lý, bị Ngộ Không thi triển pháp thuật biế n thành chiế c cà sa rách nát, Lộc Lực đại tiên đoán đúng cũng trở thành sai. Sau đó lại bỏ một quả đào tiên to bắ ng cái bát vào trong tủ, bị Ngộ Không chui vào trong tủ ăn sạch sành sanh, chỉ còn lại hạt đào. Dương Lực đại tiên đoán trúng cũng thành ra sai. Cuố i cùng trong tủ nhồ t một đạo đồ ñ ng, lại bị Ngộ Không biế n thành hình dạng đạo sĩ chui vào trong cạo sạch tóc đạo đồ ñ ng, thay quầ n áo. Hổ Lực đại tiên đoán là đạo đồ ñ ng, nhưng bước ra lại là một tiểu hòa thượng gõ mõ tụng kinh.

Tiếp đề n Hổ Lực đại tiên cùng Ngộ Không cuộc chém đầ u. Ngộ Không nọ thẳng tiế n vào pháp trường, bị đao phủ giữ lại, hê lên một tiế ng chặt đầ u rớt xuố ng, đá một cái ra xa ba bắ n mươi bước, lại

bị Lộc Lực đại tiên giở thủ đoạn, gọi Thổ Địa lên giữ chặt đầu của Ngô Không. Ngô Không cởi bỏ dây trói, hô một tiếng “mọc lên!” trong cổ lại mọc ra cái đầu khác. Bát Giới đưa tay ra sờ, cười hề hả nói: “Tuyệt! Tuyệt! Mọc một cái hoàn chỉnh ngay cả vết nốt cũng không có!” Hồ Lực đại tiên nọ cũng bị đao phủ chặt y như vậy. Ngô Không bứt cọng lông, biến ra con chó vàng, ngậm đi đầu Hồ Lực đại tiên, quăng xuống dưới nước, đến khi thân đại tiên tuôn ra máu tươi, ngã xuống dòng bùn, hóa ra con hổ lông vàng mất đầu.

Ngô Không lại cùng Lộc Lực đại tiên cạo mổ bụng moi tim. Ngô Không lại đường hoàng tiến vào pháp trường, người dựa vào trụ lớn, cởi áo, để lộ phần bụng. Đao phủ nọ dùng dây thừng trói lấy cổ, dùng một con dao mổ trâu, rạch bụng Hành Giả. Hành Giả nọ dùng hai tay phanh bụng moi ruột gan ra, từng phần từng phần moi ra, mọi việc xong đâu đấy lại thổi xuống bụng một luồng khí tiên, hô: “Mọc!” mọi thứ lại mọc ra như cũ. Lộc Lực đại tiên cũng bắt chước Ngô Không, mổ bụng móc ruột gan ra, nhưng mắc mưu Đại Thánh. Chỉ thấy Ngô Không bứt ra một cọng lông hóa thành con ưng đối, giang cánh sà xuống, cắp mất lục phủ ngũ tạng của đại tiên, không biết bay về phương nào. Tội nghiệp Lộc Lực đại tiên như thế mà mất mạng, hiện nguyên hình con hươu lông trắng.

Cuối cùng Ngô Không cùng Dương Lực đại tiên tắm trong vạc dầu sôi. Khi giám quan sắp xếp xong vạc dầu, thêm củi khô, nhóm lửa lớn, đốt cho dầu sôi lên. Ngô Không lại hỏi: “Không biết tắm văn hay tắm võ?” Quốc Vương hỏi thế nào là tắm văn, tắm võ, Ngô Không đáp: “Tắm văn không cần cởi quần áo, giống bình thường chống tay, xuống lăn lộn một vòng thì đi lên, không được làm hỏng quần áo, nếu dính một giọt dầu là thua. Tắm võ phải lấy một giá quần áo, một chiếc khăn tay, cởi quần áo nhảy xuống, lộn vòng vài cái, trông chuôi, tắm như làm xiếc vậy.” Dương Lực đại tiên muốn đẩy Ngô Không vào chỗ chết, muốn thi

“tắm võ”. Thế là Ngô Không cởi bỏ áo cà sa, trút bỏ quần da hổ, nhảy xuống vạc, lộn nhào như chơi đùa trong nước, lại biến thành nhỏ như hạt táo, lặn xuống đáy vạc, khiến người khác nghĩ đã bị dẫu nẫu chết. Sau đó Bát Giới mắng cho một trận, Ngô Không mới chịu hiện thân. Khi Dương Lực đại tiên cởi áo nhảy xuống vạc, cũng tắm như vậy, Ngô Không gọi Bắc Hải Long Vương thu phục con lãnh long của hắn. Chỉ thấy Dương Lực đại tiên gãy giữa trong vạc dẫu, chẳng bao lâu thịt nát xương tan, vớt ra chỉ còn một nhúm xương dẻ.

Trong sáu trận cuộc sinh tử, Phật pháp thắng Đạo pháp, quả thật “Phật pháp vô biên”. Chẳng qua, đạo thuật của ba con yêu tinh nọ không kém, chỉ là gặp phải Ngô Không thông minh cơ trí, thì có phần cam chịu. Thắng lợi của Ngô Không, không chỉ dựa vào bản lĩnh thực sự mà còn nhờ vào sự thông minh mưu trí nữa. Một loạt những trận thi thố sinh tử này, nói là dẫu pháp chi bằng nói dẫu trí.

5.3 Mỹ Hâu Vương lấy độc trị độc khắc phục gian khó

Lấy độc trị độc, ý muốn dùng độc dược chữa trị vết thương độc, ví von dùng bản chất sự vật không tốt mâu thuẫn đối lại với sự vật không tốt, dùng thủ đoạn ác độc đối phó với người ác độc, dùng đạo của người trị người.

Ba vị Quốc Sư Hồ Lực đại tiên, Lộc Lực đại tiên, Dương Lực đại tiên tại nước Xa Trì muốn dẫu pháp cùng bốn thầy trò Đường Tăng. Lộc Lực đại tiên muốn cùng Đường Tăng thi ngô ì thi thiền. Quốc Vương nói: “Quốc Sư sai rồi, hòa thượng nọ xuất thân thiền giáo, tất nhiên phải biết thiền, mới dám phụng chỉ thỉnh kinh. Làm sao khanh dẫu với ông ta?” Hồ Lực đại tiên nói: “Ngô ì thi thiền của thân, không giống bình thường: có một dị danh gọi là ‘Vân đệ hiển thánh’. Cần 100 chiếc bàn, 50 chiếc sắp thành

thiên đài, 50 chiếc xếp chồng lên nhau, không được dùng tay trèo lên, càng không được dùng thang leo lên, mỗi người cỡi một đám mây, lên đàn ngô ì, khoảng vài giờ không được động đây.”

Đường Tăng nói với Ngô Không: “Thầy biết ngô ì thiên.” Ngô Không vui vẻ reo: “Tốt! Tốt! Thầy có thể ngô ì bao lâu?” Đường Tăng đáp: “Tập trung tinh thần, trong ải sinh tử, cũng ngô ì được hai ba năm.” Ngô Không nói: “Nếu sư phụ ngô ì hai, ba năm, chúng ta không cần tỉnh kinh nữa. Không đến hai ba giờ thì xuống rồi.”

Không lâu sau, hai bên trái phải Kim Loan Điện được dựng lên hai cái đàn. Hồ Lực đại tiên nhún mình một cái, đạp lên một đám mây, bay thẳng lên đàn phía Tây. Ngô Không bứt một cọng lông hóa ra một Ngô Không giả, cùng bọn Bát Giới, Sa Tăng đứng bên dưới. Còn mình biến thành một đám mây ngũ sắc, đón lấy Đường Tăng bay lên không trung, tiến thẳng đến đàn phía đông ngô ì xuống.

Đường Tăng và Hồ Lực đại tiên ngô ì thiên trên đàn cao bất phân thắng bại. Lộc Lực đại tiên muốn giúp sư huynh một tay, bèn đưa tay ra sau ót bứt một cọng tóc, vờ tròn lại búng lên trên, nhắm thẳng đầu Đường Tăng, biến thành một con sâu hôi lớn, cắn Đường Tăng. Đường Tăng ban đầu thấy ngứa, sau lại thấy đau, lại không thể đưa tay gãi do ngô ì thiên không được động tay chân, hề động tay coi như thua. Nhất thời đau không chịu nổi, Đường Tăng rụt cổ, ngo ngoạy hông cọ sát quần áo cho bớt ngứa.

Tôn Ngô Không đứng bên dưới phát hiện có điều không ổn, vụt một tiếng, bay lên chỗ Đường Tăng chỉ thấy một con sâu hôi to cỡ hạt đậu đang cắn sư phụ. Ngô Không liền dùng tay vờ lấy nó, thay sư phụ gãi xoa chỗ ngứa, Đường Tăng hết đau hết ngứa lập tức ngô ì lại ngay ngắn. Ngô Không thà nghĩ: “Hòa thượng đầu trọc, chí cũng không có một con, tại sao lại có con sâu hôi này? Chắc tên

đạo sĩ kia giở trò, hại sư phụ ta. Ha ha! Ngông cuồng còn không biết thắng thua, để Lão Tôn ta cho hất một trận!” Ngộ Không bay đi, biến thân thành một con rắn dài khoảng bảy phân, cắn một cái vào mũi Hồ Lực đại tiên. Hồ Lực đại tiên nọ đau ngô ì không vững, bổ nhào một cái lộn đầu xuống đất, suýt chút mất mạng. Ngộ Không lại hóa thành mây ngũ sắc, đỡ Đường Tăng xuống đàn. Lần cá cược này, Đường Tăng thắng.

Người biến thành con sâu hôi cá sư phụ ta, ta biến ra con rắn cắn người, cái Ngộ Không dùng là kế “Lấy độc trị độc”, hơn nữa còn “độc” hơn cả đôi phương, lấy đạo của người trả lại cho người.

5.4 Tha được cho người thì tha

Cổ nhân có câu: Oan oan tương báo biết đời nào mới dứt, tha được thì nên tha. Đó là sự khoan dung, lòng dạ bác ái, sự phóng khoáng, hiện thân của một lòng nhân vĩ đại. Từ xưa đến nay, khoan dung luôn được bậc hiền thánh cho đến người bình dân trăm họ tôn vinh và nguyên tắc làm người, và cũng trở thành một phần truyền thống mỹ đức của dân tộc Trung Hoa, cũng dùng để răn người đời.

Bốn thầy trò Đường Tăng đi qua nước Xa Trì, đụng phải ba tên đạo sĩ yêu ma, muốn cùng Ngộ Không đấu phép cầu mưa. Tôn Ngộ Không chiến thắng, quốc vương Xa Trì muốn cấp văn điệp thông quan cho các thầy trò, để mọi người tiếp tục sang Tây Thiên. Không ngờ ba tên đạo sĩ không chịu buông tha, còn ngăn cản không cho thầy trò Đường Tăng đi, muốn tiếp tục đấu phép, phân rõ thắng thua. Kết quả qua các cuộc thi ngô ì thiền, đoán vật sau vách ngăn, thậm chí chặt đầu, mổ bụng, tẩm vạc đầu v.v... Ba tên đạo sĩ đều thua Ngộ Không, không những không làm gì được bốn thầy trò, ngược lại bản thân mất mạng. Đây là kết quả do ba con yêu đạo ý thể tỏ sức mạnh, tự cho mình có bản lĩnh và được quốc c

vương Xa Trì tôn sùng, từng bước ép buộc bồ n thầ y trò Đường Tăng. Nề u như thả bồ n thầ y trò Đường Tăng tiế p tục đi về hướng Tây, bản thân có lẽ không đế n nổi mắ t mạng.

Những yêu ma cản trở hành trình Đường Tăng trên đường đi Thiên Trúc thỉnh kinh không phải toàn bộ đề u bị đồ n vào chỗ chết. Rắ t nhiề u Tiên Phật sau khi giúp Ngộ Không hàng phục yêu ma, thường xin Ngộ Không tha cho chúng. Sư phụ Đường Tăng một lòng hướng Phật, quý trọng mạng số ng, cũng thường giáo huấ n Ngộ Không cho đồ i phương một con đường số ng, lắ y khoan dung và độ lượng đồ i xử với chúng sinh trong thiên hạ.

“Biển lớn có trăm sông, lòng bao dung to lớn.” Trong hiện thực cuộc số ng, có rắ t nhiề u việc khi bạn dự định dùng lòng căm hận để thực hiện hoặc giải quyế t, bạn hãy nên thử lắ y lòng khoan dung. Có lẽ nó giúp được bạn thực hiện mục tiêu, giải quyế t mâu thuẫn, hóa can qua thành ngọc thạch. Trong cuộc số ng, người không thể khoan dung cho kẻ khác, thì không đáng nhận được sự khoan dung của người khác. Nhưng chúng ta cũng không thể cứ xem lùi bước, nhân nhượng là một loại khoan dung, hoặc xem như cách tồ t nhắ t để đồ i xử với người khác. Cho nên, trong hiện thực cuộc số ng chúng ta luôn nhường nhịn, lùi bước... như vậy. Chúng ta luôn mực nhún nhường trước sai lầ m của người khác, dẫn đế n sai lầ m ngày càng nghiêm trọng. Đồ ng thời, chúng ta cũng mắ t đi tự chủ bản thân mình. Khoan dung như vậy là biểu hiện không chịu trách nhiệm với người khác và với chính bản thân mình, cũng là một dạng phạm tội về mặt tâm lý. Khoan dung, là một kỹ xảo trong cuộc số ng. Khoan dung một chút, cuộc số ng chúng ta sẽ càng tươi đẹp hơn.

Cái gọi là: Lùi một bước, trời cao đắ t rộng; nhịn một giờ, sóng yên biển lặng. Với sai lầ m của người khác, phê bình là không thể tránh khỏi, nhưng có thể dùng tá m lòng bác ái khoan dung cho người khác, lắ y lòng khoan dung tha thứ cho những sai lầ m của người

khác, tha được thì tha, đồng thời cũng mở con đường sống rộng lớn hơn cho mình. Nếu quá hà khắc với người khác, có lý nhưng không tha, cũng thường đem lại tai nạn cho chính mình. Kết cục của ba tên yêu đạo tại nước Xa Trì là bằng chứng rõ ràng nhất.

6. Nữ Nhi Quốc Đường Tam Tạng kỳ ngộ

6.1 Tình yêu ngọt ngào khó có

Nhắc đến tình yêu, người đời tự nhiên nghĩ đến các câu chuyện cảm động như Ngưu Lang Chức Nữ, Mạnh Khương Nữ khóc đổ Trường Thành, Lương Sơn Bá và Chức Anh Đài, Romeo và Juliet. Tình yêu dĩ nhiên ngọt ngào, còn tình yêu chân thành tha thiết lại càng khó có. Khát khao và theo đuổi một tình cảm tốt đẹp của con người là không hề lay chuyển, thể hiện tinh thần tích cực, lạc quan. Trong khi con người hướng đến và theo đuổi thứ tình cảm tốt đẹp này. “Tây Du Ký” tuy lấy câu chuyện đệ tử Phật gia làm đề tài, nhưng đối với tình cảm thật trong nhân gian cũng không thiếu vắng những miêu tả cảm động.

Bốn thầy trò Đường Tăng trên đường đi thỉnh kinh ngang qua Nữ Nhi Quốc. Khi Quốc Vương nước Nữ Nhi biết bốn thầy trò Đường Tăng đi ngang qua, hết sức vui mừng nói: “Đàn ông Đông Thổ, lại là Ngự đệ Đường triều. Nước ta từ khai thiên lập địa đến nay, các đời đế vương trước chưa từng được thấy đàn ông. Nay may mắn thay có Ngự đệ Đường Vương hạ giá, ắt do trời ban cho. Quả nhân lấy sự giàu sang của một nước, nguyện chiêu Ngự đệ làm Vương, ta lui về làm Hậu, cùng người âm dương phối hợp, sinh con đẻ cháu, lưu truyền đế nghiệp, há chẳng phải tin vui của hôm nay sao?” Chúng nữ quan nghe xong vui mừng khen hay, vui vẻ không xiết. Vẫn chưa nhìn thấy Đường Tăng, Quốc Vương Nữ Nhi Quốc trong lòng đã tràn đầy ngưỡng mộ. Nguyên ý dùng sự giàu sang của một nước, còn có quyên thỉnh vương vị, để chiêu nạp Đường Tăng ở

lại cùng mình sinh con đẻ cháu. Ngoài ra, bọn dịch thừa nhứt mực khen ngợi dung mạo Đường Tăng: “Ngự đệ dung mạo đường hoàng, phong thái tuấn tú, như nam giới trên trời hạ phàm, nhân vật trong Nam Diên Trung Hoa”. Nữ Vương nghe xong càng mừng khôn xiết.

Đường Tăng một lòng hướng Phật, xem việc thỉnh kinh là nhiệm vụ của mình, đương nhiên không thể cùng Nữ Vương sánh duyên loan phụng, Đường Tăng nói với các đồ đệ rằng, chúng ta ở đây tham hưởng giàu sang phú quý, vậy ai sẽ đến Tây Thiên thỉnh kinh? Vậy chẳng phí hoài tâm lòng mong đợi của vua Đại Đường sao? Khi nhìn thấy Tôn Ngộ Không nhận lời cầu hôn của Thái sư Nữ Nhi Quốc, vội vàng quở mắng Ngộ Không một trận: “Con Khỉ nhà ngươi, muỗn hại ta đây mà! Sao lại nói ra những lời đó, bảo ta ở đây thành thân, các ngươi sang Tây Thiên bái Phật. Ta có chết cũng không đồ ng ý.” Đường Tăng tỏ rõ có chết cũng không chịu ở Nữ Nhi Quốc chiêu thân. Cuối cùng, Ngộ Không không thể không dùng mưu thoát khỏi sự giữ chân của Nữ Vương. Đương nhiên, đối với Nữ Vương mà nói, để giữ chân Đường Tăng – người mà mình yêu thương cũng nguyện trả bất cứ giá nào.

Đường Tăng tuy ra khỏi lãnh thổ Nữ Nhi Quốc, nhưng lại bị con bò cạp tinh bắt vào Động Tỳ Bà. Bò Cạp Tinh muỗn cùng Đường Tăng kết nhân duyên. Bò Cạp Tinh là yêu ma, tuy lòng dạ độc ác, nhưng ả đối với Đường Tăng hết mực yêu thương, quyết luyến, dùng trăm phương ngàn kế dụ dỗ, uy hiếp. Nhưng với tình cảm dịu dàng mật ngọt, với dây dưa quyết luyến hoặc sự uy hiếp ấy, Đường Tăng cũng không hề dao động, một lòng bái Phật cầu kinh.

“Đã nguyện nhân trường cửu, thiên lý cộng thiề n duyên.” (Xa xăm ngàn dặm cầu mong, cho người được mãi theo trăng trường tồn). Hai người không thể ở cùng với nhau là việc đau khổ và đáng tiếc, luôn hy vọng có một ngày sớm tới bên nhau, nhưng không còn cách nào khác, đó là sự thật. Mất đi rồi, mới biết trân trọng,

nhưng đồng thời, còn phải biết, tình yêu chân thật không thể miễn cưỡng. Chỉ khi hai người tình cảm tương hợp, mới có thể gọi là nhân duyên mỹ mãn.

6.2 Gợi ý từ việc Đại Thánh, Sa Tăng cùng lấy nước

Đường Tăng và Bát Giới uống nước sông Tử Mẫu tại Tây Lương Nữ Quốc, đau bụng khó chịu. Tôn Ngộ Không xin bà lão nơi đó cứu chữa. Bà lão nói với họ, uống nước tại sông Tử Mẫu thì đau bụng mang thai, chẳng bao lâu thì sinh con, không có thuốc giải. Chỉ có một cách chữa, núi Giải Dương có một cái động võ, trong động có giếng “Nước phá thai”, chỉ cần uống một ngụm nước suối thì giải được thai khí. Nhưng hiện có một đạo sĩ có tên Như Ý chân tiên trấn giữ ở đó, không chịu ban nước cho người khác. Người muốn lấy nước suối, cần chuẩn bị rượu ngon hoa quả, thành tâm hiến dâng mới có thể xin được một chén nước suối.

Tôn Ngộ Không thấy có phương cứu chữa, lòng vui mừng, bèn Cầm Đầu Vân đến núi Giải Dương xin nước. Ai ngờ Như Ý chân tiên chiếm giữ nguồn nước chính là anh em với Ngưu Ma Vương, chú của Hồ Ngải Nhi, vốn có thù với Tôn Ngộ Không, Như Ý chân tiên đã không cho lấy nước, còn cùng Ngộ Không đấu một trận sóng mải. Hai người đấu hơn mười hiệp, đạo sĩ nọ biết không địch được Đại Thánh, bèn xách móc Như Ý chạy lên trên núi.

Ngộ Không không đuổi theo hấn, đá vỡ cửa am, xông vào trong, cầm bình bát đến bên giếng nước, thấy đạo sĩ nọ nằm trên miệng giếng, Ngộ Không giơ gậy định đánh, đạo sĩ nọ chạy ra sau. Ngộ Không tìm thùng vừa định xách nước, đạo sĩ nọ lại chạy đến dùng móc Như Ý móc vào chân Đại Thánh, Ngộ Không bị ngã xuống đất, lồm cồm bò dậy giơ gậy định đánh, đạo sĩ nọ lại né sang bên. Ngộ Không thấy hấn không động đây, một tay giữ gậy, một tay thả thùng toan lấy nước. Vừa thả dây thùng xuống, đạo sĩ nọ lại quăng

móc câu đẽ n, Đại Thánh một tay không chớ ngờ nổi, lại bị móc câu móc té ngã, ngay cả thùng nước cũng rơi xuống giề ng. Ngộ Không thấy một người không thể lấy được nước, đành quay về tìm Sa Tăng giúp đỡ.

Tôn Ngộ Không và Sa Tăng xách thùng đẽ n núi Giải Dương, Ngộ Không dặn dò Sa Tăng: “Đẽ cầ m chiế c thùng, núp ở một bên, đợi Lão Tôn ra mặt giao chiế n. Đẽ đợi hai ta đánh đẽ n hồ i gay cầ n, thừa cơ xông vào, lấy nước đem đi.” Hai người đánh nhau ngoài am, càng đánh càng hăng, đẽ n khi đẽ n được dồ c núi. Sa Tăng thấy vậy, lập tức tiế n về cái giề ng lấy một thùng nước đầy, chạy khỏi cửa am, đầ ng vùn đi, cao giọng nói với Hành Giả: “Đại sư huynh, đẽ lấy được nước rồi! Tha cho hắ n đi, tha cho hắ n đi!” Thê là hai huynh đẽ hợp lực, lấy được nước phá thai.

Cổ nhân có câu: Lòng người tề tụ, đời được Thái Sơn. Hạt nhân của đoàn đội là cùng nhau cồ ng hiế n. Tôn Ngộ Không dẫn dụ Như Ý chân tiên tham chiế n, còn Sa Tăng lấy nước giề ng. Hai người phân công rõ ràng, ai làm việc nầ y, cuố i cùng lấy được nước giề ng. Ai cũng có sở trường riêng. Có rấ t nhiề u việc, chỉ dựa vào công sức của một người là không xong, cầ n dựa công sức nhiề u người phồ i hợp mới thành công. Ba tên thợ da hơn một Gia Cát Lượng. Trí tuệ của một người có hạn, tinh lực càng có hạn, cho nên làm sự nghiệp lớn cầ n biế t tiế p nhận sự giúp đỡ của nhiề u người. Đường Tăng có thể thỉnh được chân kinh, tấ t cả nhờ vào mầ y vị đồ đẽ giúp đỡ mới có thể hoàn thành đại nghiệp.

Thành công của mỗi người đẽ u cầ n có hoàn cảnh và môi trường tốt, sự phồ i hợp tốt với người khác. Một đội do nhiề u người hợp thành có thể lấy sở trường của người này bù đắ p sở đoản của người kia. Giúp đỡ lẫn nhau, hình thành một bầ u không khí tích cực, có ích cho sự trưởng thành và phát triển của mỗi thành viên, đương nhiên càng có ích cho thành công của cả đội. Nê u người trong một đội

không biế t đờ ng tâm hiệp lực, chia năm xẻ bảy, sức mạnh đoàn thể sẽ suy yế u. Trong “Tây Du Ký” rấ t nhiề u yêu quái vì muố n bắ t Đường Tăng, biế n hóa thành đủ loại người hình dạng khác nhau để mê hoặc Đường Tăng, khiế n đội ngũ thỉnh kinh nội bộ bắ t hòa, làm yế u sức mạnh đội ngũ thỉnh kinh, thừa cơ bắ t mắ t Đường Tăng.

Có thể thấ y, một đội ngũ tồ t câ n điề u hòa, giúp đỡ lẫn nhau, ai làm việc nấ y, đờ ng tâm hiệp lực, tận dụng tính tích cực của mỗi cá nhân, đó mới là một đội ngũ thành công.

6.3 Nữ nhi trong “Tây Du Ký”

Trong “Tây Du Ký” miêu tả rấ t nhiề u hình tượng phụ nữ, từ người có địa vị cao quý như hoàng hậu, công chúa, thiế u phụ thôn dã địa vị thấ p kém, có bà lão tóc râu cao tuổi, có bé gái tuổi hoa, có tiểu thư khuê các quen nuông chiề u, còn cả bà cụ bô thí thô tục. Những người phụ nữ đó tuy thân phận khác nhau, sang hèn cách biế t, tuổi tác khác nhau, nhưng lại có một điể m giồ ng nhau, đó chính là số mệnh.

Mẹ ruột Đường Tăng Đoàn tiểu thư vô n xuấ t thân con nhà Thừa Tướng, dựng lầ u son thắ y tú câ u gặp duyên trời địn h, gả cho tân khoa Trạ ng Nguyên, rấ t viên mãn, nhưng ngày tồ t không kéo dài, trên đường cùng chồ ng đi nhậ m chức, phu quân bị giặ c cướp giế t hại, bản thân bị tên cướp chiế m đoạ t, số ng tắ ng tạm qua 18 năm, cuố i cùng tuy rửa đượ c huyế t thù, nhưng vẫn xấ u hổ với người đời, tự vắn mà chề t. Tam công chúa nước Bảo Tượng Bá ch Hoa Tu, ngày rằ m thắ g tám ra vườn thườ ng trắ ng, bị yêu quái Hoàng Bào dùng phép bắ t mắ t, kế t làm chồ ng vợ, về sau còn sinh con để cái cho yêu quái Hoàng Bào. 13 năm rồ ng, tuổi xuân trôi qua. Đoàn tiểu thư và Bá ch Hoa Tu đề u bị người chiế m đoạ t, còn đố i mặt với nỗi khổ thương nhớ người thân và chỉ trích của xã hội.

Quốc Vương nước Ô Kê bị tên đạo sĩ do Thanh Mao sư tử biến thành đẩy xuống giếng Bát Giác Lưu Ly. Nhưng Vương Phi không hề hay biết, cùng yêu quái cùng chăn cùng gồ i suốt ba năm. Kim Thánh nương nương vương hậu nước Chu Tử trong tiết Đoan Ngọ cùng Quốc Vương đến ngự hoa viên uống rượu thưởng hoa, xem thi đấu thuyền rồng, bị Thái Tuế Kỳ Lân sơn trại bắt mất, làm Ấp trại phu nhân. Kim Thánh nương nương nọ may nhờ Tử Dương chân nhân ban cho Tân Hà Thương hộ thân, giữ được trinh tiết. Vương Phi nước Ô Kê và Kim Thánh nương nương tuy giữ được tâm thân trong sạch, nhưng cũng phải chịu nỗi khổ nhớ nhung.

Công chúa nước Thiên Trúc trong đêm trăng ngắm hoa, nhưng bị Ngọc Thố tạo ra cơn gió yêu, cuốn đến Bồ Kim Tự. Lão tăng nhìn thấy, đem giam vào phòng trống, phao tin bắt được tà ma. Công chúa nọ thông minh, bèn giả ngây giả dại, ban ngày nói xã`ng nói bậy, ngây ngây dại dại, khi đêm tĩnh mịch lại khóc thương cha mẹ. Một công chúa quý tộc lại rơi vào tình cảnh đau khổ, sao lại ra nông nỗi này!

Về số` mệnh của Nữ Vương nước Nữ Nhi cùng qu`n thân`n trong một nước càng đặc biệt. Nữ Nhi Quốc toàn phụ nữ, không một người đàn ông, đất nước thái bình, chỉ tiết không được hưởng niềm vui thú của gia đình, phụ nữ chỉ có thể phòng không gồ i chiến. Chẳng trách Nữ Vương nọ nguyện lấy quốc khố giàu mạnh làm sinh lễ, mu`n Đường Tăng ở rể, cam lòng hiến dâng vương vị, mình lui về làm hậu.

Số` phận phụ nữ trong “Tây Du Ký” đại đa số đều bị thảm. Đây thực ra là hình ảnh thu nhỏ số` mệnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến Trung Quốc. Thời đại phong kiến, nam tôn nữ ti, phụ nữ phải tuân thủ tam tòng tứ đức, tam tòng tức tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử; Tứ đức tức hạnh (đức hạnh), ngôn (lời nói), dung (nghị thái), công (tay nghề). Dưới sự ràng buộc của tư

tướng phong kiển, địa vị người phụ nữ thấp bé. Trong khoảng thời gian dài, họ đã quen với địa vị như vậy, không hề phản kháng. Điều đó định sẵn số mệnh bi thảm của họ.

Nhưng Nữ Nhi Quốc là một ngoại lệ. Ở đây, không có đàn ông, có thể nói thực sự là một xã hội “Mẫu hệ”. Nhưng phụ nữ sinh sống trong “Đất nước thái bình” như vậy cũng không được vui, do họ không được hưởng thú vui gia đình. Ngoài mặt tác giả viết Nữ Nhi Quốc, kỳ thực ông đang khởi xướng xây dựng một xã hội nam nữ bình đẳng, xã hội hài hòa thống nhất.

7. Tôn Ngộ Không ba lần mượn Quạt Ba Tiêu

7.1 Giải thích về Hỏa Diệm Sơn

Trên đường thỉnh kinh, bốn thầy trò Đường Tăng bị Hỏa Diệm Sơn cản đường, dẫn đến việc phóng tác câu chuyện thú vị “Tôn Ngộ Không ba lần mượn quạt Ba Tiêu”. Giúp nội dung câu chuyện thêm phần phong phú, tình tiết hấp dẫn. Ngộ Thừa Ân tôn rất nhiều bút mực viết nên câu chuyện này. Là một bộ tiểu thuyết ma thần, rất nhiều độc giả nhận định Hỏa Diệm Sơn là hư cấu của Ngộ Thừa Ân, dùng để phát triển tình tiết câu chuyện, thực ra không phải vậy.

Tại phía Bắc bờn địa Thổ Lỗ Phồn ở Tân Cương nằm phía Tây Bắc có ngọn núi “Khắc tứ lạc cách đáp sơn”. “Khắc tứ lạc cách đáp sơn” tức Hỏa Diệm Sơn, còn một cách nói khác là “Xích Thạch Sơn”. Ngọn núi này chạy theo hướng Đông Tây kéo dài khoảng 100 km, Nam Bắc rộng khoảng 10 km, độ cao so với mặt biển khoảng 500 mét, hình dạng giống một dãy đá màu đỏ khổng lồ nằm trên thềm bờn địa. Vào mùa hè nhiệt độ lên đến hơn 47 độ, nóng nhất có thể lên đến 70 độ. Dưới sức nóng chói chang của mặt trời, cát đá nham thạch phát sáng, giống như ngọn lửa cháy mạnh xông thẳng lên trời, cảnh quang hùng vĩ. “Khắc tứ lạc cách đáp sơn” nhờ đó nổi

danh. “Khắc tứ lạc cách đáp sơn” bắt ngang con đường tơ lụa thời cổ đại, là khu vực nóng nhất Trung Quốc, lại nằm ngay con đường Huyền Trang đại sư đi thỉnh kinh. Cho nên rất nhiều học giả cho rằng “Tây Du Ký” khi miêu tả ngọn Hỏa Diệm Sơn do dựa vào cơ sở ngọn núi này thông qua hư cấu thêm bớt sáng tạo mà thành.

Thực ra tại Trung Quốc, Hỏa Diệm Sơn không chỉ có nơi này. Tại thành phố Xích Phong thuộc Nội Mông Cổ vẫn có một ngọn Hỏa Diệm Sơn. Nhưng hiển nhiên, ngọn Hỏa Diệm Sơn này cùng ngọn Hỏa Diệm Sơn dưới ngòi bút của Ngô Thừa Ân chẳng liên quan gì với nhau.

Như trên đã kể, Hỏa Diệm Sơn dưới ngòi bút của Ngô Thừa Ân rất có thể là mô hình của ngọn “Khắc tứ lạc cách đáp sơn” tại Tây Bắc, cộng thêm trí tưởng tượng phong phú của ông sáng tạo mà thành. Hoàn cảnh tự nhiên cung cấp sẵn nguồn và linh cảm sáng tác cho tác giả.

Trong “Tây Du Ký”, bốn thầy trò đến Hỏa Diệm Sơn, một người già nói: “Ngọn núi nọ cách đây xa hơn 60 dặm, là con đường khi đi về hướng Tây tất phải kinh qua. Nhưng có 800 dặm núi lửa, bốn bề xung quanh cỏ không mọc nổi. Nếu qua được núi dù có mình đồng da sắt, kim cương bất hoại cũng hóa thành nước hột.” Tam Tạng nghe xong, sợ hãi thất sắc, không dám hỏi nữa. Có thể thấy, Hỏa Diệm Sơn là nạn kiếp lớn nhất của bốn thầy trò Đường Tăng trên đường thỉnh kinh. Theo cách nói của tác giả, đây nên là nạn thứ 47 trong chín chín tám mươi mốt nạn kiếp, cũng là ví dụ tiêu biểu cho việc thầy trò Đường Tăng vượt qua kiếp nạn tự nhiên. Hỏa Diệm Sơn “không xuân không thu, bốn mùa oi bức”. Từ lời nói của ông lão, chúng ta có thể thấy sự lợi hại của Hỏa Diệm Sơn. Tiếp theo xem cảm nhận của bốn thầy trò khi vừa đặt chân đến Hỏa Diệm Sơn:

Thầy trò bốn người, đi về phía trước, dần cảm thấy hơi nóng oi bức. Tam Tang cỡi ngựa nói: “Nay vốn đang mùa thu, có sao lại oi bức thế này?” Bát Giới nói: “Vốn không biết chứ con nghe nói đường sang Tây Phương có nước Tư Ha Lý nằm ngay nơi mặt trời mọc, tục gọi là con đường cùng. Thường ngày mặt trời sắp lặn, vua nước ấy có lệ truyền đánh trống, thổi tù và, át đi tiếng nước biển sôi sùng sục. Vì giờ thân giờ Dậu mặt trời rất nóng lặn xuống biển Tây giống như dùng lửa nung nước, sóng bủa khắp nhô, sôi lên sùng sục. Nếu không có tiếng chuông trống lấp đi, con nít trong thành giật mình chết hết. Đất ấy nóng bức vô cùng, bốn mùa đều oi ả. Có khi mình đến nước ấy rồi cũng nên.” Đại Thánh nghe nói, không nhịn được cười: “Tên Ngô c đừng nói bừa! Nếu là nước Tư Ha Lý, thì còn sớm lắm. Như sư phụ đây một sớm một chiều, lẽ mà chậm chạp, cho là từ nhỏ đến già, già rồi lại nhỏ, sinh ra ba lần như vậy cũng chưa đến được nơi ấy.” Bát Giới nói: “Sư huynh! Theo như huynh nói, không phải nơi mặt trời mọc, sao nơi này lại nóng như thiêu thế này?” Sa Tăng xen vào: “Hay do thời tiết không đúng, thu đi hạ đến chẳng?”

Vẫn là Tôn Ngộ Không thông minh cơ trí, hỏi ra nội tình Hỏa Diệm Sơn, tìm đến động Ba Tiêu trên núi Thúc Vân mượn quạt Ba Tiêu. Lần thứ nhất mượn quạt Ba Tiêu, bị Bà La Sát quạt bay năm vạn dặm. May gặp Linh Cát Bồ Tát, mượn được viên Định Phong Đan, quay về núi Thúc Vân khiêu chiến, nhờ biến hóa, chui được vào bụng Thiệt Phiến công chúa, nhưng bị Thiệt Phiến công chúa dùng quạt giả gạt một phen. Lần thứ hai mượn quạt Ba Tiêu, được Thổ Địa Hỏa Diệm Sơn giúp đỡ, tìm đến núi Tích Lôi, đại chiến Ngưu Ma Vương, lại đuổi đến đầm Bích Ba, trộm được con Bích Thủy Kim Tinh Súc của Ngưu Ma Vương, biến ra hình dạng hệt như Ngưu Ma Vương, gạt được cây quạt thật. Nhưng đi được nửa đường lại bị Ngưu Ma Vương hóa ra Trư Bát Giới lừa mất quạt. Lần thứ ba mượn quạt Ba Tiêu, Tôn Ngộ Không cùng Bát Giới, giao chiến với

Đại Lực Ngưu Ma Vương, từ Hỏa Diệm Sơn đánh tới Ma Vân Động, lại từ Ma Vân Động đánh đến Thúy Vân Sơn, thi biến hóa, đầu thân lực, có thêm Na Tra tam thái tử, Thác Thập Lý Thiên Vương, Tứ Đại Kim Cang v.v... chư thần trợ giúp, mới chế ngự được Ngưu Ma Vương, đoạt được Quạt Ba Tiêu, thành công dập tắt ngọn lửa lớn trên Hỏa Diệm Sơn, hóa giải kiếp nạn. Người thanh niên bán bánh trên Hỏa Diệm Sơn có nói: “Có cây Quạt Ba Tiêu, nếu lấy được, quạt một cái lửa tắt, quạt hai cái nổi gió, quạt ba cái trời mưa.” Cuối cùng Ngô Không thành công mượn được Quạt Ba Tiêu, cầm quạt tiến đến gần núi, dùng sức bình sinh quạt một cái, Hỏa Diệm Sơn ngọn lửa liền tắt ngúm, không còn phát sáng. Hành Giả vui mừng hơn hở, lại quạt thêm một quạt, chỉ nghe thấy xì xì xào xào gió mát nổi lên. Quạt lần thứ ba, mây đen ùn ùn kéo đến, mưa lớn bắt đầu rơi xuống. Sau đó để tuyết trừ ngọn lửa, cứu giúp dân sinh, Ngô Không lại hỏi Bà La Sát cách diệt tận gốc ngọn lửa, La Sát nói: “Nếu đoạn tuyết ngọn lửa, cần liên tiếp quạt 49 cái, lửa sẽ tắt ngúm vĩnh viễn.” Ngô Không nghe xong, cầm quạt, dùng hết sức, liên tục quạt 49 cái, ngọn núi ngọn lửa lớn đổ ào ào. Ngọn lửa bị đoạn tuyệt, Ngô Không cũng tạo phúc muôn dân. Bà La Sát sau khi hỏi cái cũng tu thành chính quả.

Lửa ở Hỏa Diệm Sơn có thể nói là thiên tai tự nhiên. Trong Triết học cổ đại của Trung Hoa cho rằng quy luật giới tự nhiên không phải dựa vào ý chí con người mà xoay chuyển được. Và “trời” cũng không thể quyết định kiếp hung họa phúc của con người. Quyết định vận mệnh con người không phải mệnh trời, chúng ta không thể tiêu cực chờ đợi sự ban bố của tự nhiên. Điều đó giống như ôm cây đợi thỏ, càng không nên tin vào lời hoang đường “số trời định”, nên tích cực chinh phục tự nhiên, tận dụng tự nhiên và chiến thắng tự nhiên. Ngọn núi lửa 800 dặm nạn cản trở con đường thịnh kinh, nguy hại bá tánh. Còn gió từ cây quạt 84.000 dặm, dập tắt ngọn núi lửa, quạt bảy bảy bốn mươi chín lần dẫn đến mưa to, dập tan nóng bức, đoạn

tuyệt ngộ`n lửa, biểu lộ lý tưởng lợi dụng tự nhiên chiế`n thắ`ng tự nhiên của con người. Điề`u này nói cho ta biế`t giải quyế`t vắ`n đề` câ`n bắ`t nguồ`n từ gồ`c, không thể giồ`ng việc ôm cây đờ`i thỏ, không làm mà có, cũng không nên nóng vội hỏng việc, làm trái quy luật tự nhiên, phải nhận biế`t tự nhiên, nắ`m vững tự nhiên, nắ`m quy luật tự nhiên và chiế`n đắ`u với tự nhiên. Chính gọi là: biế`t người biế`t ta, trăm trận trăm thắ`ng. Quá trình Tôn Đại Thành dập lửa Hỏa Diệm Sơn nói rõ đạo lý này. Quạt có thể tạo gió, còn gió có thể gọi mưa, giồ`ng trong tiểu thuyế`t miêu tả Quạt Ba Tiêu có thể dập lửa Hỏa Diệm Sơn.

7.2 Ngưu Ma Vương, Thiế`t Phiế`n công chúa cùng văn hóa thê thiế`p

Ngưu Ma Vương là nhân vật yêu ma tô`n nhiề`u bút mực nhắ`t trong “Tây Du Ký”. Mỹ Hầ`u Vương từng cùng Ngưu Ma Vương kế`t bái huynh đệ. Danh xưng “Thánh Anh Đại Vương” Hồ`ng Hải Nhi vô`n là con trai Ngưu Ma Vương. Như Ý chân tiên trong động võ trên núi Giải Dương cũng là huynh đệ với Ngưu Ma Vương, và miêu tả Ngưu Ma Vương chi tiế`t nhắ`t câ`n kể đế`n hai hồ`i Tôn Ngộ Không lầ`n thứ hai và lầ`n thứ ba mượn quạt Ba Tiêu. Ở đây chỉ nói về` Ngưu Ma Vương, Thiế`t Phiế`n công chúa và các việc có liên quan đế`n văn hóa thê thiế`p của Trung Quố`c.

Xã hội Trung Quố`c cổ đại thi hành chế` độ hôn nhân một chồ`ng một vợ cùng nhiề`u tỳ thiế`p. Địa vị của thê luôn ở trên thiế`p, chiế`m vị trí cao nhắ`t. Nhưng địa vị cao không nhắ`t định được cung chiề`u. Cũng giồ`ng như trong hoàng cung, người được sủng ái luôn là các phi tử. Vì thường tỳ thiế`p tuổi nhỏ hơn thê, về` diện mạo luôn hắ`p dẫn nổi trội hơn thê. Chính điề`u này dẫn đế`n quan hệ căng thẳng giữa các thê thiế`p. Trong hậu cung hoàng cung, việc thê thiế`p tranh sủng biểu hiện sâu sắ`c nhắ`t. Thông thường phi tử tô`n hao bao tâm tư muố`n được Hoàng thượng sủng hạnh, ngoi lên ngôi

vị Hoàng Hậu. Còn Hoàng Hậu cũng dựa vào quyề`n thê` của mình ra sức áp chề` phi tử.

Trong “Tây Du Ký”, quan hệ giữa vợ Ngưu Ma Vương – Thiế`t Phiế`n công chúa và Ngọc Diện công chúa cũng giồ`ng vậy. Thiế`t Phiế`n công chúa là vợ kế`t tóc với Ngưu Ma Vương. Họ có một đứa con trai, tên gọi Hồ`ng Hải Nhi, tức “Thánh Anh Đại Vương”, tại Hào Sơn sông Khô` Tùng chiế`m núi xung vương, từng cản trở bồ`n thầ`y trò Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh, sau được Quan Âm Bồ` Tát đưa về` Nam Hải, làm Thiện Tài Đô`ng Tử. Thầ`n Thổ Địa tại Hỏa Diệm Sơn giới thiệu với Ngộ Không tình hình thề` này:

Đại Lực Vương là chồ`ng Bà La Sát. Ông bỏ bê La Sát, hiện sồ`ng tại Tích Lôi Sơn, Ma Vân Động. Nơi đó có một Hồ` Vương vạn tuổi. Hồ` Vương nọ chề`t, để lại một đứa con gái tên gọi Ngọc Diện công chúa. Công chúa nọ có gia tài trăm vạn, không người tiế`p quản; hai năm trước, gặp gỡ Ngưu Ma Vương thầ`n thông quảng đại, tình nguyện giao hế`t gia tài, kén ông làm chồ`ng. Ngưu Vương nọ bỏ rơi La Sát, lâu ngày không về` nữa.

Từ đoạn trên có thể thầ`y, Ngọc Diện công chúa không chỉ có “gia tài trăm vạn”, mà còn sở hữu dung mạo xinh đẹp. Trong “Tây Du Ký” tuy không miêu tả nhiề`u về` dung mạo của Ngọc Diện công chúa. Nhưng từ cái tên “Ngọc Diện” mà phán đoán, ắ`t là cô gái xinh đẹp hơn người. Ngưu Ma Vương thầ`n thông quảng đại, nào có thêm muồ`n chi “gia tài trăm vạn” mà bỏ rơi Thiế`t Phiế`n công chúa. Nên Ngưu Ma Vương ắ`t do sắ`c đẹp của Ngọc Diện công chúa mê hoặc. Hơn nữa Ngọc Diện công chúa là Hồ` Ly Tinh. Mọi người đề`u biế`t rõ, nữ nhi do Hồ` Ly Tinh biế`n thành luôn có dung mạo hoa nhường nguyệt thẹn. Trong lòng chúng ta, Hồ` Ly Tinh nổi tiế`ng giới “dụ dỗ đàn ông”. Các cuộc đố`i thoại giữa Ngưu Ma Vương và Ngọc Diện công chúa trong “Tây Du Ký”, bá`t kể Ngọc Diện công chúa mắ`ng chửi thề` nào, Ngưu Ma Vương cũng không ngớt gọi “mỹ nhân ơi”,

“mỹ nhân à”. Từ phân tích phía trên có thể thấy, Ngọc Diện công chúa là một mỹ nhân tuyệt sắc.

Thị phi trong gia đình Ngưu Ma Vương biểu hiện ra vấn đề hôn nhân gia đình. Giả sử xem họ như con người để suy nghĩ thì thị phi trở nên càng rõ ràng hơn. Theo mọi người thấy, người bị hại rõ ràng là Thiệt Phiến công chúa. Sau này Thiệt Phiến công chúa tu thành chính quả, còn Ngọc Diện công chúa lại chế t oan mạng. Đây đại khái do tác giả đồng tình với cuộc hôn nhân bất hạnh của Bà La Sát. Trong ý thức hôn nhân truyền thống Trung Quốc, đúng sai thường nghiêng về phía người phụ nữ bị bỏ rơi và khinh bỉ người đàn ông phụ bạc, kẻ thứ ba phá hoại. Tôn Ngộ Không trên cơ bản cũng có thái độ này đối với Thiệt Phiến công chúa và Ngọc Diện công chúa: Ngộ Không cùng Ngọc Diện công chúa vốn không quen biết. Nhưng khi Ngộ Không đụng phải Ngọc Diện công chúa trên Tích Tuyền Sơn, đồng thời biết ả là thiếp của Ngưu Ma Vương, tâm trạng Ngộ Không lúc đó có thể nói là phản ứng kịch liệt. Ngộ Không giờ Thiệt Bàng lên, lớn tiếng mắng: “Con Hò Ly nhà ngươi, dùng gia tài mê hoặc Ngưu Vương. Quả nhiên cậy tiền cướp chồng người! Người không biết xấu hổ, còn dám mắng chửi ai?” Điều này khác xa một trời một vực với thái độ lễ phép của Ngộ Không với Thiệt Phiến công chúa. Ngộ Không lần đầu gặp Thiệt Phiến công chúa, mặc cho Thiệt Phiến công chúa mở miệng chửi mắng, Ngộ Không vẫn một câu “đại tẩu”, hai câu “đại tẩu”. Quan điểm của Ngộ Không đại diện cho cách nhìn trong dân gian, đương nhiên cũng đại diện cho cách nhìn của tác giả. Hôn nhân là chuyện đại sự của con người. Do đó đổ vỡ trong hôn nhân chắc chắn là một kiếp nạn lớn trong cuộc sống con người. Trong xã hội phong kiến, địa vị người phụ nữ rất thấp kém. Bà La Sát dù trăm ngàn lần không đồng ý, cũng phải nhận sự phụ bạc của Ngưu Ma Vương. Điều đó biểu hiện ra số mệnh bi ai của người phụ nữ cổ đại phải chịu dưới sự trói buộc của đạo lý “Tam tòng tứ đức” trong xã hội phong kiến.

Dưới chế độ hôn nhân như vậy, thế thiếp luôn luôn bất hòa. Thiếp t Phiến công chúa cùng Ngọc Diện công chúa cũng không ngoại lệ, đồng thời thế và thiếp cũng bộc lộ những tiết chế cảm xúc. Tại Tích Tuyết Sơn, Ngô Không đụng phải Ngọc Diện công chúa. Khi Ngô Không hỏi đường đã vô ý nghe nhắc tên Thiếp t Phiến công chúa, Ngọc Diện công chúa lập tức mắ ng chửi: “À tiện nhân đó, thật không biết lễ! Ngưu Vương tự đến nhà ta, chưa được bao lâu không biết tặng ả bao nhiêu ngọc ngà châu báu, trân châu phi thúy lựa là gấm vóc. Tết đến cho củi, hè t tháng đưa gạo. ả tự do hưởng thụ, còn không biết xấu hổ, còn đến đây làm gì?” Có thể thấy Ngọc Diện công chúa cảm hận Thiếp t Phiến công chúa. Làm vợ cả, Thiếp t Phiến công chúa không la lối om sòm như Ngọc Diện công chúa mà duy trì những tiết chế cần thiết. Khi Ngô Không biến thành Ngưu Ma Vương, Thiếp t Phiến công chúa nói: “Đại Vương vui vầy duyên mới, bỏ rơi nô gia. Hôm nay không biết cơn gió nào thổi ngài về đây?” Tuy trong lời nói có chút châm biếm, nhưng cũng không thiếu phần vuốt ve an ủi. Khi kính rượu còn không mất phong độ mà dặn dò chèngh: “Đại Vương, bèn vui duyên mới, chớ nên quên người vợ kẻ t tóc, nhớ về uống chút nước quê nhà.” Từ bút pháp miêu tả Thiếp t Phiến công chúa và Ngọc Diện công chúa có thể thấy, tác giả Ngô Thừa Ân vẫn đứng về phía Thiếp t Phiến công chúa.

7.3 Dùng trí đoạt Quạt Ba Tiêu

Trong “Ba lần mượn quạt Ba Tiêu”, nội dung tình tiết Ngô Không trêu ghẹo Thiếp t Phiến công chúa luôn đặt Ngô Không đứng về phía chính nghĩa, có sức thuyết phục. Trong tiểu thuyết viết Tôn Ngô Không và Ngưu Ma Vương từ sớm đã kẻ t nghĩa anh em, theo vai về nên gọi Ngưu Ma Vương hai tiếng “đại ca”, đương nhiên phải gọi Thiếp t Phiến công chúa là “đại tẩu”. Lúc mới bắt đầu, Tôn Ngô Không dùng lời hay ý đẹp rất mực lễ phép để hỏi mượn Quạt Ba

Tiêu. Khi Thiệt Phiến công chúa và Ngưu Ma Vương hỏi đến việc Hồ ng Hải Nhi, Ngộ Không tường tận giải thích, chỉ ra Hồ ng Hải Nhi vì bắt mất Đường Tăng nên bắt đắ c dĩ mới thỉnh câ u Quan Âm đến thu phục nó, giờ đây Hồ ng Hải Nhi đã tu thành chính quả, trở thành Thiện Tài Đồ ng Tử bên cạnh Quan Âm Bồ Tát, cũng xem như một việc tốt. Nhưng Thiệt Phiến công chúa không nghe lọt tai, hai tay tuốt kiế m, giáng liên tiế p xuô ng đầ u Hành Giả, chém khoảng mười mắ y nhất, Hành Giả nọ không hề hắ n gì. Thế là Ngộ Không buộc phải ra tay đánh trả. Ba lầ n mượn Quạt Ba Tiêu thể hiện một cách xuấ t sắ c lòng dũng cảm, kiên nhẫn và trí tuệ của Tôn Ngộ Không. Tôn Ngộ Không lầ n đầ u mượn Quạt Ba Tiêu không thành, lại mượn lầ n thứ hai, vẫn không xong, tiế p tục lầ n thứ ba, cho đến khi buộc Thiệt Phiến công chúa giao ra Quạt Ba Tiêu mới thôi. Trong “ba lầ n mượn”, lầ n thứ nhấ t viết biế n thành con sâu chui vào bụng Thiệt Phiến công chúa, ép Thiệt Phiến công chúa giao ra Quạt Ba Tiêu; lầ n thứ hai biế n thành Ngưu Ma Vương, gạt được Quạt Ba Tiêu thật từ chỗ Thiệt Phiến công chúa; lầ n thứ ba biế n thành Hải Đông Thanh, Ô Phượng, Đan Phượng, Hồ đỏi v.v... đại chiế n cùng Thiên Nga, Hoàng Ưng, Bạch Hạc, Hoắ ng Hương do Ngưu Ma Vương hóa ra. Cuố i cùng dưới sự giúp đỡ của chư thầ n thu phục Ngưu Ma Vương, mượn được Quạt Ba Tiêu, dập tắ t lửa trên Hỏa Diệm Sơn. Ba lầ n mượn Quạt Ba Tiêu là câu chuyện kinh điển đầ u tài đầ u trí. Nhấ t là hai lầ n “mượn quạt” đầ u tiên thể hiện sự thông minh và tài trí của Ngộ Không một cách rõ ràng nhấ t. Ngộ Không và Ngưu Ma Vương là anh em kắ t nghĩa, chủ nhân của Quạt Ba Tiêu – Thiệt Phiến công chúa là vợ Ngưu Ma Vương. Ngộ Không vô n định lợi dụng việc này khơi thông mớ i quan hệ, mượn tạm Quạt Ba Tiêu. Do biế t rõ chuyện Hồ ng Hải Nhi ở Hỏa Vân Động, Thiệt Phiến công chúa quyế t không cho Ngộ Không mượn Quạt Ba Tiêu, kắ t quả dẫn đến một trận đắ u, Ngộ Không bị Thiệt Phiến công chúa quạt cho một quạt bay xa hơn năm vạn dặm. Mượn không xong, bèn dùng mưu kắ ! Đầ u tiên Ngộ Không biế n

thành con ruồi bay vào Động Ba Tiêu, gặp lúc Thiệt Phiến công chúa uống nước, Ngộ Không bay vào ly trà chui tọt vào bụng công chúa. Tôn Ngộ Không ở đó cho đến khi công chúa bẻng lòng cho mượn quạt mới chịu bay ra. Nhưng lần này mượn nhằm quạt giả. Lần thứ hai mượn quạt, mưu kế cao cường hơn. Nhân cơ hội Ngưu Ma Vương uống rượu say, Ngộ Không trộm mất con vật cưỡi của hắn ta. Thiệt Phiến công chúa nhìn thấy vật cưỡi của Ngưu Ma Vương sẽ không hoài nghi gì cả. Thứ hai, Ngộ Không lợi dụng tâm lý nhớ nhung của Thiệt Phiến công chúa với Ngưu Ma Vương để thực hiện việc mượn quạt của mình. Trước tiên khiến Thiệt Phiến công chúa bị tình làm mờ mắt, sau đó mới lấy lý do tránh việc Ngộ Không đến trộm quạt làm, bảo Thiệt Phiến công chúa giao quạt ra, và nói ra bí quyết của quạt. Mưu kế của Ngộ Không luôn khiến đối thủ muốn phòng cũng không phòng được, chỉ cần chút sơ suất đối thủ lập tức rơi vào bẫy.

Trong “Ba lần mượn quạt Ba Tiêu” cũng lộ tình cảm vợ chồng vào thế giới thần tiên. Ngọc Diện công chúa nổi cơn ghen tuông với Thiệt Phiến công chúa, lớn tiếng chửi mắng Thiệt Phiến công chúa “không biết xấu hổ”. Sau đó, khi Ngộ Không biến thành hình dạng Ngưu Ma Vương trở về động Ba Tiêu gạt lấy quạt. Do Thiệt Phiến công chúa không hề hay biết lại thêm lòng nhung nhớ phu quân, thế là suốt buổi có những cử chỉ thân mật cùng Ngưu Ma Vương do Ngộ Không biến thành, diễn một màn kịch “vợ chồng giả”.

Sự nghịch ngợm của Ngộ Không cũng được thể hiện toàn diện qua “Ba lần mượn Quạt Ba Tiêu”. Khi Ngộ Không hóa thành Ngưu Ma Vương đến lừa gạt Thiệt Phiến công chúa, trước tiên Ngộ Không giả vờ tỏ ra quan tâm, khiến Thiệt Phiến công chúa cảm động, vừa uống rượu cùng Ngộ Không vừa nói những lời mật ngọt. Sau hai người lại má tưa vai kề, Ngộ Không thấy đáng vẻ say sưa bí tỉ của

Thiệt Phiến công chúa, bèn nói: “Phu nhân, Quạt thật nàng cất ở đâu? Sớm tối nhớ cẩn thận. Nhưng sợ rằng Tôn Hành Giả biến hóa khôn lường lại đến gạt đi mất.” La Sát cười ha hả, lấy từ trong miệng ra, cây quạt chỉ lớn bằng chiếc lá hạnh nhân, đưa cho Đại Thánh nói: “Cái này phải không?” Ngộ Không sau khi có được bài chú của quạt, có thể ngay lập tức biến thành con ruồi bay đi mất, nhưng điều này không phù hợp với tính cách của Ngộ Không. Ngộ Không “vuốt mặt một cái, lộ ra nguyên hình. Nghiêm giọng nói: ‘Bà La Sát! Người xem ta có phải ông chồng của người không mà quá n quýt với ta như vậy! Không biết xấu hổ! Không biết xấu hổ!’” Thiệt Phiến công chúa then đến muốn động thổ. Ngộ Không giả dạng Ngưu Ma Vương, một mặt có thể nói là bất đắc dĩ cần phải làm như vậy; một mặt khác không thể không nói có hàm ý trêu chọc. Màn “biểu diễn” cuối cùng của Ngộ Không nói rõ hơn ngụ ý muốn trêu ghẹo của mình.

Chúng ta lại xem lần thứ nhất Ngộ Không mượn quạt Ba Tiêu biến thành con ruồi chui vào bụng Thiệt Phiến công chúa, ép giao quạt. Khi ở trong bụng Thiệt Phiến công chúa, Ngộ Không đã làm những trò gì?

Hành Giả nói: “Lão Tôn một đời không biết giờ trò, toàn dùng thủ đoạn thật, bản lĩnh thật. Nay Lão Tôn ta đang ở trong bụng tẩu tẩu đã thấy được lục phủ ngũ tạng rồi. Ta biết tẩu tẩu cũng đang khát nước, ta tặng tẩu tẩu ít nước để giải khát đã nhé!” nói đoạn bèn đập vào bụng cô ả mấy cái. La Sát, đau không chịu nổi, ngơ ngác kêu rên. Hành Giả nói: “Tẩu tẩu đừng chửi từ, ta tặng tẩu thêm ít điểm tâm cho đỡ đói!” lại húc đầu vào bụng ả khiến La Sát đau không chịu được, lăn lộn dưới đất, mặt mày vàng vọt, môi trắng bệch, chỉ kêu: “Tôn thúc thúc tha mạng!”

Trong đoạn này, ngôn từ của Ngộ Không rất nghịch ngợm, hoàn toàn thể hiện cá tính vốn có của mình. Sự tinh nghịch của Ngộ

Không được tác giả thể hiện tình thế qua ngòi bút điều luyện của mình.

7.4 Từ việc Đại Thánh được quạt mát quạt, luận chuyện thành bại

Thất bại có trước hay thành công có trước, ai cũng không dám chắc. Có người nói: “Thất bại là mẹ thành công”, nên thất bại có trước. Có người lại nói, thành công có trước, rất nhiều việc thành công trước, sau đó lại thất bại. Thực ra, tranh luận sự thành công và sự thất bại cái nào có trước cái nào có sau, cũng giống như tranh luận con gà có trước hay trứng có trước vậy, không ai dám chắc. Trên thế giới đúng và sai chỉ có khái niệm tương đối chứ không có tuyệt đối, đối với các sự vật động chúng ta càng không cách nào phán đoán. Hiển nhiên, thành công và thất bại cũng không phải vĩnh hằng. Nó luôn biến đổi không ngừng, thành công có thể chuyển thành thất bại, thất bại cũng có thể hóa thành công. Trong “Ba lần mượn Quạt Ba Tiêu”, Tôn Ngộ Không biến thành Ngưu Ma Vương gạt được cây quạt báu nhưng lại bị Ngưu Ma Vương biến thành Bát Giới gạt lại. Quá trình này là quá trình chuyển biến của thành công và thất bại.

Tôn Ngộ Không trong lần thứ nhất mượn Quạt Ba Tiêu, biến thành con ruồi, bay vào trong tách trà. Thiệt Phiến công chúa khát nước, đón lấy tách trà, uống vài ngụm. Khi Ngộ Không ở trong bụng, đạp chân, húc đầu, khiến Thiệt Phiến công chúa đau không chịu nổi, van xin tha mạng. Tôn Ngộ Không lúc này mới ngừng tay nói: “Tha mạng cho tâu tâu, tâu tâu mau lấy Quạt Ba Tiêu ra cho ta mượn tạm.” Thiệt Phiến công chúa không còn cách nào khác đành cho mượn quạt. Ai ngờ, cây quạt này là giả, Tôn Ngộ Không đem nó đến quạt tại Hỏa Diệm Sơn, càng quạt lửa càng mạnh.

Lần mượn quạt này thất bại, Ngộ Không lại đi tìm Ngưu Ma Vương. Ngưu Vương là chủ của Thiệt Phiến công chúa, từng

cùng Ngô Không kẻ t bái huynh đệ. Ngô Không muốn nhờ mối quan hệ này mượn quạt. Nào ngờ Ngưu Ma Vương không những không cho mượn quạt, còn đánh nhau cùng Ngô Không. Hai người đấu hơn trăm hiệp bất phân thắng bại. Đang lúc đó, Ngưu Ma Vương dùng không đánh nữa, để đến Long cung dự tiệc. Tôn Ngô Không thừa cơ hội này, hóa thân thành Ngưu Ma Vương, trộm con Bích Thủy Kim Tinh Súc, quay về Ba Tiêu Động trên núi Bích Vân tìm Thiệt Phiến công chúa.

Ngô Không thấy Thiệt Phiến công chúa đã say, bèn nói khích: “Phu nhân, Quạt thật nàng cất ở đâu? Sớm tối nhớ cẩn thận. Sợ rằng Tôn Hành Giả biến hóa khôn lường lại đến gạt đi mất.” La Sát cười ha hả, lấy từ trong miệng ra, cây quạt chỉ lớn bằng chiếc lá hạnh nhân, đưa cho Đại Thánh nói: “Cái này phải không?” Đại Thánh cầm trong tay nhưng vẫn chưa tin, thầm nghĩ: “Nhỏ thế này, sao đập tắt được lửa? Lại sợ là quạt giả nữa.” La Sát thấy Ngô Không cầm bảo bối về mặt trầm tư, không nhìn được đến trước mặt Hành Giả, nói: “Chàng ôi, chàng cất bảo bối vào tiếp tục uống rượu đi, cầm nó mà nghĩ ngợi làm gì nữa?” Đại Thánh bèn hỏi một câu: “Vật nhỏ bé này, làm cách nào quạt được ngọn núi lửa 800 dặm?” La Sát đang lúc say rượu không do dự nói: “Đại Vương, đôi ta cách biệt hai năm. Chắc người ham vui hưởng lạc, bị con Ngọc Diện hồ ly nọ làm lẫn thân trí hết rồi, sao đến cả bảo bối của nhà mình mà cũng quên mất? Chỉ cần lấy ngón tay cái bên trái vờ sợi dây màu đỏ thứ bảy trên cây quạt, niệm ‘Úm ba la hắc p’, nó lập tức dài một trượng hai thước. Bảo bối này biến hóa khôn lường! Nào sợ núi lửa dài 800 dặm, cũng một quạt là tắt ngúm.” Đại Thánh nghe xong, ghi nhớ trong lòng, rồi bỏ quạt vào miệng, vồ lấy mặt một cái, hiện nguyên hình, nghiêm giọng nói: “Bà La Sát! Người xem ta có phải chồng của ngươi không mà quá n quýt như vậy! Không biết xấu hổ! Không biết xấu hổ!” La Sát nọ vừa nhìn thấy Tôn Hành

Giả, hoảng sợ đến đẩy ngã bàn rượu thịt, té xuống đất, xâu hổ vô cùng, chỉ nói được câu “Tức chết đi được, tức chết đi được!”

Ngộ Không bước ra khỏi Ba Tiêu Động, nhún mình một cái nhảy lên ngọn núi cao, lấy cây quạt ra tập thử, quả nhiên dài một trượng hai thước. Rất tiếc, Tôn Ngộ Không chỉ biết cách biến lớn cây quạt, không biết làm cách nào biến cho nó nhỏ lại, đành vác trên vai đem về.

Ngưu Ma Vương tan tiệc tại Long Cung, ra cửa không thấy vật cười, biết có việc không ổn, nhanh chóng quay về động Ba Tiêu. Nghe Thiệt Phiến công chúa nói đã bị Ngộ Không lừa lấy đi, liền bay nhanh về hướng Hỏa Diệm Sơn, Ngưu Ma Vương thấy Tôn Đại Thánh vác quạt trên vai quay về, sợ hãi nghĩ: “Hóa ra con khỉ lông này đã học được cách sử dụng bảo bối. Nếu ta xuất hiện đòi lại, hắt hủi không trả. Ngược lại quạt ta một cái, bay xa mười vạn tám ngàn dặm mây.” Lúc đó, Tôn Ngộ Không là người thành công, chiếm thế thượng phong. Ngưu Ma Vương là kẻ thất bại, chiếm thế hạ phong.

Ưu thế và yếu thế có thể đổi chỗ cho nhau. Lúc đó, Ngưu Ma Vương nảy ra một kế, lừa mình biến thành Trư Bát Giới, vòng đường tắt chặn đường Đại Thánh, nói: “Sự phụ thấy huynh đi lâu không về, sợ Ngưu Ma Vương bản lĩnh cao cường, huynh đâu không lại, khó đoạt được bảo bối, bảo đệ đến tiếp tay với huynh.” Bát Giới giả mượn cơ Ngộ Không mệt mỏi, muốn vác quạt giúp Ngộ Không. Tôn Ngộ Không lúc ấy bị thối lợi làm cho mê muội, đang vui hơn hờ, không hề nghi ngờ đem quạt giao cho Bát Giới giả. Ngưu Ma Vương đón lấy quạt, biến quạt trở lại nhỏ như lá hạnh, lộ ra mặt thật. Khi đó, ưu thế vốn có của Ngộ Không trong phút chốc tan biến. Nếu không phải Đại Thánh có Định Phong Đan, sớm đã bị Ngưu Ma Vương quạt cho bay đi mười vạn tám ngàn dặm. Thực ra, Tôn Ngộ Không có Kim Tinh Hỏa Nhãn, chỉ cần tập trung chú ý,

nhìn kỹ một chút, sao lại không nhìn ra tên Bát Giới giả này là Ngưu Ma Vương được chứ? Ngộ Không thật là thông minh một đời, hô`đồ` một phút, Bát Giới nổi tiế`ng lười biế`ng, có bao giờ dành làm việc không? Tôn Ngộ Không chuyển từ thành công sang thấ`t bại chính do bị chìm đấ`m trong niê`m vui chiế`n thắ`ng, bị thắ`ng lợi làm cho mê muội.

Điề`u này cho ta biế`t, không có việc gì vĩnh viễn không thay đổi. Sự việc hiện tượng luôn biế`n đổi không ngừng, mâu thuẫn hai bên có thể hỗ trợ nhau. Thắ`ng không kiêu, bại không nản, khi thành công không nên đấ`c ý quên mấ`t chú ý đề` phòng, lúc thấ`t bại cũng không nên nhụt chí nản lòng, Lão Tử từng nói: “Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là nơi ẩn náu của họa.” Tức họa là tiê`n đề` tạo phúc, còn phúc hàm chứa các nhân tố` gây họa. Cũng tức là việc tồ`t và việc xấ`u có đổi chỗ cho nhau. Trong một điề`u kiện nhấ`t định, phúc có thể biế`n thành họa, họa cũng có thể trở thành phúc. Trên thực tế`, không có ưu thế` vĩnh hã`ng, cũng không có yế`u thế` vĩnh viễn. Để duy trì ưu thế` phải không ngừng sáng tạo, cải cách, phát triển, phát hiện nhiê`u khuyế`t điểm và sơ hở của bản thân. Để chuyển biế`n yế`u thế`, phải không ngừng tích lũy kinh nghiệm và tập hợp lực lượng, nắ`m bắ`t cơ hội, cơ hội đế`n tuyệt đố`i không bỏ qua, đó chính là “Cơ hội không thể mấ`t, thời gian qua đi không quay trở lại”.

Khi chúng ta thành công, dễ dàng đánh giá quá cao bản thân, đề` cao “năng lực” bản thân, dẫn đế`n mục tiêu và năng lực thực tế` không khớp với nhau. Trên thực tế`, năng lực của một người được tích lũy dầ`n dầ`n trong quá trình học tập và thực tiễn. “Không đi nửa bước, khó đi ngàn dặm; không góp từng dòng chảy nhỏ, khó hợp thành biển lớn.” Tấ`t cả thành công đề`u do góp nhặt mà có, là quá trình tập hợp, không ngừng tích lũy mà nên.

Thành công khiế`n đầ`u óc dễ bị mê muội. Một người thành công, đi kèm với thành công luôn là hoa tươi và lời tán thưởng, cho nên,

đầu óc bất đầu không tinh táo. “Thuộc đã ng giả tật, sự thật mất lòng”. Người luôn sống trong lời khen không phát hiện được khuyết điểm và thiếu sót của bản thân, không thực hiện cải cách và sáng tạo, một mực tận hưởng niềm vui cùng vinh quang của chiến thắng, quên hết tất cả, dương dương tự đắc, cuối cùng sẽ dẫn đến thất bại.

Thành công khiến con người dễ mất cảnh giác. Người thành công xem thường đối thủ của mình, thậm chí không ý thức được đối thủ tiềm tàng và nguy hiểm, mất đề phòng, khinh địch. “Con đề ngàn dặm, sụp là do tổ kiến.” Nguy hại nhỏ dần dần tích lũy trở thành nguy hiểm lớn. Chúng ta cần chú trọng từng chi tiết nhỏ trong cuộc sống, không được bỏ qua bất kỳ nguy hiểm nào dù nhỏ bé, càng không thể để tổ kiến hủy đi “con đề dài” của chúng ta.

Còn thất bại cũng không đáng sợ, đáng sợ là không biết tìm tòi, không biết nhớ lại, suy ngẫm. Chỉ cần chúng ta bình tĩnh phân tích mâu thuẫn của sự thất bại, tìm ra điểm yếu của bản thân, lập ra phương pháp khắc phục hiệu quả, tạo tiền đề cho thành công lần sau, đồng thời nhìn nhận bản thân, tin tưởng bản thân, tạo dựng dũng khí, thành công sẽ không cách chúng ta bao xa nữa.

Trong “Tây Du Ký” bốn thầy trò Đường Tăng trải qua tám mươi mốt nạn mới thỉnh được chân kinh, trên đường không biết gặp phải bao khó khăn, thất bại, nhưng bốn thầy trò hợp sức chiến thắng khó khăn, gặt hái được thành công. Con đường đời cũng đầy những thất bại, một triết gia từng nói: “Thất bại để lại cho bạn tất cả. Hãy suy ngẫm nó, một khi thất bại đi qua, tức thành công sắp đến!”

“Không lấy thành bại luận anh hùng”, chúng ta không nên say sưa khi thành công gõ cửa, cũng không nên cúi đầu khi thất bại xâm chiếm. Khi thành công cần tăng thêm cảnh giác, lúc thất bại

cần thêm chút trầm tĩnh. Đây chính là chân lý cuộc sống mà tác giả “Tây Du Ký” muốn gửi đến chúng ta.

8. Kỳ Lân Sơn lấy cắp chuông Tử Kim

8.1 Yêu giang sơn càng yêu mỹ nhân

Tình yêu đẹp là chủ đề ngàn năm không thay đổi của nhân loại. Đề m không xiết những truyện thuyết cùng các câu chuyện về tình yêu. Không chuyện nào không lưu truyền thiên cổ, và cảm động lòng người.

Khi thầy trò Đường Tăng đi đến nước Chu Tử, Quốc Vương Chu Tử mắc bệnh lâu ngày khó lòng chữa khỏi, không thể lâm triều, xử lý chính sự, đành treo bảng vàng, chiêu nạp hiền sĩ khắp nơi trong thiên hạ trị bệnh cho mình. Quốc Vương Chu Tử nói: Nếu như bệnh của ta có phần thuyên giảm, ta bẻ gãy lòng chia nửa giang sơn. Tôn Ngộ Không gỡ bảng vàng, đồng thời chẩn đoán ra bệnh của nhà vua gồm các chứng như: trung hư đau tim, ra mồ hôi, tê cơ bắp, ăn không tiêu hay giết mình hời hợt. Tên bệnh là do ưu phiền kinh hãi mà sinh bệnh, ấy gọi là chứng “Đôi chim mất bạn”. Ngộ Không kể tên bệnh, Quốc Vương Chu Tử hớn hở thừa nhận: “Quả tình như vậy! Xin thầy cho phương thuốc cứu chữa.” Bá quan nước Chu Tử không hiểu cái gì gọi là chứng “Đôi chim mất bạn”. Tôn Ngộ Không giải thích rằng: “Có đôi chim sinh sống cùng nhau, mưa to gió lớn chúng lạc mất nhau. Đó chẳng phải chứng đôi chim mất bạn sao?” Ngộ Không ẩn dụ rằng nhà vua do bị chia loạn rẽ phượng, tương tư mà sinh bệnh. Hóa ra ba năm trước vào tiết Đoan Ngọ, Vương hậu Kim Thánh Cung nước Chu Tử bị yêu tinh tự xưng là Trại Thái Tuế bắt về làm áp trại phu nhân. Nhà vua vì vậy bị kinh sợ, thêm vào ngày đêm nhưng nhớ không nguôi sinh ra trọng bệnh. Khi Tôn Ngộ Không hỏi nhà vua phải chăng muốn Kim Thánh Cung quay về, Quốc Vương Chu Tử nước mất lưng tròng nói: “Trẫm đây mong nhớ

ngày đêm, tương tư không dứt, ngất không ai giết được yêu tinh. Nay Trầm bả`ng lòng dắ`t gia quyế`n và tam cung ra cung làm dân thường, dâng giang sơn cho Thánh Tăng, nhường người làm vua.” Khiế`n Bát Giới cười chề`nhạo: “Hoàng đế` này thật mắ`t thể thô`ng! Sao có thể vì vợ mà bỏ giang sơn, quy lụy hòa thượng?” Kim Thánh nương nương cũng không ngừng nghĩ về` quốc vương Chu Tử, cũng “nước mắ`t lã chã, mây phượng u ê” mà than oán: “Có lẽ ta và bệ hạ kiế`p trước không thắ`p nhang, nên kiế`p này gặp phải yêu quái. Chia cách ba năm biế`t bao giờ mới được gặp lại? Uyên ương chia rẽ hai nơi xiế`t bao sầ`u thương.” Điề`u đó khiế`n người đòi cảm động.

Yêu giang sơn, càng yêu mỹ nhân, quốc vương Chu Tử thậm chí đô`ng ý dâng cả giang sơn đổi Kim Thánh nương nương quay về`. Giữa ngài và Kim Thánh nương nương tình sâu như biển, cảm động lòng người. Sở Bá Vương anh hùng mặt lộ, Ngu Cơ tuần tiế`t vì tình, “Bá Vương biệt cơ” cô`ng hiế`n cho chúng ta một thiên tình sử cảm động trời đắ`t. Tình yêu chân chính còn quan trọng hơn cả công danh lợi lộc, quyề`n thế` tôn quý. Nhưng tình yêu vô`n không hoàn mỹ như chúng ta tưởng. Con người ai cũng khát khao có được tình yêu “cùng nắ`m tay nhau, sồ`ng đế`n đầ`u bạc”. Nhưng sự đòi khó lường, tình yêu cũng để lại cho con người nhiề`u điề`u tiế`c nuố`i.

8.2 Chứng “đôi chim mắ`t bạn” và cách chữa trị của Hành Giả

Ngộ Không tháo bảng vàng, sau khi nhập cung, bút ba cọng lông biế`n thành ba sợi “kim tuyế`n” dùng chân mạch cho quốc vương Chu Tử:

Dem ba sợi kim tuyế`n đưa cho hoạn quan mang vào trong đô`ng thời dặn dò: “Bảo nội cung hậu phi, hoặc Thái Giám cận thầ`n, dặn đem cột vào cổ tay trái nhà vua, từ ngoài buộc vô một sợi ngay mạch thô`n, một sợi ngay mạch quan, một sợi ngay mạch xích. Sau đó đem

ba mô' i chỉ còn lại luô' n qua màn cửa sổ đưa cho ta.” Tên Thái Giám đó tuân lời, mời quô' c vương ngô' i lên long sà' n, cột một đầ' u dây kim tuyê' n vào tay nhà vua, đầ' u còn lại luô' n ra ngoài cửa sổ. Hành Giả đón lấ' y đầ' u dây, để ba mô' i kim tuyê' n lên ba ngón tay phải, lấ' y ba ngón tay phải lầ' n lượt bắ' t mạch cho quô' c vương. Ban đầ' u Ngô Không xem mạch thố' n, kê' đê' n dùng ngón giữa đề' lên ngón cái xem mạch quan. Sau lại lấ' y ngón cái giữ chặt ngón áp út xem mạch xích; điề' u hòa nhịp thở, chia làm tứ khí ngũ ưu, thấ' t biểu bát lý cửu hầ' u, trong nôi có trầ' m, trong trầ' m có nôi, phân biệt rõ thực hư ngọn nguồ' n. Lại bảo mở dây kim tuyê' n ra buộc sang bên tay phải rô' i cũng coi như vậy. Đoạn chẵn xong mạch, Ngô Không nhún mình thâu ba sợi kim tuyê' n lại, nghiêm giọng nói: “Bệ hạ, tay trái của người mạch thố' n mạnh nhưng gắ' p, mạch quan yế' u nhưng chậm, mạch xích hành nhưng trầ' m. Tay phải mạch thố' n nổi nhưng trơn, mạch quan chậm nhưng kê' t, mạch xích trội nhưng chắ' c. Theo mạch thố' n bên tay trái mạnh nhưng gắ' p, ta đoán chắ' c Bệ hạ bị đau bụng. Mạch quan yế' u nhưng chậm, do hay giật mình hô' i hộp lại đồ' mồ' hôi và tê mình mảy. Mạch xích hành nhưng trầ' m do tiêu tiện sót và đại tiện có máu. Tay phải mạch thố' n nổi nhưng trơn, do chứng trường phong hạ huyê' t, mạch quan trì trệ do ăn đồ' không tiêu, mạch xích trội nhưng chắ' c do ưu phiề' n thêm kinh hải dẫn đê' n. Sau khi chẩn đoán đây là chứng ưu uấ' t trầ' m tư quá độ, tên gọi là chứng ‘đôi chim mấ' t bạn’.”

Quô' c Vương vừa nghe, trong lòng mừng rỡ, vực dậy tinh thầ' n, xin được ban thuô' c. Mọi người không rõ cái gì gọi là hội chứng “đôi chim mấ' t bạn”. Ngô Không cười đáp: “Có hai con chim trố' ng mái, vô' n ở cùng với nhau, đột nhiên bị bão tố' mưa mù làm cho chia rẽ. Con trố' ng không tìm thấ' y con mái, con mái không gặp được con trố' ng, trố' ng nhớ mái, mái cũng nhớ trố' ng. Đó chẳng phải chứng ‘đôi chim mấ' t bạn’ hay sao?” Bá quan nghe xong, gật gù khen hay, khen ngợi Ngô Không là “thầ' n y”! Hóa ra ba năm trước, vào tiê' t

Đoan Ngọ, Quốc Vương Chu Tử cùng cung tá`n phi tử đế`n đình Hải Lưu trong Ngự Hoa Viên cùng ăn bánh u`ng rượu, xem đầ`u thuyề`n rô`ng. Đột nhiên có một cơn gió lạ bay đế`n, trên không trung xuấ`t hiện một con yêu tinh, tự xưng Trại Thái Tuế`, nói hắ`n vớ`n sô`ng tại Giải Bảo Động trên núi Kỳ Lân, trong động còn thiế`u một phu nhân, nghe đầ`n nước Chu Tử có Kim Thành nương nương dung mạo xinh đẹp, nay đế`n bắ`t đi, lệnh đế`m đế`n ba nế`u không giao ra thì ăn thịt quố`c vương trước, tiế`p đế`n ăn thịt quầ`n thầ`n, ăn hế`t lê dân bá tánh trong thành. Quố`c Vương Chu Tử yêu nước thương dân, không còn cách nào khác đành giao ra vương hậu. Từ đó, quố`c vương bị khùng hoảng, bánh ăn vào không tiêu hóa được, lại thêm đêm ngày ưu tư, nhưng nhớ không nguôi, dẫn đế`n bệnh suố`t ba năm.

Ở đây Ngô Không chẩn đoán chứng “đôi chim mắ`t bạn”, thực ra do hai nguyên nhân dẫn đế`n: Một là “bị khùng hoảng”, hai là “ngày đêm ưu tư, nhưng nhớ”, mà “khùng hoảng” là triệu chứng bên ngoài, “ưu tư” là biểu hiện bên trong.

Ngô Không trị bệnh bên ngoài trước. Bảo Thái Y trong cung chuẩn bị tám trăm cân hải vị, ba cân thuố`c xay, thuố`c nghiề`n, thuố`c lọc, thuố`c nở và dạng nôi, dạng nén các loại đầ`u đưa vào trong cung, nhắ`t nhắ`t bảo thu vào. Bát Giới không hiểu, nói đùa Ngô Không muố`n “tìm cách mở hiệu thuố`c”, nhưng không biế`t dụng ý của Ngô Không muố`n Thái Y “đoán không ra” khó lòng biế`t được “thầ`n đơn diệu dược” của mình. Sau đó, Hành giả đợi lúc nửa đêm tĩnh mạch chề` thuố`c. Sai Bát Giới lắ`y một lượng đại hoàng, xay thành bột. Bảo Sa Tăng đi lắ`y một lượng bã đậu, đấi vỏ đem nghiề`n thành bột, lại cạo nửa chén nhọ`nô`i, hứng nửa chén nước đái ngựa, trộn lẫn với nhau, vo thành ba viên thuố`c to cỡ hạt đào. Đại hoàng nhuận tràng, thức ăn ứ đọng trong dạ dày thì nóng lạnh; bã đậu phá vỡ kế`t tụ thông ruột; nhọ`nô`i có thể chữa bá bệnh; nước đái long mã

càng thâm kỳ, cá đấ c đạo thành rô ng, cỏ đấ c đạo thành linh chi, “theo đúng chứng bệnh, uớ ng thuố c là khỏi”. Chính gọi là “bệnh nào thuố c nấ y”. Trước khi uớ ng thuố c còn yêu câ u nước vô căn làm thuố c dẫn cho “Ô Kim Đan”. Gọi Long Vương đang du ngoạn đi ngang, hắ t xì một cái, hóa ra cam lộ, làm thuố c dẫn – nước vô căn. Thuố c dẫn này cũng rấ t phi thường. Quố c Vương nộ nuố t Ô Kim Đan vào liề n bài tiế t hế t ô uế , gạo nế p ă n vào tiêu hóa ra hế t, trừ được bệnh căn, bụng dạ khoan thai, khí huyế t điề u hòa, tinh thầ n dầ n phấ n chấ n lên, lực chân khỏe mạnh.

Tiế p đế n Ngô Không trị bệnh bên trong. Trong yế n tiệc, Hành Giả hỏi “bị khủng hoảng vì việc chi”, thăm dò nguyên nhân chứng bệnh nhà vua, liề n đi giáng yêu phục ma, giải cứu Kim Thánh nương nương. Trước là đánh lui nhóm tiên phong của Trại Thái Tuế , hỏi rõ tình hình yêu quái. Kế đế n đánh giế t tâm phúc của yêu quái, biế n thành “có qua có lại”, trà trộn vào động yêu, thám thính tình hình thực hư trong động. Ngô Không biế n thành Xuân Kiề u tỳ nữ cận thân của Kim Thánh nương nương, trộm mấ t Chuông Tử Kim, bảo bồ i của yêu quái, cuố i cùng chiế n thắ ng được yêu quái, cứu thoát Kim Thánh nương nương. Bệnh của Quố c Vương Chu Tử từ đó “thuyên giảm”.

Ngô Không không phải thầ y thuố c, giồ ng như lời nói của Đường Tăng: “Con theo ta bao năm, đã thắ y con hành y cứu ai bao giờ! Con đế n dươ c tính còn chưa biế t, sách y còn chưa đọc, sao lại cả gan không khéo lại gây nên đại họa!” Nhưng Ngô Không lâ n này hành y, chữa lành bệnh cho Quố c Vương Chu Tử, quả tình bộc lộ trí tuệ bậc cao nhân.

Bệnh của Quố c Vương Chu Tử, thầ y thuố c bình thường xem ra rấ t phức tạp. Nhưng với Ngô Không đó chẳng qua do sợ hãi khiế n đồ ă n không tiêu hóa được, dẫn đế n ô uế bao tử và ưu tư đó độ dẫn đế n hao tổn tinh thầ n. Và nguyên nhân quan trọng nhấ t là tâm

bệnh của Quốc Vương – nhớ nhung Kim Thánh nương nương. Trước tiên Ngô Không dùng “thuốc lạ” chữa bệnh tiêu hóa, đường ruột cho Quốc Vương, sau lại đến núi Kỳ Lân dùng kế trộm Chuông Tử Kim, giảng phục Trại Thái Tuế, cứu Kim Thánh nương nương trở về, giúp đôi vợ chồng họ đoàn tụ, chữa lành tâm bệnh cho Quốc Vương. Đây chính là chỗ cao minh trong cách hành y của Ngô Không.

8.3 Thành tựu y học cổ truyền được thể hiện trong tiểu thuyết

Sau khi Ngô Không đi đến nước Chu Tử gặp lúc Quốc Vương đang mắc bệnh nan y, Tôn Ngô Không bèn giả trang thành thầy thuốc xin trị bệnh cho Quốc Vương. Ngô Không dùng phương pháp chẩn đoán bệnh truyền thống của Y học Trung Quốc do Biên Thước danh y thời kỳ Chiến Quốc tổng kết ra gồm: nhìn, nghe, hỏi, định bệnh, phát hiện Quốc Vương mắc chứng khủng hoảng, chứng ưu uất và bệnh tiêu hóa. Trước tiên, Ngô Không nói chính xác bệnh của Quốc Vương, khiến ông tin vào tài chữa bệnh của mình, đánh tan sự cảnh giác và sợ hãi của ông về hình dáng của mình, tăng thêm lòng tin chữa lành bệnh cho ông. Sau đó dùng đại hoàng, bã đậu, lộ nhĩ, nước đại ngựa chế ra Ô Kim Đan, cho Quốc Vương uống vào. Theo trong tiểu thuyết viết, Quốc Vương do trong tiết Đoan Ngọ bị yêu quái Trại Thái Tuế bắt mất hoàng hậu là Kim Thánh Nương Nương nên mắc chứng khủng hoảng. Đồ ăn vào không tiêu hóa được, hơn nửa ngày đêm ưu uất, nhớ nhung không dứt nên sinh bệnh. Bánh do gạo nếp làm thành, là thực phẩm không dễ tiêu hóa. Người bị kinh sợ và phong hàn dễ dẫn đến đường ruột không tốt, thêm vào ăn quá nhiều thực phẩm khó tiêu hóa, dẫn đến các triệu chứng rối loạn tiêu hóa. Thành phần Tôn Ngô Không dùng chế Ô Kim Đan, nước đại ngựa hôi tanh, người ngửi vào muốn ói; đại hoàng, bã đậu đều là thuốc tiêu chảy; thành phần chủ yếu của nhũ nhĩ là bột than, có tác dụng hấp thụ, có thể hấp thụ độc tố trong cơ thể con người. Do đó, sau khi Quốc Vương uống Ô Kim

Đan, không lâu sau thì hô ỉ phục. Sau đó, Tôn Ngộ Không lại thu phục yêu tinh Trại Thái Tuế, giúp Quốc Vương cứu Kim Thánh cung trở về, triệt để giải quyết tâm bệnh của ông. Tôn Ngộ Không có thể ra thuốc đúng bệnh, phản ánh rõ rệt thành tựu khoa học kỹ thuật trong y học cổ truyền dân tộc. Ngoài ra, còn có tri thức khoa học tự nhiên về một số động thực vật, hóa thạch, luyện đan, thiên ngải côn trùng v.v... được miêu tả sinh động trong “Tây Du Ký”.

8.4 Chiến thuật vu hô ỉ Ngộ Không trộm chuông Tử Kim

Cái gọi là chiến thuật vu hô ỉ, nói đơn giản chính là thay đổi, cũng chính là thực hiện có hiệu quả kế sách tránh đối đầu trực tiếp với lực lượng chủ yếu của đối phương, chuyển sang tấn công vào phía yếu nhất của địch, sau đó phản công mạnh mẽ, “tránh nhánh tiên phong, đánh vào hiểm yếu”. Ngộ Không dùng chiến thuật này giao đầu cùng yêu quái Trại Thái Tuế tại núi Kỳ Lân.

Bồ n thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh đi ngang nước Chu Tử, Ngộ Không trị lành bệnh cho Quốc Vương, đồng thời nhận lời giúp Quốc Vương giáng yêu trừ ma, giải cứu Kim Thánh nương nương.

Tôn Ngộ Không đến núi Kỳ Lân, trên núi Vân Đài đầu chỉ thầy khói lửa bốc ra. Cùng lúc đó, lửa đỏ ngập trời, trong làn lửa đỏ bay ra một làn khói độc, độc hơn cả lửa. Ngộ Không lo lắng, trong núi lại phun ra một trận cát, quả thật che hết trời, lấp hết đất. Ngộ Không biết yêu quái đang thả khói, đốt lửa, phun cát, không dám manh động lỗ mãng, cho nên quay về nước Chu Tử, hỏi mượn Quốc Vương một món bảo bối thường ngày Kim Thánh nương nương yêu thích. Như vậy Kim Thánh nương nương dễ dàng tin mình.

Ngộ Không đến núi Kỳ Lân, gặp Kim Thánh nương nương, nói rõ lý do đến đây, lại lấy món bảo bối ra cho nương nương xem. Thế là nương nương tin Ngộ Không, khẩn cầu Ngộ Không cứu thoát về

nước Chu Tử. Ngộ Không hỏi nương nương rằng yêu quái thả khói, đốt lửa, phun cát là dùng món bảo bối gì. Nương nương trả lời, đó là ba chiếc Chuông Tử Kim, lấy cái thứ nhất lắc một cái, phun ba ngọn lửa ba trăm trượng thiêu người. Cái thứ hai lắc một cái, phun ra 300 trượng khói độc. Cái thứ ba lắc một cái, phun ra 300 trượng cát vàng làm mê người. Cát vàng là độc nhất, nếu chui vào mũi thì sẽ thiệt mạng. Ngộ Không hỏi chiếc chuông cất ở đâu, nương nương đáp, yêu quái đeo chuông bên thắt lưng, đi đứng nắm ngói cũng không tháo ra. Ngộ Không bày kế giúp Kim Thánh nương nương lừa lấy chiếc chuông từ chỗ yêu quái.

Nương nương đồng ý cho yêu quái vào cung gặp mặt, giả vờ ôn tồn nói với yêu quái: “Đại vương còn có ý đề phòng thiếp, không dúi dãi như đạo phu thê. Ngài có ba chiếc chuông, trước giờ không cho thiếp nhìn cũng không cho thiếp đụng vào. Sao ngài đi cũng mang theo, ngói cũng mang theo? Ngài hãy tháo ra thiếp cất giùm cho. Đợi khi ngài cần dùng mới lấy ra, có gì mà không được chứ? Dù sao cũng là vợ chồng, xem như tin tưởng lẫn nhau.” Yêu quái đáp lễ rằng: “Nương nương trách phải! Bảo bối đây, hôm nay cất chỗ nàng vậy.” Nương nương đem chuông vàng cất vào bàn chải tóc, ai ngờ Ngộ Không quá háp tấp, trộm mất Chuông Tử Kim mà lại chưa biết cách dùng, lộ ra sơ hở. Chiếc chuông lại bị yêu quái lấy về.

Thế là Ngộ Không lại nảy ra kế khác, hóa trang thành a hoàn, lại bắt ra một cọng lông búng vào người yêu quái, biến thành vô số chỉ, rận, sâu hôi cắn đến yêu quái ngứa ngáy không chịu được. Nương nương nhân cơ hội bảo yêu quái cởi áo bắt giúp hấn. Ngộ Không biến thành a hoàn bảo yêu quái tháo chuông ra. Trong cơn hoảng loạn, hấn không phân được thật giả, đem ba chiếc chuông vàng giao cho a hoàn giả. Ngộ Không sau khi lấy được chuông thật, lại bắt cọng lông biến ra ba chiếc chuông vàng giả trả cho yêu quái.

Ngô Không lanh trí trộm được chuông Tử Kim, đứng ngoài động khiêu chiến với yêu quái. Yêu quái dùng ba chiếc chuông giả sao đâu lại ba chiếc chuông thật của Ngô Không, dĩ nhiên bị Ngô Không thu phục.

Ba quả chuông vàng này của yêu quái quả nhiên lợi hại. Nếu Ngô Không cứ tấn công thẳng ắt chịu thiệt thòi. Vì thế Ngô Không dùng chiến thuật vu hồ, dùng trí để lừa. Tại đây trí thông minh của Ngô Không cũng được thể hiện rõ ràng. Ngô Không tránh được sự lợi hại của Chuông Tử Kim, lập kế trộm mất nó, cuối cùng chiến thắng Trại Thái Tuế.

“Tôn Tử binh pháp” viết “biết vòng quanh là người mưu kế” thường chiến thắng. Khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm là đường thẳng, đó là thường thức toán học. Nhưng trong cuộc sống, con đường xem ra trực tiếp nhất, tắt nhất chưa chắc là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất, có khi còn ngược lại.

Trong cuộc sống, thường gặp phải rừng rậm cách trở, núi cao cản đường. Nhiều lúc chúng ta cần nghĩ cách vượt qua nó, hoặc động não tìm con đường khác. Đó chính là không đi đường thẳng mà đi đường vòng, trong vu hồ tiến lên phía trước. Có lúc con đường vòng lại là con đường ngắn nhất để đạt được mục đích.

Một số người rất thích đi đường tắt. Trong xã hội hiện nay, rất nhiều con đường tắt chứa đầy cám dỗ lợi ích. Trong đó cũng có nhiều cái bẫy, chỉ cần chút sơ hở là sập bẫy, không cách thoát ra. Cho nên, khi chúng ta chọn con đường đời, nhất định phải suy nghĩ cẩn thận, thận trọng chọn lựa, không nên bị lợi ích mê hoặc. Một số con đường xem ra rất ngắn, nhưng trên đường đi gặp nhiều khó khăn. Cho nên thời gian bạn đạt được mục đích rất dài. Nhưng có một số con đường xem ra “vòng vèo lắt léo”, nhưng trên đường đi

không hề gặp trở ngại, giúp bạn nhanh chóng đạt được mục đích. Cho nên, trong cuộc sống không nên sợ đường vòng.

Trong cuộc sống khi đối mặt với sự chọn lựa, nên nhớ cần chọn con đường an toàn nhất và tốn ít thời gian nhất. Khi cần thiết, có thể “đi đường vòng” để tiến lên phía trước.

9. Lôi Âm Tự Như Lai ban chân kinh

Thầy trò Đường Tăng trải qua trăm ngàn hiểm nguy, thập tử nhất sinh, đến được Linh Sơn – thánh địa của Phật, tại Lôi Âm Tự bái kiến Phật Tổ Như Lai, đồng thời “đem văn điệp thông quan dâng lên”. Như Lai Phật Tổ bảo hai tôn giả A Nan, Ca Diếp, dẫn bốn thầy trò Đường Tăng đến Bảo Các dưới Trần Lô u chọn kinh Phật. Song hai vị tôn giả A Nan, Ca Diếp coi sóc Tàng Kinh Bảo Các lại công khai vội tiến hời lộ của Đường Tăng. Bọn họ nói với Đường Tăng: “Thánh Tăng từ Đông Thổ đến đây, có gì đó tặng chúng tôi không? Mau lấy ra đây, ta truyền kinh cho người.” Đường Tăng đáp lời: “Đệ tử Huệ Nang, đường xa đến đây không chuẩn bị lễ vật.” Ngô Không thấy bọn họ “ôm ờ, không chịu truyền kinh”, không chịu được liên thét lên. Hai vị tôn giả đành miễn cưỡng truyền kinh, nhưng lại truyền “kinh không chữ” cho thầy trò Đường Tăng. May thay việc này bị Nhiếp Đăng Cổ Phật trên Bảo Các phát hiện, lập tức phái Bạch Hùng tôn giả “bay đuổi theo Đường Tăng”, vạch rõ chân tướng.

Bốn thầy trò Đường Tăng trải qua 14 năm ròng, đi đoạn đường mười vạn tám ngàn dặm, từ Đông Thổ Đại Đường sang Tây Thiên thỉnh kinh, trên vai gánh trọng trách truyền Phật pháp tại Đông Thổ. Nếu như không phải Nhiếp Đăng Cổ Phật phái Bạch Hùng tôn giả đến cứu giúp, bốn thầy trò Đường Tăng chỉ đành uổng công một chuyến.

Tất cả mọi chuyện, Như Lai, Bồ Tát và chư vị La Hán đều biết. Nhưng khi bốn thầy trò đến đổi lại kinh văn, Như Lai không những không trách cứ hai người A Nan và Ca Diếp, ngược lại còn giảng một bài kinh đạo lý. Đường Tăng đành đem chiếc bình bát vàng giao nộp ra.

Phật Tổ cười nói: “Ngươi hãy thôi la lối. Hai người bọn họ muốn các ngươi biết điều, ta đã biết cả. Nhưng chân kinh không dễ truyền cho người khác, càng không thể lấy không. Ngày xưa Tỳ Khưu Thánh Tăng xuống núi, từng đem kinh này tụng cùng gia đình Triệu trưởng lão tại Xá Vệ Quốc, bảo vệ cả nhà ông người sống thì bình an, người chết được giải thoát, chỉ lấy được của ông ta ba đấu ba thăng gạo mang về. Ta còn bảo bọn họ quá keo kiệt, sau này con cháu không có tiền mà xài...”

Hai vị tôn giả lần nữa dẫn bốn thầy trò đến Bảo Cát, vẫn đòi thầy trò Đường Tăng biết điều, Tam Tạng không có gì dâng lên, lập tức sai Sa Tăng lấy ra chiếc Bình Bát bằng vàng, hai tay dâng lên... A Nan nọ đón lấy, nhưng mỉm cười. Bọn lục sĩ coi sóc Trần Lâu, bọn sâu mọt cai quản hương khói, bọn tôn giả trông các, từng người cười nói: “Không thôi! Không thôi! Cần có chút lễ khi nhận kinh!” Tu La làm xấu cả da mặt nhăn nhúm, cầm chặt chiếc bình bát không buông.

Tại thế giới Tây Thiên cực lạc, lẽ nào vẫn có chuyện đòi tiền hối lộ? Thực ra tác giả có dụng ý khác. Điều này phản ánh sự thất vọng và không biết làm cách nào khác trong xã hội hiện thực vào thời Gia Tĩnh nhà Minh mà ông đang sống. Nhân gian nào có nơi thanh tịnh? Ai dám đem thế giới Phật Đà xem như bến bờ lý tưởng để phổ độ chúng sinh?

Trong “Tây Du Ký”, Ngô Thừa Ân châm biếm hôn quân vô đạo, yêu tinh làm ác, chế giễu đạo giáo. Thế nhưng, trên đời không có

việc hoàn mỹ, đối với Phật giáo cũng vậy. Phật giáo trong “Tây Du Ký” xuất hiện với hình tượng chính diện. Nhưng tác giả muốn nói rõ thế giới Tây Thiên cực lạc mà con người hướng đến cũng không hoàn mỹ. Do đó khi câu chuyện sắp kết thúc, ông miêu tả Phật Tổ dung túng đệ tử vờ vĩnh tiên hời hợt, làm nhạt đi tính trang nghiêm, thần thánh vốn có của Thần Phật. Đây có thể nói mang tính châm biếm, trào phúng. Khi câu chuyện sắp kết thúc, trên dưới Linh Sơn cùng nhau vui cười, ông dùng ngòi bút thờ ơ, lạnh nhạt vẽ một vòng tròn đen trên mặt Phật Tổ, cho nên những trang nghiêm, thần thánh đều trở nên hài hước.

Ngòi bút của Ngô Thừa Ân thật diệu kỳ!

Chương 8: NGẤM NGHĨ LẠI CON ĐƯỜNG THỈNH KINH

Trên đường thỉnh kinh yêu ma trăm ngàn biến hóa, mỗi tên bản sắc khác nhau, bất kể tinh linh trên trời hay yêu quái dưới đất, tại sao họ lại muốn ăn thịt Đường Tăng? Duyên cớ gì lại gây mưa gió tại nhân gian? Pháp bảo muôn hình vạn trạng cố nhiên lợi hại, nhưng có pháp lực vô biên, sao còn muốn đoạt pháp bảo đó? Trong “Tây Du Ký”, Thần và Ma có ý nghĩa tượng trưng như thế nào? Ngô Thừa Ân tại sao lại chung tình cùng “Hậu Vương”? Tôn Ngộ Không bằng cách nào từ ưu tú tiên đế đến xuất sắc? Vì sao Ngộ Không có thể chiến thắng nhieu yêu ma quỷ quái trên đường thỉnh kinh?

1. Yêu quái vì sao phải ăn thịt Đường Tăng

Đường Tăng sang Tây Thiên thỉnh kinh, đối với yêu ma quỷ quái trên đường thỉnh kinh mà nói, là một tin vui lớn. Khi Đường Tăng đi qua địa giới của chúng, chúng đều đặc biệt lưu ý đến hành tung của Đường Tăng. Vì bất được Đường Tăng trên lãnh địa của mình, có thể hiển nhiên ăn thịt ông, bằng không những con yêu quái khác cũng không bằng lòng. Như vậy, vì sao yêu ma quỷ quái đều muốn ăn thịt Đường Tăng?

Trong “Tây Du Ký”, Đường Tăng do Kim Thiển Tử – đệ tử của Như Lai Phật Tổ chuyển thế đầu thai, đã tu hành mười kiếp, thịt của ông có sức mạnh thần bí. Ăn thịt Đường Tăng có thể trường sinh bất lão. Còn với các nữ yêu mà nói, nếu có thể hấp thụ nguyên dương của Đường Tăng, lập tức tu luyện thành Thái Ất thượng tiên. Do đó, yêu ma quỷ quái trong tiểu thuyết đều triển khai hành động muốn “bắt giữ” Đường Tăng.

Thê xác bị hấp thụ, sức mạnh sẽ chuyển hóa theo thê xác. Đó là tư tưởng vu thuật thời nguyên thủy. Còn cách nghĩ bắt lấy nguyên dương của Đường Tăng để tu luyện, đã thoát khỏi phạm vi của tư tưởng vu thuật này, mà rõ ràng thêm vào tư tưởng phòng the lấy âm dương bổ trợ nhau của đạo sĩ.

Trong “Tây Du Ký”, trường sinh bất lão là lý tưởng mà mọi thần tiên và yêu ma quỷ quái đều theo đuổi. Kỳ thực đó chẳng phải là lý tưởng của vạn vật trên thế gian sao? Nhưng cách đạt đến trường sinh bất lão không giống nhau: rất nhiều thần tiên nhờ sự trợ giúp của tiên đan, đào tiên, nhân sâm quả để trường sinh. Nhưng đối với người phàm hay yêu ma quỷ quái mà nói, họ phải trải qua nhiều năm tu luyện, tìm nơi tĩnh mạch luyện đan luyện khí, dần dần tu luyện thần thông của bản thân, tích tiểu thành đại. Tuy con đường này cũng đi được, nhưng nó quá dài. Có người nghị lực không kiên định, rất dễ bỏ cuộc nửa chừng. Thế nên có người muốn đi đường tắt. Đi đường tắt chính là muốn sử dụng “tà thuật” không chính quy, giống quốc trượng Lộc Tinh của nước Tỉ Khâu, phải dùng tim của một ngàn một trăm mười một đứa trẻ luyện đan được. Còn với yêu ma quỷ quái, con đường tắt nhanh nhất là ăn thịt Đường Tăng, như vậy vừa nhanh vừa gọn, nữ yêu còn có thể hấp thụ nguyên dương của Đường Tăng luyện thành tiên. Điều đó chẳng trách yêu ma quỷ quái dùng hết cách muốn bắt được Đường Tăng ăn thịt hoặc thành thân.

Còn với những yêu quái pháp lực cao cường, ăn thịt người là tiêu chí đáng tự hào để hưởng thụ cuộc sống và tự do. Ví dụ nói Đại Bà Ng Kim Dục Điều. Nhắc đến thần thông của người này cũng không hề thua kém Ngô Không, đồng thời trí dũng song toàn. Cuối cùng Như Lai Phật Tổ đích thân ra tay, dùng kim quang bắt lấy hắn:

Yêu tinh nhanh nhẹn mổ Ngải một cái, bị Phật Tổ dùng tay chỉ lên trên, cánh con yêu tinh bị buộc chặt, không bay được, chỉ trên Phật đỉnh, không thể chạy xa, hiện ra chân tướng, hóa ra một con đại bàng cánh vàng, lập tức cất tiếng hỏi Phật Tổ: “Nhu Lai, tại sao ngươi dùng đại pháp bắt ta?” Nhu Lai đáp: “Ngươi đến đây sát sinh tạo nghiệt, theo ta đi, tích lại công đức.” Yêu tinh nói: “Chỗ nhà ngươi ăn chay giữ đạo, cuộc sống khổ cực. Chỗ ta đây ăn thịt người, tha hồ hưởng thụ! Nếu ngươi làm ta đói, ngươi mang tội lỗi.” Nhu Lai đáp: “Ta cai quản tứ đại bộ châu, vô số chúng sinh tín ngưỡng, phạm làm việc tội, ta bảo họ cúng tế dâng chay cho ngươi.” Đại bàng nọ muốn thoát khó thoát, muốn đi không đi được. Thật là hết cách, đành phải quy y.

Đại Bàng cánh vàng ăn thịt người thành thói quen. Hắn chê ăn chay giữ giới cực khổ, muốn ăn thịt người “hưởng thụ không hết”. Quả nhiên còn dám nói với Phật Tổ nếu để hắn bị đói thì Ngài mang tội lỗi, đủ thấy hắn rất mực nông cuồng.

Đối với tất cả yêu ma quỷ quái mà nói, chúng không thể không đối mặt với hai sự lựa chọn: Thứ nhất là chết, thứ hai là khuất phục Thiên Đình, mất đi tự do. Hiển nhiên, ham muốn sự sống của chúng luôn chiểm ưu thế, nhưng chịu thọ ngũ trược của Thiên Đình, không chút tự do, như vậy đối với chúng mà nói Thiên Đình chẳng qua chỉ là một “Địa ngục” lạnh băng không chút niềm vui. Vì hưởng thụ cuộc sống, theo đuổi tự do, chúng rất nhiệt tình, dốc hết tâm tư muốn bắt Đường Tăng, vì chỉ có đoạt được thể xác của Đường Tăng, bất kể ăn thịt hay đoạt lấy nguyên dương, đều có thể trường sinh bất lão, vĩnh thế trường tồn, tự do tự tại sống cuộc sống mình muốn. Ham muốn này, theo giáo nghĩa Phật giáo mà nói, là nguồ gốc của mọi khổ nạn, cần được giải thoát. Nếu không, sa vào khổ ải, vĩnh thế trầm luân, không trở mình được. Ngoài mặt tác giả hâu như phủ định cái cô chấp của

con người và mọi ham muốn của cuộc sống, nhưng trên miêu tả khách quan, lại càng chú trọng cuộc sống thần thoại tự trị phi đạo đức, đồng thời chiêm bích sự độc tài chuyên chế của Thiên Đình và cuộc sống tôn giáo đáng cười, hoang liêu.

2. Phân loại yêu quái

Yêu ma trên đường thỉnh kinh tuy thiên biến vạn hóa, mỗi tên có đặc sắc riêng, nhưng nếu từ thân

phân tiến hành “phân tích giai cấp” đại thể chia thành hai loại:

Loại thứ nhất là tinh linh trên trời. Nếu phân tích kỹ hơn lại có ba phái khác nhau: thứ nhất là Phật giáo. Phật Tổ cấp cao, thuộc hạ tùy tùng của Bồ Tát, vật cưỡi, còn cả những nhân viên liên quan. Ví dụ Hoàng Mi lão quái tại Tiểu Lôi Âm Tự vốn là đồng tử giữ chuông của Phật Di Lặc; Linh Cảm đại vương trên sông Thông Thiên là con cá vàng của Quan Âm Bồ Tát tại Lạc Gia Sơn, Liên Hoa Trì. Trại Thái Tuế tại nước Chu Tử, là con sư tử lông vàng của Quan Âm Bồ Tát; Quốc Vương giả tại nước Ô Kê, là con sư tử xanh Văn Thù Bồ Tát cưỡi. Hai tên yêu quái tại Sư Đà Sơn là con voi trắng Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi. Tam ma đại bàng cánh vàng trên Sư Đà Sơn ban đầu tuy chưa quy y cửa Phật, nhưng nó và Phật mẫu Không Tước Đại Minh Vương Bồ Tát là cùng một mẹ sinh ra, nếu luận vai vế Như Lai Phật Tổ còn phải gọi bằng cậu. Còn có Hoàng Phong quái tại núi Hoàng Phong vốn là con chồn lông vàng đắc đạo dưới chân núi Linh Sơn của Phật Tổ. Thứ hai là Đạo giáo. Thuộc hạ, tùy tùng, vật cưỡi của các thượng tiên đạo giáo, ví dụ Kim Giác đại vương, Ngân Giác đại vương tại động Liên Hoa, núi Bình Đỉnh là đồng tử xem hồ lô vàng, hồ lô bạc của Thái Thượng Lão Quân, Cửu Linh Nguyên Thánh tại Trúc Tế Sơn, Cửu Khúc Bàn Hắc động là con sư tử chín đầu của Thái Ất Cửu Khô Thiên tôn cưỡi. Thứ ba là thuộc hạ, vật cưỡi, tinh linh của Ngọc Đế, Thiên Cung Tinh Quân. Ví dụ yêu

quái Hoàng Bào tại nước Bảo Tượng, Uyên Tử Sơn, Ba Nguyệt Động là Khuê Mộc Lang trong Nhị Thập Bát Tú, cũng chính là Khúc Tinh nắm giữ văn giáo đại quyên trong thiên hạ; Quốc trượng nước Tỷ Khâu, là con hươu trắng Nam Cực Tinh cưới; Công chúa giả tại nước Thiên Trúc, là Ngọc Thố của Thái Âm Tinh trên Nguyệt cung. Ngoài ra, Tu Long tại sông Hắc Thủy, cô c Hoàn Dương là Ngao Thuận cháu ngoại của Tây Hải Long Vương, thuộc hạ của Thiên Đình; Con chuột mũi vàng lông trắng tại Hạm Không sơn, Động Không Đáy vốn là con gái nuôi của Thác Thập Lý Thiên Vương.

Loại thứ hai là yêu quái dưới trăn. Đây đều là sơn tinh thủy quái không có quan hệ gì với Thần Phật cao cấp. Trong đó nếu phân tích theo nơi ở hoặc kết cục lại có thể chia thành hai loại: Thứ nhất được chiêu an quy y của Phật. Ví dụ Hắc Hùng Tinh tại động Hắc Phong trên núi Hắc Phong được Quan Âm Bồ Tát thu nhận làm Đại Thần giữ núi; Hồ ng Hải Nhi tại Hỏa Vân Động, sông Khô Tùng, Hiệu Sơn, được Quan Âm thu nhận làm Thiện Tài Đồng Tử; Yêu quái nhiều mắt tại Huỳnh Hoa Quán, được Tì Lam Bà Bồ Tát đem về giữ cửa. Thứ hai là yêu quái vô chủ. Ví dụ bảy con Nhện Nhện Tinh của Động Bàn Tư, con Bò Cạp Tinh của Động Tỳ Bà, Bạch Cốt phu nhân của núi Bạch Hổ, con Báo tinh trong Liên Hoàn Động, Ân Vụ Sơn, Hồ Lục đại tiên, Lộc Lục đại tiên, Dương Lục đại tiên tại nước Xa Trì, con Hoàng Sư Tinh trên núi Báo Đầu tại Ngọc Hoa Châu, ba con Tê Giác tinh (tránh lạnh, tránh nóng, tránh bụi) trên Huyền Anh Động, Thanh Long Sơn. Nhiều con yêu tinh như vậy, tất cả đều mất mạng dưới Thiệt Bảng của Ngộ Không.

3. Phân tích hành vi yêu quái

Tình hình yêu ma làm mưa làm gió trên đường thỉnh kinh khá phức tạp, nhưng đại khái có ba loại động cơ sau:

Loại thứ nhất là thỏa mãn ham muốn tình dục của bản thân. Trong này cũng hàm chứa nhân quả báo ứng của nhà Phật. Yêu quái Hoàng Bào tại Uyển Tử Sơn và công chúa Bách Hoa Tu của nước Bảo Tượng vốn có duyên. Yêu quái Hoàng Bào vốn là Tinh Quân Khuê Mộc Lang trên Thiên Đình, sau khi bị bắt, hắn thành khăn tâu rõ với Ngọc Đế :

“Ngọc Hoàng Vạn tuế, xin tha cho thần tội chết. Công chúa nước Bảo Tượng nọ không phải người phạm. Nàng vốn là Ngọc Nữ giữ hương khói trong Phị Hương Điện, vì muốn cùng thần tư thông. Thần e làm ô uế thấ ng cảnh Thiên Cung, nàng muốn hạ phạm, gửi hồn sống nhờ nội cung, là thần không chịu trách nhiệm ngày trước, biến thành yêu ma, chiếm giữ lấy núi, bắt nàng về động, cùng nàng sống mười ba năm cuộc sống vợ chồng. Cùng ăn cùng ở, hẳn do tiên định, nay bị Tôn Đại Thánh đến đây thu phục.”

Ngọc Đế chỉ “phạt hắn đến Đâu Suất cung nhóm lửa cho Thái Thượng Lão Quân”, mà còn “giữ tốt kỷ cương, có công phục chức”, giữ nguyên đãi ngộ trước đây. Lại như giữa Ngọc Thố – công chúa giả của nước Thiên Trúc cùng Tô Nga – công chúa thật cũng có oan duyên. Khi Ngô Không biết sự thật, chuẩn bị ra tay “một gậy đập chết”, Thái Âm Tinh Quân đến cứu giúp, đồng thời nói rõ nguyên do:

“Có điều người chưa biết. Công chúa của quốc vương nọ, cũng không phải người phạm, vốn là Tô Nga trong Thiên Cung. Mười tám năm trước, ả tìng tát Ngọc Thố một cái, xong bỏ xuống phạm. Một đạo hào quang, đưa thai vào bụng chính cung hoàng hậu, đúng lúc được giáng sinh. Con Ngọc Thố nhớ thù cái tát năm nọ, năm ngoài trốn khỏi Quảng Hàn Cung, bắt Tô Nga theo. Chỉ có điều không nên lấy Đường Tăng. Tội này không thể tha. May người lưu tâm, phân biệt được thật giả, nhưng cũng chưa làm hại

đến sự phụ người. Mong người nể mặt ta, tha tội cho nó, ta thu nhận nó về cung Quảng Hàn.”

Ngọc Thô là theo Thái Âm Tinh Quân quay về Nguyệt Cung, không bị trừng phạt gì. Lại ví như Trại Thái Tuế trên núi Kỳ Lân tại nước Chu Tử cướp mất Kim Thánh nương nương, nhưng theo nhân quả báo ứng của nhà Phật, muốn thỏa mãn tính dục bản thân. Ngộ Không dùng kế trộm Chuông Tử Kim, rung chuông thả ra khói lửa và cát vàng, muốn dùng lửa đốt chết Trại Thái Tuế. Nào ngờ trên trời, Quan Âm Bồ Tát xuất hiện ngăn cản Ngộ Không, đồng thời dùng cam lộ dập tắt khói lửa và cát vàng. Theo Quan Âm Bồ Tát giảng, quốc vương nước Chu tử khi còn làm Thái Tử thích săn bắn:

“Người không biết, khi tiên vương nước Chu Tử còn tại vị, vị vua này còn làm Đông cung Thái Tử, chưa đăng cơ, rất mê săn bắn. Ông soái lãnh nhân mã, săn bắt chim thú, đến trước đôc Lạc Phụng. Có Tây Phương Phật Mẫu Đại Minh Vương Bồ Tát sinh được hai con, là đôi chim công một trống một mái, dừng ở đôc núi, bị hoàng tử nọ giương cung bắn, làm bị thương con công trống, con chim mái cũng trúng tên bay về Tây phương. Phật Mẫu sau khi hối hận, dặn dò phạt nó phải chia rẽ loan phượng trong ba năm, thân mang trọng bệnh. Lúc đó, ta cưới con nghiệt súc này, cùng nghe được lời đó. Không ngờ con nghiệt súc ghi nhớ trong lòng, trở lại cướp mất hoàng hậu, cách xa hoàng thượng. Đến nay được ba năm, oán kia đã dứt. May nhờ người cứu chữa hoàng thượng. Ta đến thu phục con yêu quái đem về.”

Ngộ Không không hài lòng cách xử trí trên, cho rằng sư tử lông vàng “bôi nhọ thanh danh hoàng hậu, thương phong bại tục, bại hoại luân lý, đáng vào tội chết”, tội chết có thể miễn, tội sống khó tha, muốn đánh nó hai mươi gậy sau đó giao cho Quan Âm Bồ Tát xử trí. Nhưng Bồ Tát vẫn tha cho nó, cười quay về Nam Hải. Do ba người kể trên đều có chỗ dựa phía sau. Cái gọi là xử trí chỉ là nói cho

qua chuyện. Bọn chúng không may may bị thương đến một cộng lông.

Loại thứ hai là tham lam quỳên thế và vinh hoa phú quý trên nhân gian. Ví dụ Quốc Vương giả nước Ô Kê vốn là con sư tử do Văn Thù Bồ Tát cưới. Nó chiếm ngai vàng, chỉ là muốn thỏa mãn dục vọng quỳên lực của bản thân. Nó làm ác tại đây cũng theo luật nhân quả báo ứng. Khi Văn Thù Bồ Tát đến thu phục yêu quái, Ngô Không nói: “Con nghiệt súc này thành tinh, chiếm đoạt ngai vàng, còn phụng Phật chỉ đến đây. Giống Lão Tôn bảo hộ Đường Tăng cực khổ, thì nên lãnh mấy đạo Phật chỉ!” Văn Thù Bồ Tát giải thích:

“Người không biết, năm xưa Quốc Vương nước Ô Kê, làm việc thiện, tiếp đãi chay, Phật Tổ sai ta đến độ ông về Tây Thiên, trở thành Kim Thân La Hán. Do không được hiện thân, biến thành một phàm tăng, hỏi ông hóa duyên xin chút đồ chay. Bị ta nói vài câu khó nghe, ông không biết ta là người tốt, dùng dây trói ta, bỏ xuống dưới nước trong Ngự Hoa Viên, ngâm ta ba ngày ba đêm. May nhờ Lục Giáp Kim Thân đến cứu ta về Tây, ta cùng Phật Tổ, Như Lai sai con yêu quái này đến đây ông ta xuống giếng, ngâm ông trong ba năm, báo hận ta bị nhàn nước ba ngày lâu trước. Có vay có trả, lẽ nào không là tiền định? Nay người đến đây, thành được công tích.”

Ngô Không lại nói yêu quái tại đây hại người. Nhưng Bồ Tát nói khi yêu quái ở đây quốc thái dân an, chưa từng hại người. Ngô Không nói tiếp: “Cô nhiên như vậy, nhưng nương nương tam cung cùng hấn đồng chấn đồng gôi, làm trây bản thân thể của họ, bại hoại cương thường đạo lý, còn nói là chưa từng hại người?” Nhưng Phổ Hiền Bồ Tát lại nói tiếp con yêu quái này vốn “là con sư tử bị hoạn”, tức con sư tử đã bị thiến. Qua Bát Giới kiểm tra, quả thật như Bồ Tát nói. Ngô Không đành tha cho yêu quái. Cửa Phật vốn lấy từ

bi làm gôc, nhưng thủ đoạn báo thù lại tàn nhẫn như vậy, chúng ta ai có thể nghĩ đến điều đó chứ?

Còn quốc trượng Bạch Lộc Tinh của nước Tỳ Khâu, vì muốn đoạt được quyền lực, tiền tài mà tu luyện đan dược ngoại đạo, còn không tiếc cho người tình của mình là Bạch Diện Hồ Ly hóa thành mỹ nhân tuyệt sắc, lấy nhan sắc mê hoặc nhà vua. Ông muốn lấy “tim của một ngàn một trăm mười một đứa trẻ” làm thuốc dẫn, “nấu canh uống thuốc”, muốn có công hiệu “ngàn năm không già”, thật khiêu người kinh hãi. Lại như Hồ Lục đại tiên, Lộc Lục đại tiên, Dương Lục đại tiên của nước Xa Trì có pháp thuật hô phong hoán vũ “mê hoặc quân vương”, trong triều được phong làm “Quốc sư”, có quyền lực cực đại, trên cơ bản có quyền lực của bậc Hoàng đế, một tay che trời, trong triều có thể nói là “hô mưa gọi gió”. Ngô Không đối mặt với họ, còn phải tranh đấu cùng quyền lực, càng tăng thêm khó khăn, Ngô Không tốn nhiều công sức mới diệt trừ tất cả.

Loại thứ ba là độc chiếm một phương. Ví dụ Như Ý chân tiên trên núi Giải Dương, chiếm cứ “nước suối phá thai”. Ai muốn uống nước suối giải trừ thai tà, cần phải đem theo “hoa quả, rượu lễ”, còn phải “thành tâm dâng hiến”, mới “xin được của ông một chén nước”, rất ngang ngược và bá đạo. Lại như con Tu Long tại sông Hắc Thủy, côc Hoành Dương theo nước triều từ biển Tây đến đây, đánh thương Thủy Thần và Thủy Tộc dưới sông, chiếm đoạt Hà Thần Phủ. Hà Thần ra biển kiện hắc n. Do “Tây Hải Long Vương là cậu của hắc n”, không cho “kiện cháu”, còn bảo Hà Thần đem Thủy Phủ “nhường cho hắc n ở”. Hà Thần “khởi tấu lên trời, nào ngờ Hà Thần chức vụ nhỏ bé, không gặp được Ngọc Đế”. Tu Long ý vào quan hệ bản thân, không sợ phạm tội, khiêu Hà Thần ôm hận nhưng không nơi kêu oan. Lại như Linh Cảm Đại Vương tại sông Thông Thiên, “chín năm trước biển có bão, hắc n nhân lúc nước triều

lên, để n được nơi đây.” Hắ n “ỷ thê làm ác”, bá chiế m “thủy cung người khác”. Đánh bị thương rấ t nhiề u con cháu của Thủy Tu, đoạt nhiề u “quyề n thuộc”. Còn mỗi năm một lầ n đòi Trầ n Gia Trang bên sông “dâng lễ hiế n cho mình một đờ ng nam, một đờ ng nữ và bò dê thịnh soạn” làm “thức ăn tươi sô ng”. Bá đạo, thê lực địa phương tàn nhẫn và vô nhân tính như vậy, lại là con cá vàng trong Liên Hoa Trì của Quan Âm Bồ Tát đại từ đại bi chồ n Nam Hải, thực sự khiế n người ta không sao hiểu nổi!

Về mặt hình thức, Ngô Thừa Ân miêu tả lũ yêu ma quỷ quái đủ mọi hình dạng. Nhưng trên thực tế lại phản ánh hiện thực chuyên chế của xã hội phong kiế n lúc bấy giờ: Người có quyề n thê thi hành chính sách thô ng trị chuyên chế người có địa vị thấ p hoặc dân thường. Kẻ có quan hệ mật thiế t với người có quyề n lực cũng mượn thê của họ tác yêu tác quái, xưng vương xưng bá, gây tai họa nghiêm trọng cho người dân. Tôn Ngộ Không cô nhiên thầ n thông quảng đại, nhưng cũng chỉ đánh giế t bọn yêu quái không có ô dù phía sau. Còn bọn yêu tinh quỷ quái có ô dù che chở, vào thời khắ c quan trọng ấ t được người có quyề n lực cứu giúp, Ngộ Không cũng hế t cách không biế t làm sao. Do bản thân Ngộ Không cũng bị “chú Khản Cô Nhi” trói buộc, cũng đành phải phục tùng quyề n lực. Đây thực chấ t là tấ m gương phản ánh sự đen tồ i của xã hội phong kiế n chuyên chế lúc bấy giờ.

4. Biểu tượng Thầ n và Ma

Trong nghiên cứu học thuật, “Tây Du Ký” được gọi là “tiểu thuyế t thầ n ma”. Nhưng trong thảo luận cụ thể thầ n ma được nhắ c đế n trong “Tây Du Ký” có các cách nhìn khác nhau.

Có người nói, trong “Tây Du Ký”, Thầ n đại diện cho giai cấ p thô ng trị, đại diện cho triề u đình; Ma đại diện cho giai cấ p bị thô ng trị, tầ ng lớp nông dân bị áp bức. Cuộc chiế n đầ u giữa

Thần và Ma chính là đấu tranh giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Tôn Ngộ Không vốn là một thành viên trong Ma giới. Ngộ Không đại náo Thiên Cung do muốn phản kháng giai cấp thống trị, là một đả kích mạnh mẽ đối với giai cấp thống trị. Rất tiếc sau đó Ngộ Không đầu hàng, đứng về phía Thần, không ngừng trấn áp yêu ma quỷ quái trên đường thỉnh kinh.

Cách nói này với bản thân mà nói, có giới hạn nghiêm trọng. Trước tiên, trong tiểu thuyết rất nhiều Thần và Ma có quan hệ mật thiết với nhau. Yêu ma từ trên trời chạy xuống, ví dụ yêu quái Hoàng Bào tại nước Bảo Tạng vốn là Khuê Mộc Lang trong Nhị Thập Bát Tú trên trời, hạ giới mười ba năm sau lại bị bắt về Thiên Cung; Quốc trượng tại Tây Khâu Quốc vốn là con hươu trắng dưới trướng Nam Cực Thọ Tinh, công chúa giả tại nước Thiên Trúc là Ngọc Thố trên Quảng Hàn cung, sau này cũng bị bắt về Thiên Đình. Chúng là yêu ma trên đường thỉnh kinh, nhưng vốn cũng là Thần, làm sao xác định chúng thuộc giai cấp nào? Kế đến, đa số yêu ma này đều tạo ác đa đoan, có tên còn ăn thịt người. Nếu như nói chúng thuộc giai cấp bị bóc lột hình như có phần không hợp tình lý.

Cũng có người nói Thần tượng trưng cho chính nghĩa, Ma đại diện cho tà ác. Cách nói này có phần miễn cưỡng. Sa hòa thượng vốn là Quyển Liêm Đại Tướng, chỉ do lỡ tay đánh vỡ ngọn đèn Lưu Ly, bị Ngọc Đế phạt đánh 800 trượng còn bị đuổi xuống hạ giới. Lại còn phạt cứ bảy ngày một lần bị đau đớn vạn tiền xuyên tâm. Trừng phạt như vậy, có thể gọi là chính nghĩa? Đệ tử canh giữ Tàng Kinh các dưới trướng Như Lai Phật Tổ – A Nan và Ca Diếp khi truyền kinh đòi Đường Tăng đưa tiền hô í lộ. Nếu không đưa, họ không truyền chân kinh. Cuối cùng họ vẫn lấy được chiếc Bình Bát vàng mà Đường Tăng dùng hóa duyên xin cơm chay mới chịu thôi. Hình tượng như vậy, thực sự không xứng với hai chữ chính nghĩa. Còn những yêu ma đó, có kẻ cũng khó nói là tà ác. Yêu quái Hoàng Bào của nước Bảo

Tượng, vốn là Khuê Mộc Lang trong Nhị Thập Bát Tú trên trời, hạ phàm vì muốn kế tục tiên duyên cùng cung nữ ngày trước trên Thiên Đình đã đầu thai thành công chúa nước Bảo Tượng. Hả n không có chủ ý hãm hại Đường Tăng, bắt được Đường Tăng cũng không đòi ăn thịt. Điều đó khó gọi là tà ác.

Kỳ thực bất luận từ góc độ nào mà nói, muốn đem ý nghĩa tượng trưng của Thập n – Ma phân biệt rõ ràng là không dễ. Tính đa dạng phức tạp này là điều nên có trong một bộ tác phẩm văn học ưu tú.

5. Vì sao Ngô Thừa Ân chung thủy với Hậ u Vương

Trong “Tây Du Ký” miêu tả đồ i với Ngô Không thực sự phản ánh trải nghiệm con đường của Ngô Không từ lúc còn trẻ đế n khi thành niên. Ngô Không trong trải nghiệm cuộc số ng vẫn luôn giữ tâm hồ n trẻ thơ. Đó là nguyên nhân vì sao Ngô Thừa Ân yêu thích Tôn Ngô Không.

Tôn Ngô Không từ ngày được sinh ra đời đã bộc lộ mặt khác thường. Ngô Không có thiên bẩm trời cho kinh người, sau vượt biên câ u đạo, luyện được bản lĩnh thông thiên, nhưng tâm trí thời gian dài vẫn số ng trong giai đoạn thiế u niên. Trước khi bị đề dưới Ngũ Hành Sơn, Ngô Không số ng trong giai đoạn thiế u niên, không có kinh nghiệm nhân thế, cũng không biế t “cấ m kị” của xã hội. Cũng chính vì thế, Ngô Không không sợ trời không sợ đấ t. Chính do Ngô Không không biế t cái gì gọi là “quy tấ c”, cái gì gọi là “trình tự”, căn bản cũng không hiểu cái gì gọi là cuộc số ng thật sự. Cũng do vậy Ngô Không mới đại náo Thiên Cung, không e sợ chư thầ n trên Thiên Đình, thậm chí không coi Như Lai Phật Tổ chố n Tây Thiên ra gì. Nhưng cuố i cùng Ngô Không cũng không thoát khỏi lòng bàn tay của Như Lai Phật Tổ, bị đề dưới Ngũ Hành Sơn. Sinh ra từ Hoa Quả Sơn đế n lúc bị đề dưới Ngũ Hành Sơn, bản lĩnh của Ngô Không không ngừng tăng lên. Tuổi tác của Ngô Không cũng không ngừng

tăng lên. Nhưng tâm trí của Ngô Không vẫn chưa thành thực, vẫn dừng lại ở giai đoạn trẻ con.

Rất nhiều người đem lá cờ “Tề Thiên Đại Thánh” Ngô Không dựng tại Hoa Quả Sơn và hành vi đại náo Thiên Cung “phản nghịch” xem như hành động tạo phản của khởi nghĩa nông dân hòng lật đổ chế độ phong kiến. Thực ra lúc đó Ngô Không vốn không có ý muốn lật đổ chính quyền của Ngọc Đế, cũng không có khái niệm “phản nghịch”. Bề ngoài Ngô Không cũng không làm bừa như vậy. Cái Ngô Không theo đuổi là tự do tự tại. Những hành động “phản nghịch” của anh cũng là biểu hiện của việc tuổi trẻ ham chơi, nghịch ngợm. Hành động của trẻ con vốn không thể dùng thước đo của người lớn để đo đạc và đánh giá. Tất cả do Ngô Không vẫn sống trong giai đoạn thiếu niên, vẫn chưa quá độ sang giai đoạn con người.

Độc giả đều yêu thích Ngô Không, có hai nguyên nhân: Một là Ngô Không có bản lĩnh cao cường, dám khiêu chiến với chính quyền chuyên chế do Ngọc Đế làm đại biểu. Hai là những hành động của Ngô Không đều rất nghịch ngợm và đáng yêu. Sau khi quy y Phật pháp, tâm trí Ngô Không đổi với việc đổi nhân xử thế dần dần thuần thực, nhưng trên thân mình vẫn giữ tâm hồn trẻ con. Trên đường thỉnh kinh, Ngô Không vẫn được mọi người yêu thích. Đó là do trừ việc Ngô Không giáng yêu trừ ma đại diện cho chính nghĩa vì dân trừ hại ra, còn do bởi Ngô Không giữ tâm hồn trẻ con tràn ngập niềm vui.

Sau khi bị đè dưới Ngũ Hành Sơn, Ngô Không bắt đầu từ thời niên thiếu quá độ sang thời kỳ trưởng thành. Từ “Tề Thiên Đại Thánh” đến lúc bị đè dưới Ngũ Hành Sơn, sống cuộc sống khác biệt một trời một vực với khi xưa không thể không giúp Ngô Không phản tỉnh với hành vi của mình. Đi một ngày đàng, học một sàng

khôn. Ngô Không tổng kết kinh nghiệm và giáo huấn, 500 năm sau thoát ra, tính cách đã có những thay đổi rất lớn.

Những đúng sai Ngô Không trải qua trước đây và cuộc sống 500 năm dưới núi Ngũ Hành giúp Ngô Không chín chắn lên rất nhiều. Ngô Không hiểu được tầm quan trọng của sự nghiệp, biết mục đích cuộc sống. Nếu không Ngô Không khó mà kiên trì với sự nghiệp thịnh kinh như vậy. Nhưng điều đó không có nghĩa Ngô Không thực sự bước vào giai đoạn trưởng thành, mà còn trải qua một giai đoạn quá độ. Trong giai đoạn này, việc Quan Âm Bồ Tát từ tôn giảng dạy và đội vòng Kim Cô cho Ngô Không có tác dụng quan trọng giúp tâm trí Ngô Không trở nên chín chắn. Thời kỳ sau này, cuộc sống của Ngô Không gắn liền với trách nhiệm xã hội.

Dưới chỉ đạo của Quan Âm Bồ Tát, cùng những mài giũa trong quá trình sang Tây Thiên thịnh kinh, khiến Ngô Không dần trở nên thành thực. Ngô Không học được cách khoan dung và nhường nhịn, học được cách dựa vào tập thể, dựa vào người khác, cuối cùng tu thành chính quả, được phong làm Đâu Chiên Thố ng Phật. Đây là tiêu chí cho sự trưởng thành thật sự của Ngô Không. Đường sang Tây Thiên trải qua chín chín tám mươi mốt nạn, tượng trưng cho quá trình tôi luyện cần phải trải qua trong giai đoạn từ thiếu niên sang giai đoạn trưởng thành, một người từ trong gian nan từng bước từng bước đi đến trưởng thành.

Đa số người sau khi hoàn toàn trưởng thành, bước vào thế giới người lớn, khó giữ được tâm hồn trẻ thơ. Nhưng quá trình trưởng thành của Ngô Không thì ngoại lệ. Ngô Không tuy đã biết suy nghĩ chín chắn, nhưng vẫn giữ được tâm hồn trẻ thơ trong sáng. Hình tượng anh hùng của Ngô Không khi giáng yêu trừ ma khiến chúng ta tôn kính. Bản tính nghịch ngợm và tính cách trẻ con của Ngô Không cũng làm ta thấy thân thiết, đáng yêu.

Ngô Thừa Ân không chỉ yêu thích ý thức trách nhiệm và khí khái anh hùng của Ngô Không, càng yêu thích tâm hồn trẻ thơ mãi không phai nhạt của Ngô Không.

Phụ lục

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ VĂN TRỊNH UÔNG HẠO:

“Tây Du Ký” vốn là một câu chuyện cổ tích. Chuyện cổ tích là công cụ dùng để truyền đạt trí tưởng tượng. “Tây Du Ký” đã thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tổ tiên dân tộc Trung Hoa. Đáng tiếc là sức tưởng tượng của dân tộc Trung Hoa ngày nay ngày càng kém. Đó là “công lao” của nền giáo dục thi cử ngày nay. Tri thức là con thuyền, trí tưởng tượng là nước. Không có nước, thuyền khó mà lướt được. Có thể thấy, “Tây Du Ký” là liên tục kỳ diệu, có thể phát huy trí tưởng tượng của người dân Trung Quốc. Có trí tưởng tượng, chúng ta mới có thể lao động sáng tạo, mà lao động sáng tạo là nền tảng cơ bản của sự cường thịnh.

Trong suy nghĩ của người dân, Lục Tiểu Linh Đẳng là nhân vật gần gũi nhất trong “Tây Du Ký”. Từ sau khi diễn vai Tôn Ngộ Không, cuộc sống của Lục Tiểu Linh Đẳng dường như gắn liền với “Tây Du Ký”. Năm 2006 tôi từng đi tham quan quê hương của Ngộ Thừa Ân. Nơi đó có cả phòng triển lãm về Lục Tiểu Linh Đẳng. Từ đó có thể thấy mối quan hệ giữa Lục Tiểu Linh Đẳng và “Tây Du Ký” rất sâu nặng. Đặc điểm nổi bật nhất của Tôn Ngộ Không là tinh thần dũng cảm và sự trung thành tuyệt đối. Tôn Ngộ Không là hóa thân của trí tưởng tượng Trung Quốc, sức hút của nó chính là ở chỗ nó biến hóa không ngừng. Lục Tiểu Linh Đẳng diễn vai Tôn Ngộ Không một cách xuất thần là do anh nắm vững nội dung và có sự đồng điệu với trí tưởng tượng được thể hiện trong tác phẩm. Có thể nói, việc bảy nhiều năm Lục Tiểu Linh Đẳng diễn vai Tôn Ngộ Không không chỉ là một hoạt động nghệ thuật đơn thuần, mà hơn thế nữa là đã gieo vào hồn người xem sức tưởng tượng phong phú của “Tây Du Ký”.

Thế nhưng, Lục Tiểu Linh Đô`ng vẫn chưa hài lòng với việc thể hiện “Tây Du Ký” qua vai diễn. Anh muốn chia sẻ những cảm nhận và những điều tâm đắc của mình về “Tây Du Ký” với tất cả mọi người. Anh không chỉ có đông đảo khán giả hâm mộ mà còn có rất nhiều độc giả. Với “Tây Du Ký”, Lục Tiểu Linh Đô`ng là người có đủ tư cách diễn đạt suy nghĩ của mình nhất. Nếu không, anh không thể diễn vai Tôn Ngộ Không một cách xuất sắc như thế. Và đó chính là lý do hôm nay cuốn “Lục Tiểu Linh Đô`ng bình Tây Du” đến tay bạn đọc.

Đọc “Lục Tiểu Linh Đô`ng bình Tây Du” thật thú vị. Đó là vì chúng ta có thể cùng Tôn Ngộ Không đọc “Tây Du Ký”.

Trịnh Ưông Hạo

Viết tại Bắc Kinh

LỜI GIỚI THIỆU CỦA VƯƠNG THẠCH:

Tôi và Lục Tiểu Linh Đô`ng quen biết từ lâu, nhưng số lần gặp nhau có lẽ chỉ đếm trên đầu ngón tay. Năm 1991, công ty điện ảnh Vạn Khoa bấm máy bộ phim “Đón tết” và thành công vang dội. Anh Chương (tức Lục Tiểu Linh Đô`ng) lúc ấy đóng vai một giáo viên trung niên tên là Trình Chí. Tôi còn nhớ khi nhà sản xuất nói với tôi về chuyện diễn xuất các diễn viên trong phim, họ đã đánh giá: anh Chương là người có đạo đức nghề nghiệp, trung thực nhiệt tình, không bị bệnh “ngôi sao”, sống ngay thẳng, chính trực, là tấm gương tốt cho đoàn làm phim.

Thoảng cái mà đã 12 năm, chúng tôi ít có cơ hội gặp nhau, chỉ thấy hình ảnh của Mỹ Hân Vương qua báo chí, phim ảnh. Đến năm 2003, chúng tôi tình cờ gặp nhau tại đỉnh Tuyết sơn ở Thành Đô. Trong lúc chén thù chén tạc, anh Chương phục tôi – 52 tuổi vẫn chinh phục ngọn châu phong này. Tôi lại nâng ly chúc mừng anh

hoàn thành bộ phim truyền hình nhiều tập “Tây Du Ký” trong 17 năm ròng rã, đạt đến đỉnh cao trong cuộc đời hoạt động nghệ thuật. Tôi nói với “Tôn Đại Thánh”, khi 60 tuổi, tôi sẽ chinh phục ngọn núi này lần nữa. Anh Chương cười bảo, Tôi cũng sẽ không chỉ dừng lại ở Tôn Ngộ Không trong bộ phim truyền hình nhiều tập “Tây Du Ký”. Hai ông già này sẽ cùng thi đua với nhau.

Lần gặp tiếp theo là vào năm 2006, trong chương trình khảo sát văn hóa quy mô lớn có tên “Huyền Trang chi lộ”.

Sau khi tham quan xong Lộc Dã Uyển, nơi truyền pháp đầu tiên, anh Chương là người cuối cùng lên xe. Anh tươi cười hơn hờ mở cho chúng tôi xem một bức tranh màu sắc tươi tắn. Trong bức tranh có hình một con Khỉ đang quỳ dưới chân Phật Đà. “Đây là Thần Hổ của Ấn Độ, tên gọi Ha Nô Man, thần thông quảng đại, cũng tinh thông bảy mươi hai phép, cũng có cây gậy Như Ý vàng. Đó chính là Tôn Ngộ Không của Ấn Độ. Và Tôn Ngộ Không cũng là Ha Nô Man của Trung Quốc. Tôi nghĩ hai con Thần Hổ này nên làm chiếc cầu nối cho tình hữu nghị của hai nước Trung – Ấn”. Hôm sau, tại Lan Đà Huyền Trang kỷ niệm quán, anh Chương lấy ra một tấm bản đồ đã có vết ố vàng, giới thiệu đó là tấm bản đồ xuất bản năm Dân quốc thứ 12 vẽ lại con đường Huyền Trang đi thỉnh kinh mà anh mua được trên một tạp báo vỉa hè tại Bắc Kinh. Anh Chương mời tôi, Khúc Hướng Đông, giáo sư Cát Kiếm Hùng đề chữ bên trên, anh nói: “Tôi sẽ cất giữ cẩn thận tấm bản đồ này. Tôi cho rằng Huyền Trang và Tôn Ngộ Không trong vở “Tây Du Ký” sẽ là Pháp sư Huyền Trang chân thật trong lịch sử”. Lòng kính trọng của anh Chương với việc Huyền Trang đi Tây Thiên thỉnh kinh và sự tỉ mỉ theo đuổi, tìm tòi của anh đã làm hết thảy mọi người có mặt tại đó cảm động.

Hai ngày sau, tại một ngôi trường trung học ở Deli, với tư cách là đại diện của đội khảo sát “Con đường thỉnh kinh của Huyền Trang”,

anh Chương lên bục diễn thuyết, giới thiệu vai diễn Tôn Ngô Không trong tác phẩm “Tây Du Ký” của Ngô Thừa Ân, đồng thời so sánh với hình tượng Ha Nô Man của Ấn Độ, chỉ ra mối bang giao lâu đời giữa văn hóa Trung – Ấn, ca ngợi mối quan hệ tốt đẹp này, và nhận được sự đón chào nồng nhiệt. Ban tổ chức tìm một ống nước thay cho Thiệt băng, anh Chương đã biểu diễn Hô ư côn, khiến cả hội trường vỗ tay không ngớt. Các bạn học sinh chen chúc nhau xin chữ ký của Ha Nô Man Trung Quốc, cảnh tượng trông rất cảm động.

Lúc đó, tôi mới ngộ ra rằng: trước đây, trong suốt 17 năm đã mìn mình trong đời sống nghệ thuật của bộ phim truyền hình nhiệt ư tập “Tây Du Ký”, anh Chương là người kế thừa nghệ thuật xiếc Khi của Trung Hoa. Và hiện nay anh là người khởi xướng và truyền tải văn hóa tinh thần Mỹ Hô ư Vương của Trung Quốc. Tinh thần Mỹ Hô ư Vương là gì? Tôi cho rằng đó là tôn trọng chuẩn mực đạo đức, yêu nghệ ư kính nghiệp, tràn đầy lòng yêu thương và lòng gan dạ bảo vệ chân lý. Những năm nay, anh Chương đã làm đúng như vậy.

Tác phẩm “Lục Tiểu Linh Đồng bình Tây Du” đã phát huy mạnh mẽ văn hóa Tây du ký, ngợi ca tinh thần Mỹ Hô ư Vương. Anh Chương tỏ rõ quan niệm của mình trên trang Blog cá nhân: Văn học vô ư là mặt phẳng. Sau khi trở thành tác phẩm điện ảnh, truyền hình, nó trở thành lập thể. Cải biên không phải là bạ đâu sửa đấy. Kịch nói không phải là bạ đâu nói đấy. Một tác phẩm cải biên nổi tiế ư cần phải có giới hạn, tình tiế ư chủ yếu và tính cách cơ bản của vai diễn không được thay đổi. Đường Tăng nguyên là hình tượng nguyên mẫu của Pháp sư Huyền Trang – một nhà Phật học, nhà phiên dịch, nhà giáo dục nổi tiế ư của Trung Quốc thời Đường. Tinh thần Huyền Trang luôn được tôn kính và sùng bái. Cho nên tôi mong những nhà biên kịch phải có sự cân nhắc khi chấp bút cải biên, không nên đem danh tác của người đi trước ra đùa cợt hoặc nói

quá, thậm chí là làm trò cười, tránh đem nó ra để kiể m chác, trục lợi hoặc nhằ m thỏa mãn thị hiế u của một số ít người mà làm mấ t đi đạo đức nghệ thuật và nhân cách.

Làm như vậy, không chỉ phải giữ gìn ranh giới tô i thiếu của đạo đức nghệ thuật mà còn câ n phải có tinh thầ n gan dạ bảo vệ chân lý.

Vương Thạch

Viế t tại Thâm Quyế n